THERAVADĀ

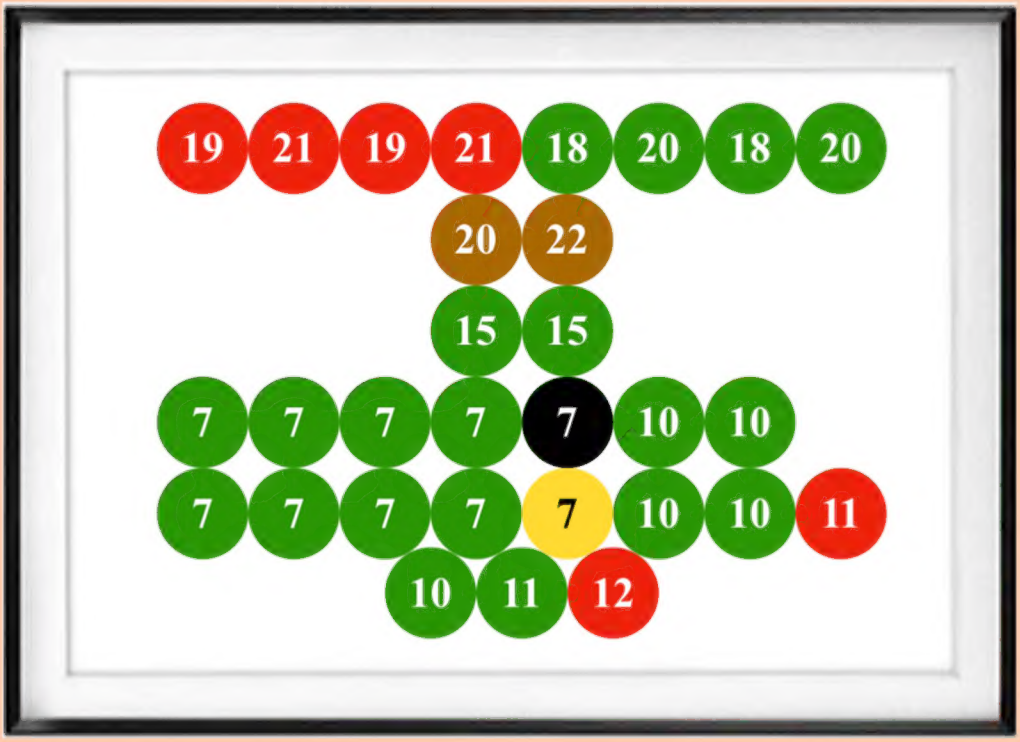

GIÁO TRÌNH

VI DIỆU PHÁP

SƠ ĐẲNG TẬP IV

Hòa thượng Tiến sĩ Bửu Chánh biên soạn
Nguyên Như biên tập

Lời nói đầu,

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahan cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

Những loài hữu tình được sanh ra trong ba cõi với thiên hình vạn trạng, khác nhau hết thảy về mọi mặt từ thân, khẩu cho đến ý. Trong thế gian, việc thuận lòng thì ít mà việc bất toại nguyện thì lại quá nhiều. Người thành công thì chẳng được bao nhiêu, mà người bất đắc chí thì hằng hà sa số. Vì sao sự thành công, thất bại, danh thơm, tiếng xấu, khen ngợi, chê bai, hạnh phúc và khổ đau của mỗi con người khác nhau? Làm sao chúng ta có thể thoát ra được cảnh trầm luân sanh tử?

Để lý giải những vấn đề trên, chúng ta không thể bỏ qua môn học Vi Diệu Pháp, một trong ba tạng thánh điển mà Đức Thế Tôn đã truyền lại cho hàng hậu bối chúng ta. Môn học nầy hết sức uyên thâm và khó hiểu, cho nên rất nhiều người đã bỏ cuộc.

Hoà Thượng Tiến Sĩ Bửu Chánh sau chuyến đi hoằng pháp tại Hoa Kỳ mùa đông năm 2019. Ngài đã về lại Việt Nam

và tập trung giảng dạy liên tục nhiều tháng liền tại Thiền Viện Phước Sơn trong mùa COVID, và quyển **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này do nhân duyên đó đã ra đời.

Hiểu được tạng Vi Diệu Pháp thì những kiến thức nhân sinh quan của chư vị sẽ được thay đổi rất nhiều. Quý vị sẽ không thấy Đạo Phật là một tôn giáo nữa mà thật ra đó là một khoa học tân tiến nhất của loài người. Sử dụng được những kiến thức Vi Diệu Pháp sẽ giúp đỡ cho quý vị rất nhiều trong pháp hành thiền Tứ Niệm Xứ. Có thể nói một cách khiêm tốn, quý vị đang từng bước đi trên con đường Bát Thánh Đạo.

Chúng con kính dâng món pháp bảo này đến Sư Phụ Bửu Chánh, đến Chư Tăng và Giáo hội Tăng Già cao quý.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023, Virginia

Lời tri ân,

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Bửu Chánh - Người đã biên soạn bài giảng trong bộ **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này,

Chúng con thành kính tri ân cô Tu nữ An Nhiên và quý cô Tu nữ đã gửi bài đánh máy đến chúng con. Chúng con kính tri ân Tina Nguyễn đã phụ với chúng con dò lại từng chi pháp và lỗi chính tả cũng như quý bạn đạo đã hết lòng ủng hộ tinh thần cũng như khuyến khích và nâng đỡ chúng con trong quá trình hoàn thành bộ sách.

Chúng con mong rằng sự đóng góp nhỏ bé này có thể giúp cho những vị có lòng muốn nghiên cứu về Tạng Luận có thể đến gần hơn với môn học Vi Diệu Pháp uyên thâm của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023, Virginia

Hồi hướng,

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc, trầm luân.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.
Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh.

Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đồng đều nhau cả thảy.

Những việc thiện lành do chúng con làm nơi đây tuy kẻ nhiều người ít, kẻ trước người sau, song về phần phước thiện thanh cao, tất cả chúng con nói chung, mỗi người

trong chúng con nói riêng phước thiện đồng đều nhau cả thảy.

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

SÁCH THAM KHẢO

* Bản Giải Siêu Lý Tiểu Học - Ngài Hoà Thượng Tịnh Sự
* Vi Diệu Pháp Nhập Môn - Ngài Hoà Thượng Giác Chánh
* Triết Học A Tỳ Đàm - Sư Giác Nguyên
* A manual of Abhidhamma (Abhidhamma Sangaha) - Narada Maha Thera
* A Comprehensive Manual of Abhidhamma - Bhikkhu Bodhi

ABHIDHAMMA

THỌ HỶ
THỌ XẢ
THỌ ƯU
THỌ KHỔ
THỌ LẠC

CITTA - TÂM VƯƠNG

54 TÂM DỤC GIỚI

12 TÂM BẤT THIỆN
→ THAM
→ SÂN
→ SI

18 TÂM VÔ NHÂN
→ QUẢ BẤT THIỆN
→ QUẢ THIỆN
→ DUY TÁC

24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO
→ THIỆN
→ QUẢ THIỆN HỮU NHÂN
→ DUY TÁC

15 TÂM SẮC GIỚI
Thông → THIỆN
→ QUẢ
Thông → DUY TÁC

12 TÂM VÔ SẮC GIỚI
→ THIỆN
→ QUẢ
→ DUY TÁC

40 TÂM SIÊU THẾ

ĐẠO
← SƠ ĐẠO → SOTĀPATTIMAGGACITTA (TU ĐÀ HƯỜN ĐẠO)
← NHỊ ĐẠO → SAKADĀGĀMIMAGGACITTA (TƯ ĐÀ HÀM ĐẠO)
← TAM ĐẠO → ANĀGĀMIMAGGACITTA (A NA HÀM ĐẠO)
← TỨ ĐẠO → ARAHATTAMAGGACITTA (A LA HÁN ĐẠO)

QUẢ
← SƠ QUẢ → SOTĀPATTIPHALACITTA (TU ĐÀ HƯỜN QUẢ)
← NHỊ QUẢ → SAKADĀGĀMIPHALACITTA (TƯ ĐÀ HÀM QUẢ)
← TAM QUẢ → ANĀGĀMIPHALACITTA (A NA HÀM QUẢ)
← TỨ QUẢ → ARAHATTAPHALACITTA (A LA HÁN QUẢ)

CETASIKA-TÂM SỞ

13 SỞ HỮU TỢ THA
7 SỞ HỮU BIẾN HÀNH: XÚC, THỌ, TƯỞNG, TƯ, NHẤT HÀNH, MẠNG QUYỀN, TÁC Ý
6 SỞ HỮU BIỆT CẢNH: TẦM, TỨ, THẮNG GIẢI, CẦN, HỶ, DỤC

14 SỞ HỮU BẤT THIỆN
SI PHẦN (4) (SỞ HỮU BẤT THIỆN BIẾN HÀNH): SI, VÔ TÀM, VÔ QUÝ, PHÓNG DẬT
THAM PHẦN (3): THAM, TÀ KIẾN, NGÃ MẠN
SÂN PHẦN (4): SÂN, TẬT, LẬN, HỐI
HÔN PHẦN (2): HÔN TRẦM, THỤY MIÊN
HOÀI NGHI (1): HOÀI NGHI

25 SỞ HỮU TỊNH HẢO
19 SỞ HỮU TỊNH HẢO BIẾN HÀNH: TÍN, NIỆM, TÀM, QUÝ, VÔ THAM, VÔ SÂN, HÀNH XẢ, TỊNH THÂN, TỊNH TÂM, KHINH THÂN, KHINH TÂM, NHU THÂN, NHU TÂM, THÍCH THÂN, THÍCH TÂM, THUẦN THÂN, THUẦN TÂM, CHÁNH THÂN, CHÁNH TÂM
TIẾT CHẾ (GIỚI PHẦN) (3): CHÁNH NGỮ, CHÁNH NGHIỆP, CHÁNH MẠNG
VÔ LƯỢNG PHẦN (2): BI, TÙY HỶ
TRÍ TUỆ (1): TRÍ TUỆ

RŪPA SẮC = 28 {12 SẮC THÔ + 16 SẮC TẾ}

TỨ ĐẠI: ĐỊA, THỦY, HỎA, PHONG → ĐẠI CHỦNG (SẮC TỨ ĐẠI)

24 SẮC Y ĐẠI SINH
TỊNH SẮC CĂN (5 SẮC THẦN KINH): NHÃN THẦN KINH, NHĨ THẦN KINH, TỶ THẦN KINH, THIỆT THẦN KINH, THÂN THẦN KINH
HÀNH CẢNH (4 SẮC CẢNH GIỚI): CẢNH SẮC, CẢNH THINH, CẢNH KHÍ, CẢNH VỊ
(2 SẮC TÍNH): TÍNH NAM, TÍNH NỮ
Ý VẬT, MẠNG CĂN, VẬT THỰC, HƯ KHÔNG
2 SẮC BIỂU TRI: THÂN BIỂU TRI, KHẨU BIỂU TRI
3 SẮC ĐẶC BIỆT: KHINH, NHU, THÍCH NGHIỆP
SẮC TỨ TƯỚNG: SINH, TIẾN, DI, DIỆT

NIBBĀNA
CHƠN ĐẾ VÔ VI

NĀMAPAÑÑATTI - DANH CHẾ ĐỊNH

DANH CHƠN | PHI DANH CHƠN | DANH CHƠN PHI DANH CHƠN | PHI DANH CHƠN DANH CHƠN | DANH CHƠN DANH CHƠN | PHI DANH CHƠN PHI DANH CHƠN

ATTHAPAÑÑATTI - NGHĨA CHẾ ĐỊNH

HÌNH THỨC | HIỆP THÀNH | CHÚNG SANH | THỜI GIAN | HƯ KHÔNG | PHƯƠNG HƯỚNG | HÌNH TƯỚNG

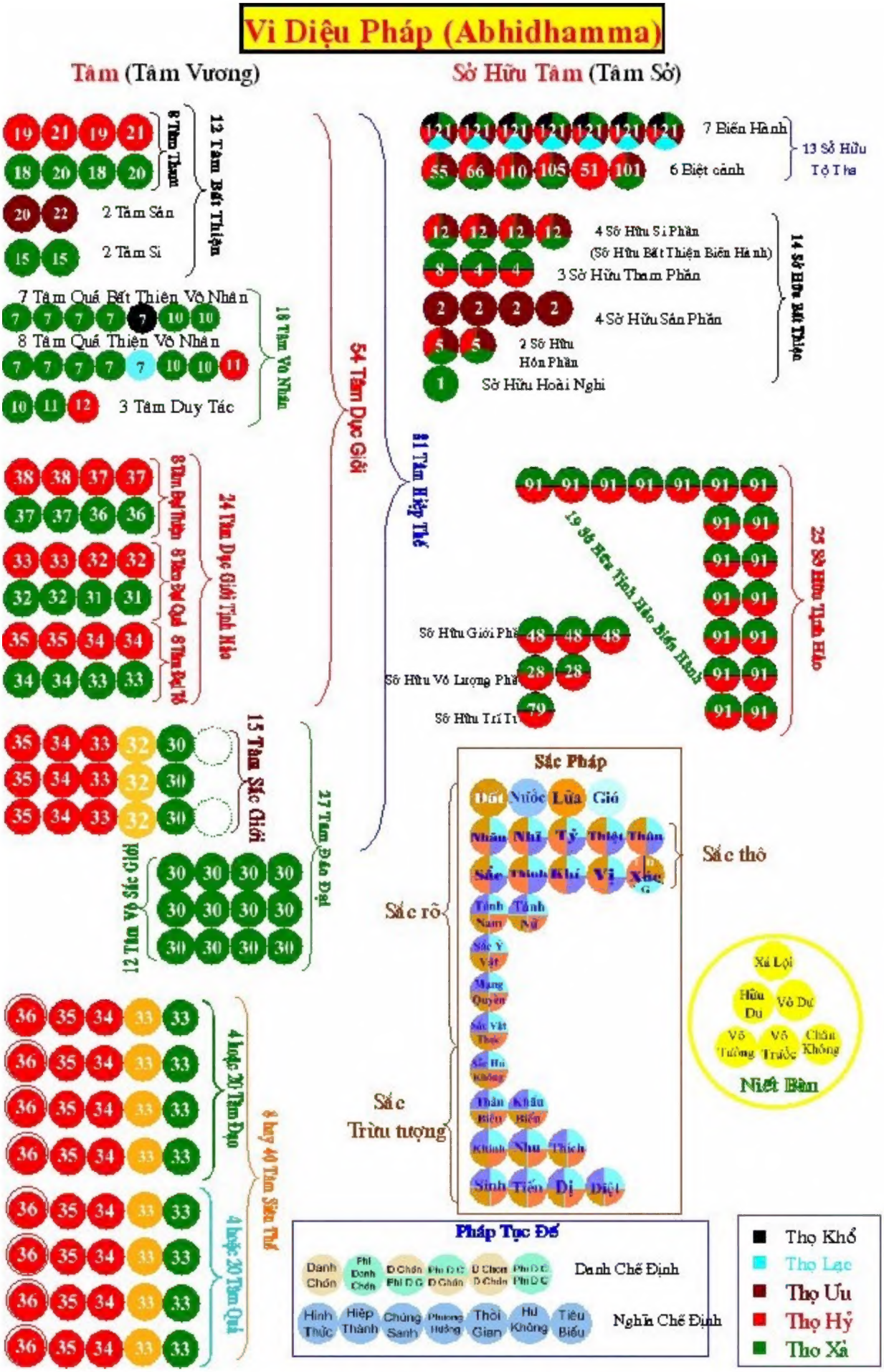
Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)
Tâm (Tâm Vương)
Sở Hữu Tâm (Tâm Sở)
12 Tâm Bất Thiện
8 Tâm Tham
2 Tâm Sân
2 Tâm Si
7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân
8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân
3 Tâm Duy Tác
18 Tâm Vô Nhân
54 Tâm Dục Giới
8 Tâm Đại Thiện
8 Tâm Đại Quả
8 Tâm Đại Duy Tác
24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo
15 Tâm Sắc Giới
12 Tâm Vô Sắc Giới
27 Tâm Đáo Đại
4 hoặc 20 Tâm Đạo
4 hoặc 20 Tâm Quả
8 hay 40 Tâm Siêu Thế
81 Tâm Hiệp Thế
7 Biến Hành
6 Biệt cảnh
13 Sở Hữu Tợ Tha
4 Sở Hữu Si Phần
(Sở Hữu Bất Thiện Biến Hành)
3 Sở Hữu Tham Phần
4 Sở Hữu Sân Phần
2 Sở Hữu Hôn Phần
Sở Hữu Hoài Nghi
14 Sở Hữu Bất Thiện
19 Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành
Sở Hữu Giới Phần
Sở Hữu Vô Lượng Phần
Sở Hữu Trí Tuệ
25 Sở Hữu Tịnh Hảo
Sắc Pháp
Đất
Nước
Lửa
Gió
Nhãn
Nhĩ
Tỷ
Thiệt
Thân
Sắc
Thinh
Khí
Vị
Xúc
Sắc thô
Tính Nam
Tính Nữ
Sắc Ý Vật
Mạng Quyền
Sắc Vật Thực
Sắc Hư Không
Thân Biểu Biến
Khẩu Biểu Biến
Khinh
Nhu
Thích
Sinh
Tiến
Dị
Diệt
Sắc rõ
Sắc Trừu tượng
Xá Lợi
Hữu Dư
Vô Dư
Vô Tướng
Vô Tướng
Chân Không
Niết Bàn
Pháp Tục Đế
Danh Chế Định
Nghĩa Chế Định
Danh
Chốn
Phi Danh Chốn
Hình Thức
Hiệp Thành
Chúng Sanh
Phương Hướng
Thời Gian
Hư Không
Tiêu Biểu
Thọ Khổ
Thọ Lạc
Thọ Ưu
Thọ Hỷ
Thọ Xả

ABHIDHAMMA

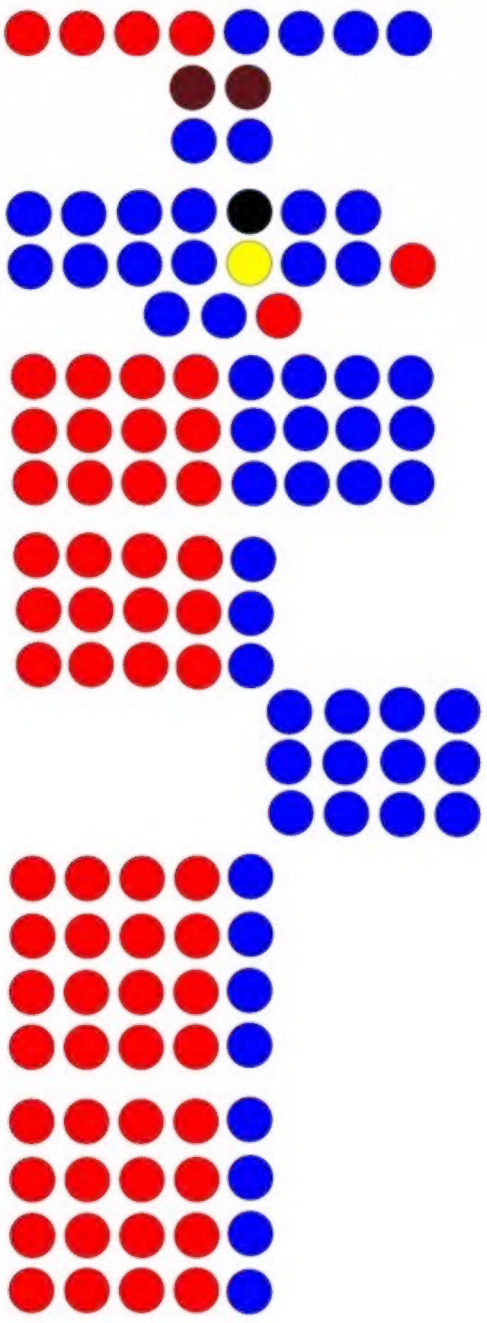

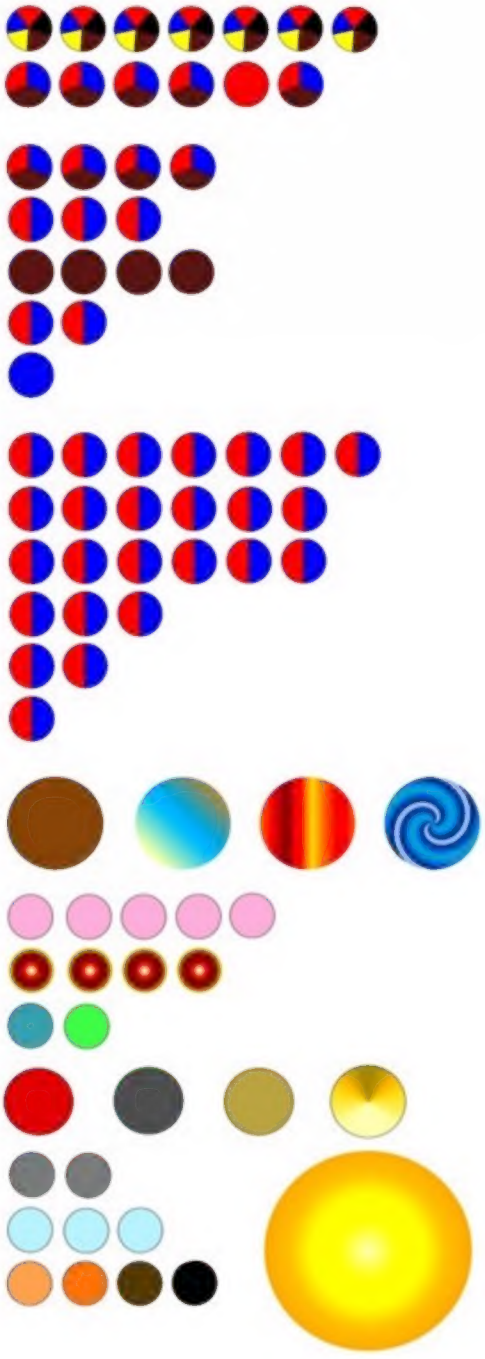

Created by: Bhikkhu Tịnh Sự

Computer Design by: Jean Dan 04/04/2000

CHƯƠNG I
(BÀI 25)

TỨ LẬU
(TỨ TRẦM)

I. Phân tích chi pháp

Lậu là rỉ ra, lọt, thấm, nhỏ, dột, ô nhiễm, phiền não. Lậu ở đây ám chỉ là lậu hoặc, phiền não. Trầm tức là trầm luân, chìm đắm, lặn hụp. Tứ lậu hay tứ trầm là:

1. **Dục lậu** – dục trầm
2. **Hữu lậu** – hữu trầm
3. **Kiến lậu** – kiến trầm
4. **Vô minh lậu** – vô minh trầm

II. Phân tích chi pháp

1. **Dục lậu** – dục trầm: là lòng luyến ái ngũ trần quá sâu đậm, say mê, chìm đắm trong lục dục (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp) vì vậy đưa chúng sinh đắm chìm trong vòng luân hồi sinh tử.

Dục lậu hay dục trầm là sở hữu tham.

2. **Hữu lậu** – hũ trầm: là lòng tham ái những cảnh giới tương lai, mong muốn đời sau

được hưởng ngũ dục, mong muốn tái sanh vào cõi sắc giới, vô sắc giới.

Hữu lậu – hữu trầm là sở hữu tham.

3. **Kiến lậu** – kiến trầm: là sự chìm ngâm trong sự chấp sai có quan kiến sai lầm có sự hiểu biết trái với sự thật.

Kiến lậu – kiến trầm là sở hữu tà kiến.

4. **Vô minh lậu** – vô minh trầm: là lòng si mê thiếu sáng suốt, không thấy rõ nhân quá khứ tạo quả hiện tại, nhân hiện tại quả tương lai, không thấy rõ vòng luân hồi sinh tử…

Vô minh lậu - vô minh trầm là sở hữu si.

III. Kết luận:

Bốn pháp này luôn luôn ướp nhộm chúng sanh, ngâm tẩm chúng sanh theo thói quen trong đời, như gỗ ngâm trong ao nước nên

gọi là tứ trầm bốn pháp chìm đắm hay gọi là tứ lậu, lậu hoặc phiền não

==***==

Hết bài số 25
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 26/03/2020 (3/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG II

SƠ ĐỒ TỨ LẬU (TỨ TRẦM)

PHÂN TÍCH CHI PHÁP

1. **Dục lậu – dục trầm:** là sở hữu tham.

DỤC LẬU

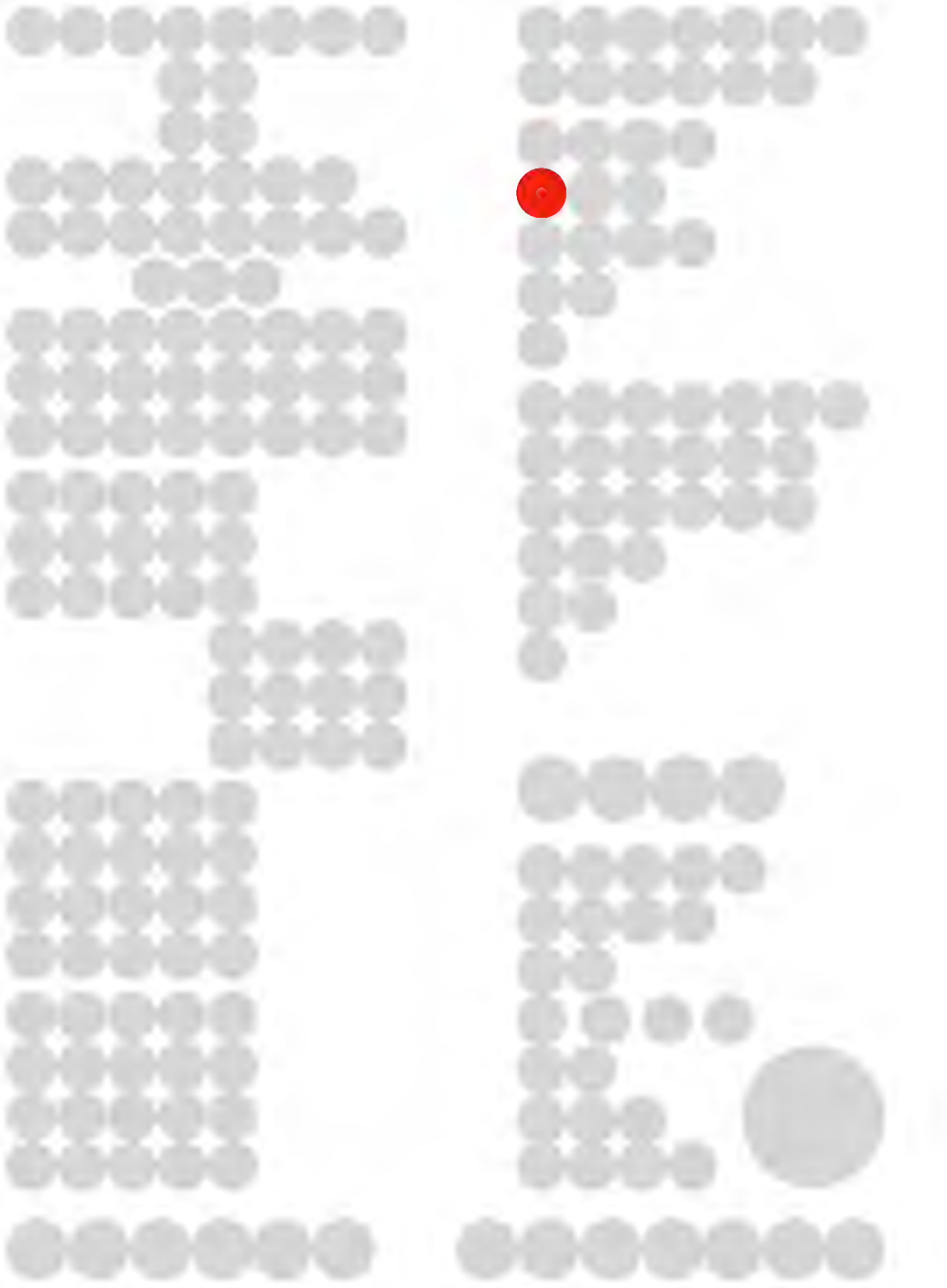

2. **Hữu lậu – hữu trầm:** là sở hữu tham.

HỮU LẬU

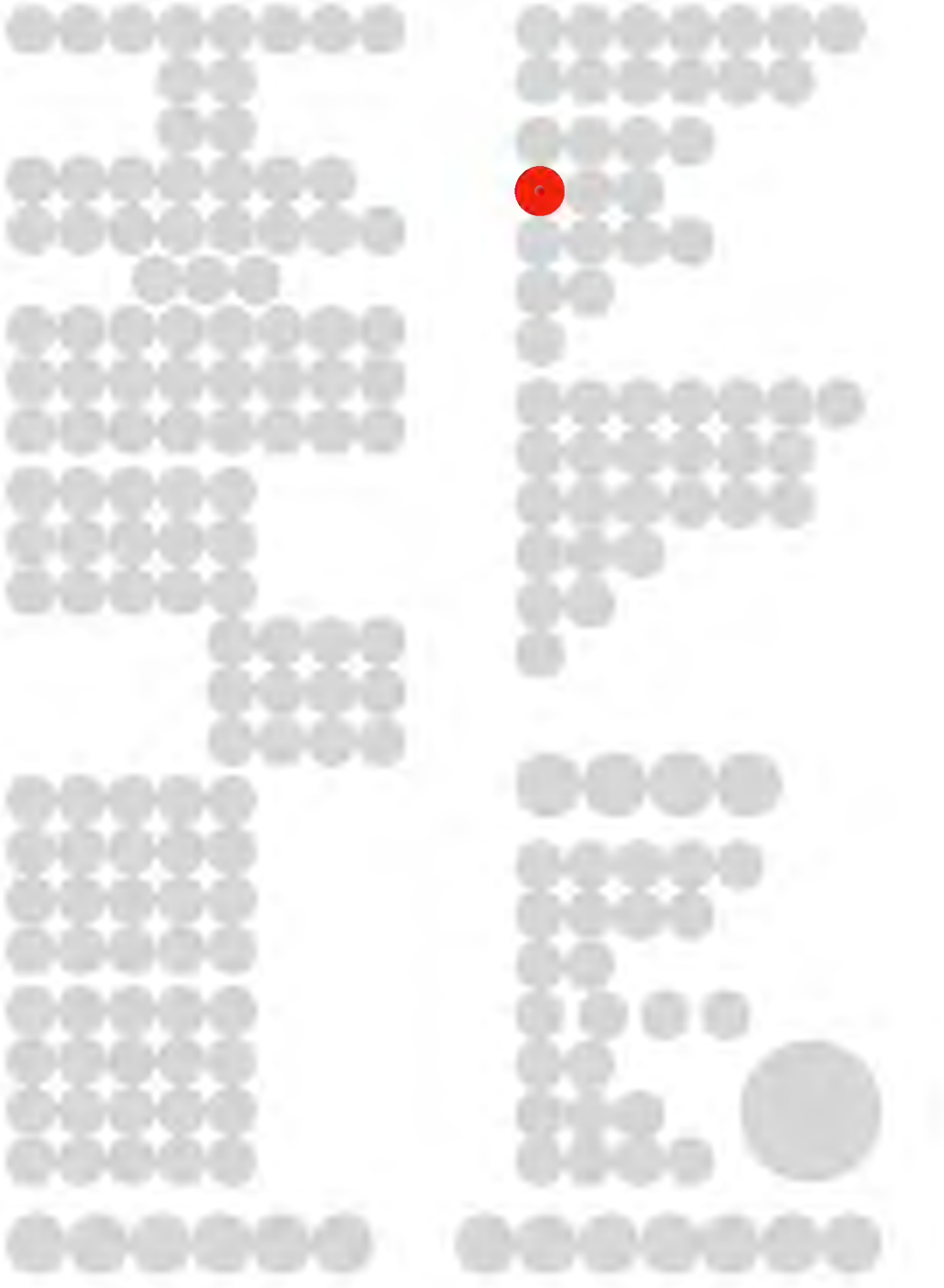

3. **Kiến lậu – kiến trầm:** là sở hữu tà kiến.

KIẾN LẬU

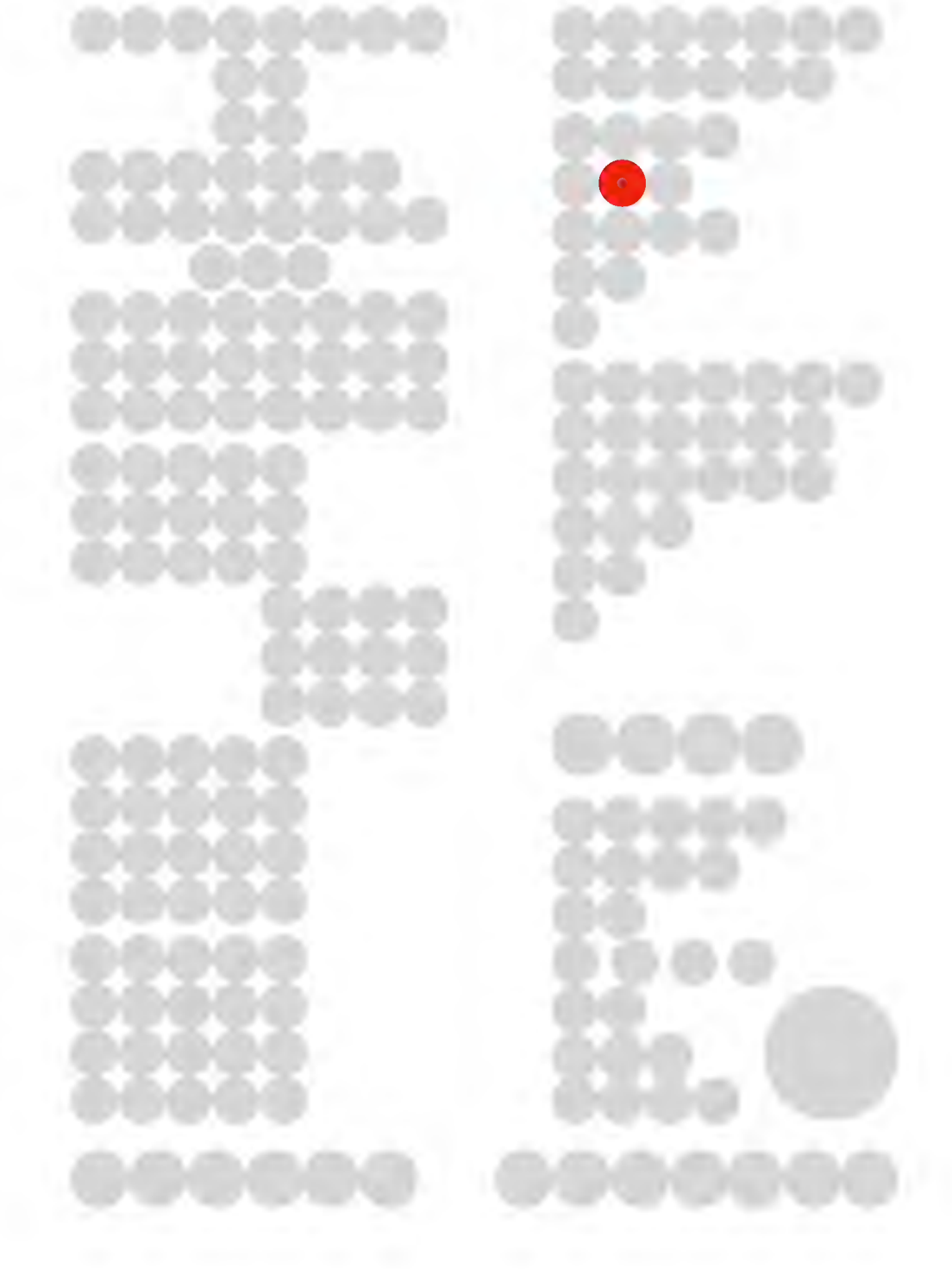

4. **Vô minh lậu – vô minh trầm:** là sở hữu si.

VÔ MINH LẬU

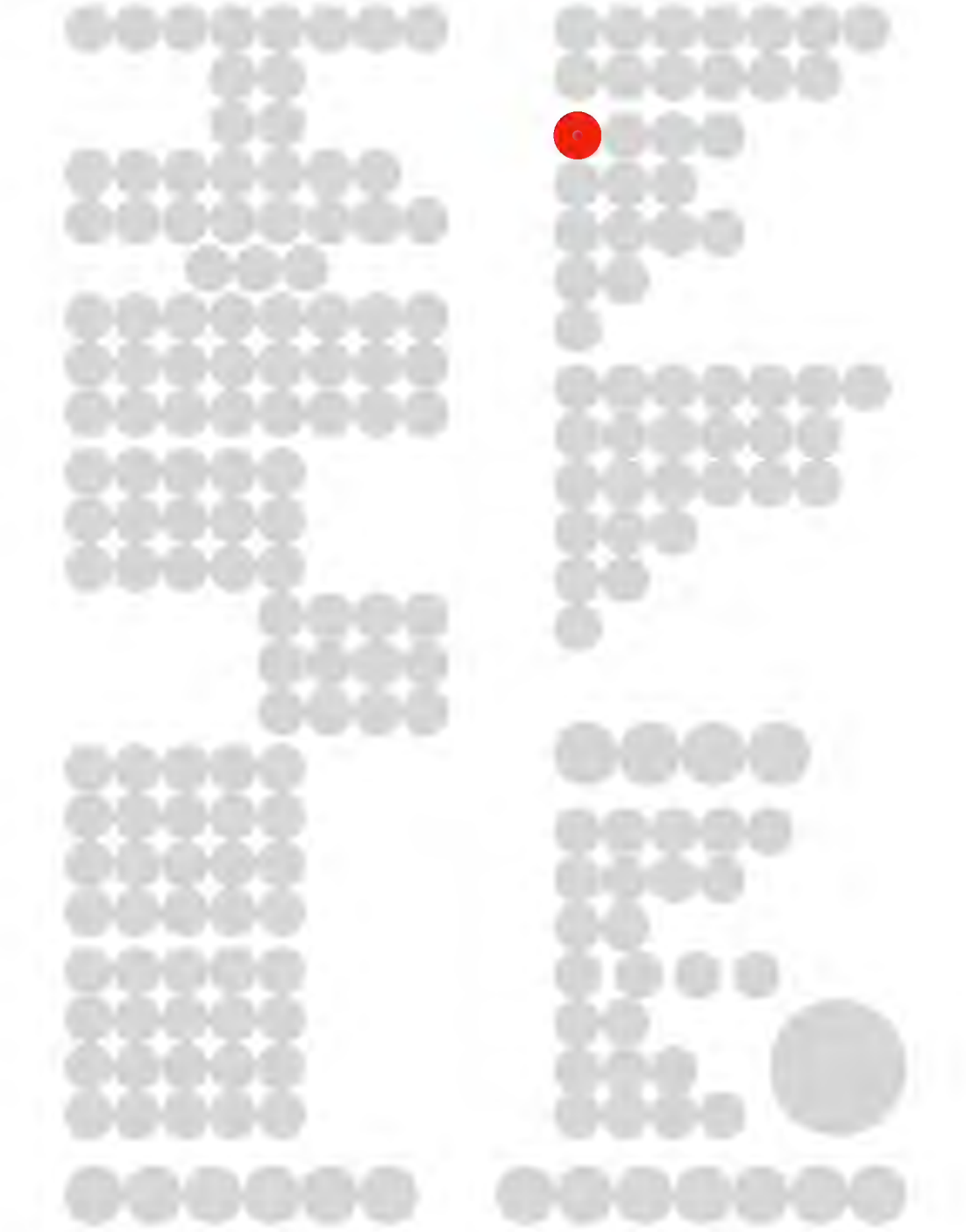

CHƯƠNG III
(BÀI 26)

TỨ BỘC

I. Định nghĩa:

Bộc là bạo là cuốn trôi. Tứ bộc là 4 pháp lôi cuốn chúng sanh mãi trôi nỗi trong bể khổ tam giới. Trầm tức là chìm đắm. Bộc tức là bị cuốn trôi. Tứ bộc là: dục bộc, hữu bộc, kiến bộc, vô minh bộc.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Dục bộc:** là sở hữu tham.
2. **Hữu bộc:** là sở hữu tham trong tâm tham ly tà.
3. **Kiến bộc:** là sở hữu tà kiến (thường kiến, đoạn kiến, thân kiến)
4. **Vô minh bộc:** là sở hữu si.

III. Kết luận:

Tham, tà kiến và si giữ vai trò cuốn trôi chúng sanh theo dòng sinh tử luân hồi như một dòng nước chảy xiết. Người nào chấp nhận có tham, tà kiến và si cũng đồng nghĩa là chấp nhận bị cuối trôi theo dòng luân hồi sinh tử. Chỉ có con

đường duy nhất thực hành pháp môn Tứ Niệm Xứ mới thoát khỏi những cơn lũ lụt mạnh bạo này.

==***==

Hết bài số 26
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 27/03/2020 (4/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG IV

SƠ ĐỒ TỨ BỘC

PHÂN TÍCH CHI PHÁP

1. **Dục bộc:** là sở hữu tham.

DỤC BỘC

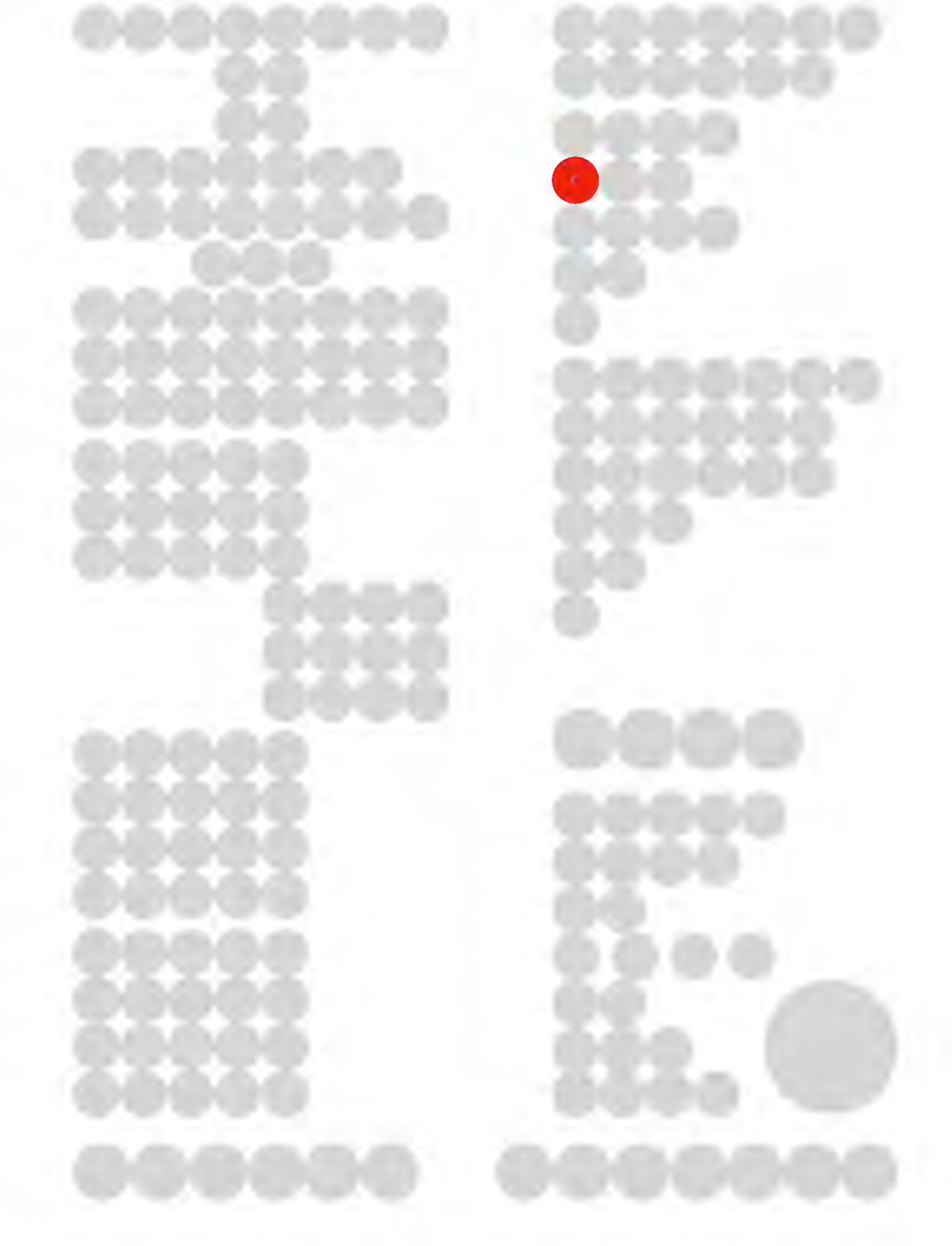

2. **Hữu bộc:** là sở hữu tham

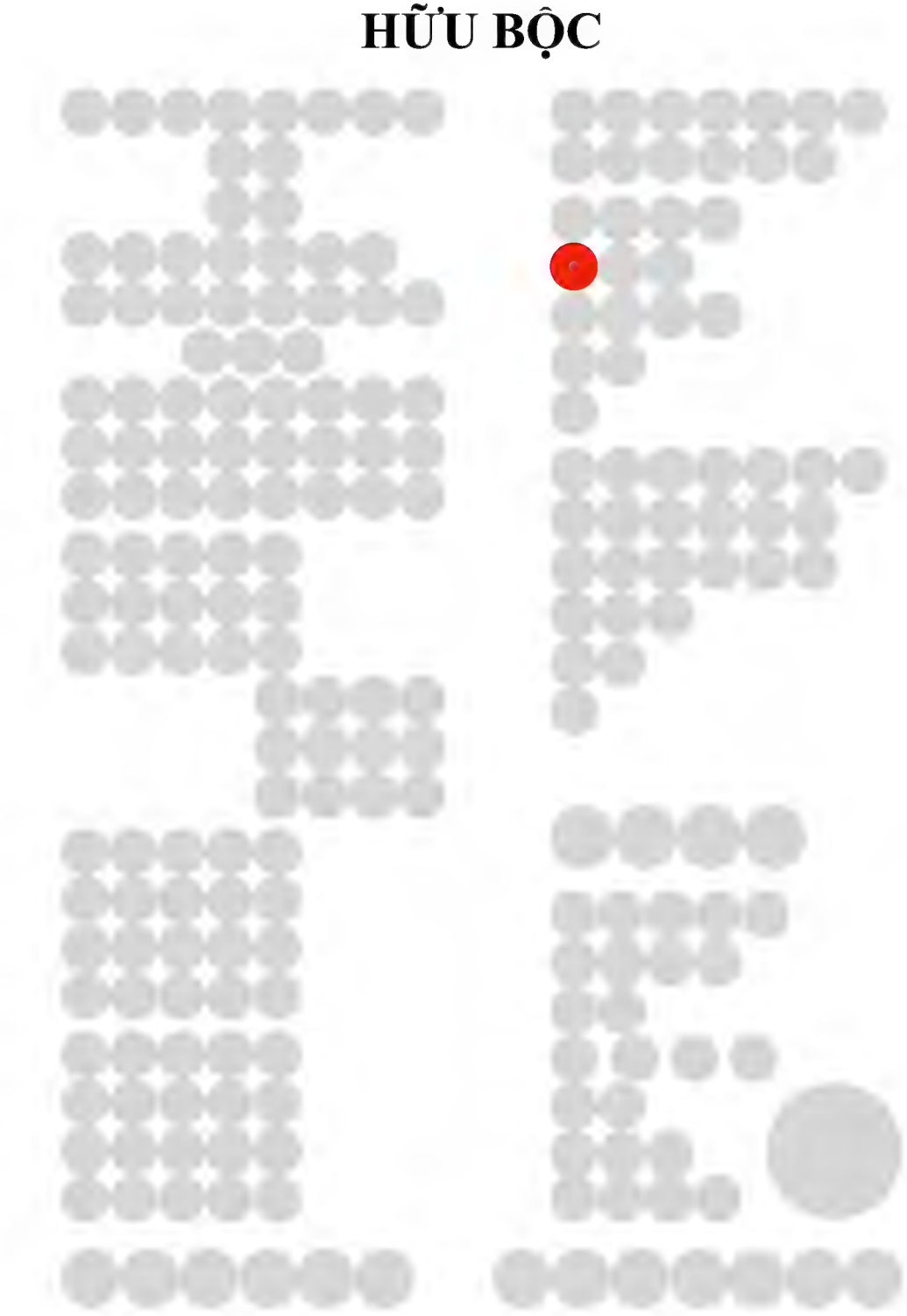

3. **Kiến bộc:** là sở hữu tà kiến (thường kiến, đoạn kiến, thân kiến).

KIẾN BỘC

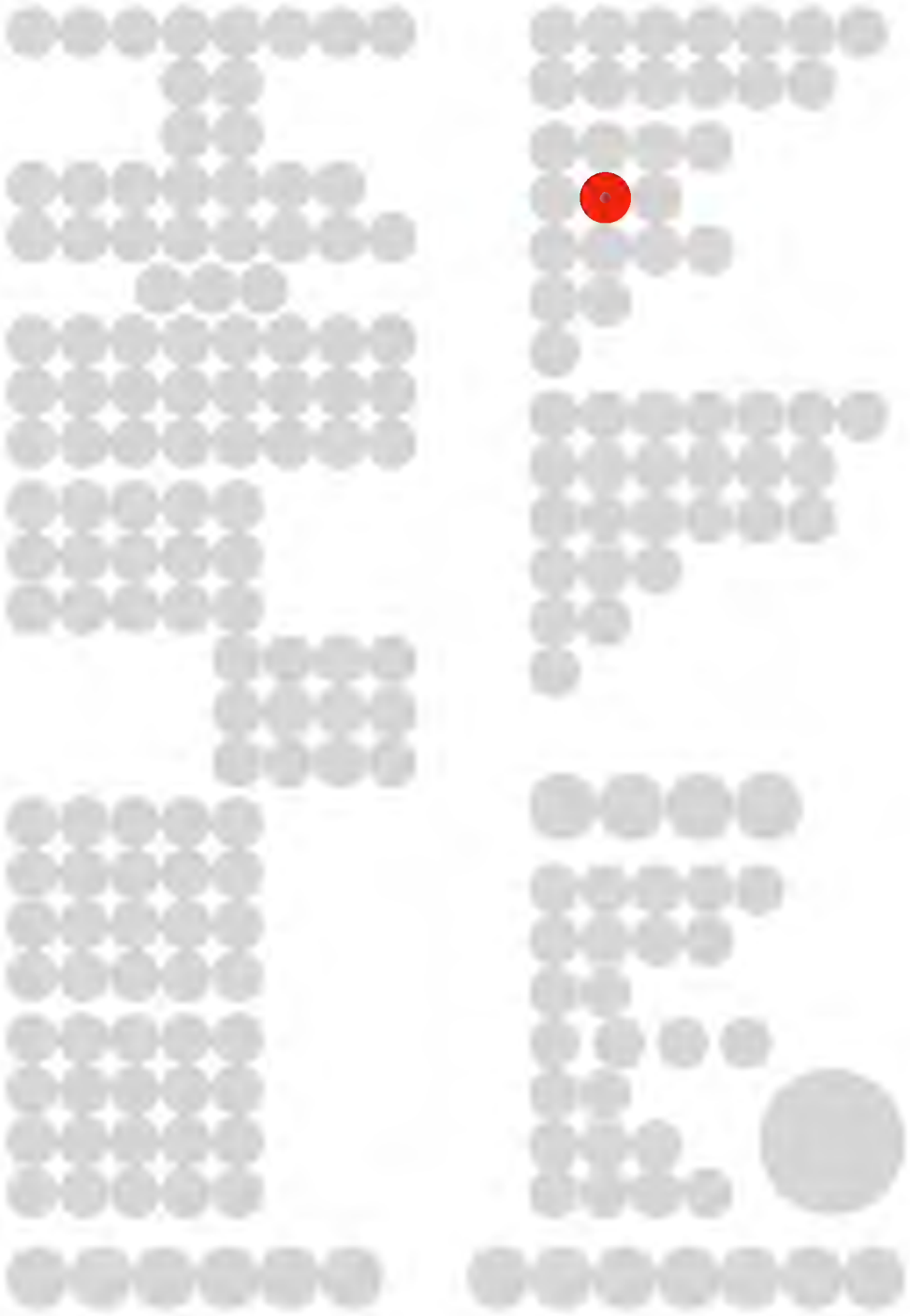

4. **Vô minh bộc:** là sở hữu si.

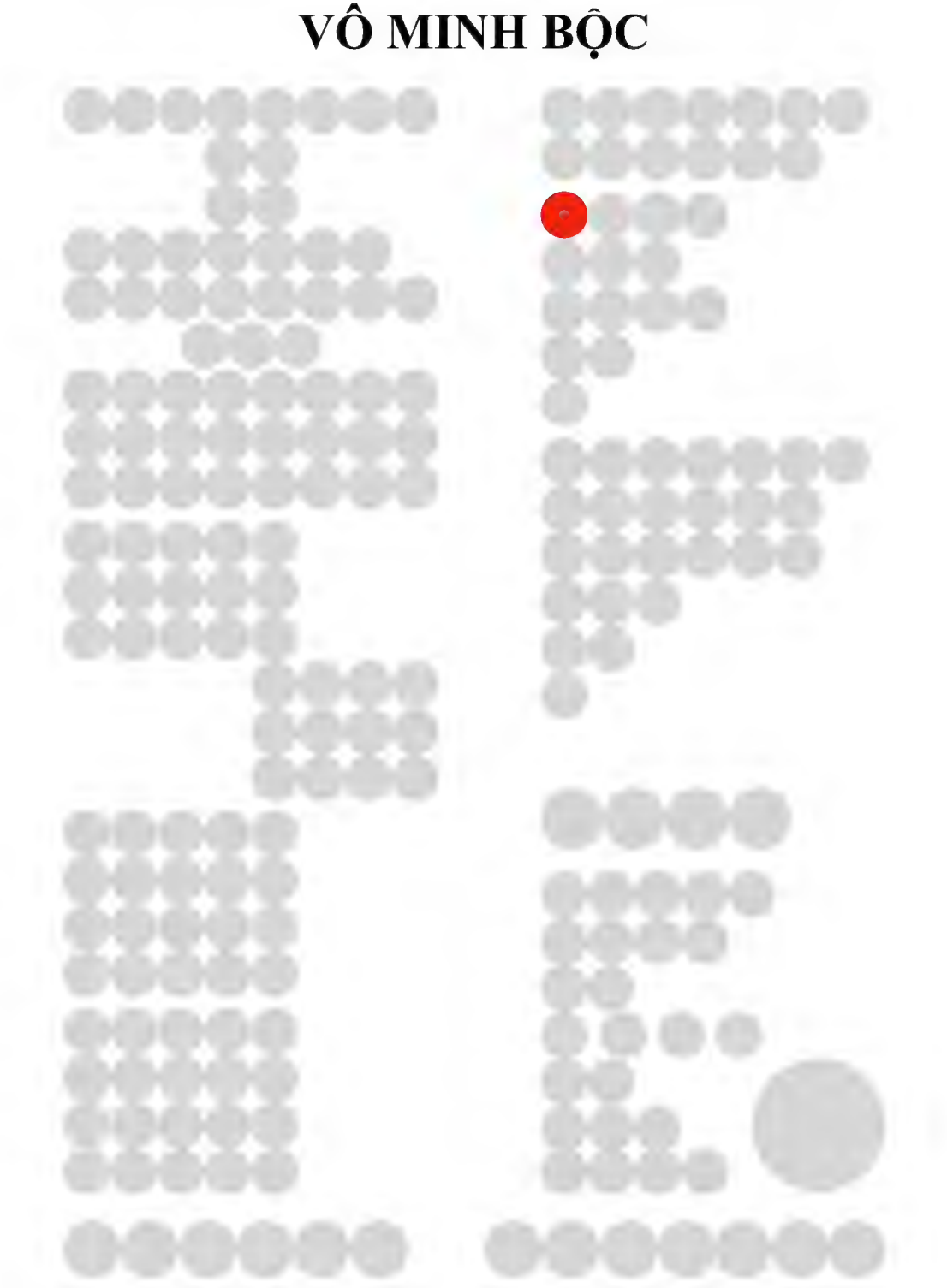

CHƯƠNG V
(BÀI 27)

TỨ KẾT
(TỨ PHỐI)

I. Định nghĩa:

Kết tức là kết dính, trói buộc. Tứ kết là 4 pháp trói buộc chúng sanh dính mắc trong vòng sinh tử luân hồi. Tứ kết là dục kết, hữu kết, kiến kết, vô minh kết.

II. Phân tích chi pháp:

1. Dục kết: là sở hữu tham.
2. Hữu kết: là sở hữu tham.
3. Kiến kết: là sở hữu tà kiến.
4. Vô minh kết: là sở hữu si.

III. Kết luận:

Tứ kết trói buộc chúng sanh dính mắc trong vòng sinh tử luân hồi không cho thoát ra được. Muốn thoát khỏi tứ kết phải thực hành Tứ Niệm Xứ để thoát khỏi những tâm bất thiện.

==***==

Hết bài số 27
HT. Bửu Chánh biên soạn

Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 27/03/2020 (4/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VI

SƠ ĐỒ TỨ KẾT
(TỨ PHỐI)

Phân tích chi pháp

1. **Dục kết:** là sở hữu tham.

DỤC KẾT

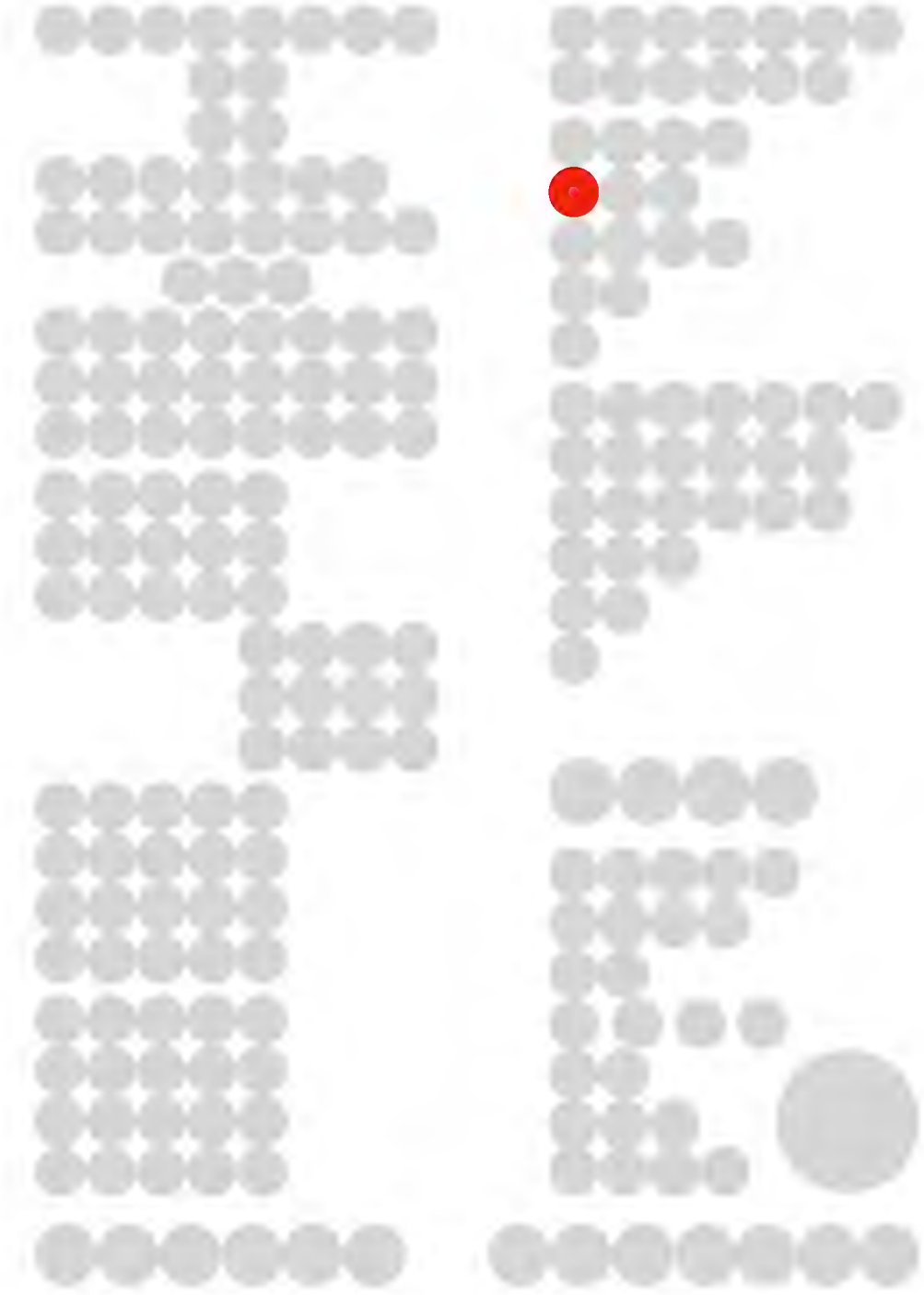

2. **Hữu kết:** là sở hữu tham.

HỮU KẾT

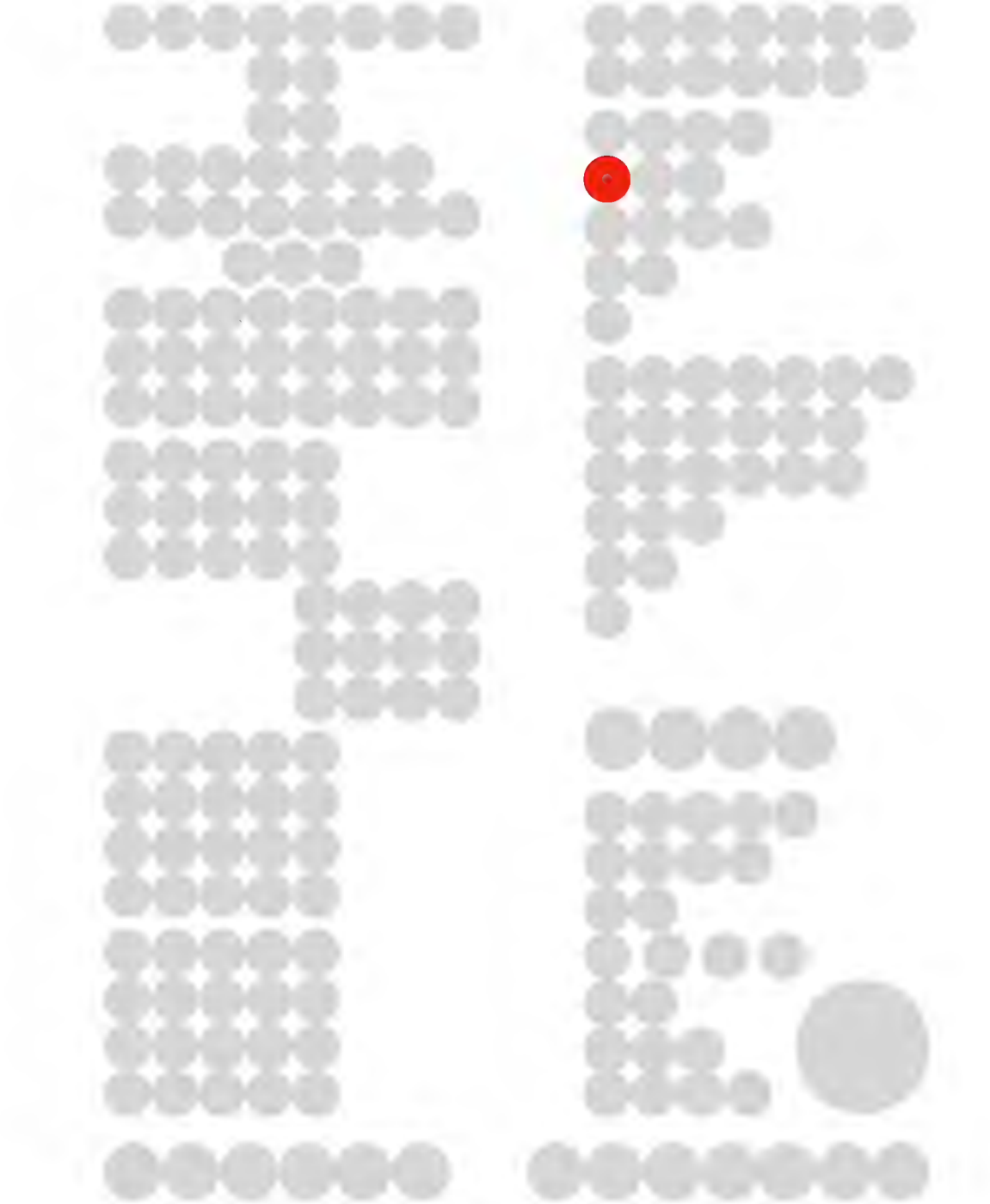

3. **Kiến kết:** là sở hữu tà kiến.

KIẾN KẾT

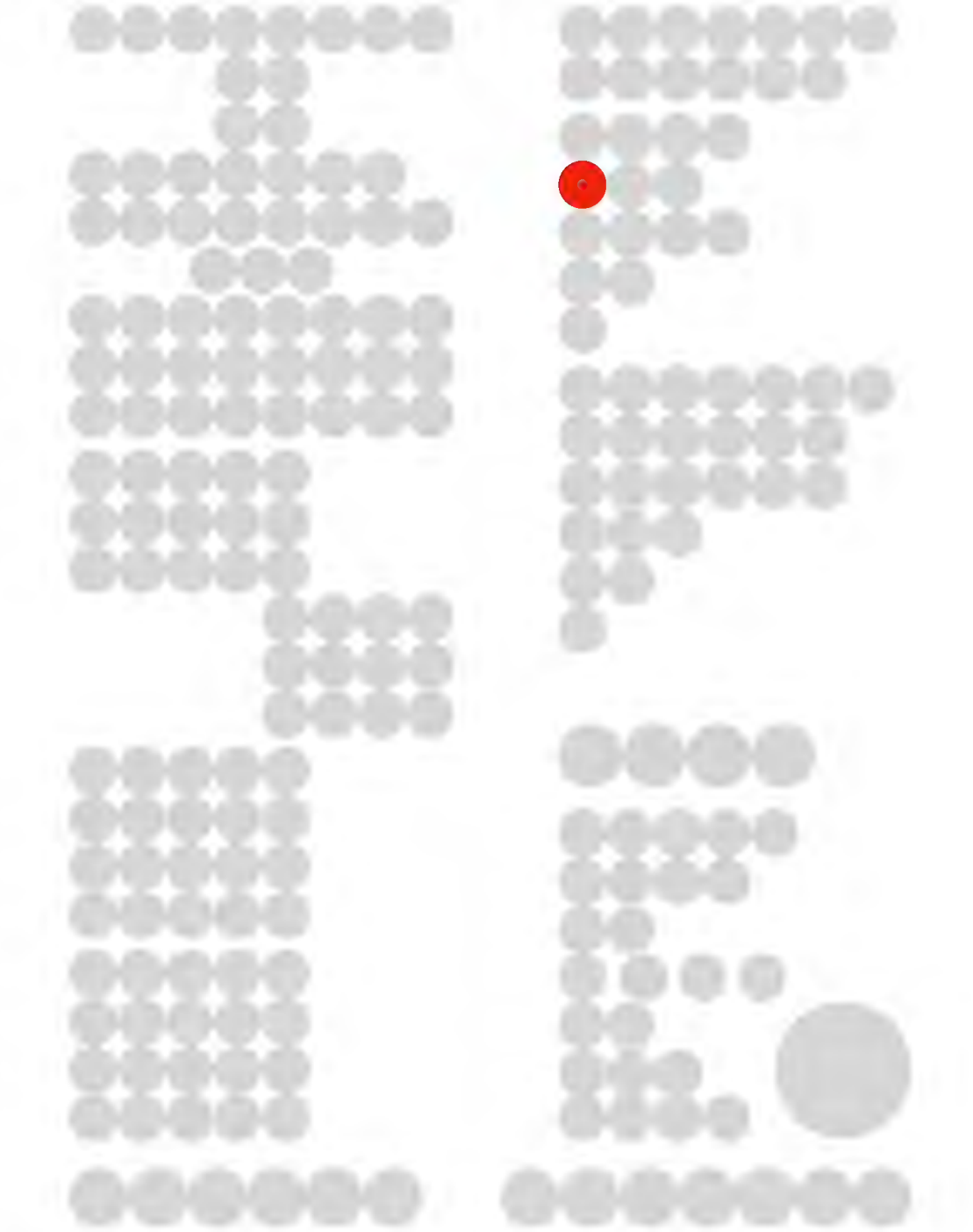

4. **Vô minh kết:** là sở hữu si.

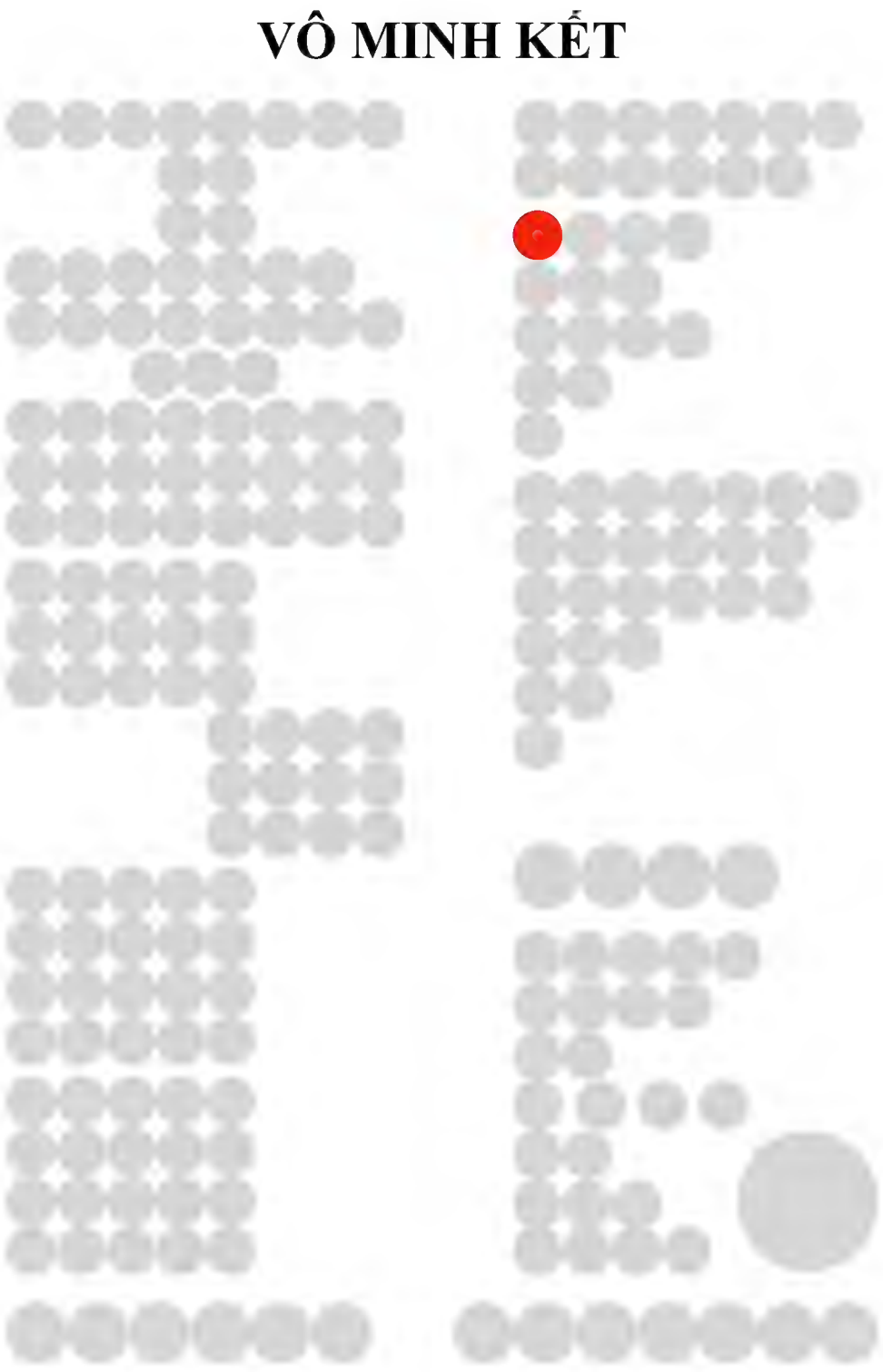

CHƯƠNG VII
(BÀI 28)

TỨ PHƯỢC

I. Định nghĩa:

Là 4 pháp ràng buộc, trói buộc thân không rời ra hoặc không thể dứt bỏ được.

Tứ phược là: Tham ái thân phược, sân độc thân phược, giới thủ thân phược, ngã kiến thân phược.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Tham ái thân phược:** là lòng ham muốn thái quá nặng nề nên không thể rời ra hay dứt bỏ được.
   Chi pháp là sở hữu tham.

2. **Sân độc thân phược:** là lòng sân hận độc ác quá nặng nên trói buộc thân tâm không thể xa lìa hay giải thoát được.
   Chi pháp là sở hữu sân.
   Vua Asoka vì oán hận vị quan đại thần ngăn cản việc bố thí của mình nên sau khi chết sanh làm rắn để cắn chết vị quan đại thần.

3. **Giới thủ thân phược:** là chấp giữ theo tục lệ cúng tế hoặc giữ gìn theo những giới ngoại đạo hoặc các hình thức khổ hạnh khác.
   Chi pháp là sở hữu tà kiến.

4. **Ngã kiến thân phược:** là chấp giữ bản ngã quá nặng nên bị cột trói cả thân tâm. Người bị ngã kiến thân phượt rồi thì không bao giờ chịu cầu tiến.
   Chi pháp là sở hữu tà kiến.

III. Kết luận:

Tham ái, sân hận, tà kiến là 3 sở hữu bất thiện trong số 13 sở hữu bất thiện. 3 pháp bất thiện này trói buộc thân tâm không cho giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi. Chỉ có con đường duy nhất là thực hành Tứ Niệm Xứ mới thoát khỏi tứ phược này. Khi chánh niệm xuất hiện thì đồng loạt các thiện pháp cùng xuất hiện, cũng có nghĩa là những pháp bất thiện không thể đồng sanh trong lúc đó.

==***==

Hết bài số 28
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 27/03/2020 (4/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VIII

SƠ ĐỒ TỨ PHƯỢC

1. **Tham ái thân phược**: là lòng ham muốn thái quá nặng nề nên không thể rời ra hay dứt bỏ được. Chi pháp là sở hữu tham.

THAM ÁI THÂN PHƯỢC

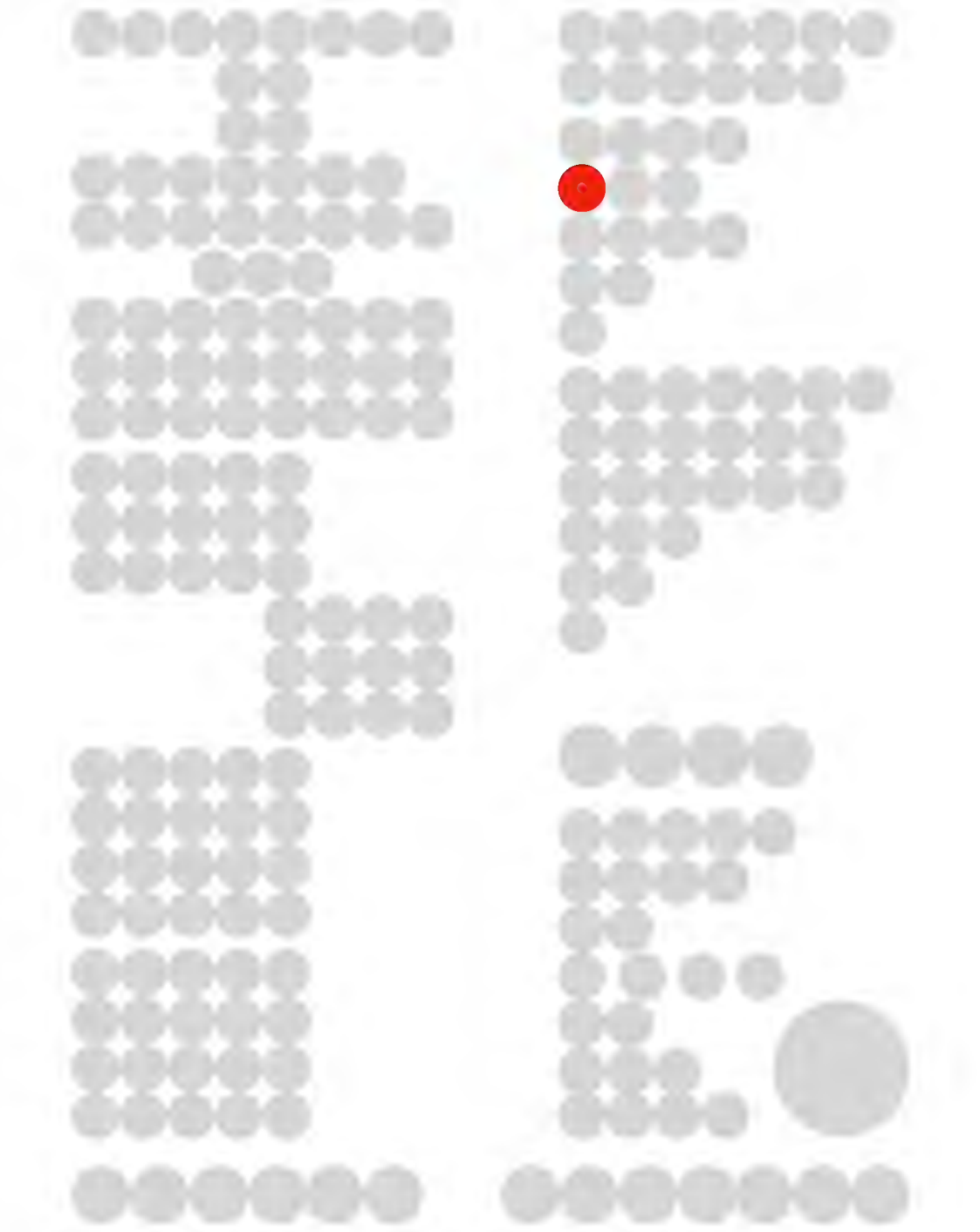

2. **Sân độc thân phược:** là lòng sân hận độc ác quá nặng nên trói buộc thân tâm không thể xa lìa hay giải thoát được. Chi pháp là sở hữu sân.

SÂN ĐỘC THÂN PHƯỢC

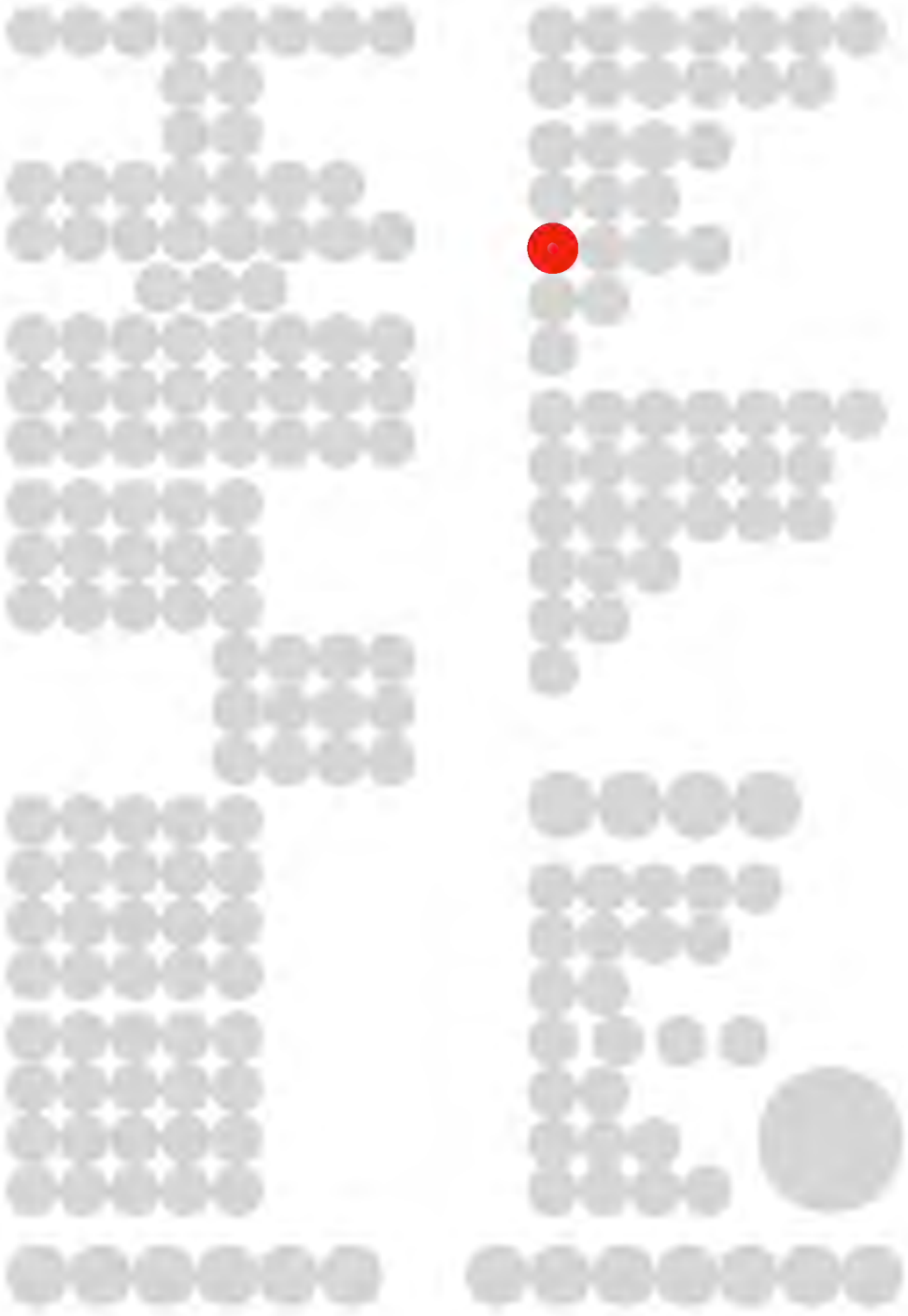

3. **Giới thủ thân phược:** là chấp giữ theo tục lệ cúng tế hoặc giữ gìn theo những giới ngoại đạo hoặc các hình thức khổ hạnh khác. Chi pháp là sở hữu tà kiến.

GIỚI THỦ THÂN PHƯỢC

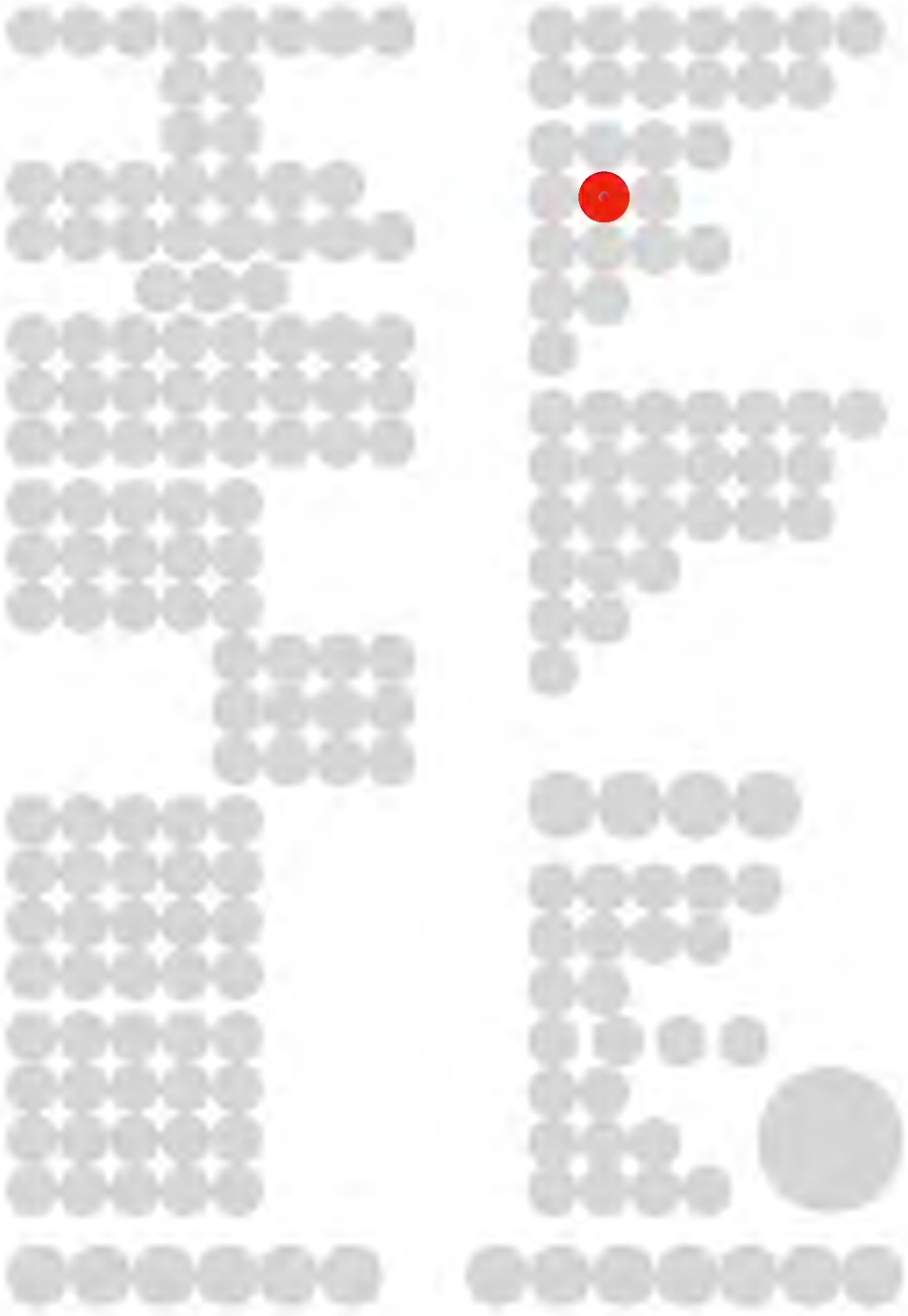

4. **Ngã kiến thân phược:** là chấp giữ bản ngã quá nặng nên bị cột trói cả thân tâm. Người bị ngã kiến thân phượt rồi thì không bao giờ chịu cầu tiến. Chi pháp là sở hữu tà kiến.

NGÃ KIẾN THÂN PHƯỢC

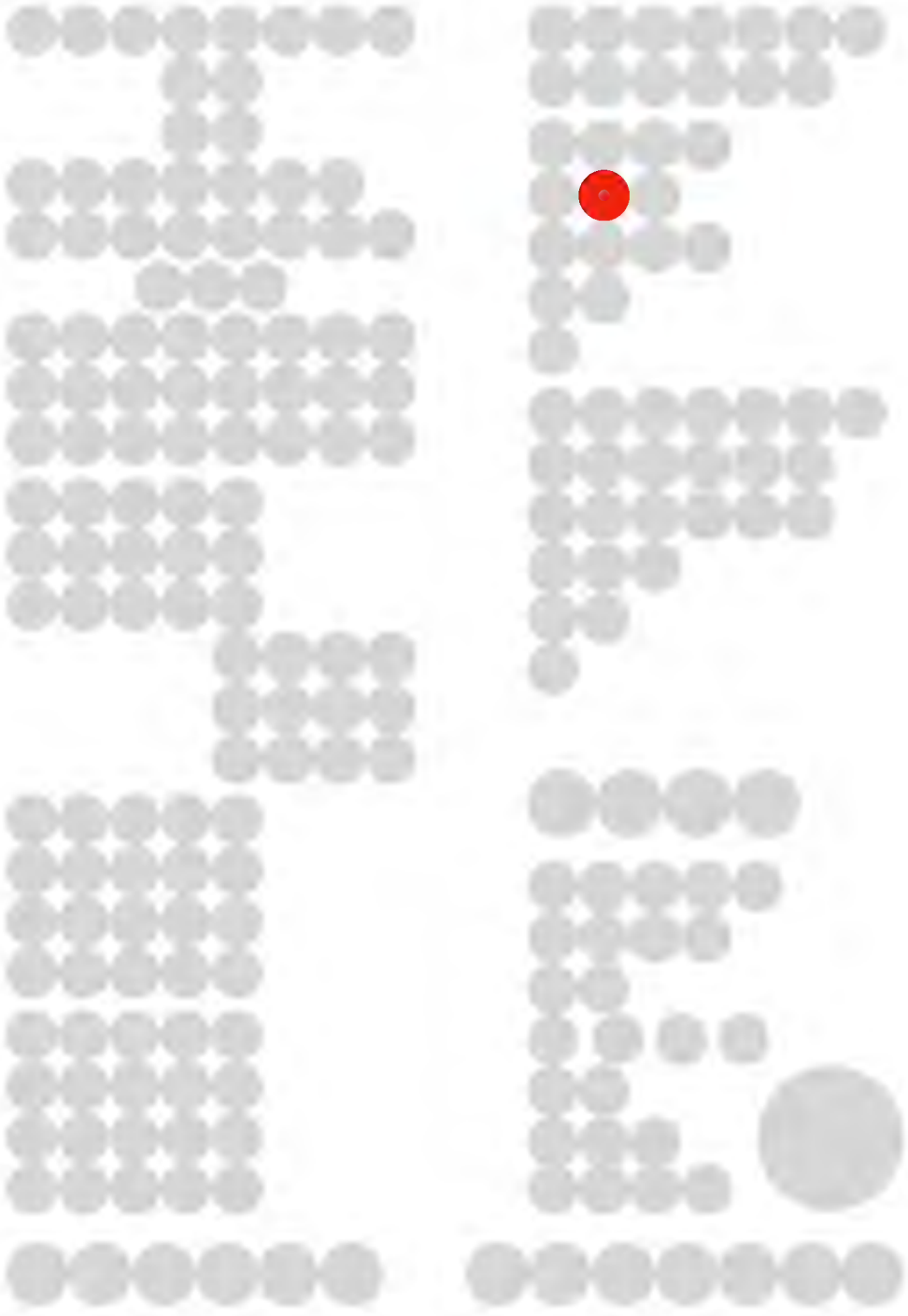

CHƯƠNG IX
(BÀI 29)

TỨ THỦ

I. Định nghĩa:

Thủ là nắm giữ, chấp thủ (lấy, cầm, chọn lấy, tìm lấy, giữ lấy…). Thủ còn có nghĩa quan trọng là ái nặng, quá luyến ái. Tứ thủ là: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã chấp thủ.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Dục thủ:** là lòng ham muốn ngũ trần quá thiế quá khắn khít, quá thiết tha, quá nặng như chất keo làm cho hia mảng ván dính liền nhau.
   Dục thủ là sở hữu tham.

2. **Kiến thủ:** là chấp kiến theo quan niệm sai lầm. Kiến ở đây là tà kiến (xem thêm kinh phạm võng 62 tà kiến Trường Bộ Kinh). Kiến thủ là sở hữu tà kiến.

3. **Giới cấm thủ:** là chấp cứng vào các tục lệ, giới cấm không đúng theo Phật giáo, nhất là các giới cấm của các ngoại đạo trong thời Đức Phật. Giới cấm thủ là sở hữu tà kiến.

4. **Ngã chấp thủ:** chấp cứng vào bản ngã quá nặng nên bị cột trói cả thân tâm, chấp rằng có linh hồn, có tự ngã trường tồn bất biến. Ngã chấp thủ là sở hữu tà kiến. Ngã chấp thủ có 20 cách:

a. **Sắc uẩn:** có 4 cách nhận thức sai lầm.

- Thấy rằng sắc uẩn là ta (sắc uẩn và tự ngã là một), ví dụ như cho rằng tôi mập, tôi ốm…

- Nhận thấy ta có sắc uẩn, ví dụ như cho rằng lúc này tôi có da thịt…

- Nhận thấy sắc uẩn ở trong ta, ví dụ như cho rằng tôi làm chủ thân này được quyền sai khiến sự hành động theo ý muốn như đi, đứng, nằm, ngồi…

- Nhận thấy ta có trong sắc uẩn, ví dụ như cho rằng tôi nương thân này để sống, làm việc, học tập…

b. **Thọ uẩn:** có 4 cách nhận thức sai lầm.

- Nhận thấy thọ uẩn là ta, ví dụ như cho rằng tôi đau khổ, tôi sung sướng, tôi buồn, tôi vui, tôi thản nhiên, tôi khó chịu…

- Nhận thấy ta có thọ uẩn, ví dụ như cho rằng tôi có bệnh đau nhứt, tôi có sự vui lòng, tôi có sự hoan hỷ…

- Nhận thấy thọ uẩn trong ta, ví dụ như cho rằng trong đời này, trong thân tâm này vẫn chấp chứa đủ các sự khổ, sự vui.

- Nhận thấy ta trong thọ uẩn, ví dụ như cho rằng tôi phải chịu đủ đau khổ, sung sướng, vui buồn…

c. **Tưởng uẩn:** có 4 cách nhận thức sai lầm.

- Nhận thấy tưởng uẩn là ta, ví dụ như nói tôi nhớ nhà, tôi nhớ chùa…

- Nhân thấy ta có tưởng uẩn, ví dụ như cho rằng tôi thường có tưởng nhớ anh em…

- Nhận thấy tưởng uẩn trong ta, ví dụ như người tưởng tượng nhơn, cảnh, vật xuất hiện hoài hoài

- Nhận thấy ta trong tưởng uẩn, ví dụ như nói đêm khuya nghe tiếng sao thổi nhớ về xứ sở quê hương bùi ngùi không thể dằn được, dường như nó có quyền hơn ta.

d. **Hành uẩn:** có 4 cách nhận thức sai lầm.

- Nhận thấy hành uẩn là ta, ví dụ như nói tôi thông minh lắm, tôi học ngu quá…

- Nhận thấy ta có hành uẩn, ví dụ như nói tôi là người có trí không đụng tôi được đâu.

- Nhận thấy hành uẩn trong ta, ví dụ như nói tâm tốt tâm xấu gì cũng tại mình.

- Nhận thấy ta trong hành uẩn, ví dụ như nói ta như vô minh trùm che, khuất lấp nên tối tăm không thấy gì cả.

e. **Thức uẩn:** có 4 cách sai lầm.

- Nhận thấy thức uẩn là ta, ví dụ như nói tôi biết…

- Nhận thấy ta có thức uẩn, ví dụ như nói tôi có cách biết trái cây chín, sống như thế nào…

- Nhận thấy thức uẩn trong ta, ví dụ như nói những sắc, thinh, khí, vị nào tôi để ý mới thấy biết, nghe biết…

- Nhận thấy ta trong thức uẩn, ví dụ như nói ti vi hát gần và lớn tiếng tai bắt buộc mình nghe hoài không ngủ được.

Giải thích của ngài Kassapa (Ca Diếp)

1. Sắc uẩn: tôi ngồi ở đây, tôi ngồi ở đằng kia…
   28 sắc pháp.

2. Thọ uẩn: tôi buồn, tôi vui…
   Sở hữu thọ buồn, hoặc vui.
   Thọ uẩn buồn hoặc vui.

3. Tưởng uẩn: tôi nhớ nhà…
   Sở hữu tưởng nhớ…
   Tưởng uẩn nhớ…

4. Hành uẩn: tôi thông minh, tôi ngu dối
   Hành uẩn thông minh, hành uẩn ngu dốt
   Sở hữu trí tuệ thông minh, sở hữu si ngu dốt

5. Thức uẩn: tôi biết…

Thức uẩn biết
Tâm biết

- ❖ Tôi ngồi đây, tôi ngồi đằng kia. 28
- ❖ Tôi buồn, tôi vui. 1
- ❖ Tôi nhớ nhà. 1
- ❖ Tôi thông minh, tôi ngu dốt. 50
- ❖ Tôi biết. 121

==***==

Hết bài số 29
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 29/03/2020 (6/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG X

SƠ ĐỒ TỨ THỦ

Phân tích chi pháp

1. **Dục thủ:** là lòng ham muốn ngũ trần quá thiế quá khắn khít, quá thiết tha, quá nặng như chất keo làm cho hia mảng ván dính liền nhau. Dục thủ là sở hữu tham.

DỤC THỦ

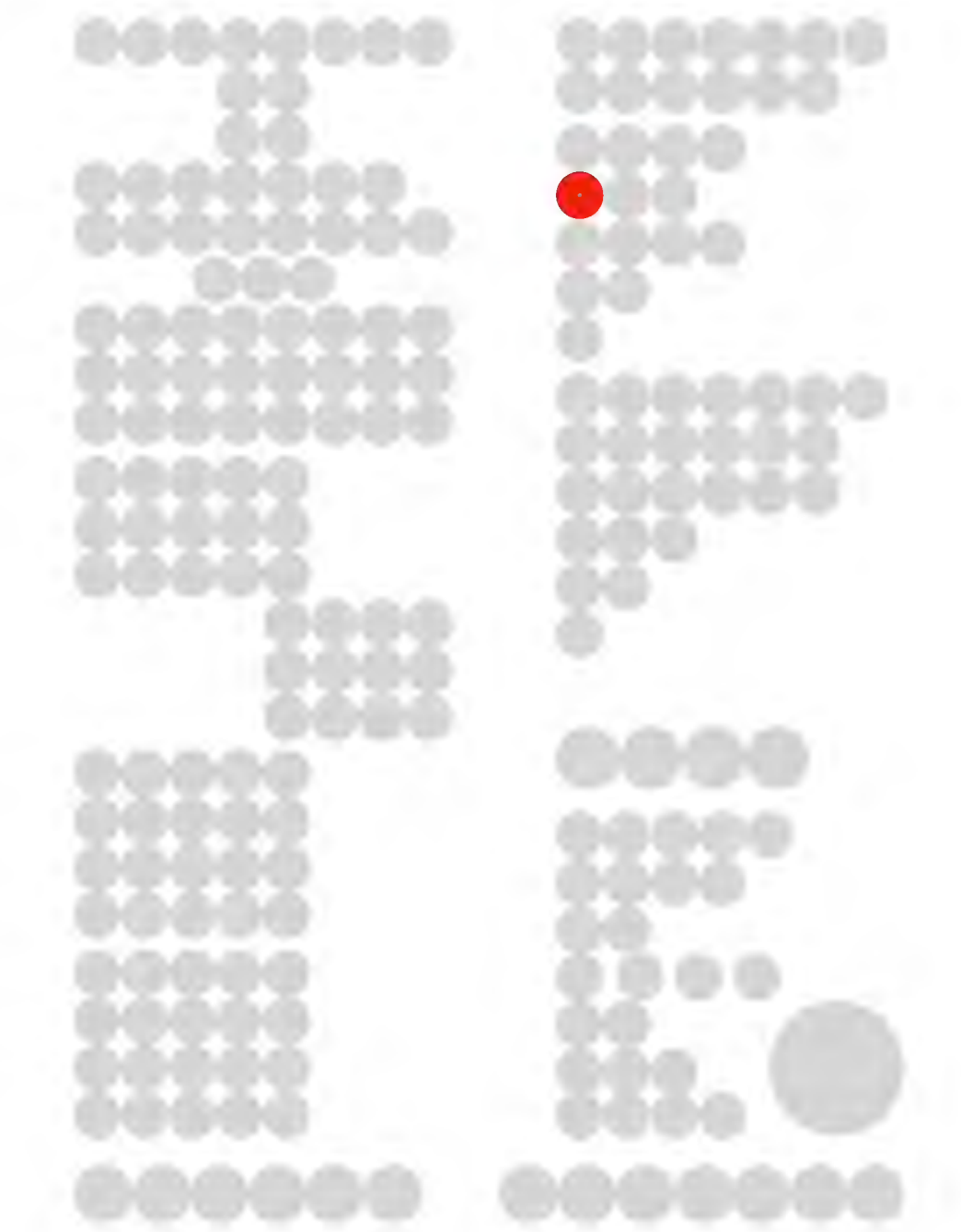

2. **Kiến thủ:** là chấp kiến theo quan niệm sai lầm. Kiến ở đây là tà kiến (xem thêm kinh phạm võng 62 tà kiến Trường Bộ Kinh). Kiến thủ là sở hữu tà kiến.

KIẾN THỦ

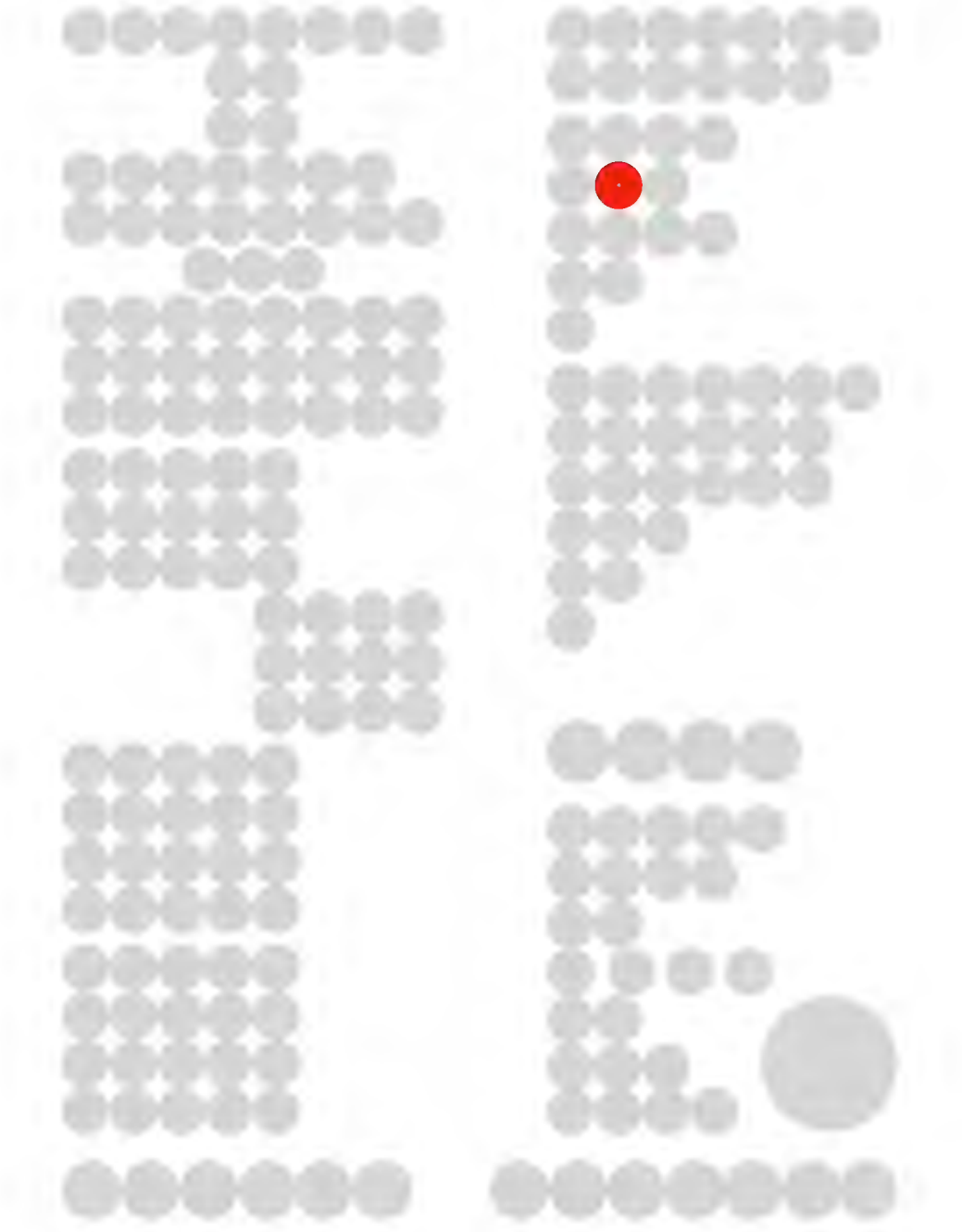

3. **Giới cấm thủ:** là chấp cứng vào các tục lệ, giới cấm không đúng theo Phật giáo, nhất là các giới cấm của các ngoại đạo trong thời Đức Phật. Giới cấm thủ là sở hữu tà kiến.

GIỚI CẤM THỦ

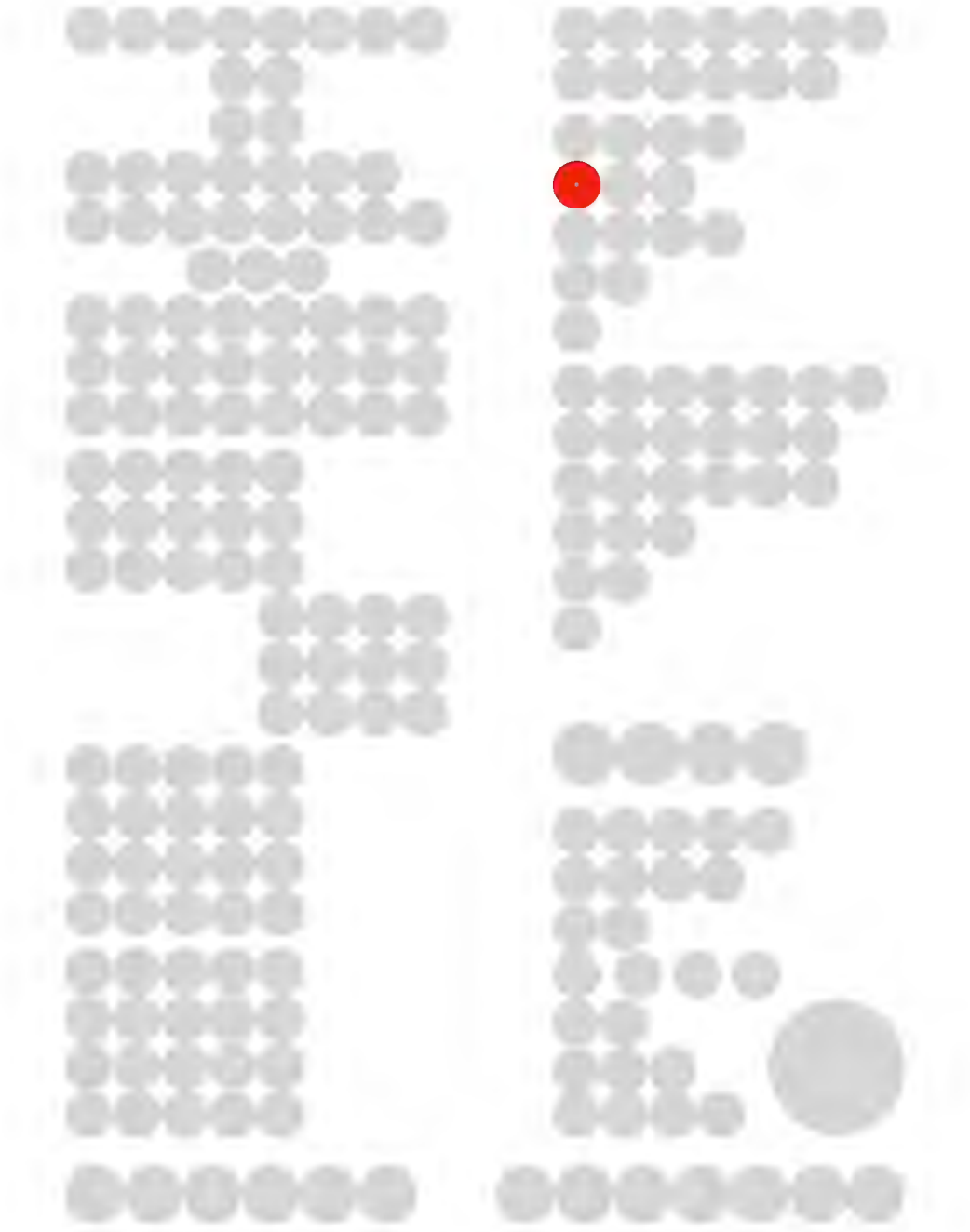

4. **Ngã chấp thủ:** chấp cứng vào bản ngã quá nặng nên bị cột trói cả thân tâm, chấp rằng có linh hồn, có tự ngã trường tồn bất biến. Ngã chấp thủ là sở hữu tà kiến.

GIỚI CẤM THỦ

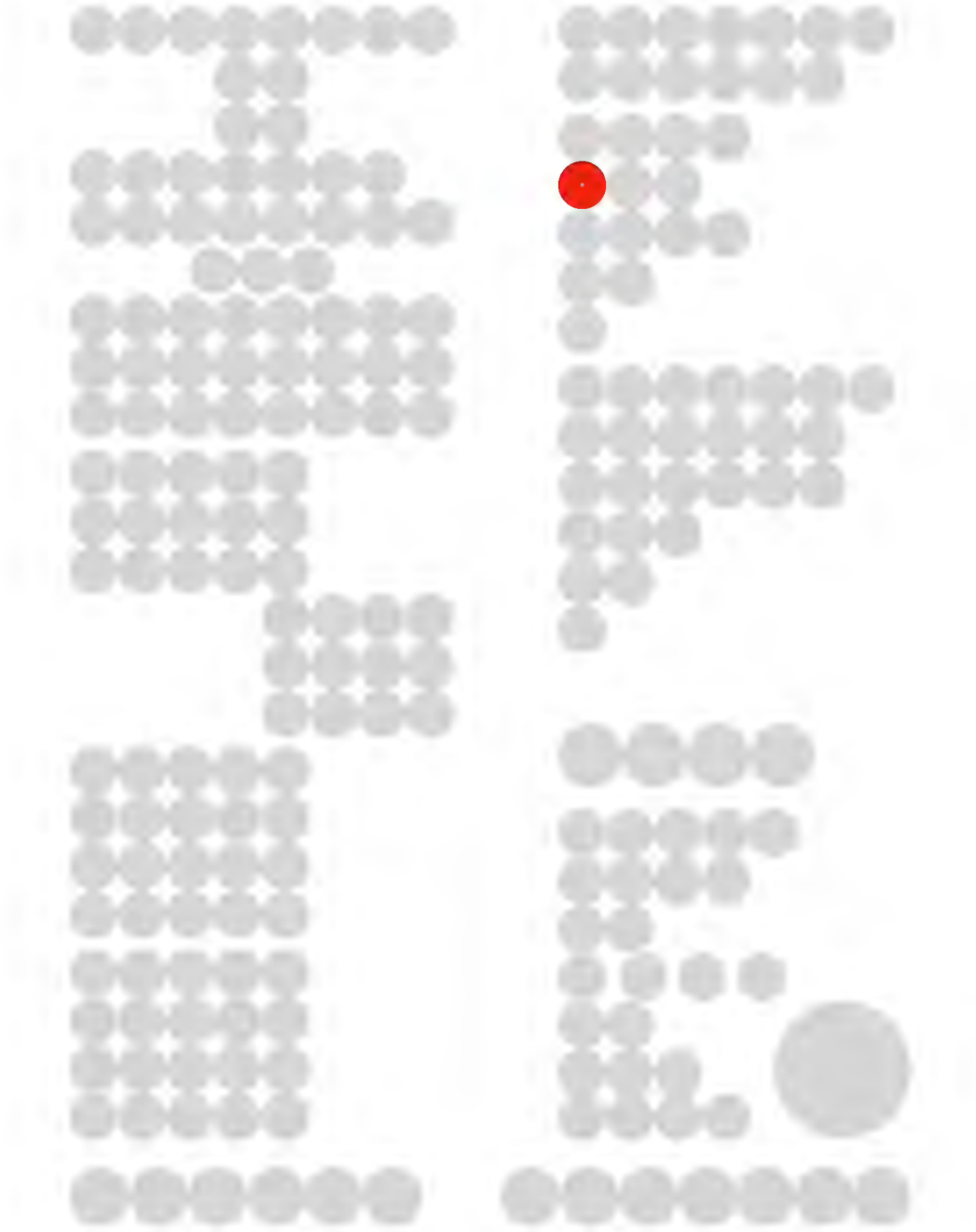

CHƯƠNG XI
(BÀI 30)

LỤC CÁI

I. Định nghĩa:

Lục là sáu, cái là ngăn che, che lấp không thấy, che đậy trùm lên. Lục cái là sáu pháp ngăn che các thiện pháp nhất là thiền không được phát triển.

Lục cái là: dục dục cái, sân độc cái, hôn thụy cái, trạo hối cái, hoài nghi cái, vô minh cái.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Dục dục cái:** là sự mong muốn trong ngũ dục ngũ trần.

   Dục dục cái là sở hữu tham. Dục dục cái hay tham dục cái ngăn chặn chi định của thiền.

2. **Sân độc cái (sân ác cái):** là trạng thái nóng nảy, bực bội, giận dữ.

   Sân độc cái là sở hữu sân. Sân độc cái đè ép chi hỷ của thiền.

3. **Hôn thụy cái (hôn trầm, thụy miên):** là trạng thái dã dượi buồn ngủ.

   Hôn thụy cái là sở hữu hôn trầm, thụy miên. Hôn thụy cái ngăn chặn chi tầm của thiền.

4. **Trạo hối cái:** là trạng thái giao động phóng dật và hối tiếc.

   Trạo hối cái là sở hữu phóng dật và sở hữu hối. Trạo hối cái ngăn chặn chi lạc của thiền.

5. **Hoài nghi cái:** là trạng thái hoài nghi Tam bảo, hoài nghi nghiệp báo nhân quả.

   Hoài nghi cái là sở hữu hoài nghi. Hoài nghi cái ngăn chặn chi tứ của thiền.

6. **Vô minh cái:** là sự mê muội không sáng suốt.

Vô minh cái là sở hữu si. Vô minh cái che đậy trí tuệ.

III. Kết luận:

Lục cái là sáu pháp ngăn che những thiện pháp nhất là các chi thiền do đó hành giả cần phải đẩy lùi lục cái bằng sự tu tập chánh niệm, tỉnh giác mọi lúc mọi nơi. Như kinh Thập Thượng đã dạy. Hai pháp cần phải tu tập đó là chỉ và quán.

==***==

Hết bài số 30
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 30/03/2020 (7/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XII

SƠ ĐỒ LỤC CÁI

Phân tích chi pháp

1. **Dục dục cái:** là sự mong muốn trong ngũ dục ngũ trần. Dục dục cái là sở hữu tham. Dục dục cái hay tham dục cái ngăn chặn chi định của thiền.

DỤC DỤC CÁI

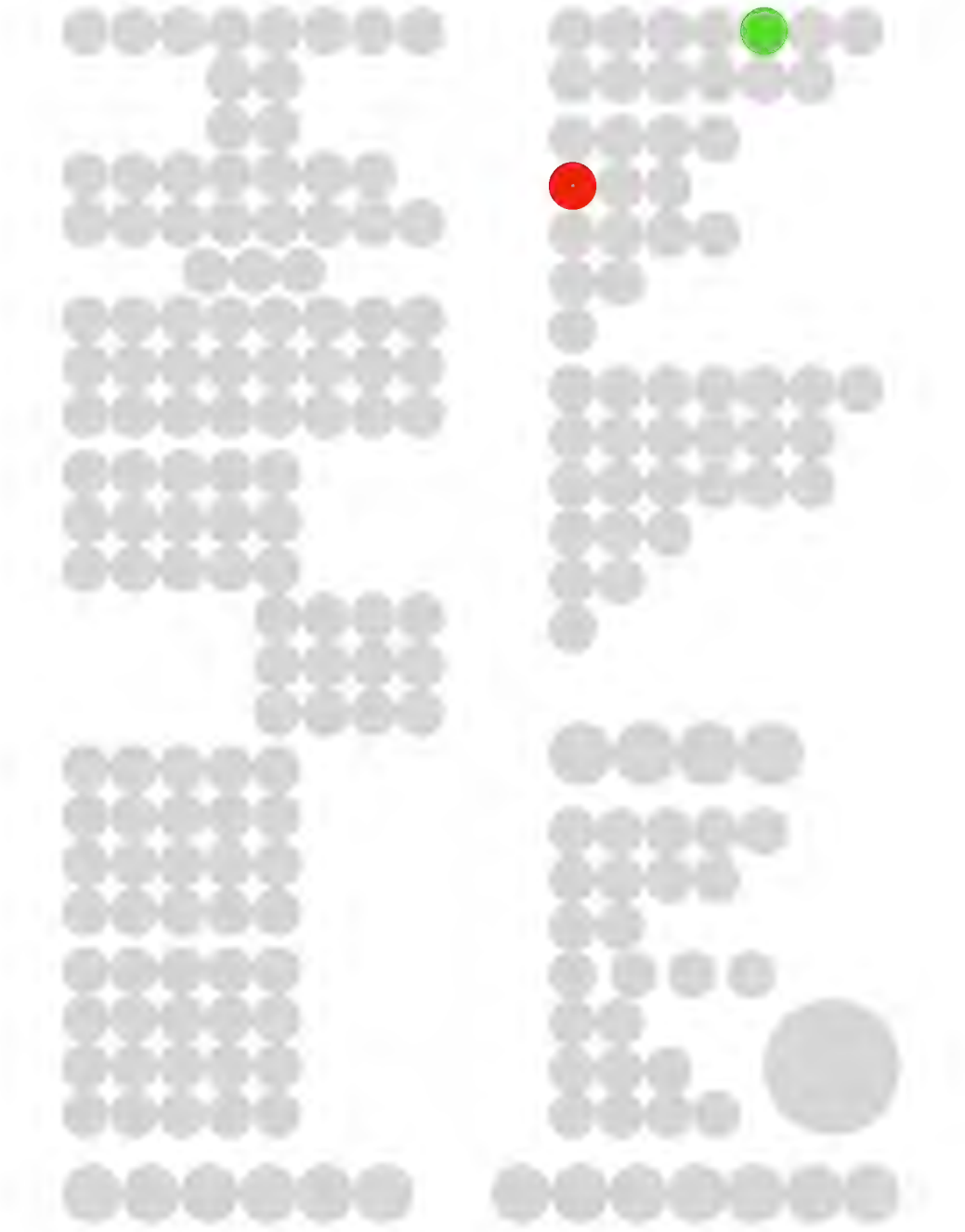

2. **Sân độc cái (sân ác cái):** là trạng thái nóng nảy, bực bội, giận dữ. Sân độc cái là sở hữu sân. Sân độc cái đè ép chi hỷ của thiền.

SÂN ĐỘC

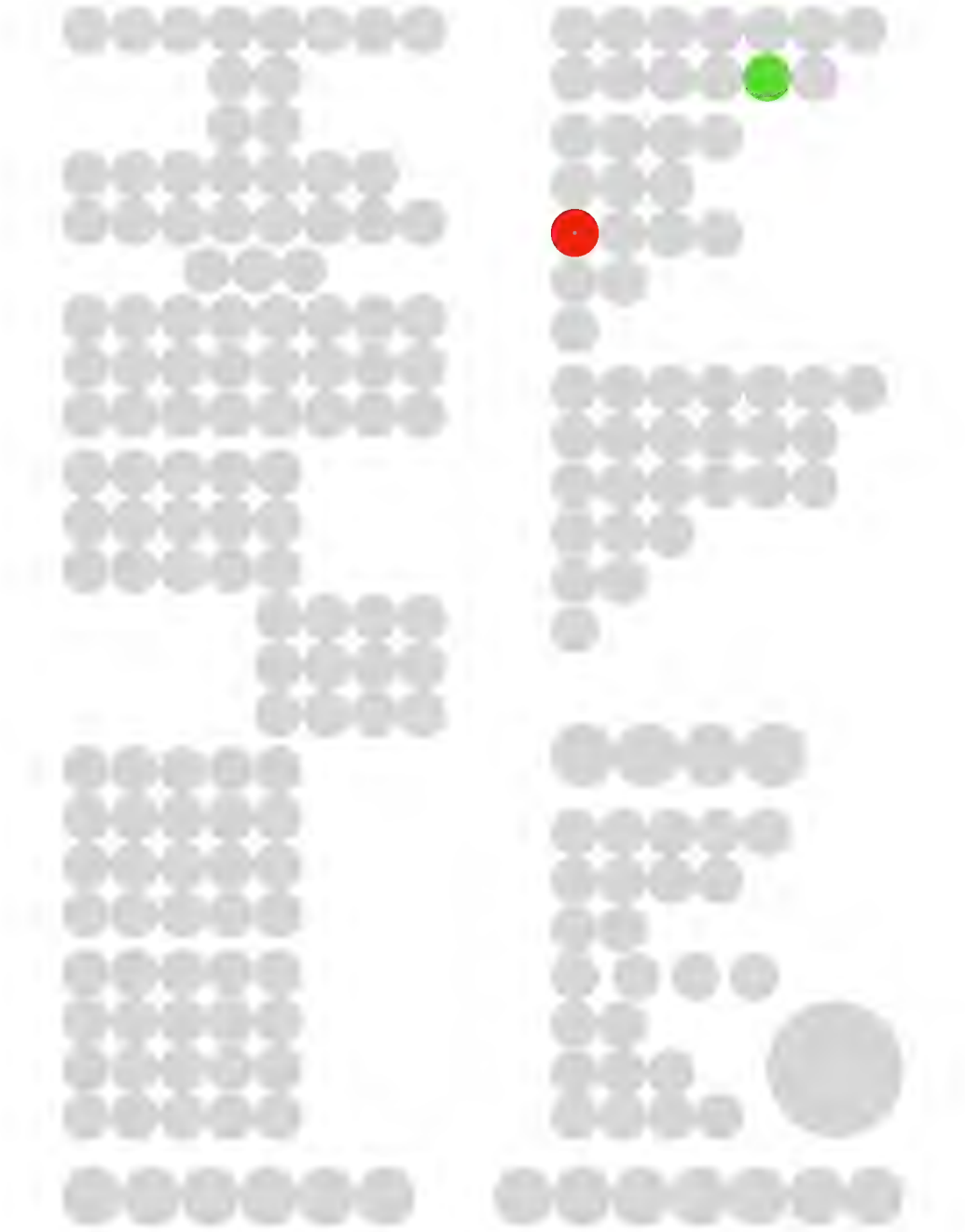

3. **Hôn thụy cái (hôn trầm, thụy miên):** là trạng thái dã dựa buồn ngủ. Hôn thụy cái là sở hữu hôn trầm, thụy miên. Hôn thụy cái ngăn chặn chi tầm của thiền.

HÔN THỤY CÁI

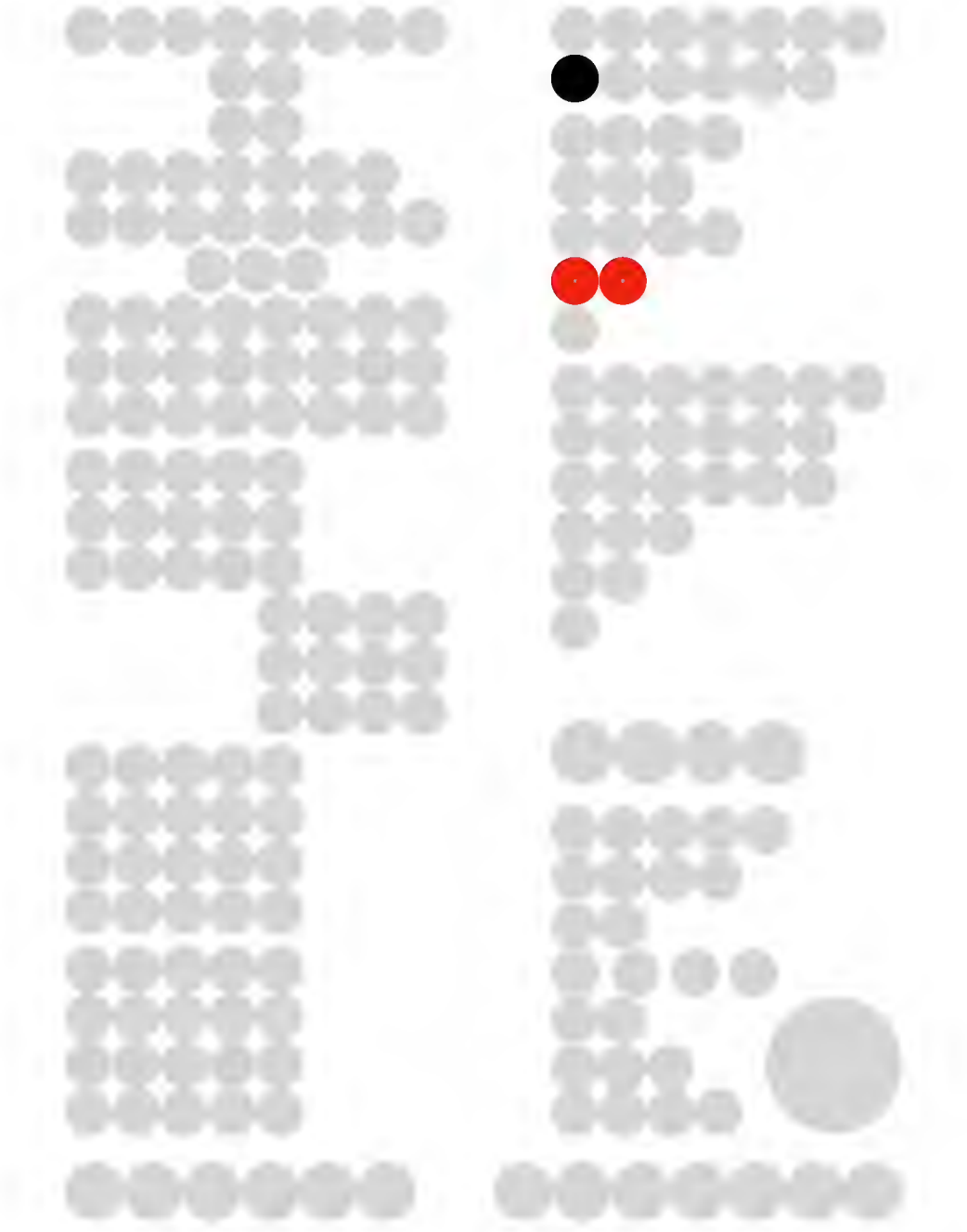

4. **Trạo hối cái:** là trạng thái giao động phóng dật và hối tiếc. Trạo hối cái là sở hữu phóng dật và sở hữu hối. Trạo hối cái ngăn chặn chi lạc của thiền.

TRẠO HỐI CÁI

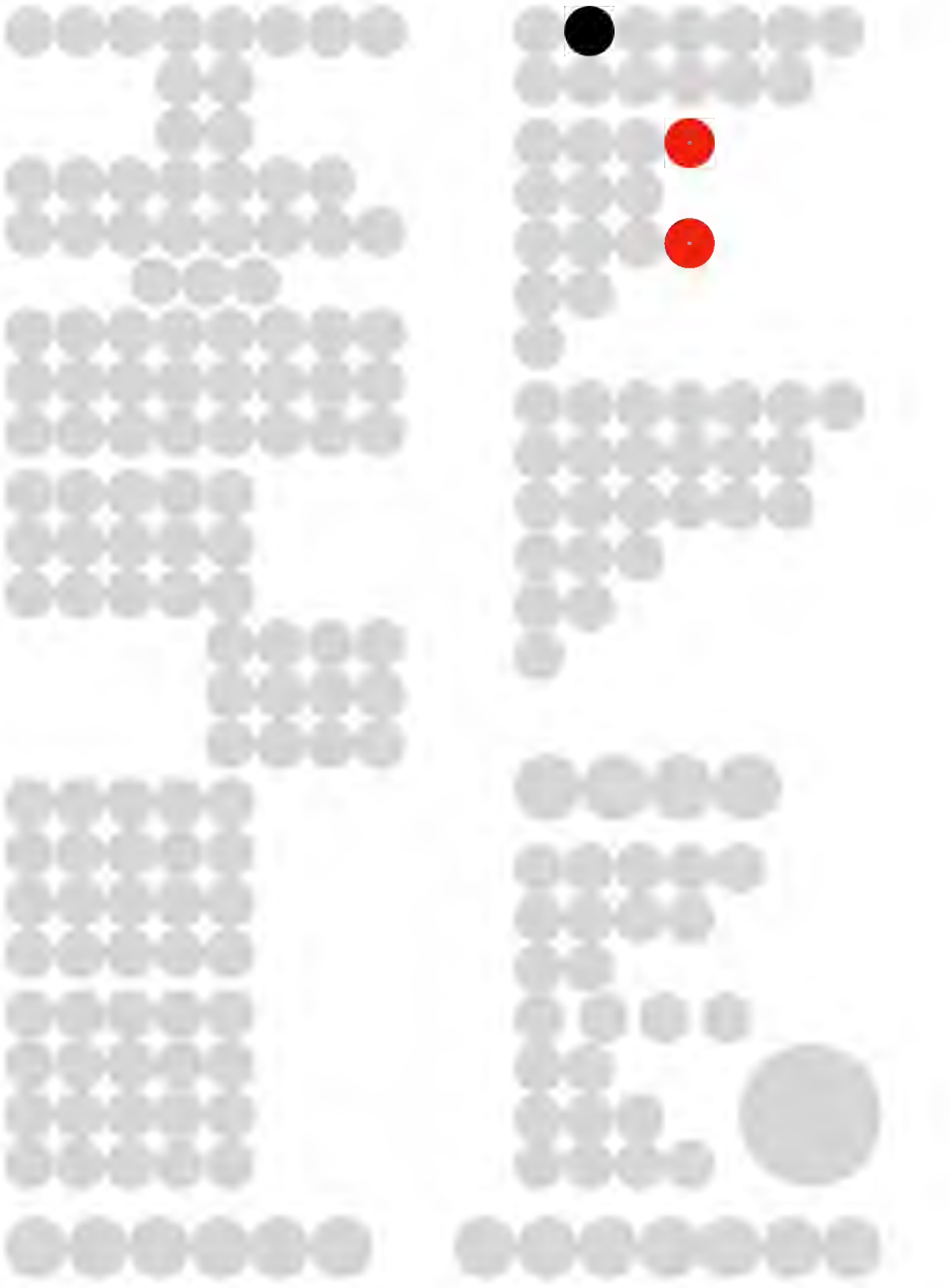

5. **Hoài nghi cái:** là trạng thái hoài nghi Tam bảo, hoài nghi nghiệp báo nhân quả. Hoài nghi cái là sở hữu hoài nghi. Hoài nghi cái ngăn chặn chi tứ của thiền.

HOÀI NGHI CÁI

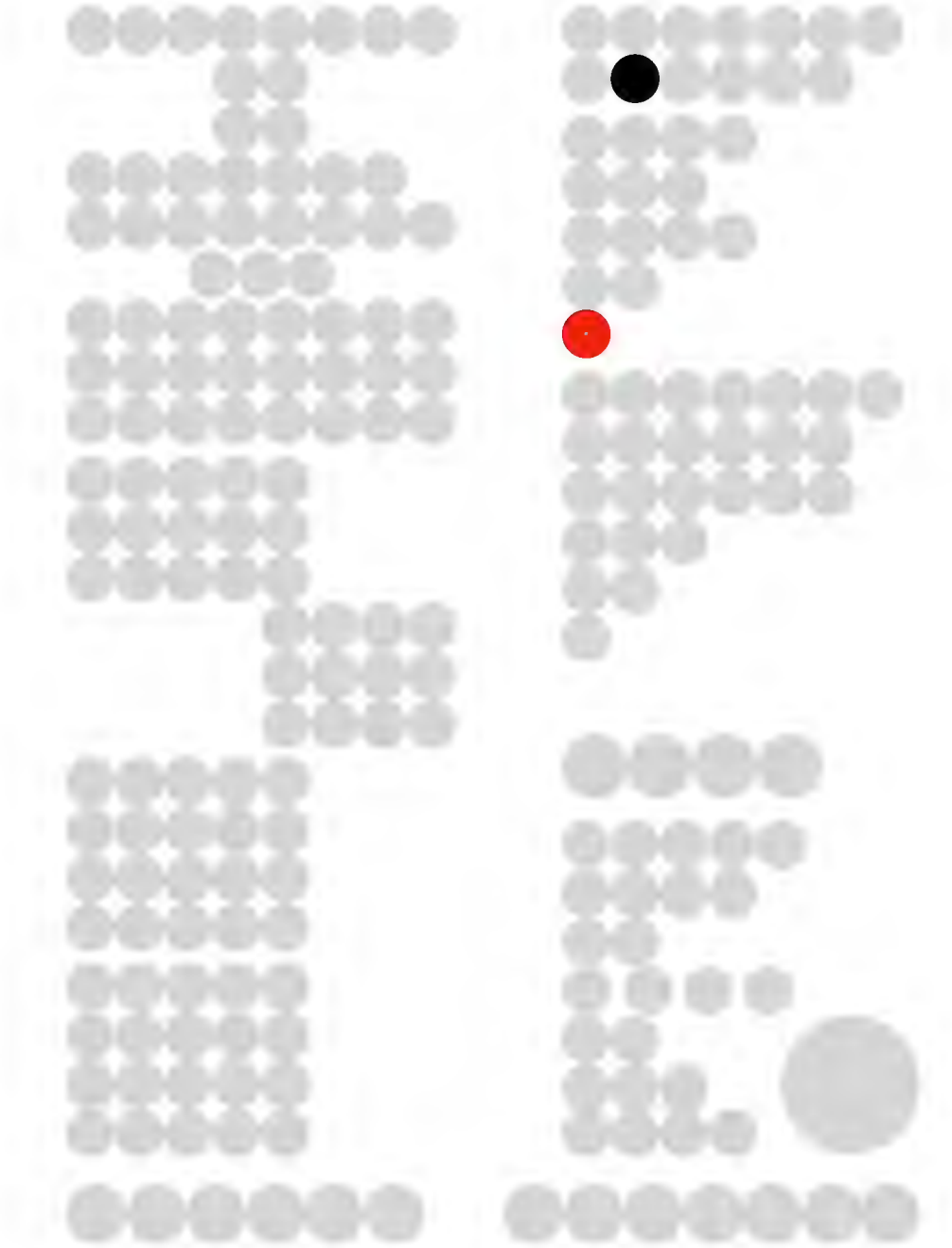

6. **Vô minh cái:** là sự mê muội không sáng suốt. Vô minh cái là sở hữu si. Vô minh cái che đậy trí tuệ.

VÔ MINH CÁI

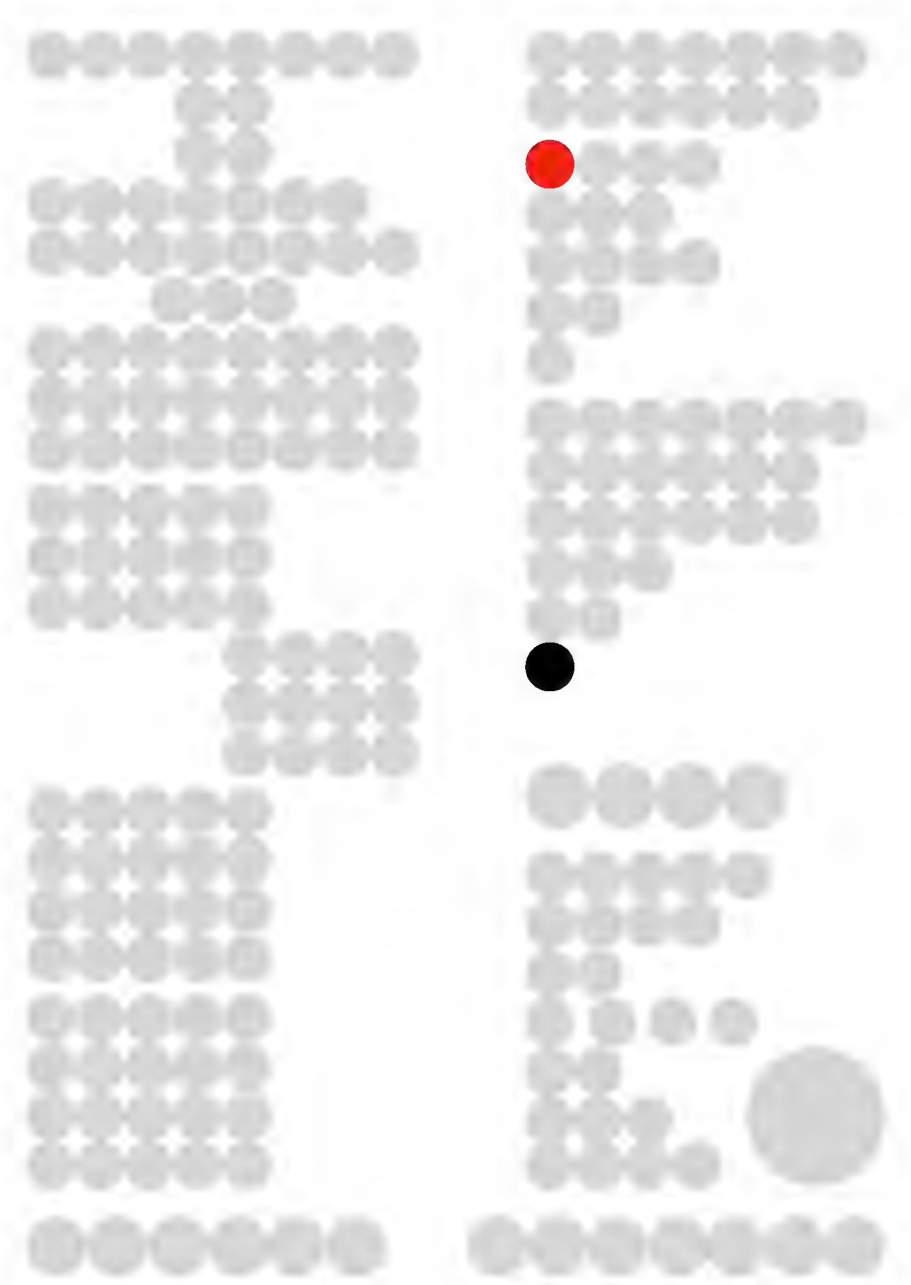

CHƯƠNG XIII
(BÀI 31)

THẤT TIỀM MIÊN

I. Định nghĩa:

Là bảy pháp ngủ ngầm, được hiểu là pháp bất thiện này sẽ sanh ra chứ không phải có sẵn hoặc ẩn náu trong tâm bởi vì các pháp đều vô ngã nên không có pháp nào thường hằng bất biến.

Pháp tiềm miên là: ái dục tiềm miên, ái hữu tiềm miên, phẫn uất tiềm miên, ngã mạn tiềm miên, tà kiến tiềm miên, hoài nghi tiềm miên, vô minh tiềm miên.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Ái dục tiềm miên:** là sự tham ái ngũ dục, ngũ trần được xem như một cố tật của mỗi người, nếu gặp ngũ trần thích hợp thì lòng luyến ái nổi lên. Ái dục tiềm miên là sở hữu tham.

2. **Ái hữu tiềm miên:** là sự vọng móng, dính mắc, tham ái cõi sắc giới, vô sắc giới cũng được xem là một cố tật của những vị tu

thiền sắc giới, vô sắc giới. Ái hữu tiềm miên là sở hữu tham.

3. **Phẫn uất tiềm miên:** là tánh sân hận, nóng nảy cũng là một thói quen tiềm tàng của phàm nhân và của các vị thánh hữu học bậc thấp (Tu đà hườn, Tư đà hàm) khi gặp nghịch cảnh. Phẫn uất tiềm miên là sở hữu sân.

4. **Ngã mạn tiềm miên:** là tánh cống cao kiêu hãnh là thói quen của những người hay tự cao tự đại. Ngã mạn tiềm miên là sở hữu ngã mạn.

5. **Tà kiến tiềm miên:** là thói quen theo những tri kiến sai lầm. Tà kiến tiềm miên là sở hữu tà kiến.

6. **Hoài nghi tiềm miên:** là tánh nghi ngờ tam bảo, nhân quả nghiệp báu, luân hồi, tái sanh. Hoài nghi tiềm miên là sở hữu hoài nghi.

7. **Vô minh tiềm miên:** là tánh ngu si, mê muội nhiều đời. Vô minh tiềm miên là sở hữu si.

III. Kết luận:

Bảy pháp tiềm miên bất thiện này được xem là cố tật, thói quen nhiều đời, nhiều lần hễ có điều kiện thích hợp thì chúng phát sanh lên do đó gọi chúng là pháp tiềm miên hay ngủ ngầm.

Người tu hành không nên tạo điều kiện cho mình và cho người khác phát sinh những thiện pháp này.

==***==

Hết bài số 31
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 30/03/2020 (7/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XIV

SƠ ĐỒ THẤT TIỀM MIÊN

Phân tích chi pháp

1. **Ái dục tiềm miên:** là sự tham ái ngũ dục, ngũ trần được xem như một cố tật của mỗi người, nếu gặp ngũ trần thích hợp thì lòng luyến ái nỗi lên. Ái dục tiềm miên là sở hữu tham.

ÁI DỤC TIỀM MIÊN

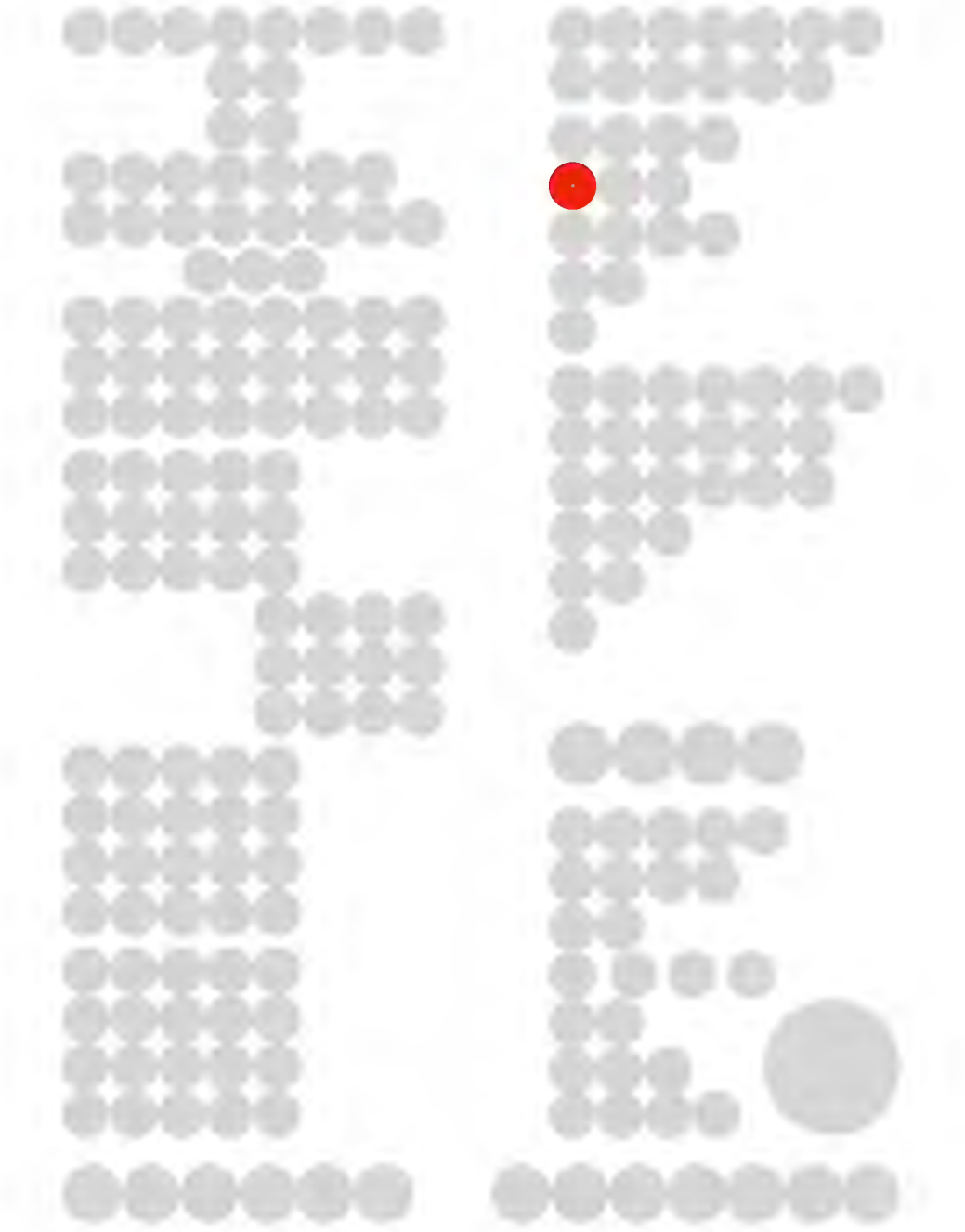

2. **Ái hữu tiềm miên:** là sự vọng móng, dính mắc, tham ái cõi sắc giới, vô sắc giới cũng được xem là một cố tật của những vị tu thiền sắc giới, vô sắc giới. Ái hữu tiềm miên là sở hữu tham.

ÁI HỮU TIỀM MIÊN

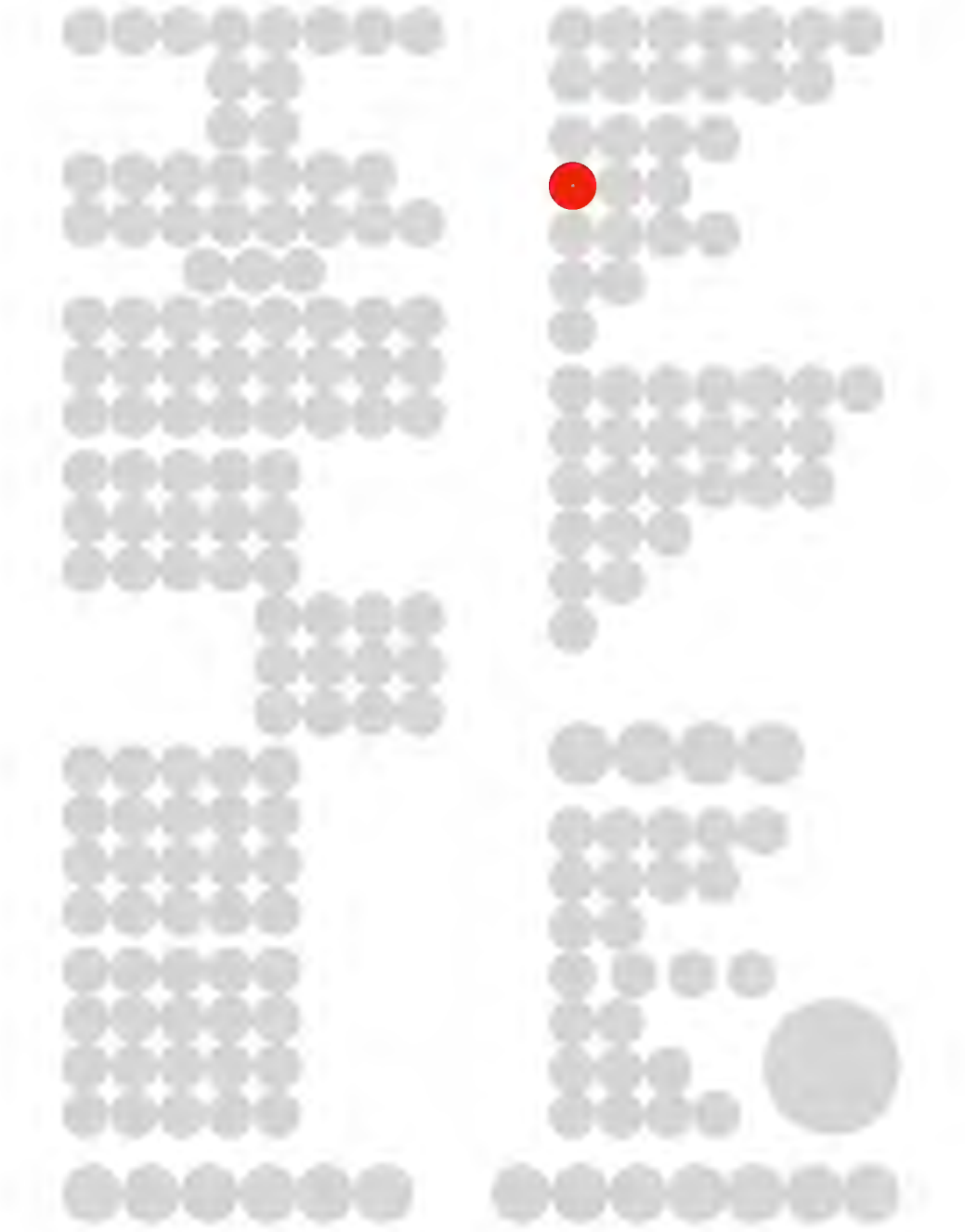

3. **Phẫn uất tiềm miên:** là tánh sân hận, nóng nảy cũng là một thói quen tiềm tàng của phàm nhân và của các vị thánh hữu học bậc thấp (Tu đà hườn, Tư đà hàm) khi gặp nghịch cảnh. Phẫn uất tiềm miên là sở hữu sân.

PHẪN UẤT TIỀM MIÊN

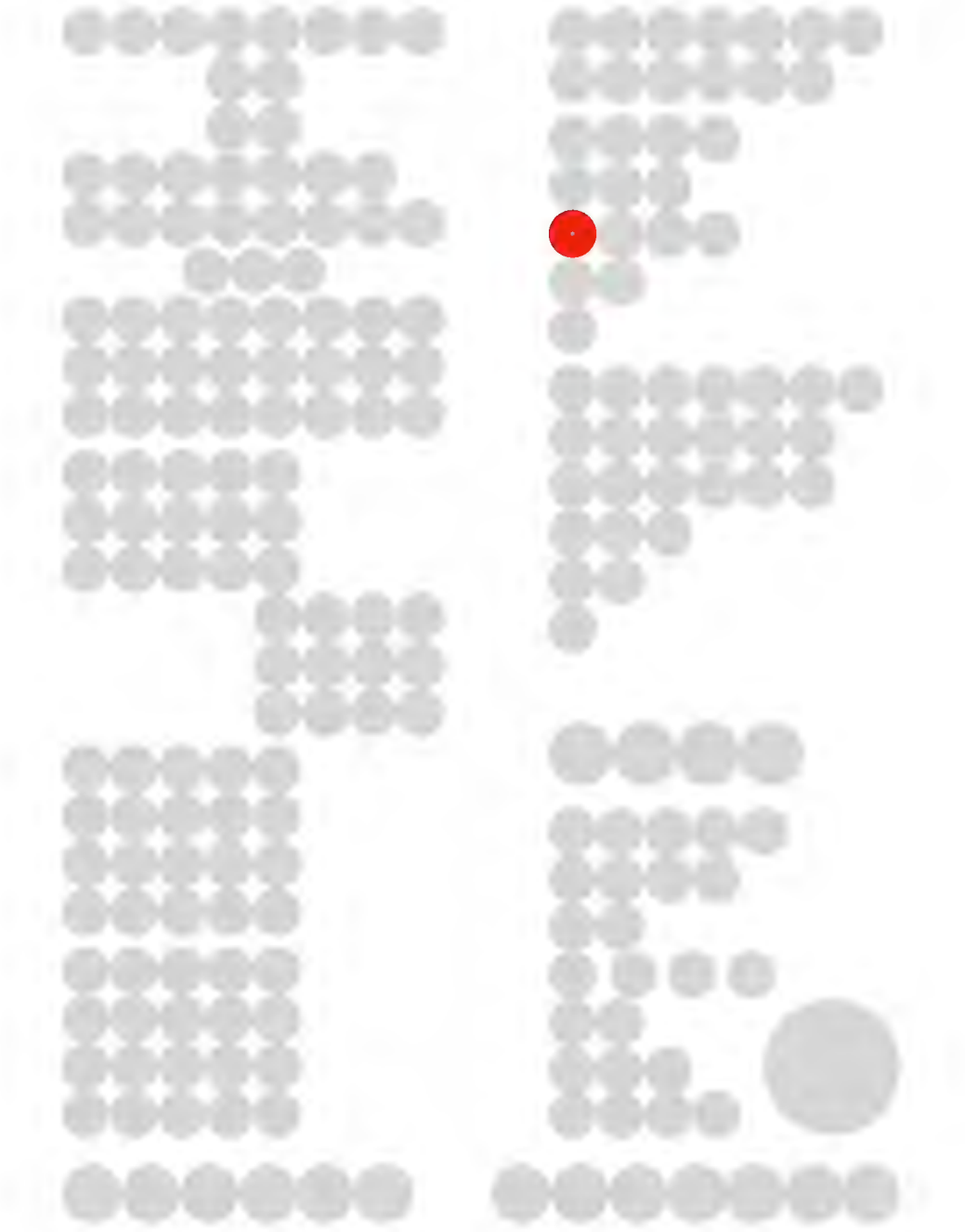

4. **Ngã mạn tiềm miên:** là tánh cống cao kiêu hãnh là thói quen của những người hay tự cao tự đại. Ngã mạn tiềm miên là sở hữu ngã mạn.

NGÃ MẠN TIỀM MIỀN

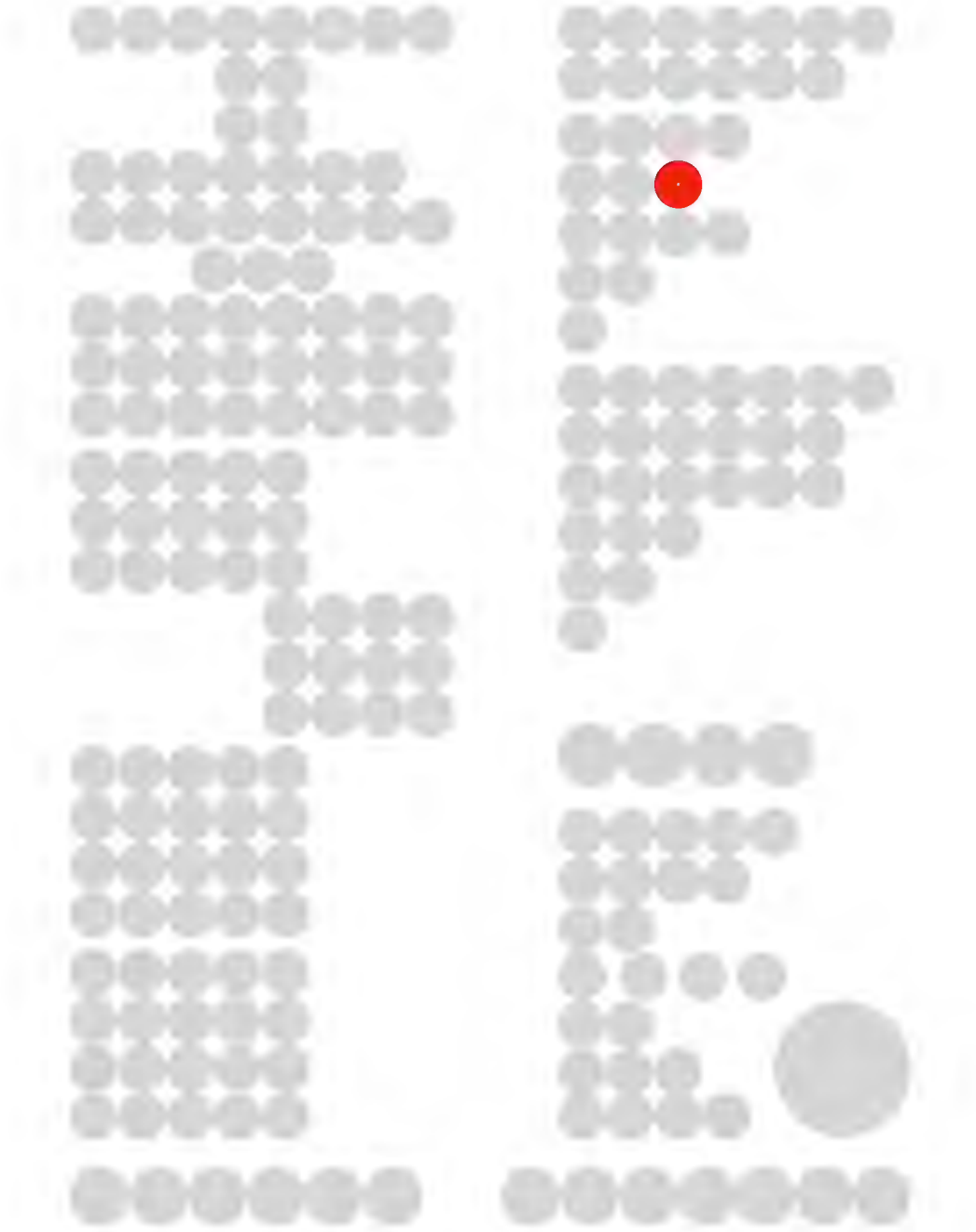

5. **Tà kiến tiềm miên:** là thói quen theo những tri kiến sai lầm. Tà kiến tiềm miên là sở hữu tà kiến.

TÀ KIẾN TIỀM MIÊN

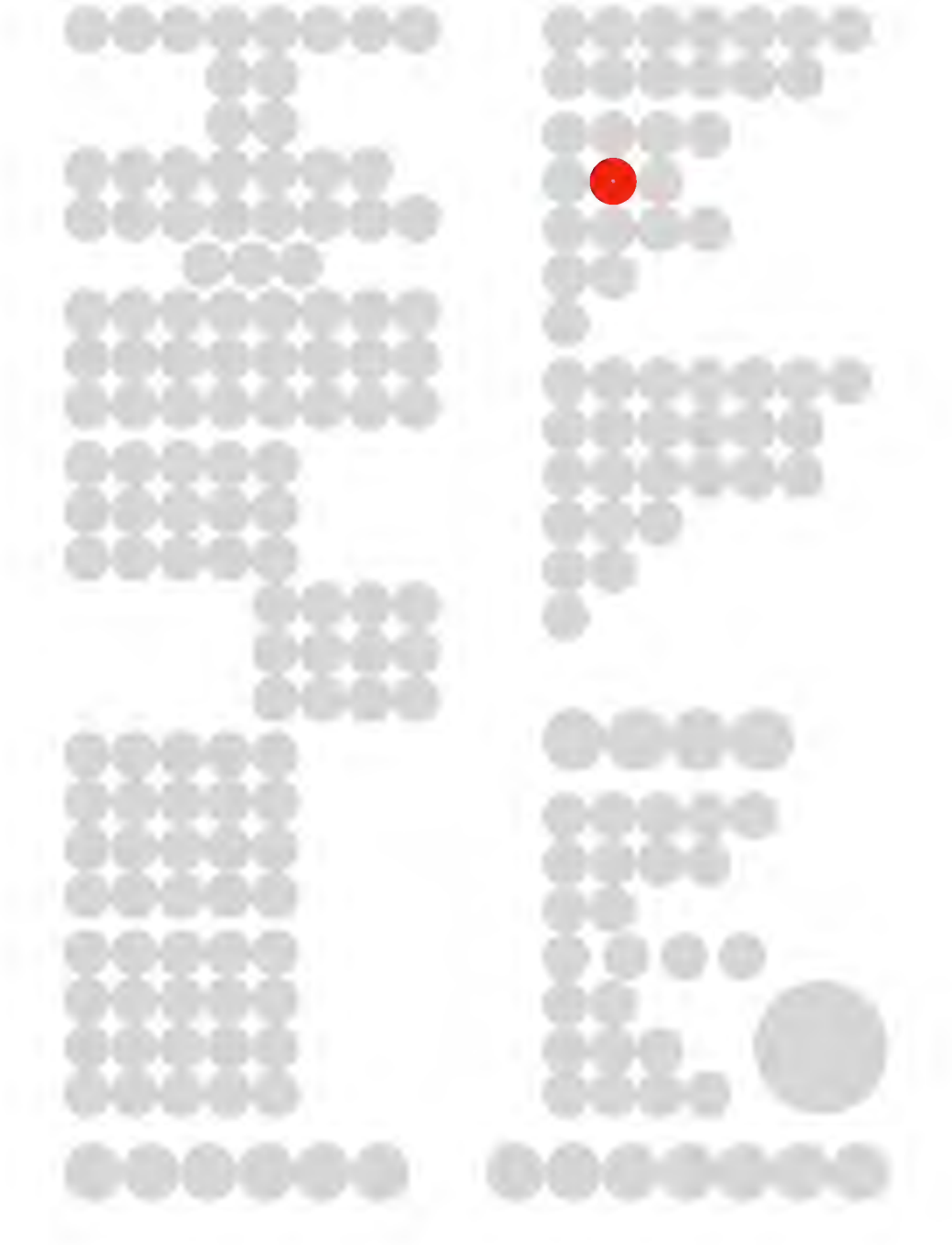

6. **Hoài nghi tiềm miên:** là tánh nghi ngờ tam bảo, nhân quả nghiệp báu, luân hồi, tái sanh. Hoài nghi tiềm miên là sở hữu hoài nghi.

HOÀI NGHI TIỀM MIÊN

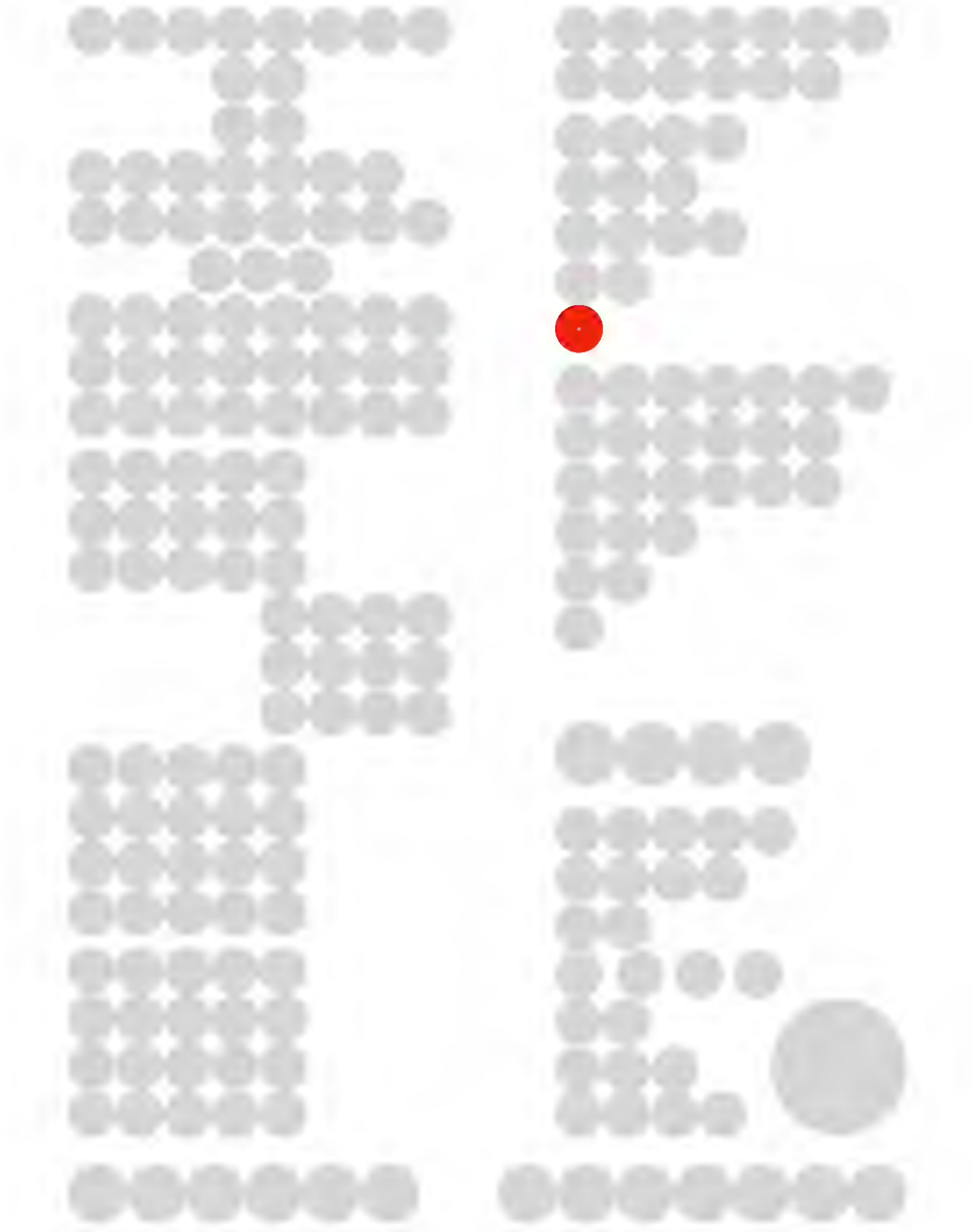

7. **Vô minh tiềm miên:** là tánh ngu si, mê muội nhiều đời. Vô minh tiềm miên là sở hữu si.

VÔ MINH TIỀM MIÊN

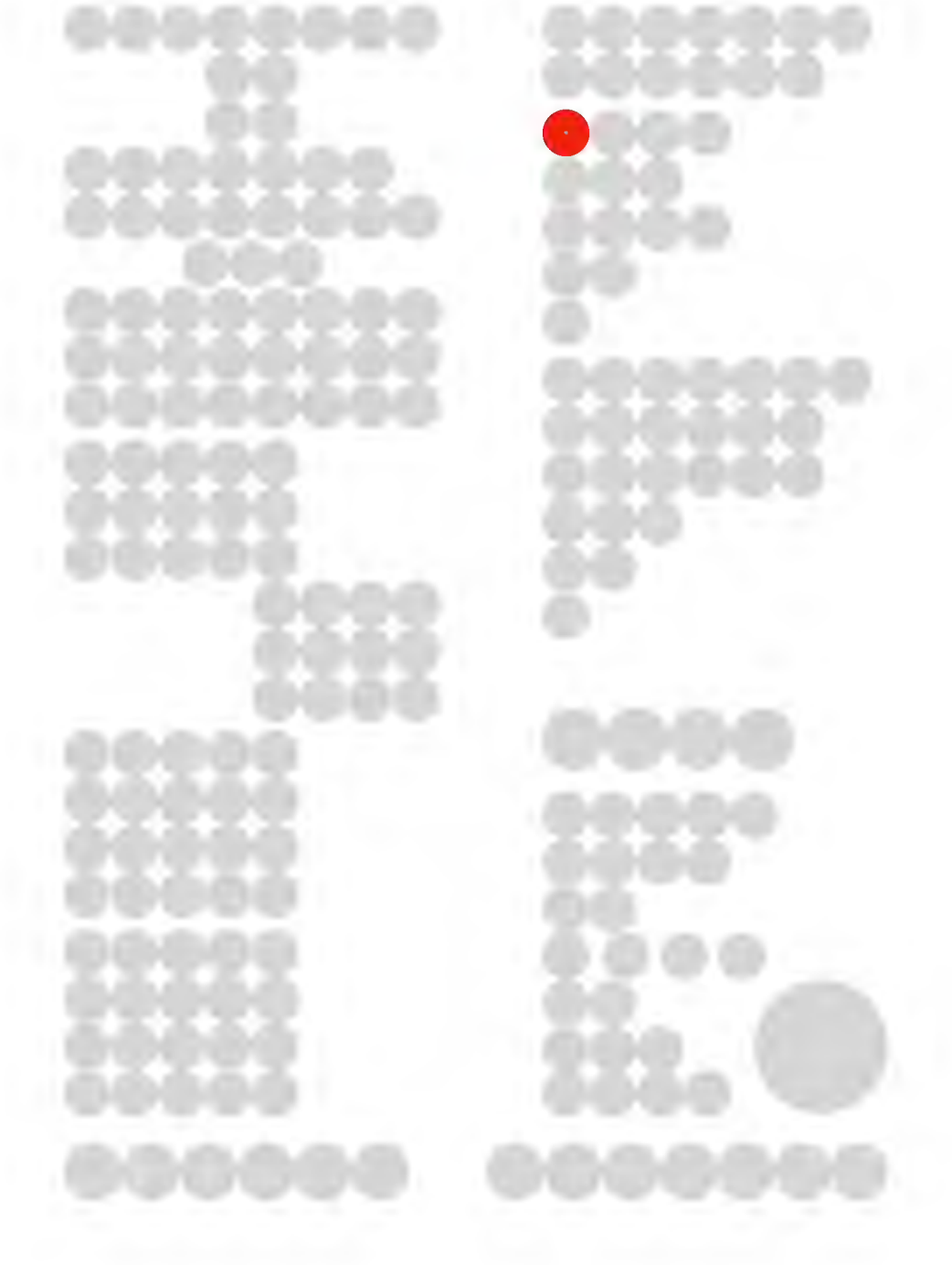

CHƯƠNG XV
(BÀI 32)

THẬP TRIỀN

I. Định nghĩa:

Triền là quấn, bó, buộc, trói, ràng, bọc. Thập triền là mười pháp trói buộc chúng sinh.

Triền khác hơn phược và kết: kết là thắc cứng, phược là cột chặt, triền là quấn quanh, buộc ràng.

Thập triền là: ái dục triền, ái sắc triền, phẫn uất triền, ngã mạn triền, kiến triền, giới cấm thủ triền, hoài nghi triền, tật triền, lận triền, vô minh triền.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Ái dục triền:** là bị trói buộc do đắm say lục dục ngũ trần. Ái dục triền là sở hữu tham.

2. **Ái sắc triền:** là bị trói buộc do tâm luyến ái cảnh sắc giới và cõi thiền sắc giới. Ái sắc triền là sở hữu tham.

3. **Phẫn uất triền**: là bị trói buộc do tâm sân hận. Phẫn uất triền là sở hữu sân.

4. **Ngã mạn triền:** là bị trói buộc do sự kiêu căn, cống cao tự đắc. Ngã mạn triền là sở hữu ngã mạn.

5. **Kiến triền:** là bị trói buộc bởi thấy sai, tà kiến. Kiến triền là sở hữu tà kiến.

6. **Giới cấm thủ triền:** là bị trói buộc trong giới luật tà đạo, vâng giữ theo những điều vô lý. Giới cấm thủ triền là sở hữu tà kiến.

7. **Hoài nghi triền:** là bị trói buộc bởi sự nghi ngờ tam bảo, nhân quả, luân hồi. Hoài nghi triền là sở hữu hoài nghi.

8. **Tật triền:** là bị trói buộc bởi sự ganh tỵ, ghen ghét. Tật triền là sở hữu tật.

9. **Lận triền:** là bị trói buộc bởi lòng keo kiệt, bỏn xẻn. Lận triền là sở hữu lận.

10. **Vô minh triền:** là bị trói buộc bởi sự si mê, vô minh không sáng suốt. Vô minh triền là sở hữu si.

III. Kết luận:

Những sở hữu bất thiện trong 14 sở hữu bất thiện đóng vai trò là trói buộc (triền) chúng sanh trong vòng sanh tử luân hồi do đó không thể xem thường những sở hữu bất thiện này.

Hành giả muốn thoát khỏi thập triền trong đời sống hằng ngày thì phải thực hành Tứ Niệm Xứ để những tâm thiện dục giới tịnh hảo cùng với các sở hữu tịnh hảo sanh lên, nhờ vậy mà thập triền không có điều kiện tồn tại./.

==***==

Hết bài số 32
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 31/03/2020 (8/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XVI

SƠ ĐỒ THẬP TRIỀN

Phân tích chi pháp:

1. **Ái dục triền:** là bị trói buộc do đắm say lục dục ngũ trần. Ái dục triền là sở hữu tham.

ÁI DỤC TRIỀN

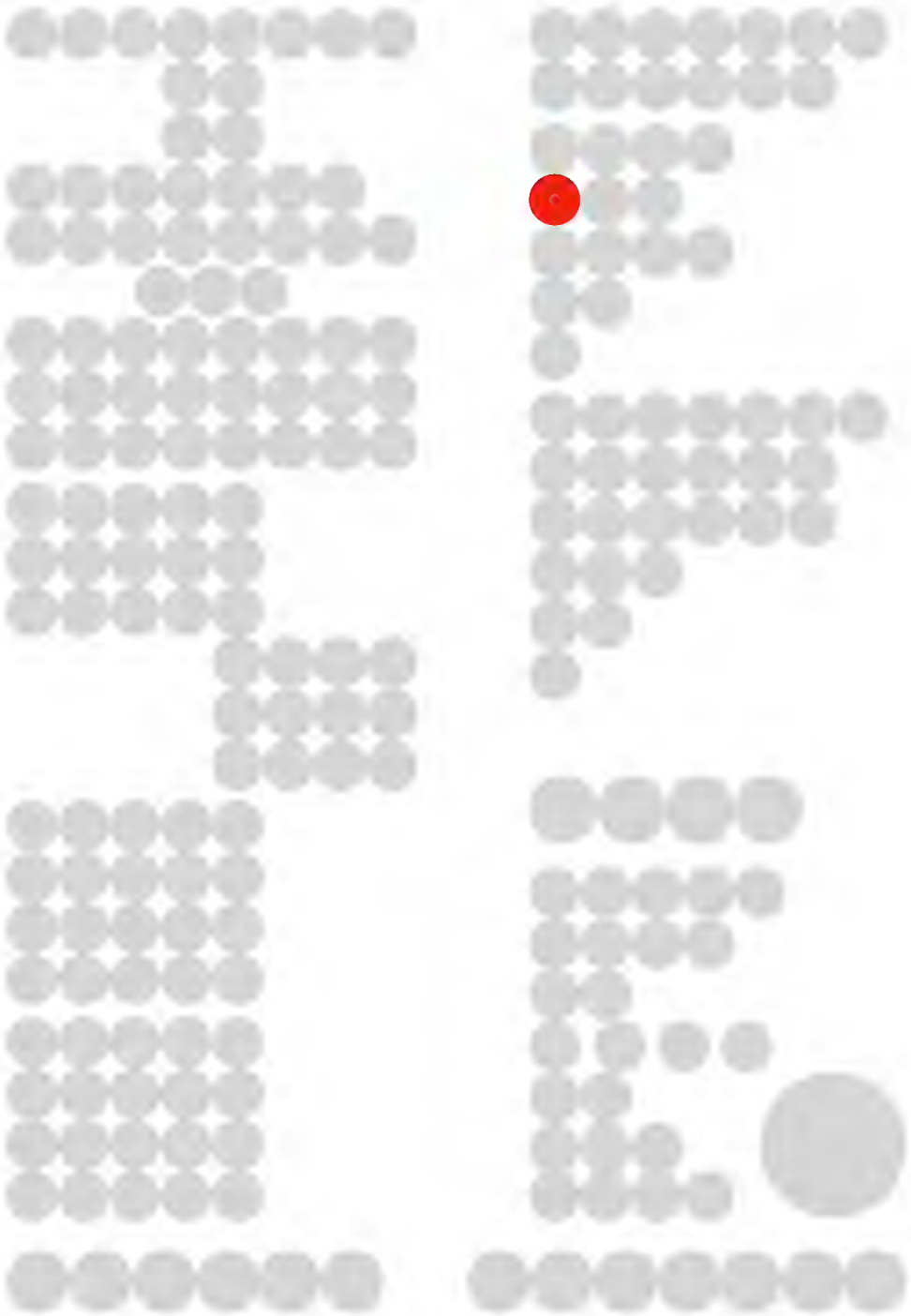

2. **Ái sắc triền:** là bị trói buộc do tâm luyến ái cảnh sắc giới và cõi thiền sắc giới. Ái sắc triền là sở hữu tham.

ÁI SẮC TRIỀN

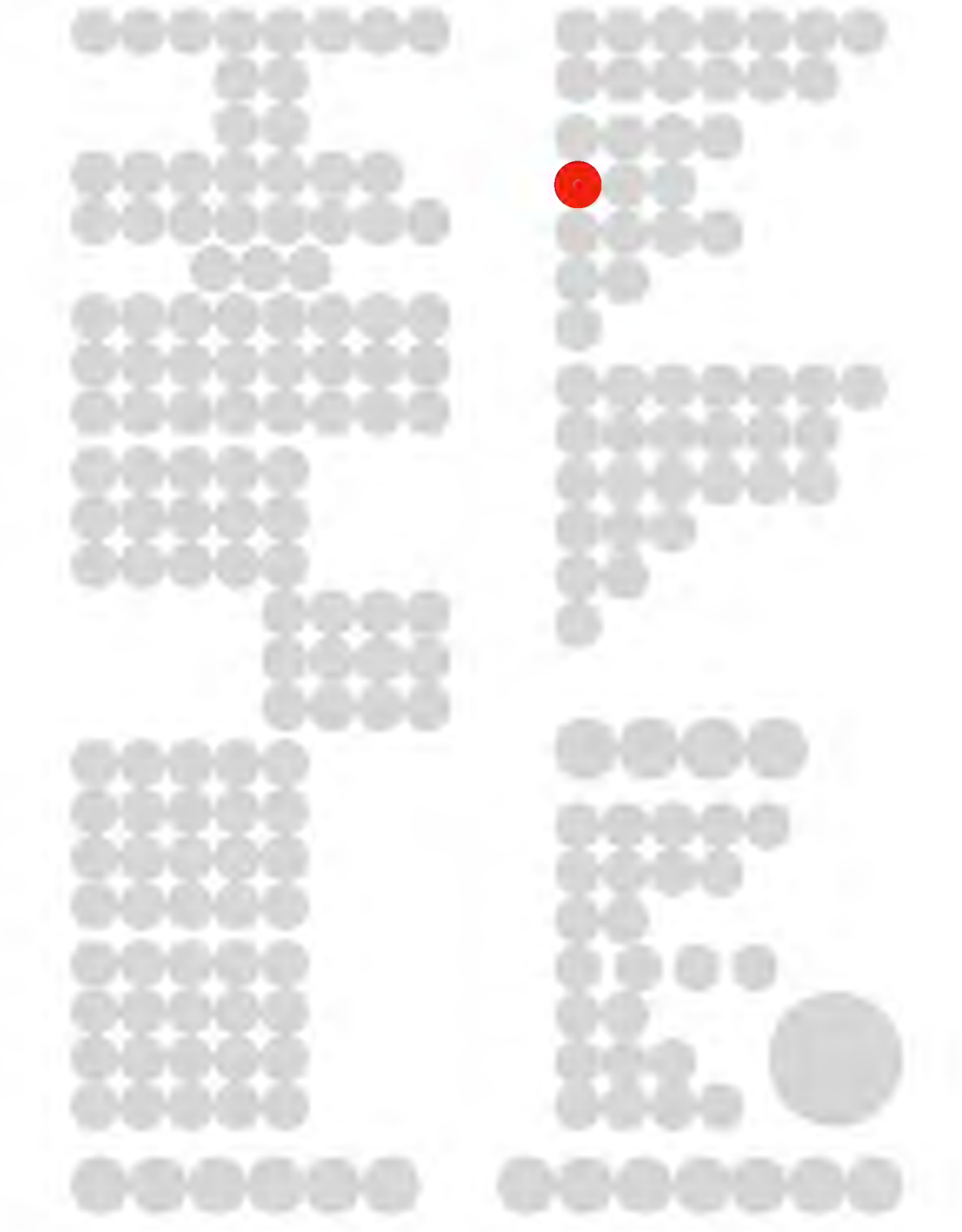

3. **Phẫn uất triền**: là bị trói buộc do tâm sân hận. Phẫn uất triền là sở hữu sân.

PHẪN UẤT TRIỀN

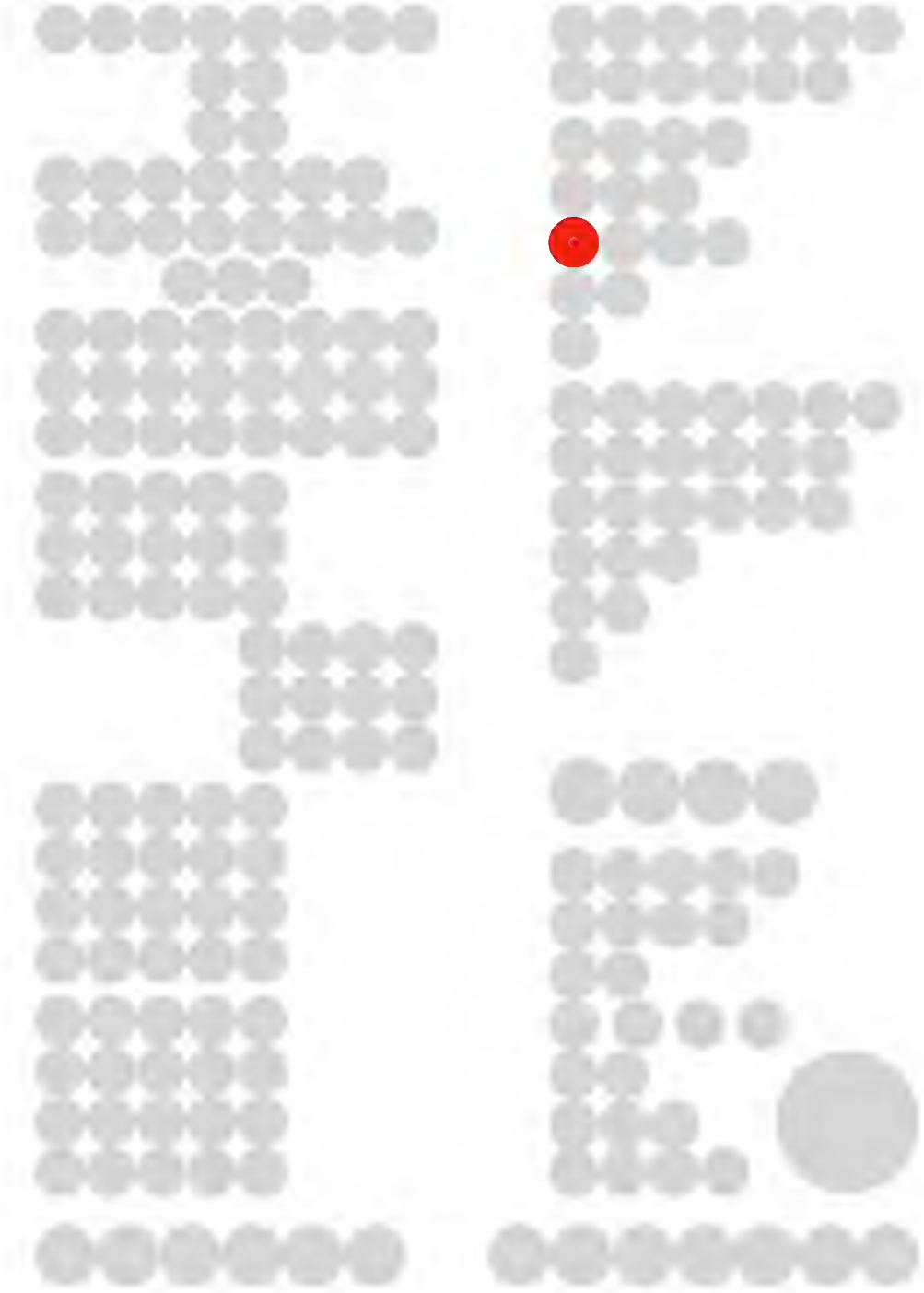

4. **Ngã mạn triền:** là bị trói buộc do sự kiêu căng, cống cao tự đắc. Ngã mạn triền là sở hữu ngã mạn.

NGÃ MẠN TRIỀN

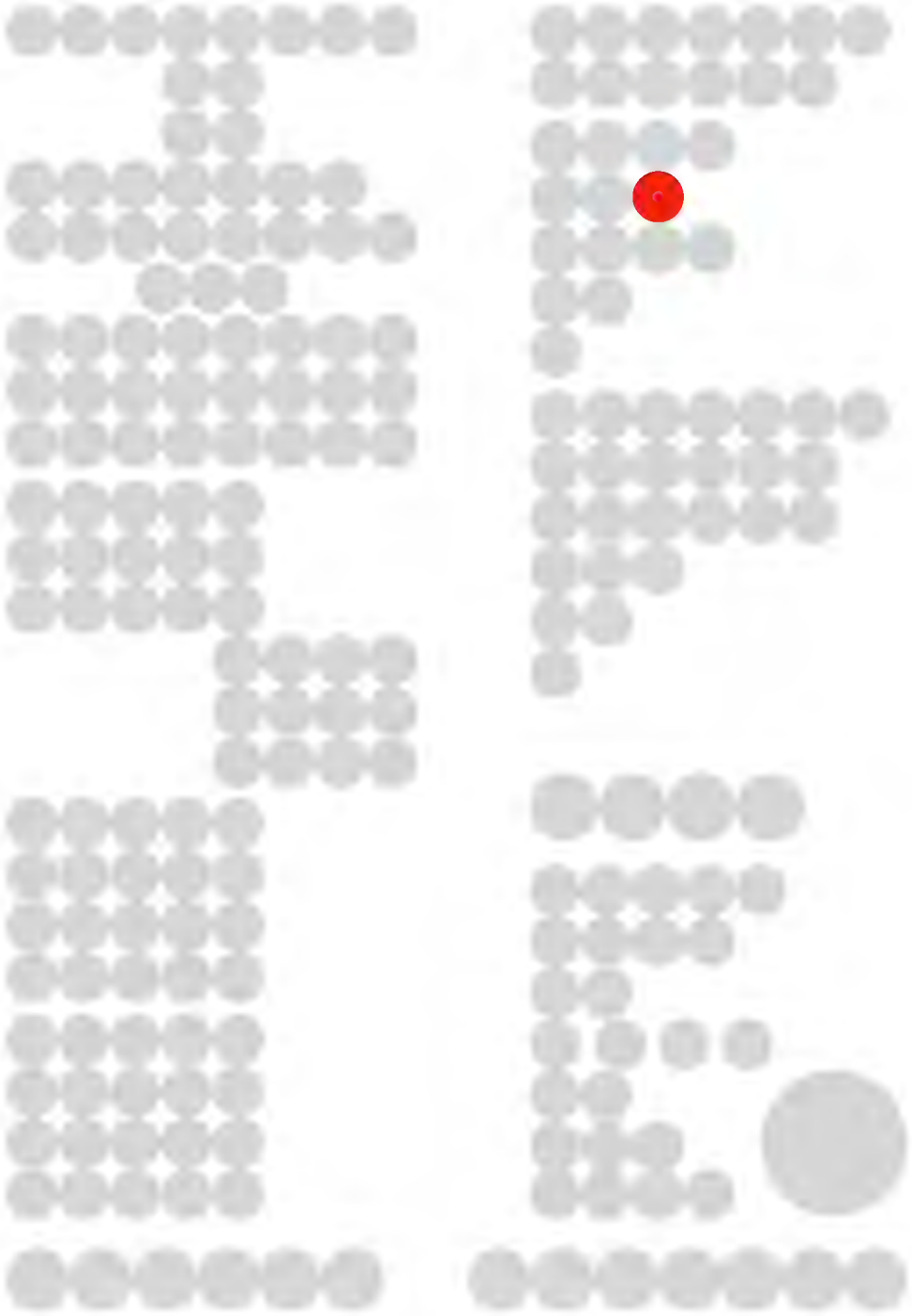

5. **Kiến triền:** là bị trói buộc bởi thấy sai, tà kiến. Kiến triền là sở hữu tà kiến.

KIẾN TRIỀN

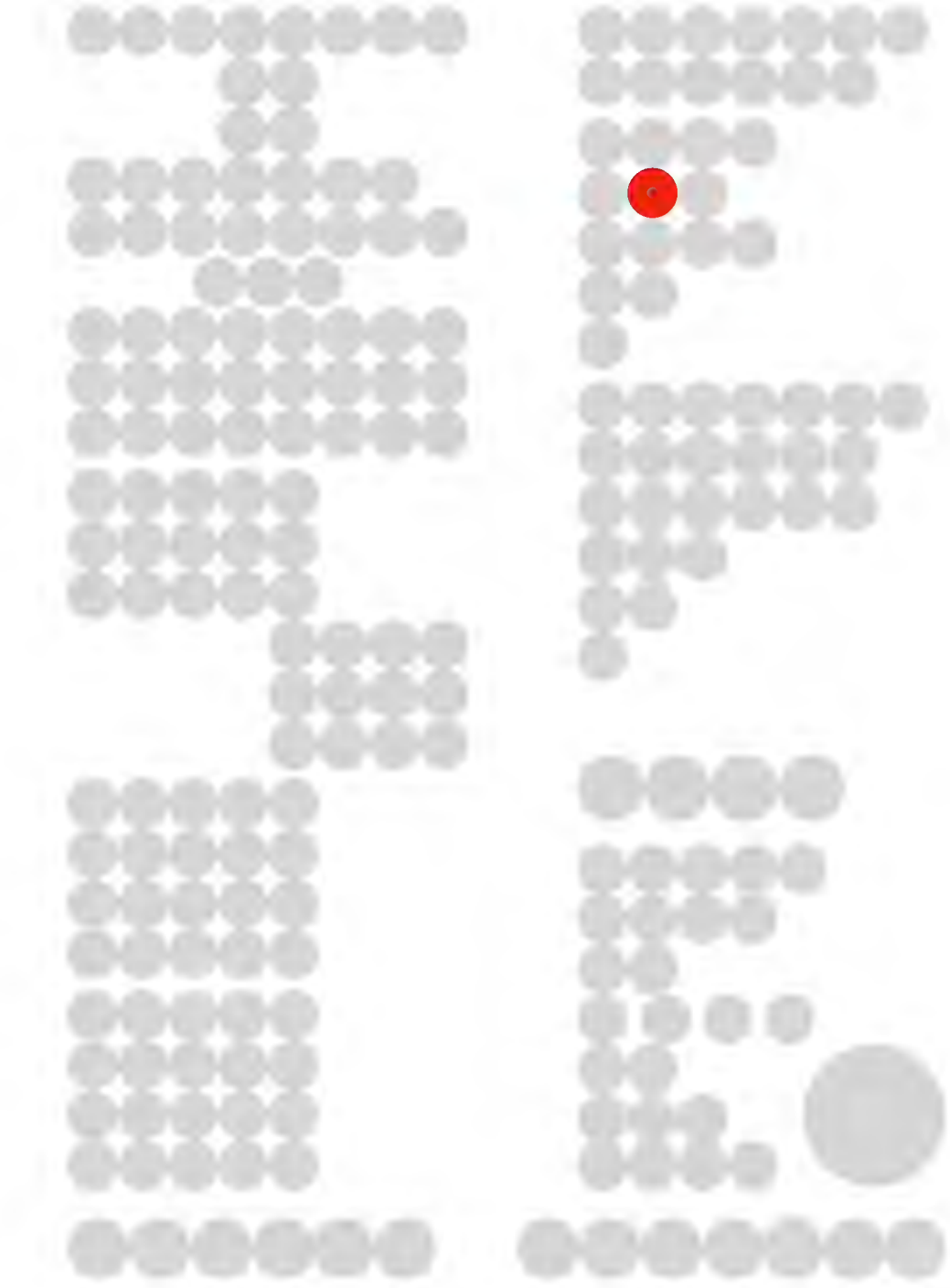

6. **Giới cấm thủ triền:** là bị trói buộc trong giới luật tà đạo, vâng giữ theo những điều vô lý. Giới cấm thủ triền là sở hữu tà kiến.

GIỚI CẤM THỦ TRIỀN

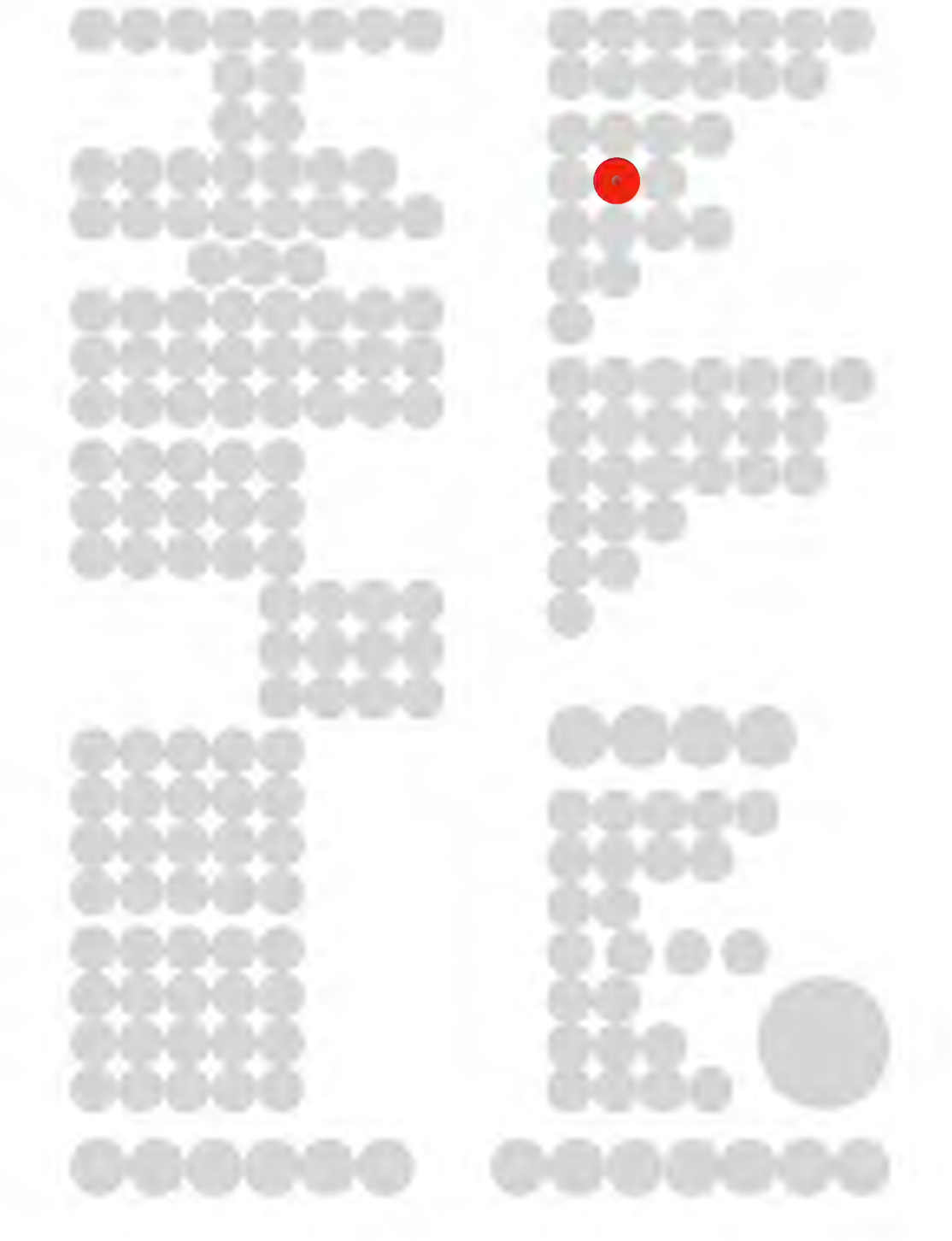

7. **Hoài nghi triền:** là bị trói buộc bởi sự nghi ngờ tam bảo, nhân quả, luân hồi. Hoài nghi triền là sở hữu hoài nghi.

HOÀI NGHI TRIỀN

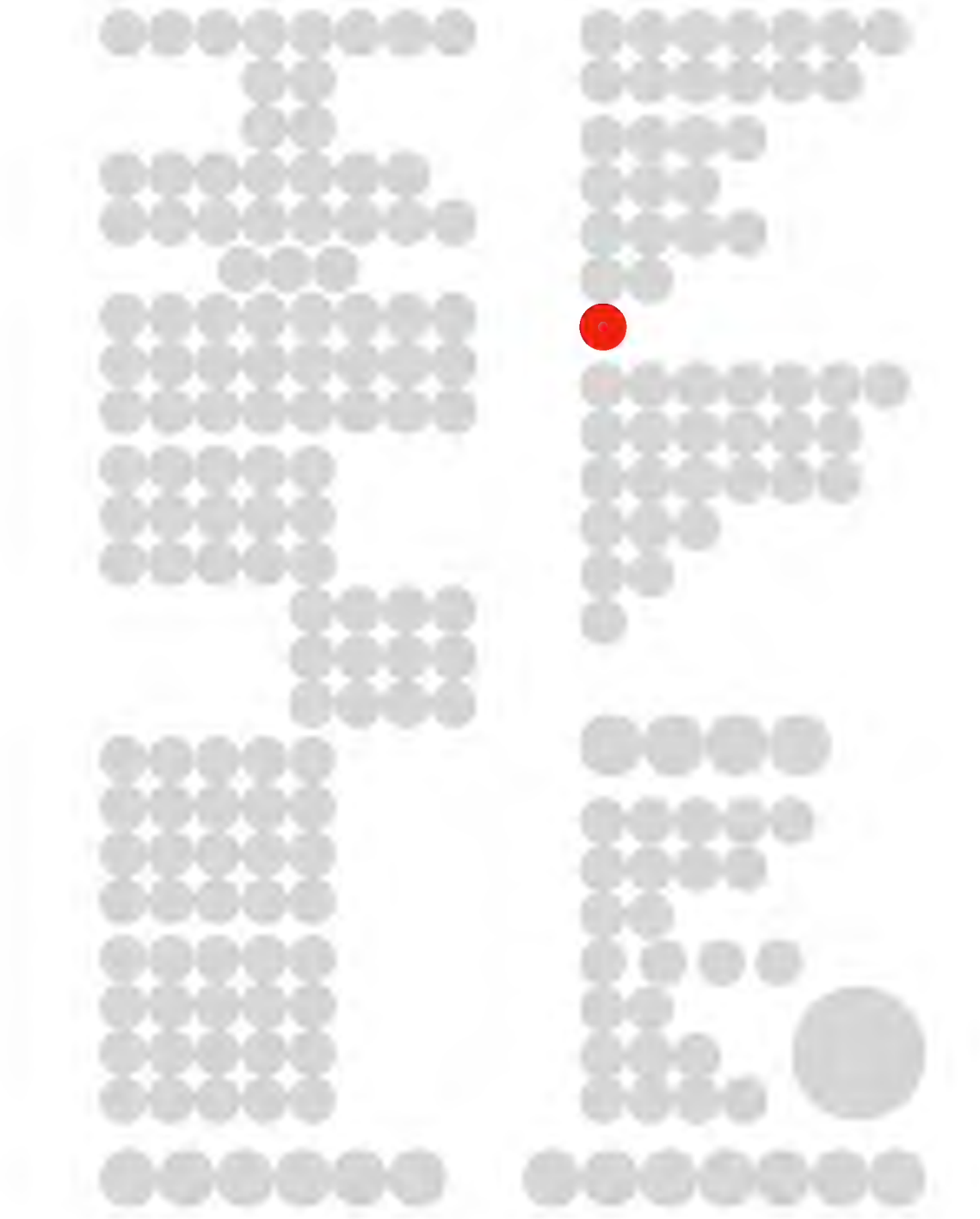

8. **Tật triền:** là bị trói buộc bởi sự ganh tỵ, ghen ghét. Tật triền là sở hữu tật.

TẬT TRIỀN

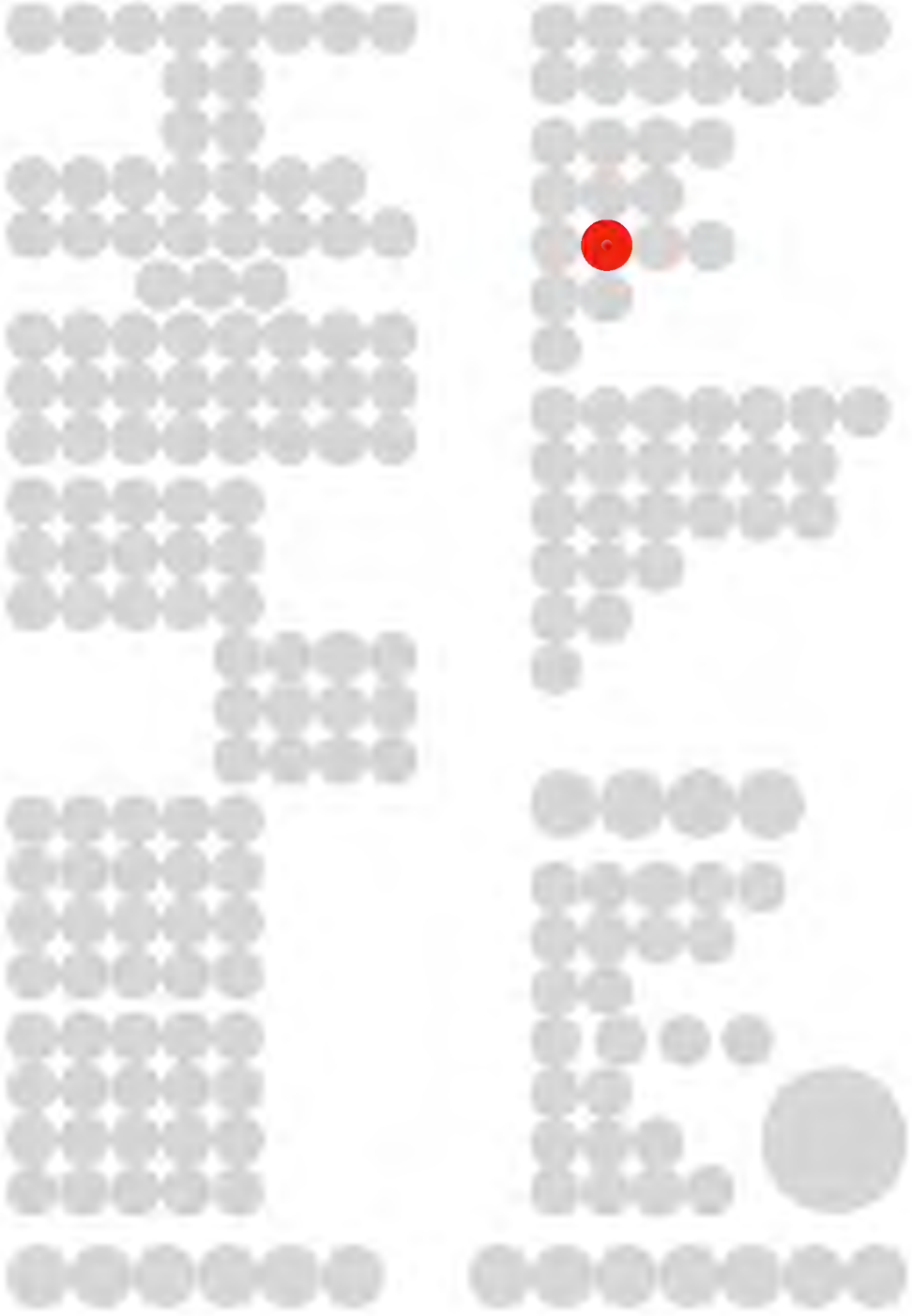

9. **Lận triền:** là bị trói buộc bởi lòng keo kiệt, bỏn xẻn. Lận triền là sở hữu lận.

LẬN TRIỀN

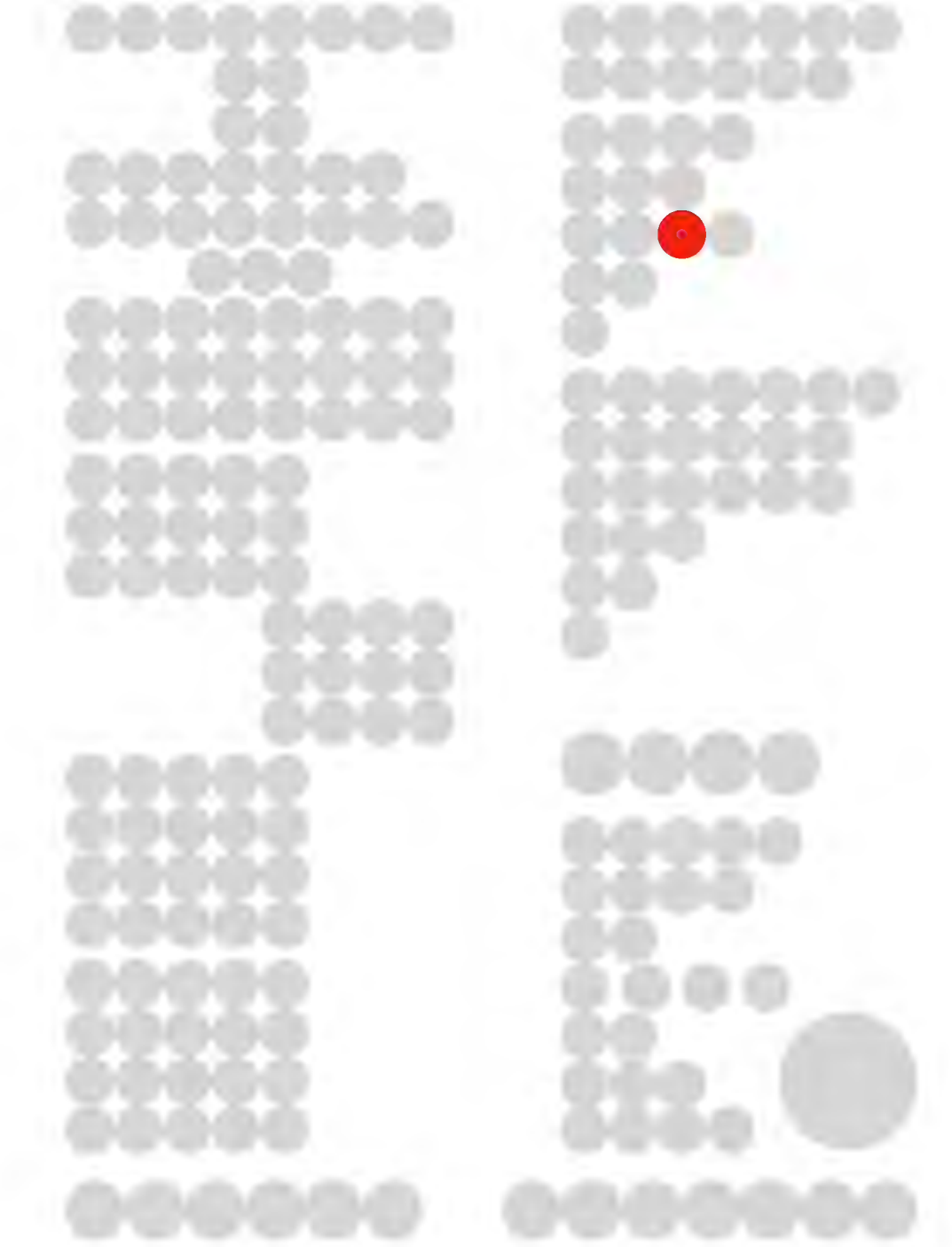

10. **Vô minh triền:** là bị trói buộc bởi sự si mê, vô minh không sáng suốt. Vô minh triền là sở hữu si.

VÔ MINH TRIỀN

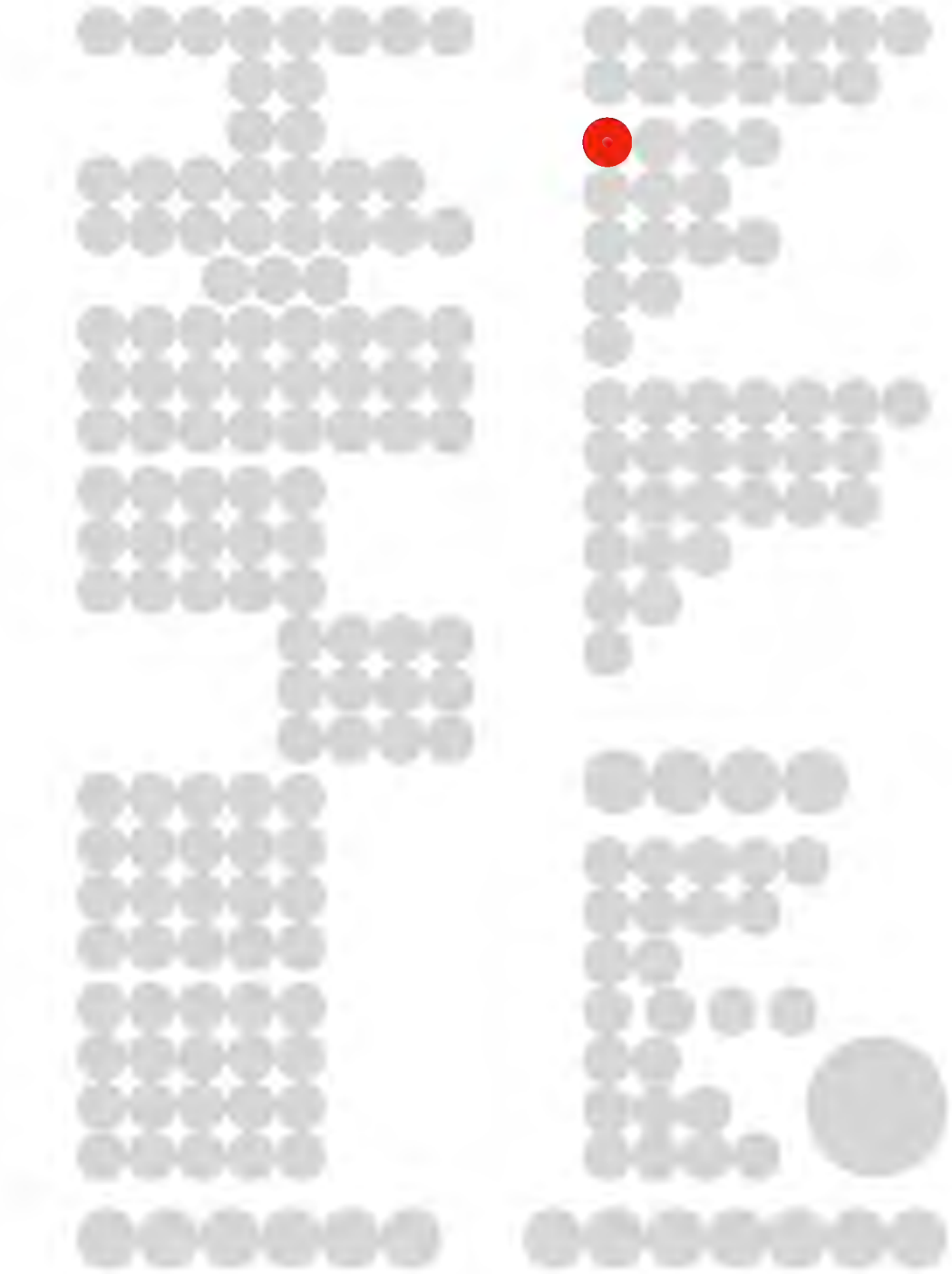

CHƯƠNG XVII
(BÀI 33)

THẬP PHIỀN NÃO

I. Định nghĩa:

Phiền não là mê hoặc, không giác ngộ, buồn bực, phiền muộn, quấy rầy, phiền nhiễu.

Thập phiền não là: tham phiền não, sân phiền não, si phiền não, ngã mạn phiền não, tà kiến phiền não, hoài nghi phiền não, hôn trầm phiền não, phóng dật phiền não, vô tàm phiền não, vô quý phiền não.

Thập phiền não là mười pháp làm cho tâm bị nhơ đục, nóng nảy.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Tham phiền não:** là lòng tham muốn ngũ trần lục dục làm cho tâm nhơ đục, là sở hữu tham.
2. **Sân phiền não:** là lòng sân hận làm mờ ám tâm trí, là sở hữu sân.
3. **Si phiền não:** là trạng thái mê muội bao phủ tâm trí, là sở hữu si.

4. **Ngã mạn phiền não:** sự kiêu mạn là pháp bất thiện làm cho tâm trí bợn nhơ, là sở hữu ngã mạn.
5. **Tà kiến phiền nào:** là kiến chấp sai lầm làm mờ ám tâm trí, là sở hữu tà kiến.
6. **Hoài nghi phiền não:** là trạng thái phân vân, lưỡng lự, nghi ngờ tam bảo, nhân quả, nghiệp báo luân hồi làm nhơ đục tâm trí, là sở hữu hoài nghi.
7. **Hôn trầm phiền não:** là sự buồn ngủ dã dượi khởi lên ngăn che tâm trí sáng suốt, là sở hữu hôn trầm.
8. **Phóng dật phiền não:** là trạng thái lao chao, loạn động làm cho tâm trí bị chi phối theo cảnh trần, cũng là pháp làm cho nhơ nhớp tâm trí, là sở hữu phóng dật.
9. **Vô tàm phiền não:** là trạng thái không hổ thẹn tội lỗi, làm nhơ nhớp tâm trí, là sở hữu vô tàm.
10. **Vô uý phiền não:** là trạng thái không ghê sợ tội lỗi làm dơ nhớp tâm trí, là sở hữu vô quý.

III. Kết luận:

Mười phiền não trên làm nhơ đục tâm trí đưa đến sự phiền muộn khổ đau. Muốn tránh xa mười phiền não này chỉ có con đường duy nhất là thực hành Tứ Niệm Xứ.

Bản thân của mỗi người đều có mười phiền não sanh lên thường xuyên do đó hãy đem lòng thông cảm cho người khác khi thấy họ cũng có mười phiền não như mình./.

==***==

Hết bài số 33
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 31/03/2020 (8/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XVIII

SƠ ĐỒ THẬP PHIỀN NÃO

Phân tích chi pháp

1. **Tham phiền não:** là lòng tham muốn ngũ trần lục dục làm cho tâm nhơ đục, là sở hữu tham.

THAM PHIỀN NÃO

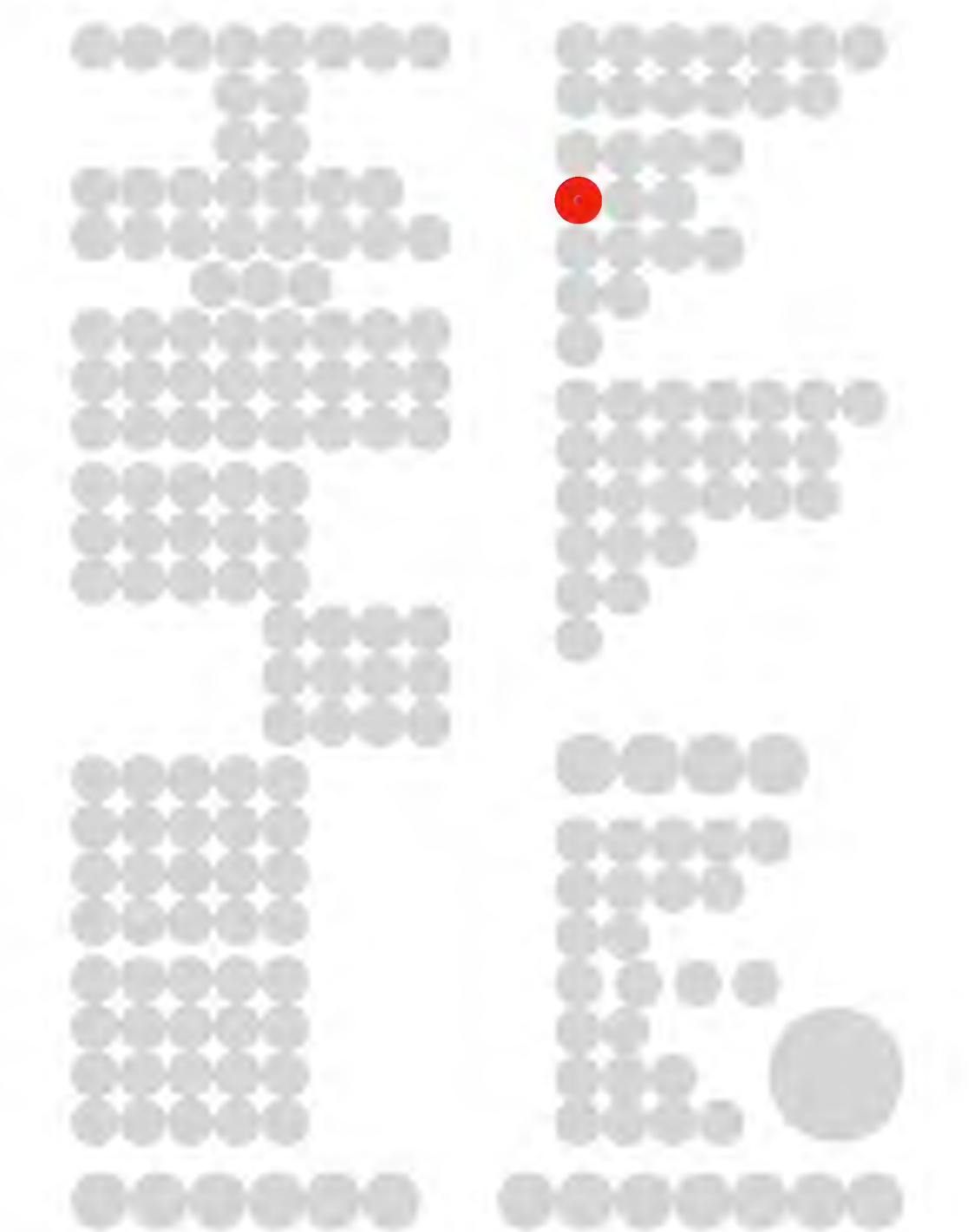

2. **Sân phiền não:** là lòng sân hận làm mờ ám tâm trí, là sở hữu sân.

SÂN PHIỀN NÃO

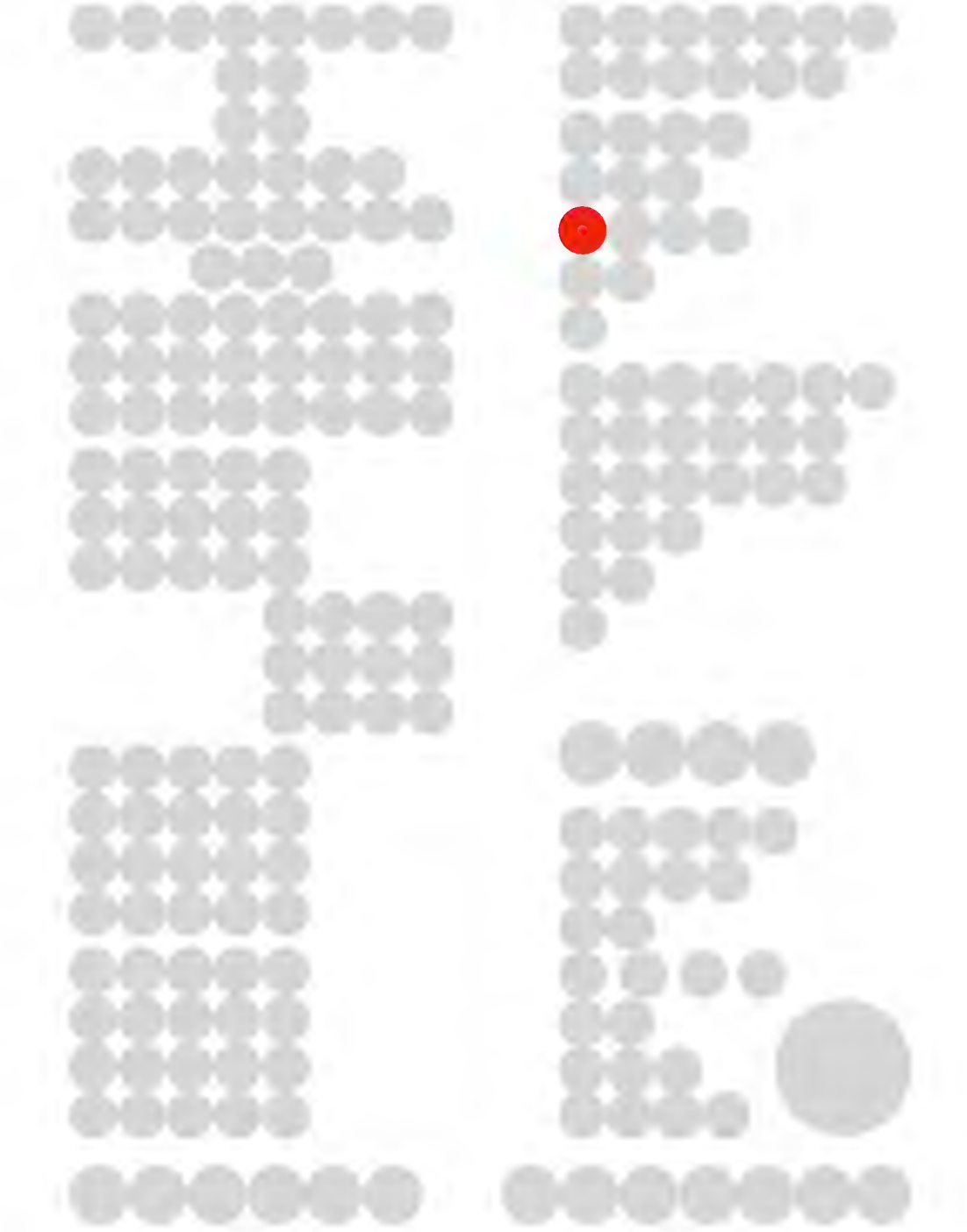

3. **Si phiền não:** là trạng thái mê muội bao phủ tâm trí, là sở hữu si.

SI PHIỀN NÃO

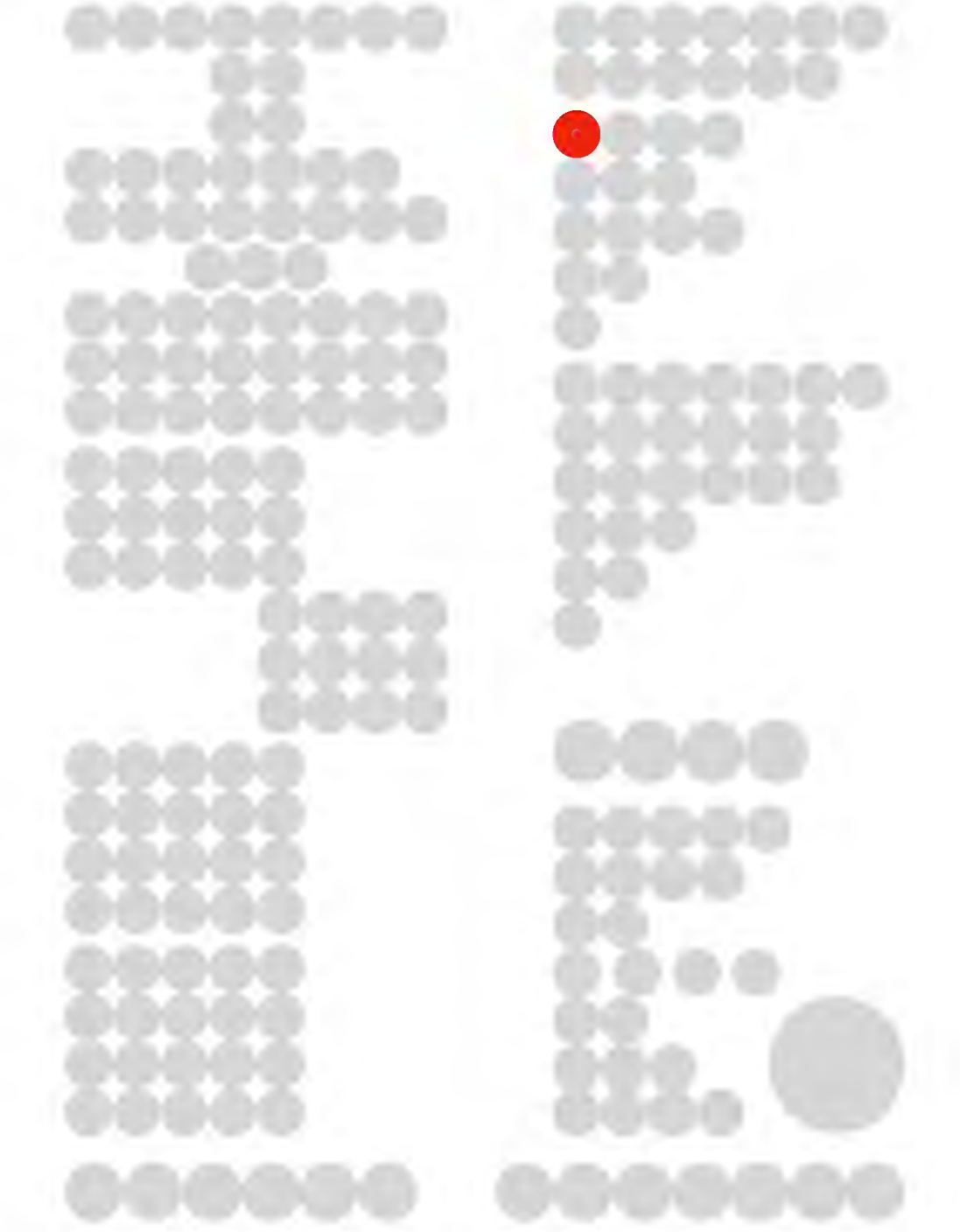

4. **Ngã mạn phiền não:** sự kiêu mạn là pháp bất thiện làm cho tâm trí bợn nhơ, là sở hữu ngã mạn.

NGÃ MẠN PHIỀN NÃO

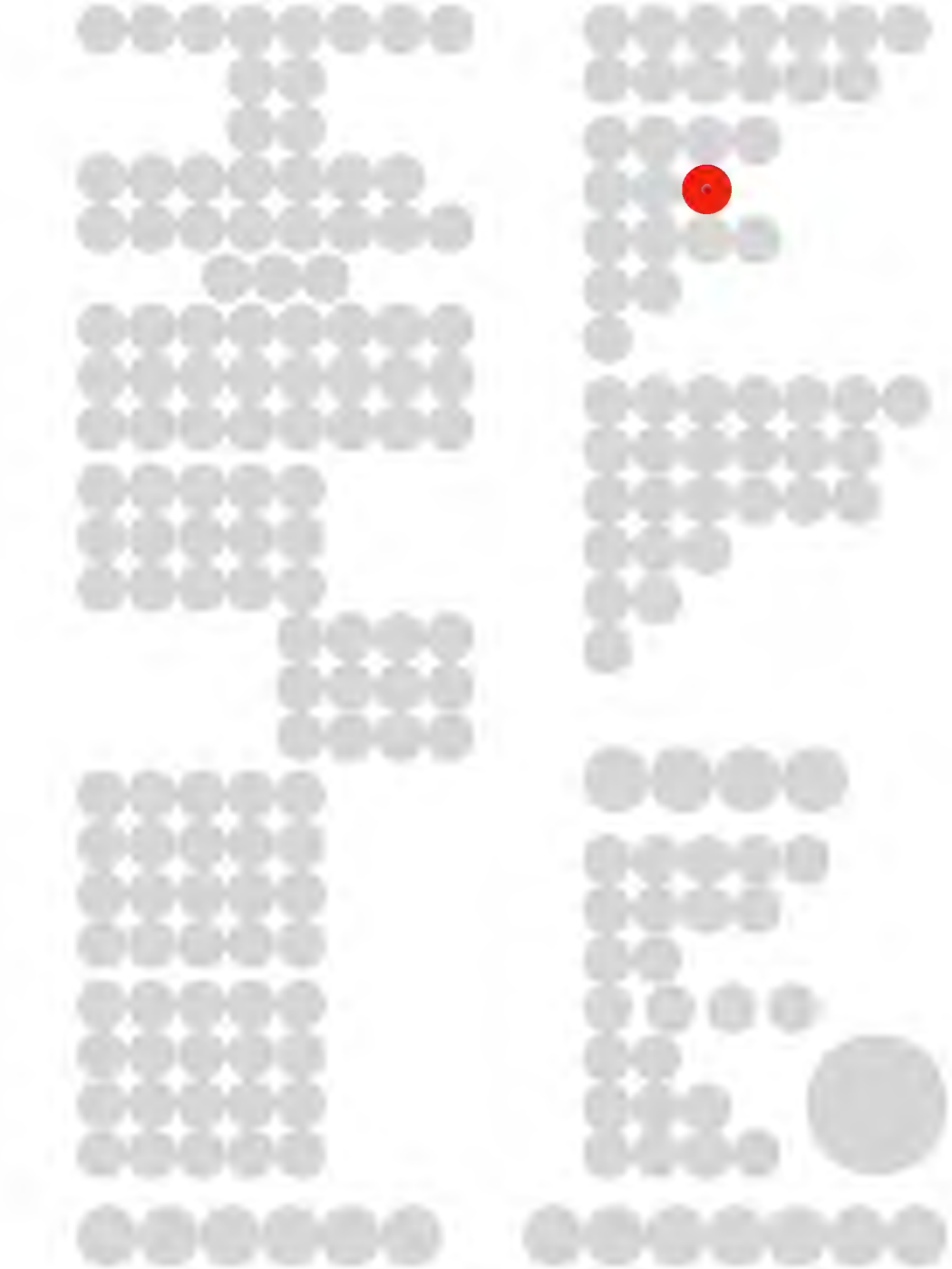

5. **Tà kiến phiền não:** là kiến chấp sai lầm làm mờ ám tâm trí, là sở hữu tà kiến.

TÀ KIẾN PHIỀN NÃO

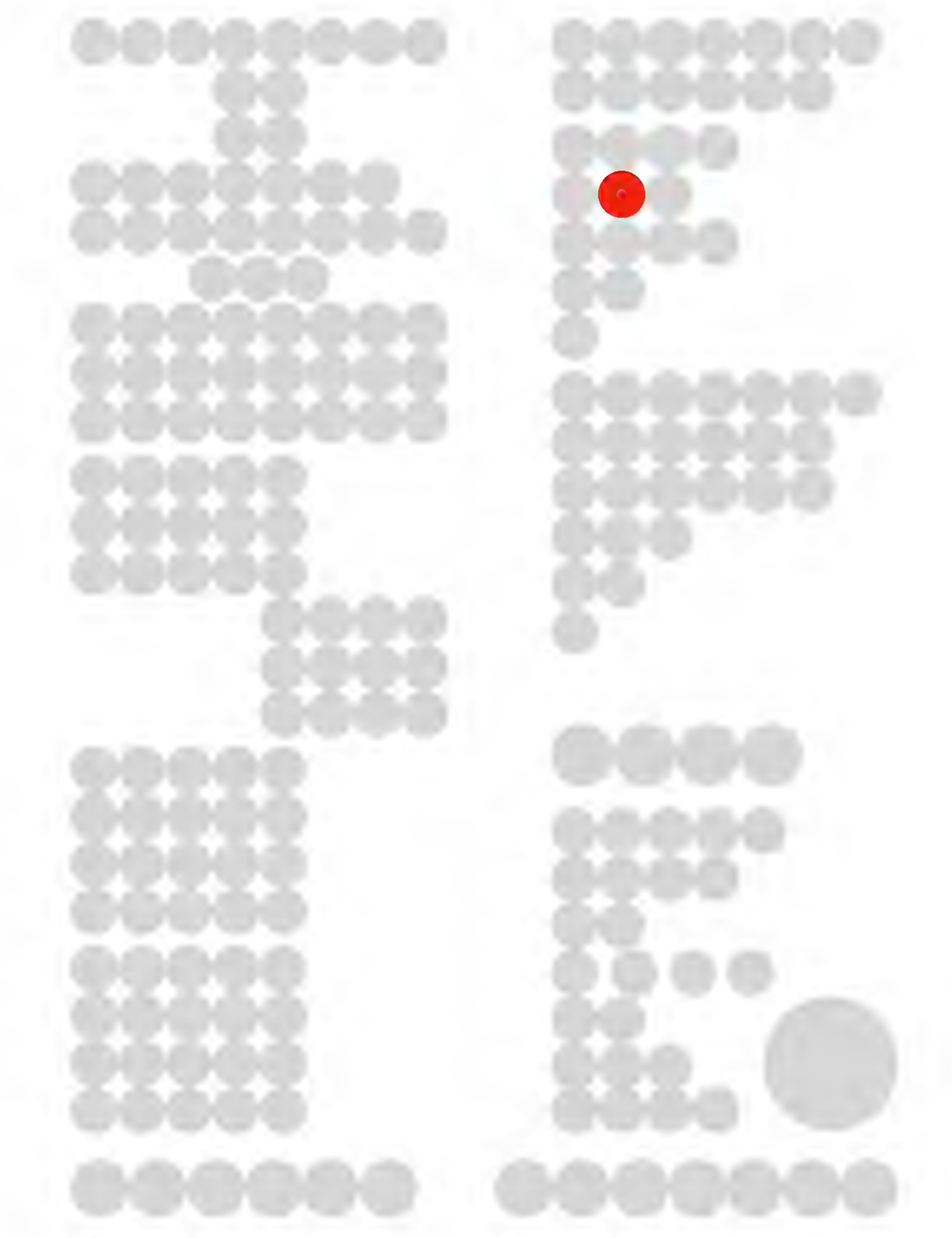

6. **Hoài nghi phiền não:** là trạng thái phân vân, lưỡng lự, nghi ngờ tam bảo, nhân quả, nghiệp báo luân hồi làm nhơ đục tâm trí, là sở hữu hoài nghi.

HOÀI NGHI PHIỀN NÃO

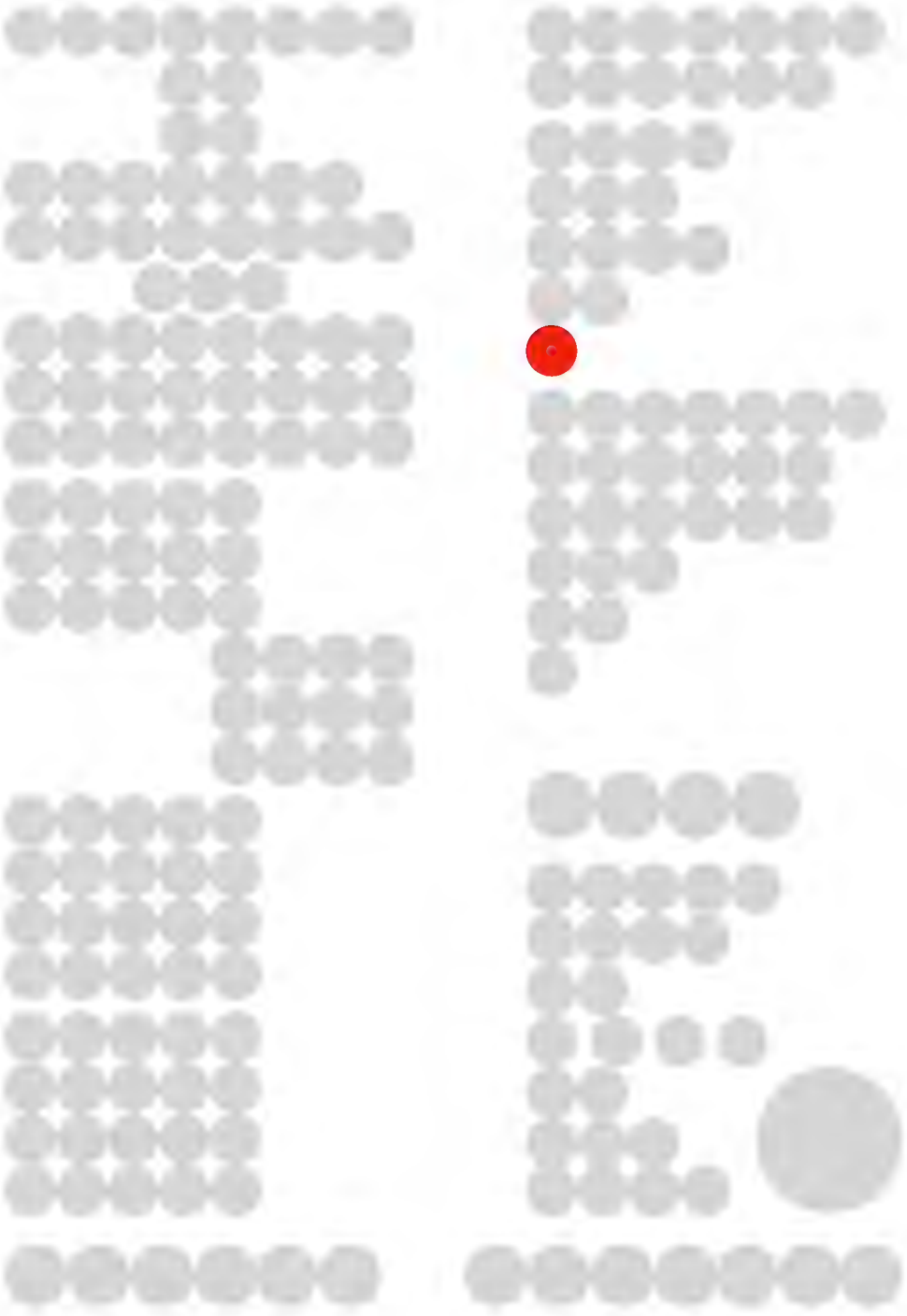

7. **Hôn trầm phiền não:** là sự buồn ngủ dã dượi khởi lên ngăn che tâm trí sáng suốt, là sở hữu hôn trầm.

HÔN TRẦM PHIỀN NÃO

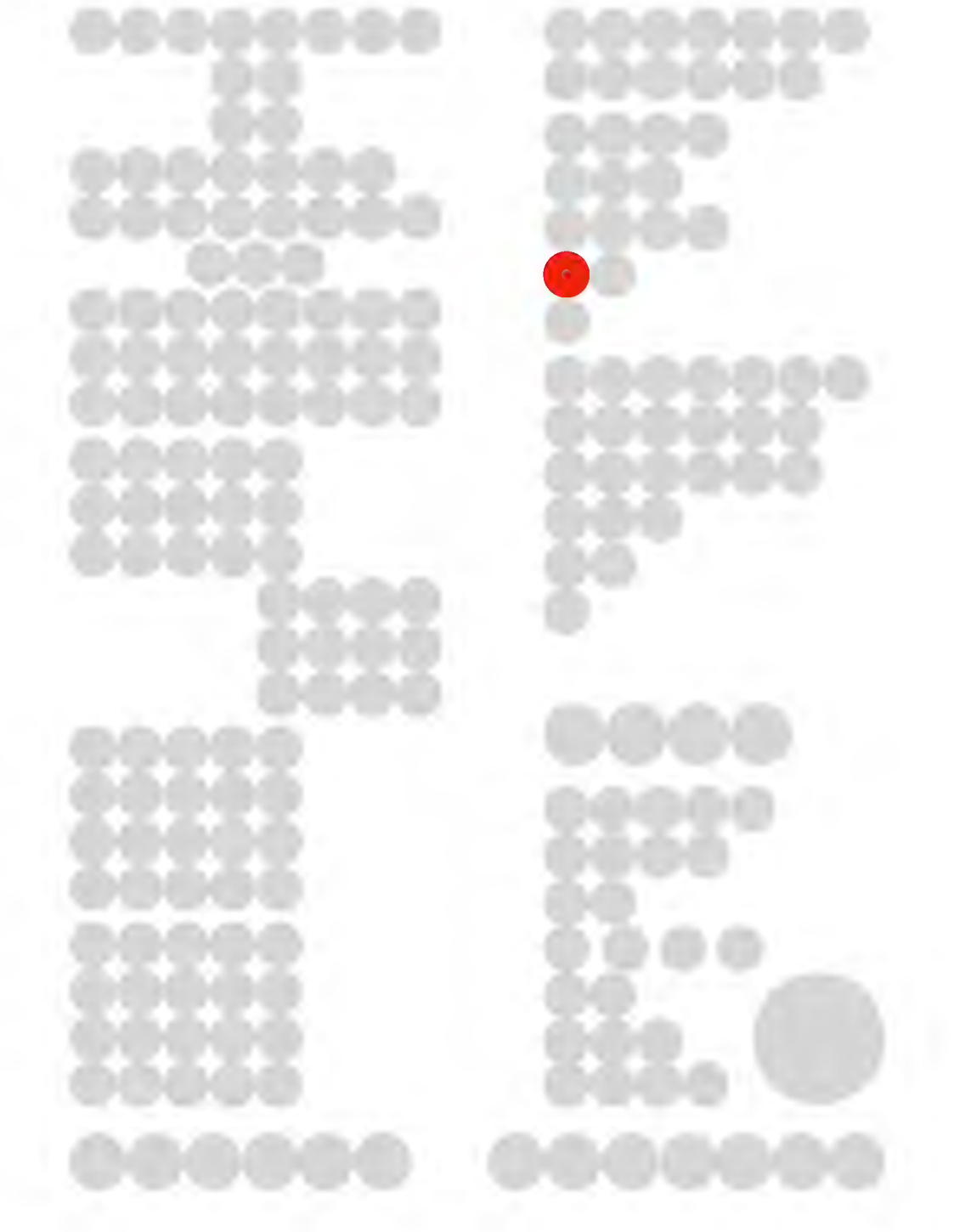

8. **Phóng dật phiền não:** là trạng thái lao chao, loạn động làm cho tâm trí bị chi phối theo cảnh trần, cũng là pháp làm cho nhơ nhớp tâm trí, là sở hữu phóng dật.

PHÓNG DẬT PHIỀN NÃO

9. **Vô tàm phiền não:** là trạng thái không hổ thẹn tội lỗi làm nhơ nhớp tâm trí, là sở hữu vô tàm.

VÔ TÀM PHIỀN NÃO

10.**Vô uý phiền não:** là trạng thái không ghê sợ tội lỗi làm nhơ nhớp tâm trí, là sở hữu vô uý.

VÔ UÝ PHIỀN NÃO

CHƯƠNG XIX
(BÀI 34)

16 CHỈ ĐẠO

I. Định nghĩa:

Đạo là con đường, đường đi. 16 chi đạo là 16 phần của con đường dẫn đến cảnh khổ, cảnh vui và Niết Bàn.

16 chi đạo là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Chánh kiến:** là tri kiến thấy đúng với nhân quả nghiệp báo luân hồi tái sinh, thấy rõ tứ diệu đế: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Là sở hữu trí tuệ.

2. **Chánh tư duy:** là suy nghĩ chơn chánh, tức là suy nghĩ xa lìa ngũ dục, xa lìa sân hận, xa lìa hãm hại. Là sở hữu tầm.

3. **Chánh ngữ:** là ngăn ngừa hay trừ tà ác ngữ tức là không nói dối, không nói lời đâm thọc, không nói lời hung dữ, không nói lời nhảm nhí vô ích. Là sở hữu chánh ngữ

4. **Chánh nghiệp:** là hành động chơn chánh của thân tức là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Là sở hữu chánh nghiệp.

5. **Chánh mạng:** là ngăn ngừa hay diệt trừ thân, khẩu ác vì nuôi thân mạng, tức là nuôi mạng sống chơn chánh như không buôn bán người, thuốc phiện, vũ khí, thú vật, rượu bia. Người xuất gia không gợi ý, không đề nghị để nuôi mạng trừ bệnh tật hoặc có lời yêu cầu trước của thí chủ. Là sở hữu chánh mạng.

6. **Chánh tinh tấn:** là sự siêng năng chơn chánh ngăn ngừa những điều ác chưa sanh khởi không cho sanh khởi, ngăn ngừa những điều ác đã sanh khởi không cho

sanh khởi, tinh tấn trao dồi những thiện pháp chưa sanh khởi được sanh khởi, tinh tấn duy trì nhưng thiện pháp đã sanh khởi được phát triển. Còn gọi là tứ chánh cần: thận cần, trừ cần, tu cần, bảo cẩn. Là sở hữu cần.

7. **Chánh niệm:** là niệm chơn chánh tức là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp. Là sở hữu niệm.

8. **Chánh định:** là định tâm chơn chánh tức là định trong sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Là sở hữu nhất hành.

9. **Tà kiến**: là sự hiểu biết sai lầm trái với sự thật ngược lại với chánh kiến. Là sở hữu tà kiến.

10. **Tà tư duy:** là sự suy nghĩ tà vạy trái với chánh tư duy. Là sở hữu tầm hợp với tâm bất thiện.

11.**Tà ngữ:** là lời nói tà vạy trái với chánh ngữ. không có chi pháp riêng biệt.

12.**Tà nghiệp:** là hành động của thân tà vạy trái với chánh nghiệp. không có chi pháp riêng biệt.

13.**Tà mạng:** là nuôi mạng sống bằng thân khẩu ác trái với chánh mạng. không có chi pháp riêng biệt.

14.**Tà tinh tấn:** là siêng năng làm các việc ác trái với chánh tinh tấn. Là sở hữu cần hợp với tâm bất thiện.

15.**Tà niệm:** là trái với chánh niệm. Không có chi pháp riêng biệt.

16.**Tà định:** là định tâm không chơn chánh tức là cách tu tập định tâm ngoài 4 bậc thiền (sơ, nhị, tam, tứ thiền), không có những chi thiền như tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm. Là sở hữu nhất hành hợp với tâm bất thiện.

III. Kết luận:

==***==

Hết bài số 34
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 01/04/2020 (9/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XX

SƠ ĐỒ 16 CHI ĐẠO

Phân tích chi pháp

1. **Chánh kiến:** là tri kiến thấy đúng với nhân quả nghiệp báo luân hồi tái sinh, thấy rõ tứ diệu đế: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Là sở hữu trí tuệ.

CHÁNH KIẾN

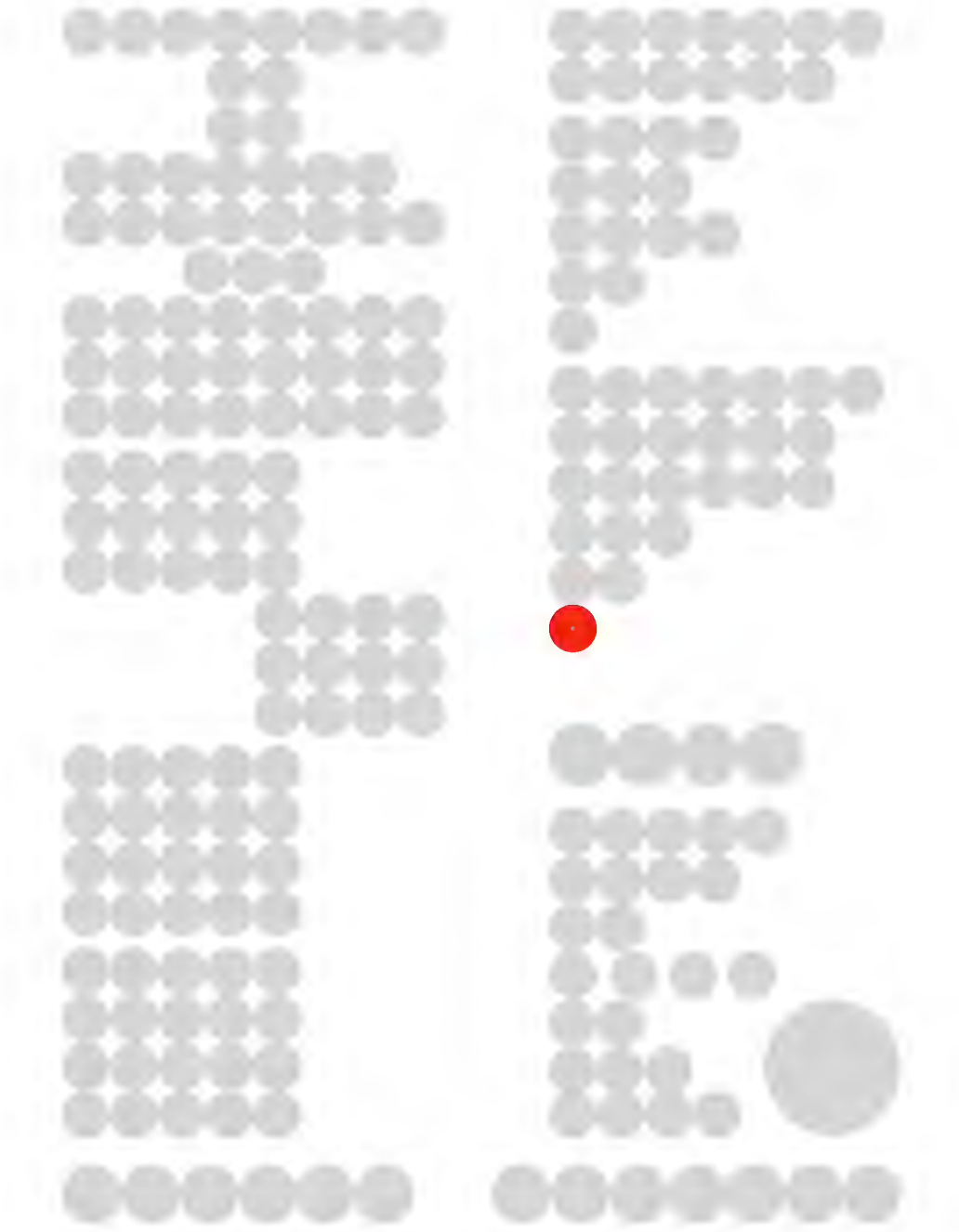

2. **Chánh tư duy:** là suy nghĩ chơn chánh, tức là suy nghĩ xa lìa ngũ dục, xa lìa sân hận, xa lìa hãm hại. Là sở hữu tầm.

CHÁNH TƯ DUY

3. **Chánh ngữ:** là ngăn ngừa hay trừ tà ác ngữ tức là không nói dối, không nói lời đâm thọc, không nói lời hung dữ, không nói lời nhảm nhí vô ích. Là sở hữu chánh ngữ

CHÁNH NGỮ

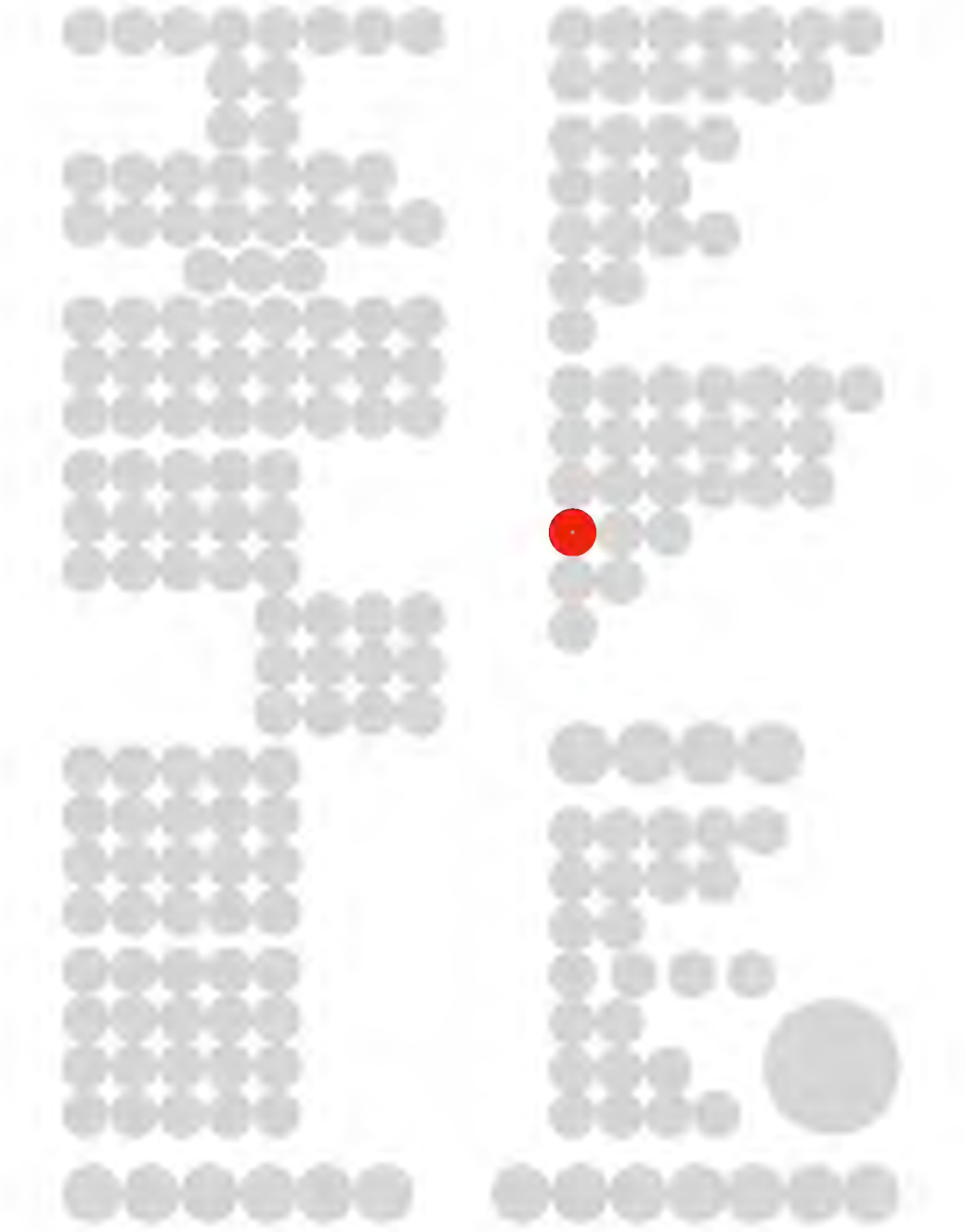

4. **Chánh nghiệp:** là hành động chơn chánh của thân tức là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Là sở hữu chánh nghiệp.

CHÁNH NGHIỆP

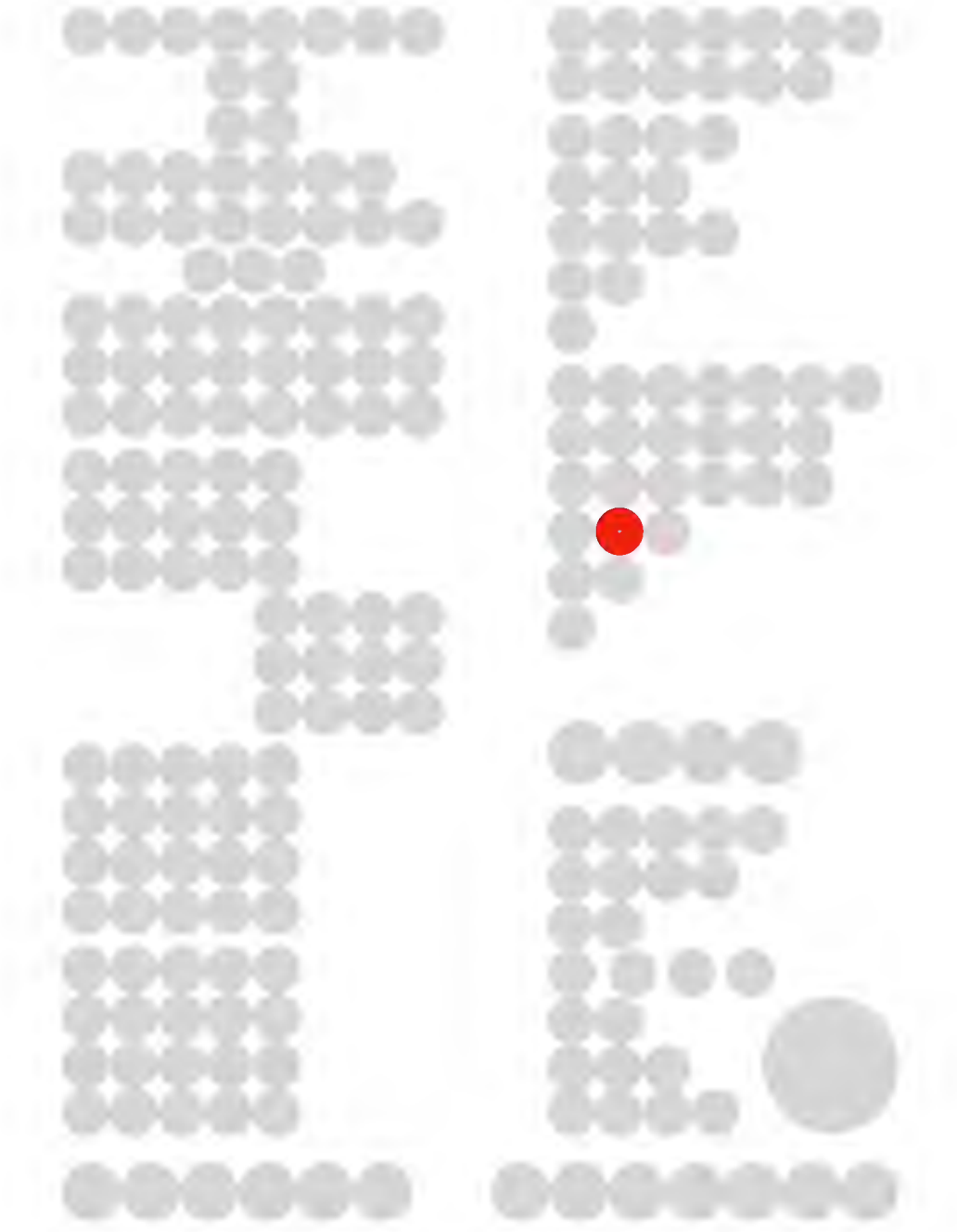

5. **Chánh mạng:** là ngăn ngừa hay diệt trừ thân, khẩu ác vì nuôi thân mạng, tức là nuôi mạng sống chơn chánh như không buôn bán người, thuốc phiện, vũ khí, thú vật, rượu bia.

CHÁNH MẠNG

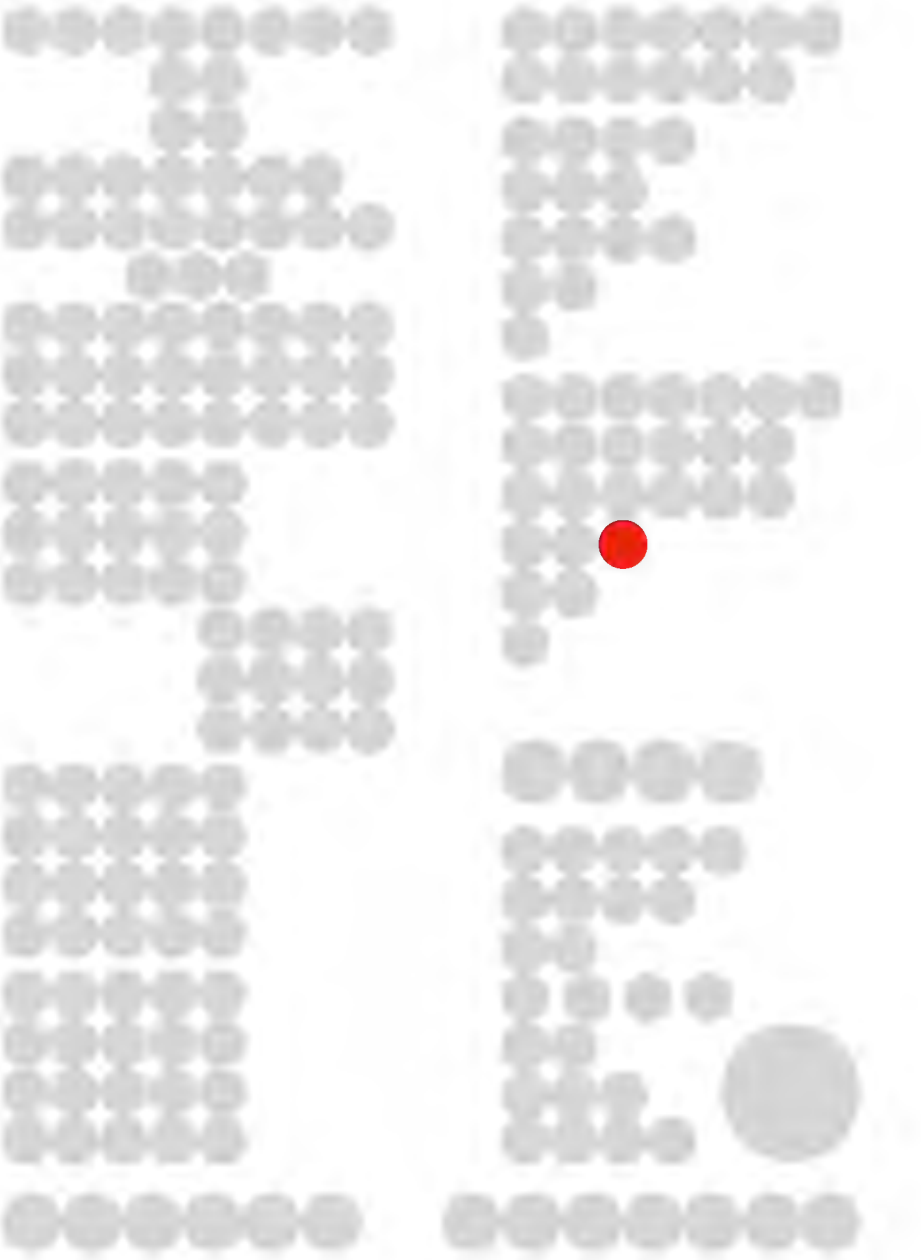

6. **Chánh tinh tấn:** Còn gọi là tứ chánh cần: thận cần, trừ cần, tu cần, bảo cần. Là sở hữu cần.

CHÁNH TINH TẤN

7. **Chánh niệm:** là niệm chơn chánh tức là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp. Là sở hữu niệm.

CHÁNH NIỆM

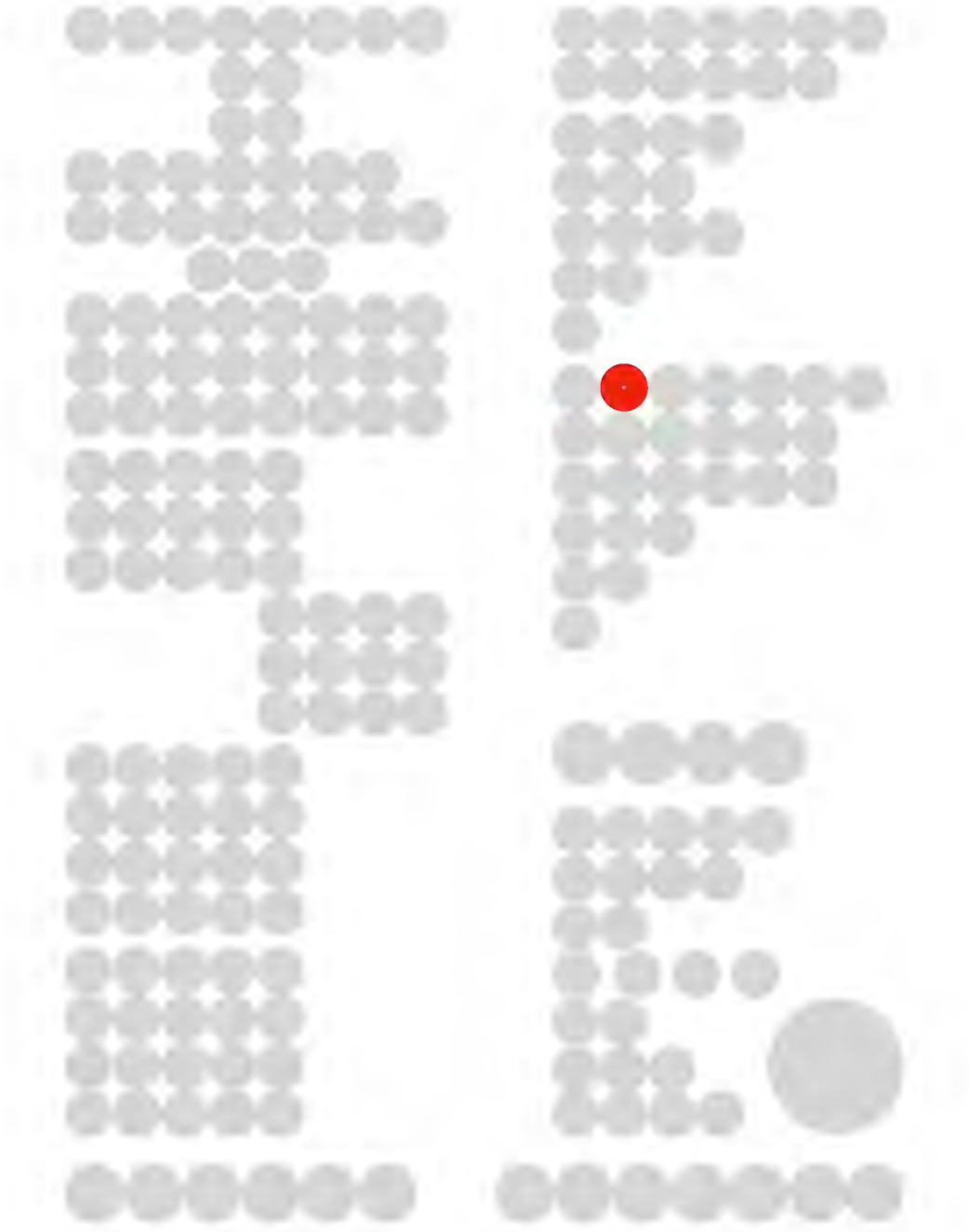

8. **Chánh định:** là định tâm chơn chánh tức là định trong sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Là sở hữu nhất hành.

CHÁNH ĐỊNH

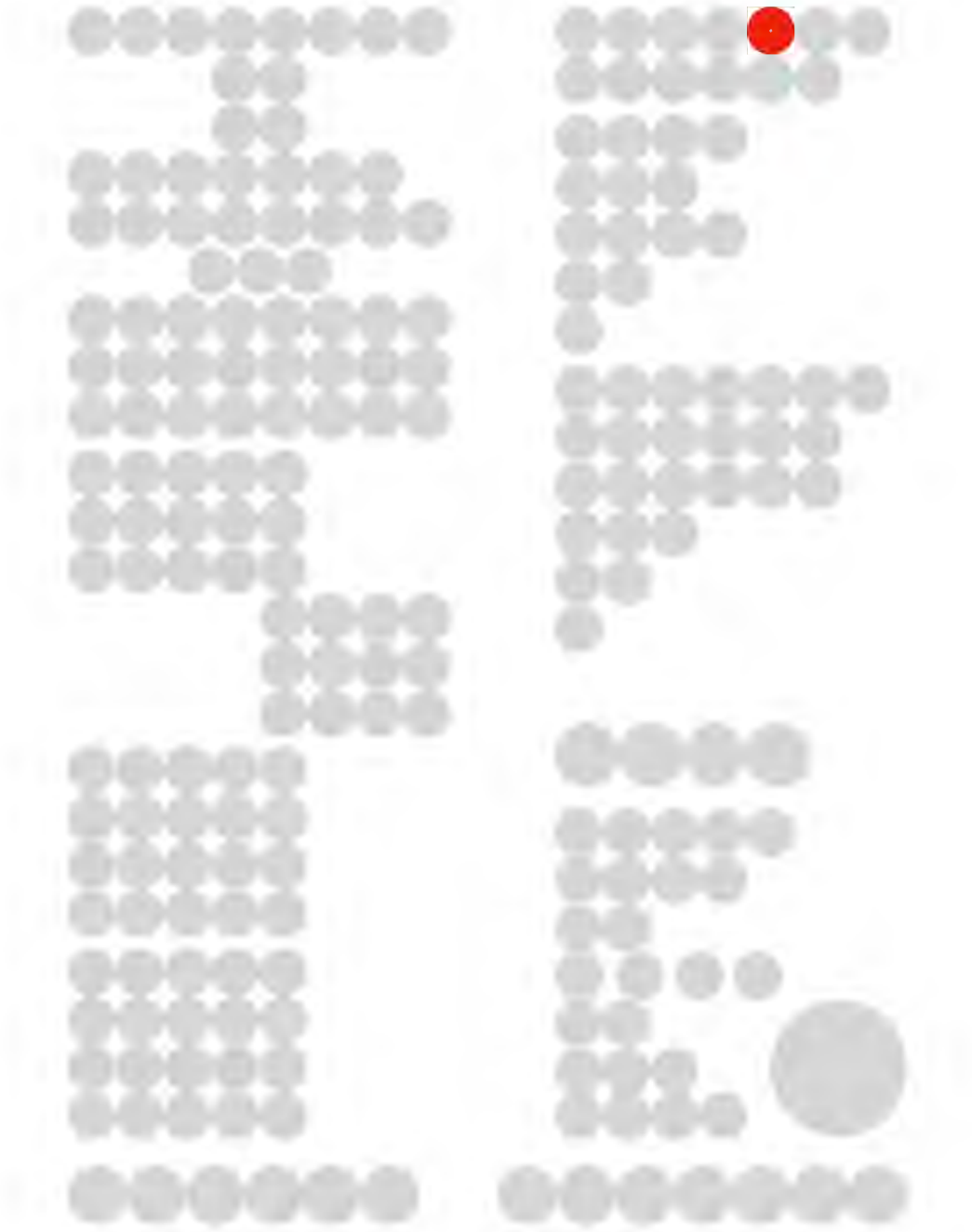

9. **Tà kiến**: là sự hiểu biết sai lầm trái với sự thật ngược lại với chánh kiến. Là sở hữu tà kiến.

TÀ KIẾN

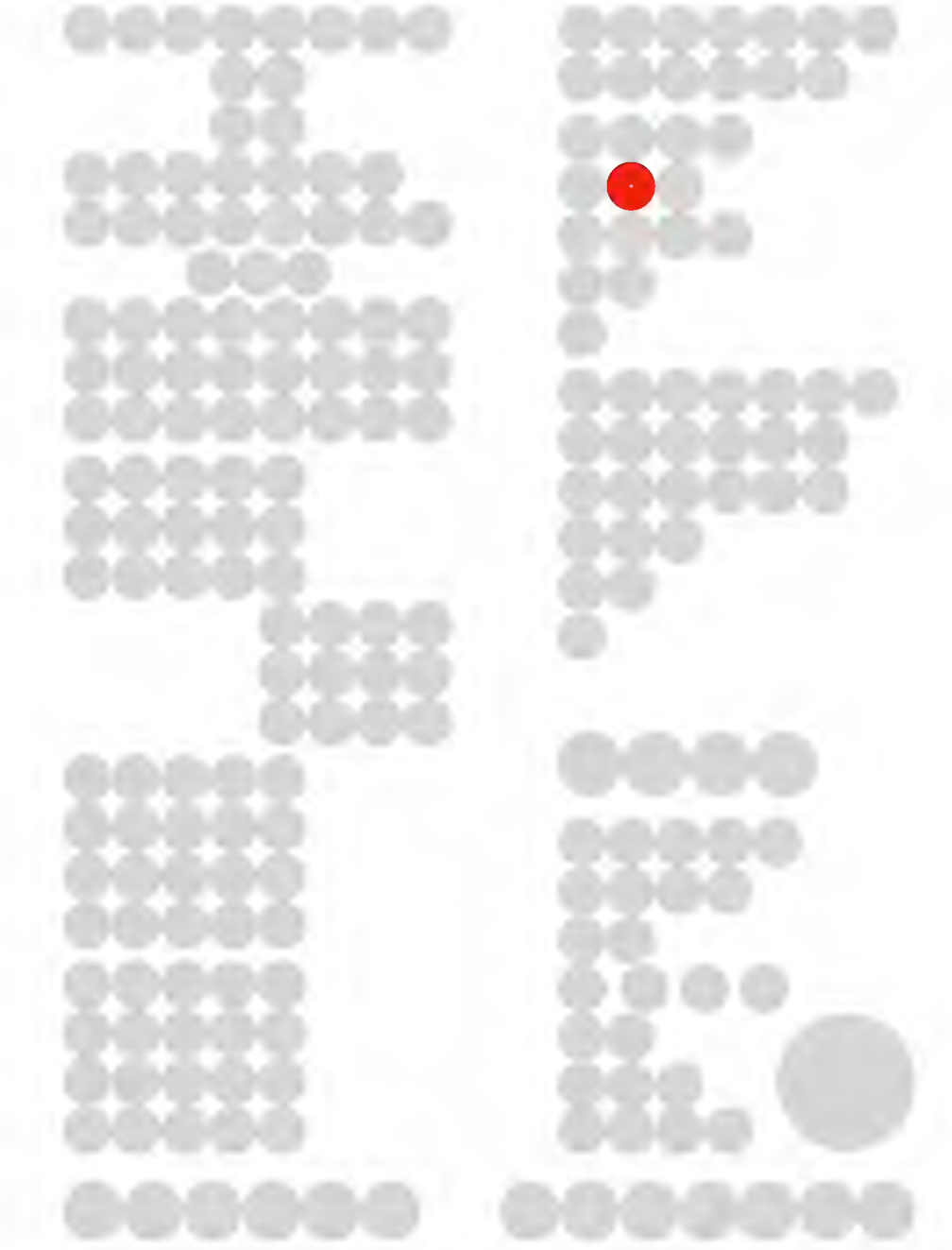

10.**Tà tư duy:** là sự suy nghĩ tà vạy trái với chánh tư duy. Là sở hữu tầm hợp với tâm bất thiện.

TÀ TƯ DUY

11.**Tà ngữ:** là lời nói tà vạy trái với chánh ngữ.
Không có chi pháp riêng biệt.

12.**Tà nghiệp:** là hành động của thân tà vạy trái với chánh nghiệp.
Không có chi pháp riêng biệt.

13.**Tà mạng:** là nuôi mạng sống bằng thân khẩu ác trái với chánh mạng.
Không có chi pháp riêng biệt.

14.**Tà tinh tấn:** là siêng năng làm các việc ác trái với chánh tinh tấn. Là sở hữu cần hợp với tâm bất thiện.

TÀ TINH TẤN

15.**Tà niệm:** là trái với chánh niệm.
Không có chi pháp riêng biệt.

16.**Tà định:** là định tâm không chơn chánh tức là cách tu tập định tâm ngoài 4 bậc thiền (sơ, nhị, tam, tứ thiền). Là sở hữu nhất hành hợp với tâm bất thiện.

TÀ ĐỊNH

CHƯƠNG XXI
(BÀI 35)

9 LỰC

I. Định nghĩa:

Lực là pháp có sức mạnh, có thể áp đảo được nghịch pháp. 9 lực là: tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tàm lực, vô uý lực.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Tín lực:** là sức mạnh của niềm tin, tin vào Tam Bảo, nghiệp báo, nhân quả luân hồi tái sinh, nhất là niềm tin của vị tu-đà-hườn, niềm tin bất động. Là sở hữu tín.

2. **Tấn lực:** là sức mạnh của sự tinh tấn, nhất là tứ chánh cần (thận cần, trừ cần, tu cần, bảo cần). Là sở hữu cần.

3. **Niệm lực:** là sức mạnh của chánh niệm tức là Tứ Niệm Xứ. Là sở hữu niệm.

4. **Định lực:** là sức mạnh của tâm định nhất là ngũ thiền. Là sở hữu nhất hành (sở hữu định, sở hữu nhất thống).

5. **Tuệ lực:** là sức mạnh của trí tuệ nhất là chánh kiến. Là sở hữu trí tuệ.

6. **Tàm lực:** là sức mạnh của sự hổ thẹn với điều ác xấu. Là sở hữu tàm.

7. **Úy lực:** là sức mạnh của sự ghê sợ các điều ác xấu. Là sở hữu úy.

8. **Vô tàm lực:** là sức mạnh của sự không biết hổ thẹn tội lỗi. Là sở hữu vô tàm.

9. **Vô úy lực:** là sức mạnh của sự không biết ghê sợ tội lỗi. Là sở hữu vô úy.

III.Kết luận:

Bài học 9 lực cho ta thấy sức mạnh của những pháp thiện và những pháp bất thiện. Nếu biết tận dụng những sức mạnh thiện thì an lạc hạnh phúc sẽ có mặt, nếu để những sức mạnh bất thiện tồn tại thì sẽ dẫn đến khổ đau./.

==***==

Hết bài số 35
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 02/04/2020 (10/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXII

SƠ ĐỒ 9 LỰC

Phân tích chi pháp

1. **Tín lực:** là sức mạnh của niềm tin, tin vào Tam Bảo, nghiệp báo, nhân quả luân hồi tái sinh, nhất là niềm tin của vị tu-đà-hườn, niềm tin bất động. Là sở hữu tín.

TÍN LỰC

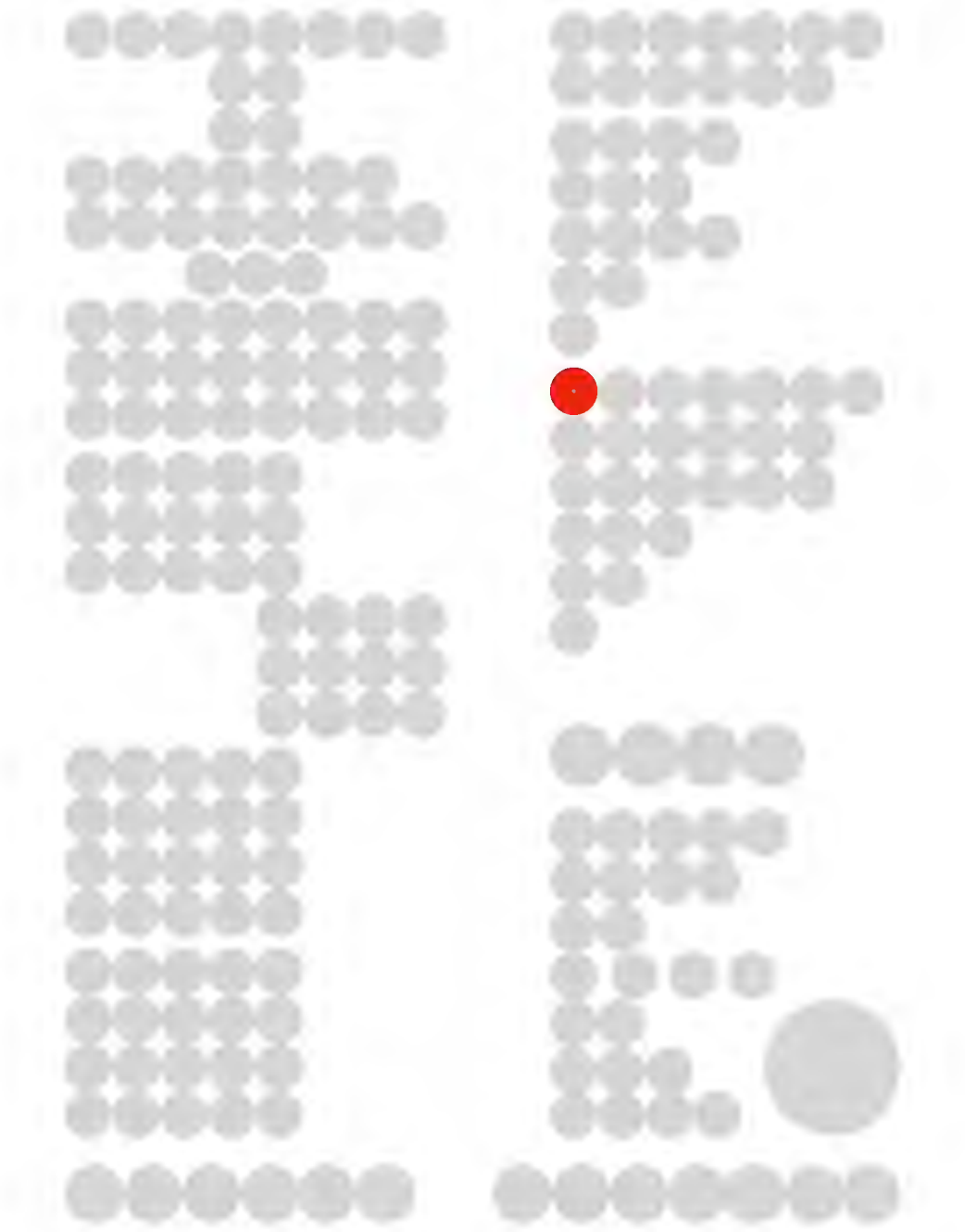

2. **Tấn lực:** là sức mạnh của sự tinh tấn, nhất là tứ chánh cần (thận cần, trừ cần, tu cần, bảo cần). Là sở hữu cần.

TẤN LỰC

3. **Niệm lực:** là sức mạnh của chánh niệm tức là Tứ Niệm Xứ. Là sở hữu niệm.

NIỆM LỰC

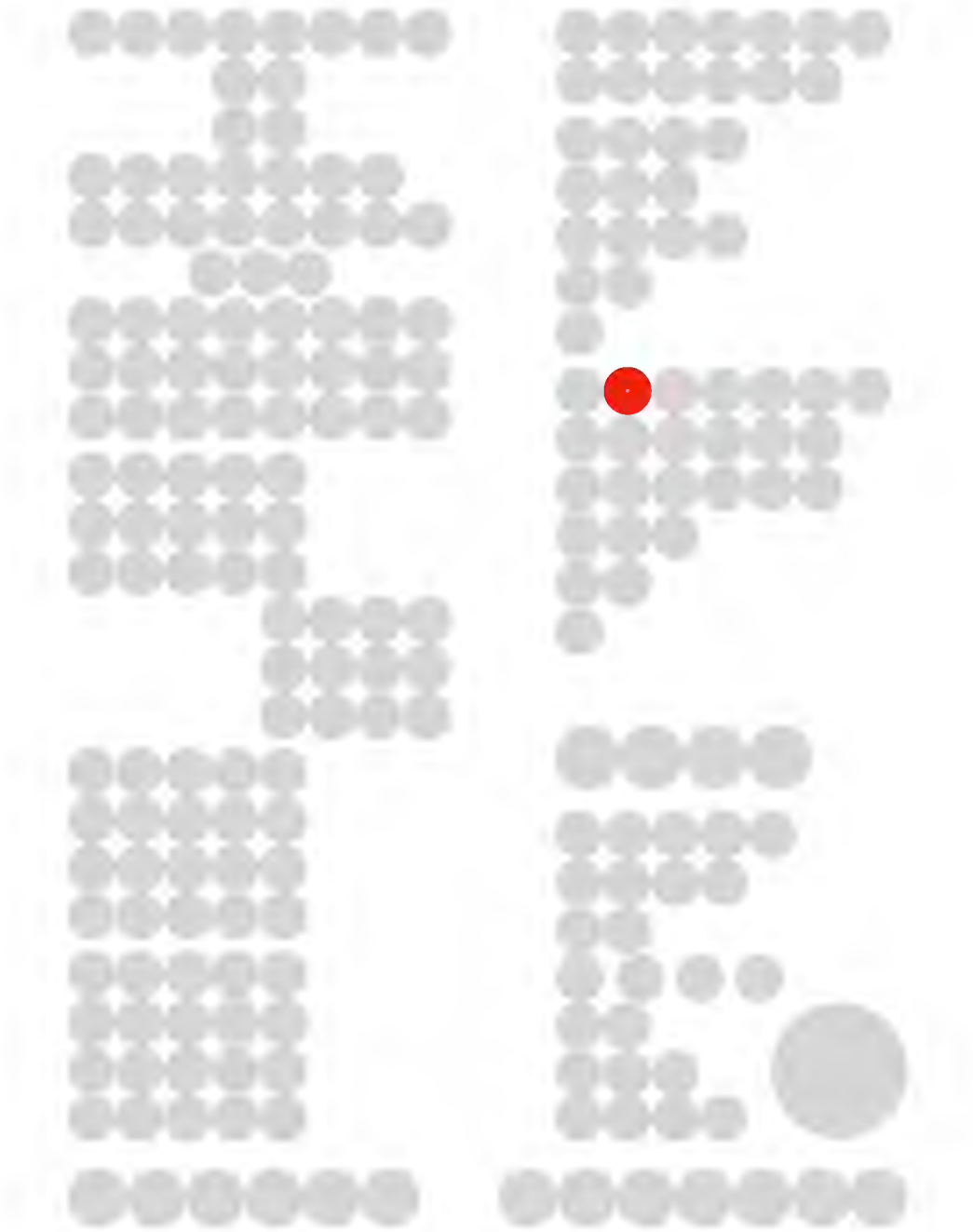

4. **Định lực:** là sức mạnh của tâm định nhất là ngũ thiền. Là sở hữu nhất hành (sở hữu định, sở hữu nhất thống).

ĐỊNH LỰC

5. **Tuệ lực:** là sức mạnh của trí tuệ nhất là chánh kiến. Là sở hữu trí tuệ.

TUỆ LỰC

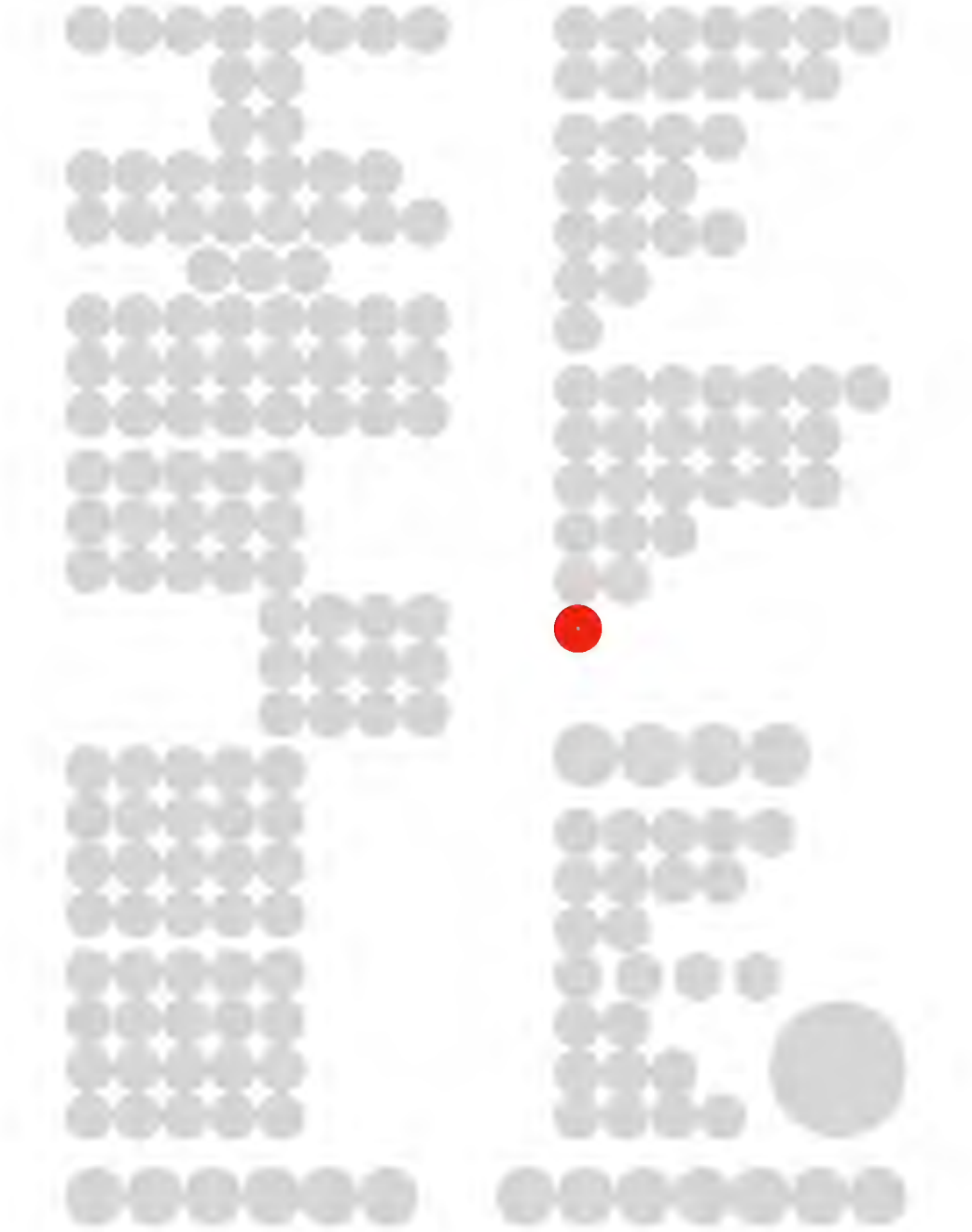

6. Tàm lực: là sức mạnh của sự hổ thẹn với điều ác xấu. Là sở hữu tàm.

TÀM LỰC

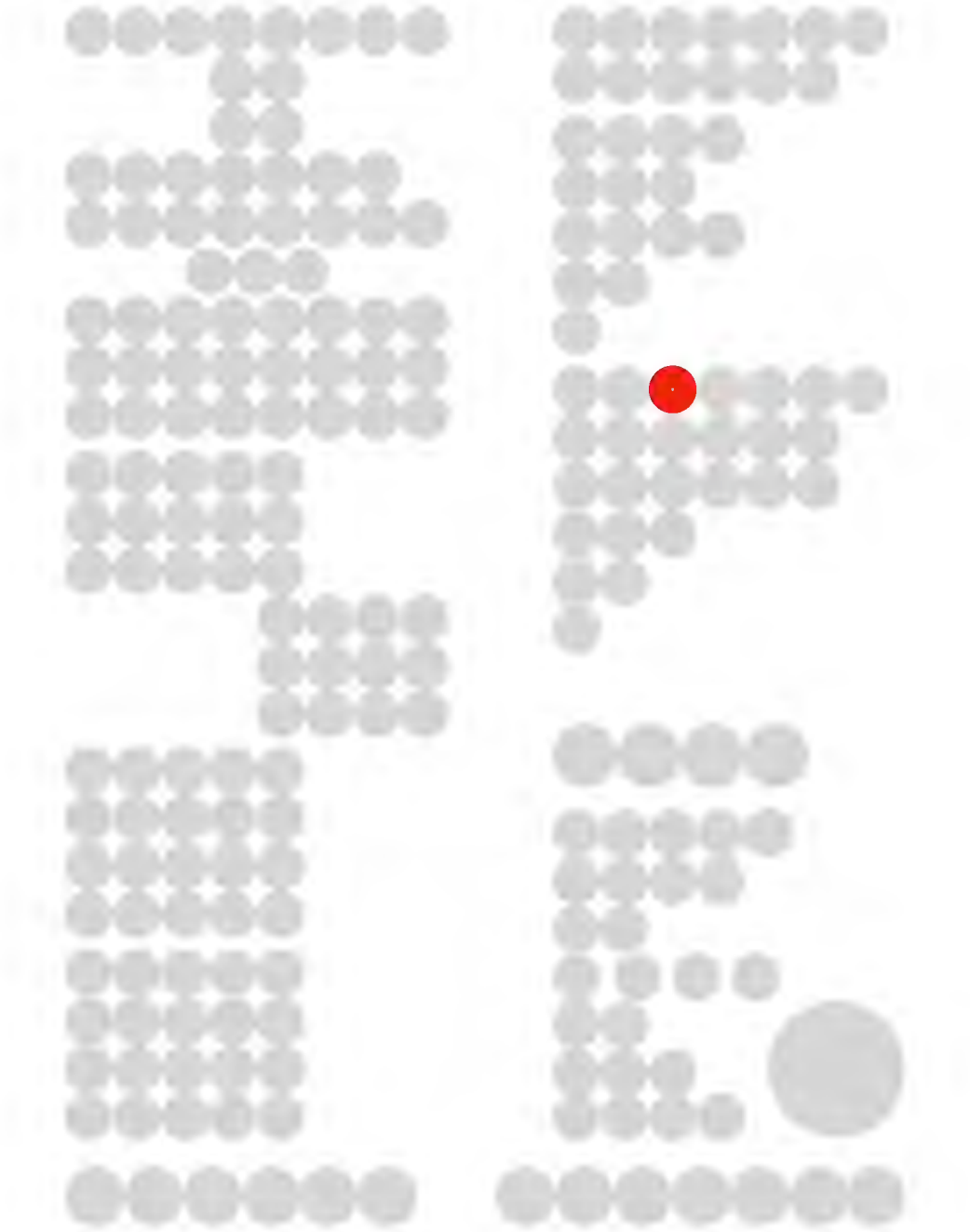

7. **Úy lực:** là sức mạnh của sự ghê sợ các điều ác xấu. Là sở hữu úy.

UÝ LỰC

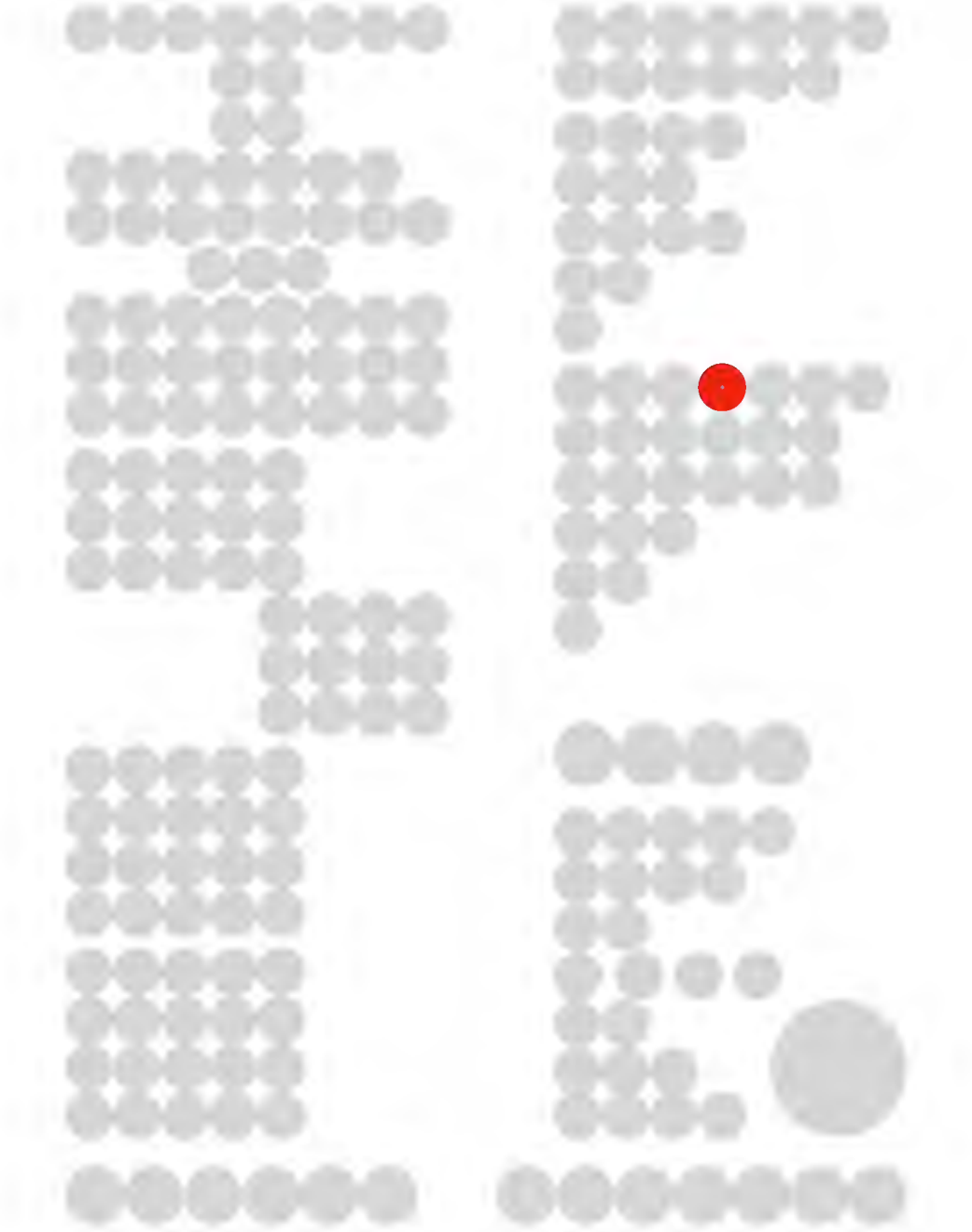

8. Vô tàm lực: là sức mạnh của sự không biết hổ thẹn tội lỗi. Là sở hữu vô tàm.

VÔ TÀM LỰC

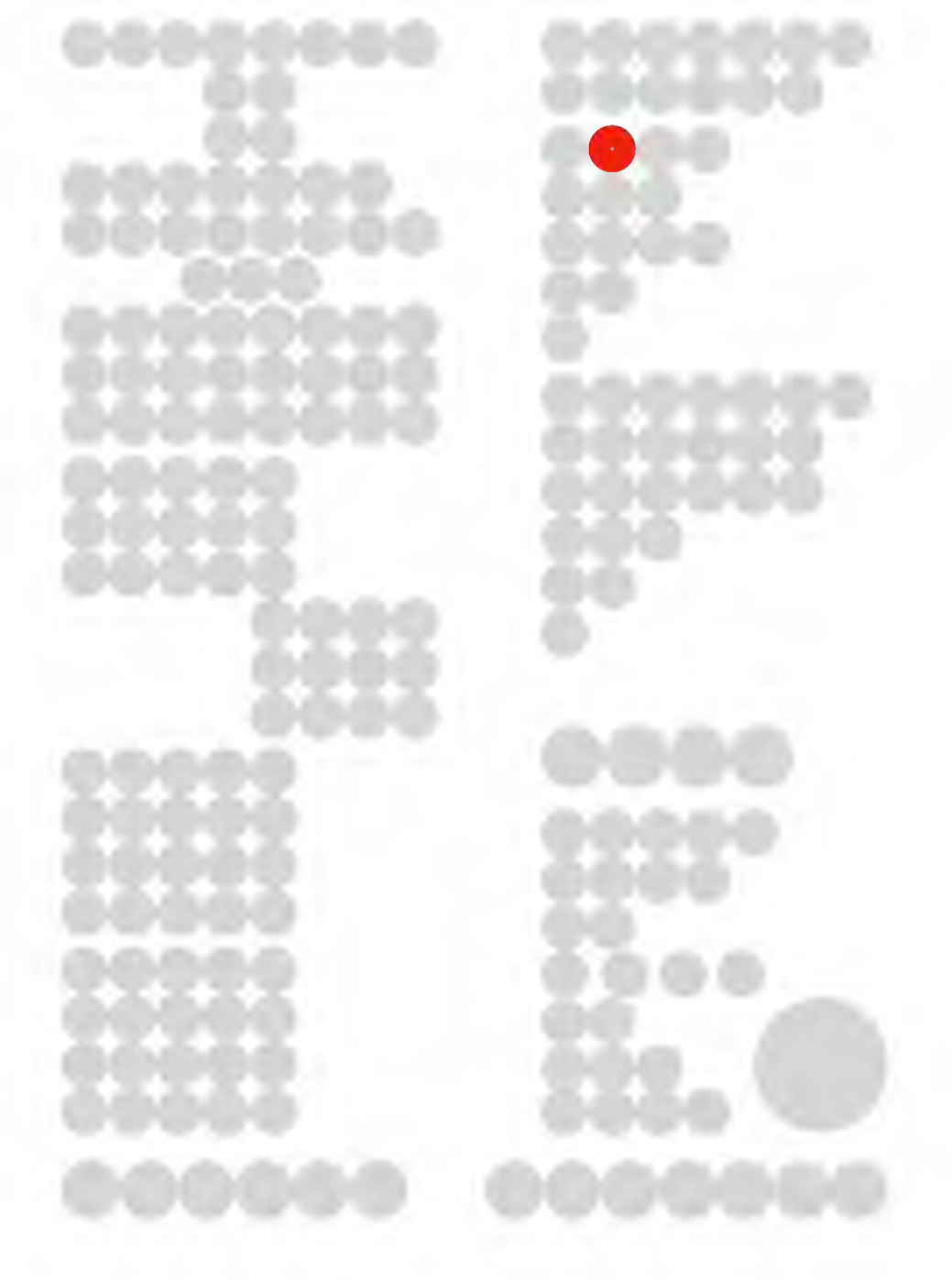

9. Vô úy lực: là sức mạnh của sự không biết ghê sợ tội lỗi. Là sở hữu vô úy.

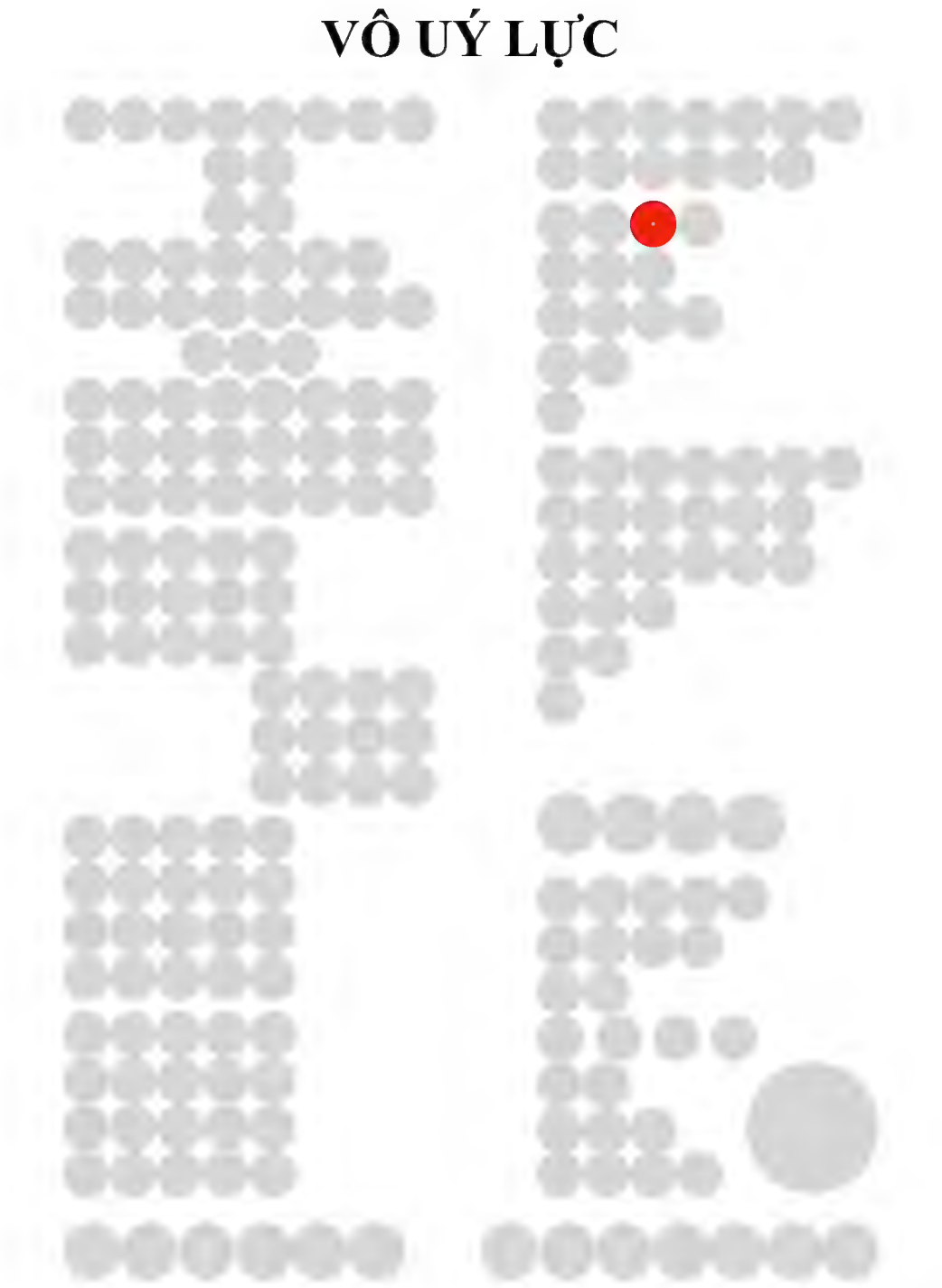

CHƯƠNG XXIII
(BÀI 36)

TỨ TRƯỞNG

I. Định nghĩa:

Trưởng là pháp lớn mạnh hơn các pháp khác. Tứ trưởng là: dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng.

II. Phân tích chi pháp:

1. Dục trưởng: là sự mong muốn lớn mạnh hơn các pháp khác. Là sở hữu dục.

2. Cần trưởng: là sự tinh tấn siêng năng cần mẫn trội hơn các pháp khác. Là sở hữu cần.

3. Tâm trưởng: là sự biết cảnh lớn trội hơn các pháp khác. Tâm trưởng là các tâm đồng lực, đồng tốc tạo nghiệp là những tâm chính, quan trọng trong lộ trình tâm. Tâm trưởng là 52 hoặc 84 tâm đồng lực đa nhân đó là 8 tâm tham, 2 tâm sân, 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo, 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo, 5 tâm thiện sắc giới, 5 tâm

duy tác sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới, 4 tâm duy tác vô sắc giới, 40 tâm siêu thế.

4. Thẩm trưởng: là sự sáng suốt lớn mạnh hơn các pháp khác. Là sở hữu trí tuệ.

III.Kết luận:

==***==

Hết bài số 36
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 03/04/2020 (11/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXIV

SƠ ĐỒ TỨ TRƯỞNG

Phân tích chi pháp

1. **Dục trưởng:** là sự mong muốn lớn mạnh hơn các pháp khác. Là sở hữu dục.

DỤC TRƯỞNG

2. **Cần trưởng:** là sự tin tấn siêng năng cần mẫn trội hơn các pháp khác. Là sở hữu cần.

CẦN TRƯỞNG

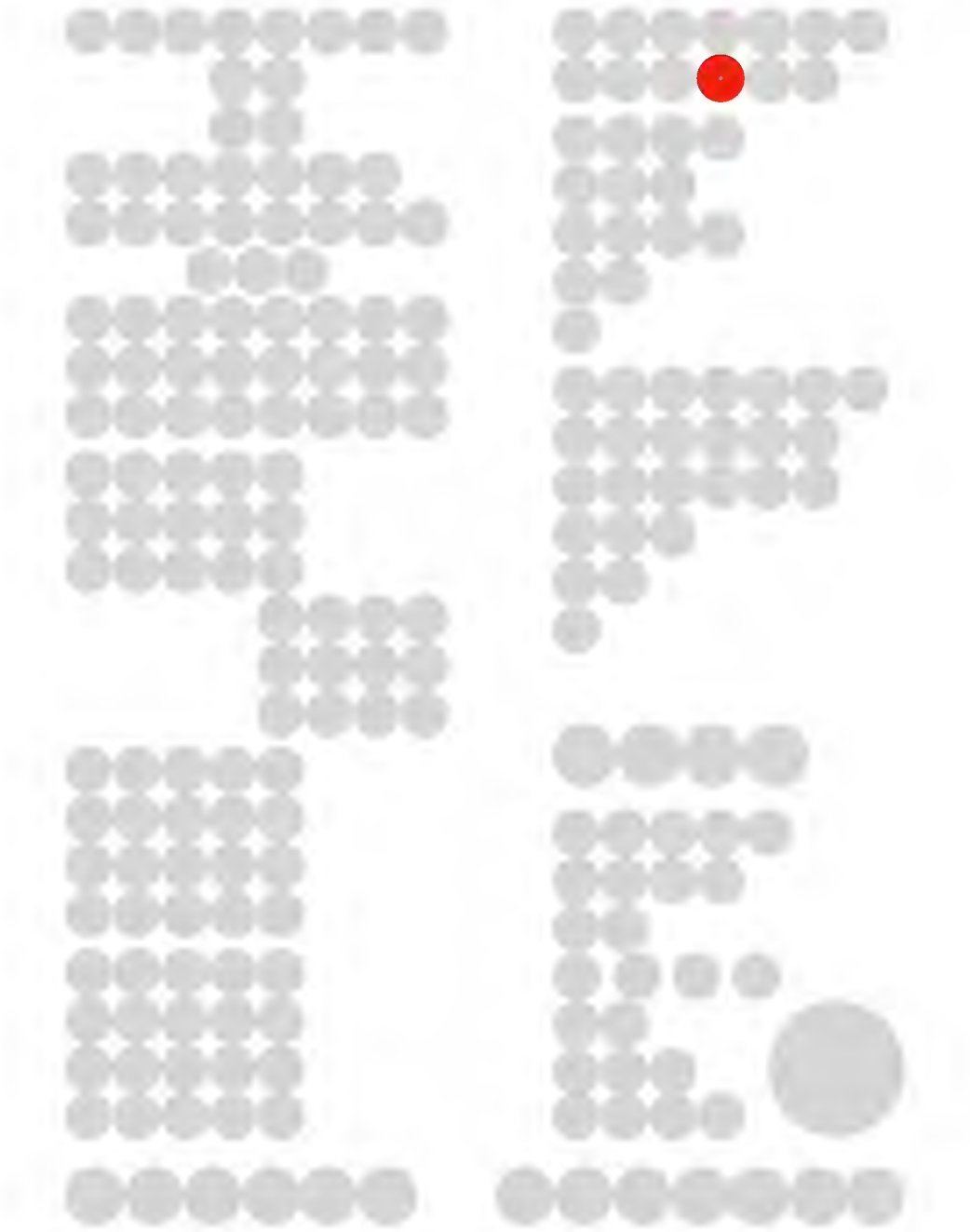

3. **Tâm trưởng:** là sự biết cảnh lớn trội hơn các pháp khác. Tâm trưởng là các tâm đồng lực, đồng tốc tạo nghiệp là những tâm chính, quan trọng trong lộ trình tâm.

   Tâm trưởng là 52 hoặc 84 tâm đồng lực đa nhân đó là 8 tâm tham, 2 tâm sân, 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo, 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo, 5 tâm thiện sắc giới, 5 tâm duy tác sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới, 4 tâm duy tác vô sắc giới, 40 tâm siêu thế.

TÂM TRƯỞNG

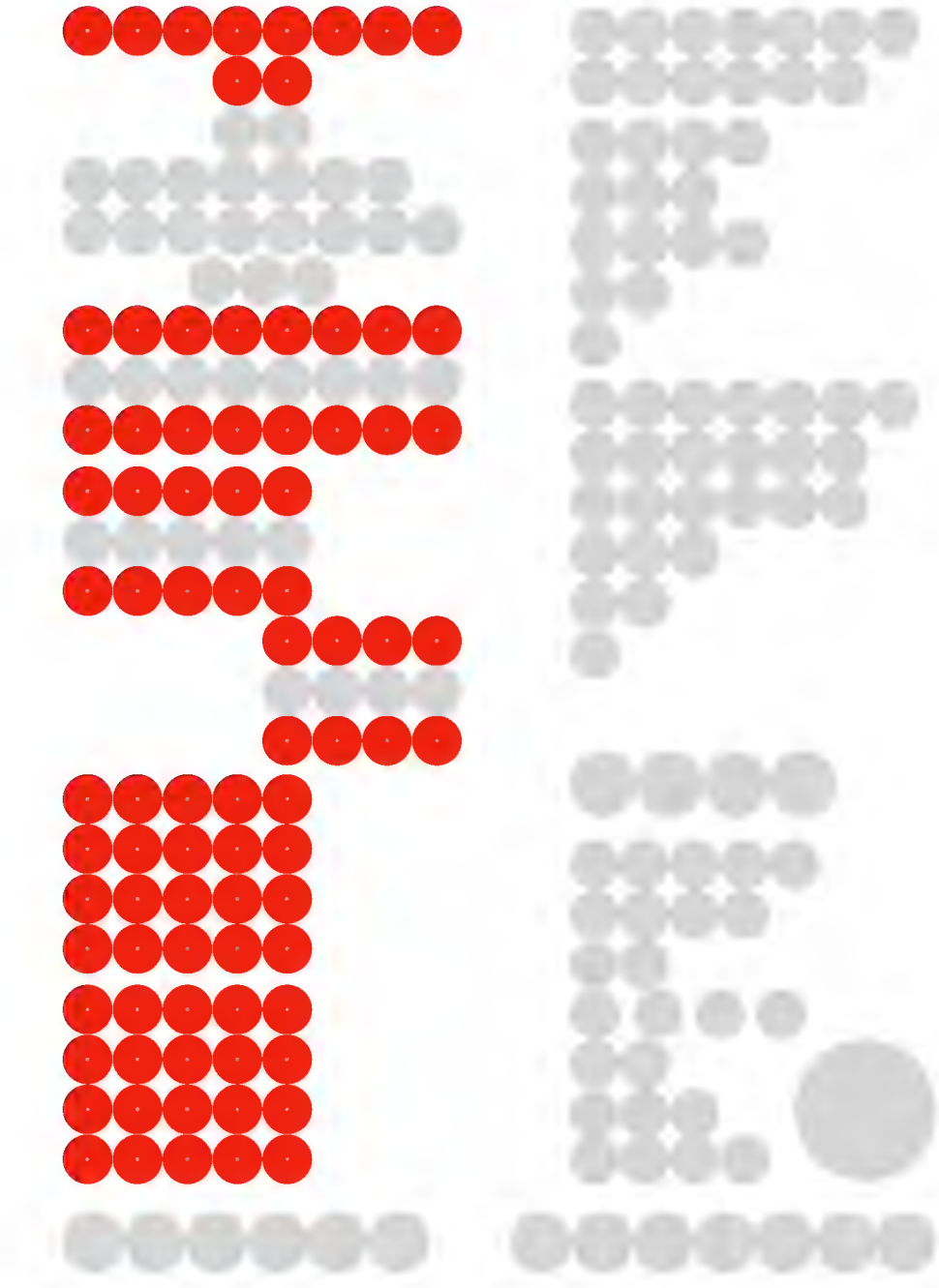

4. **Thẩm trưởng:** là sự sáng suốt lớn mạnh hơn các pháp khác. Là sở hữu trí tuệ.

THẨM TRƯỞNG

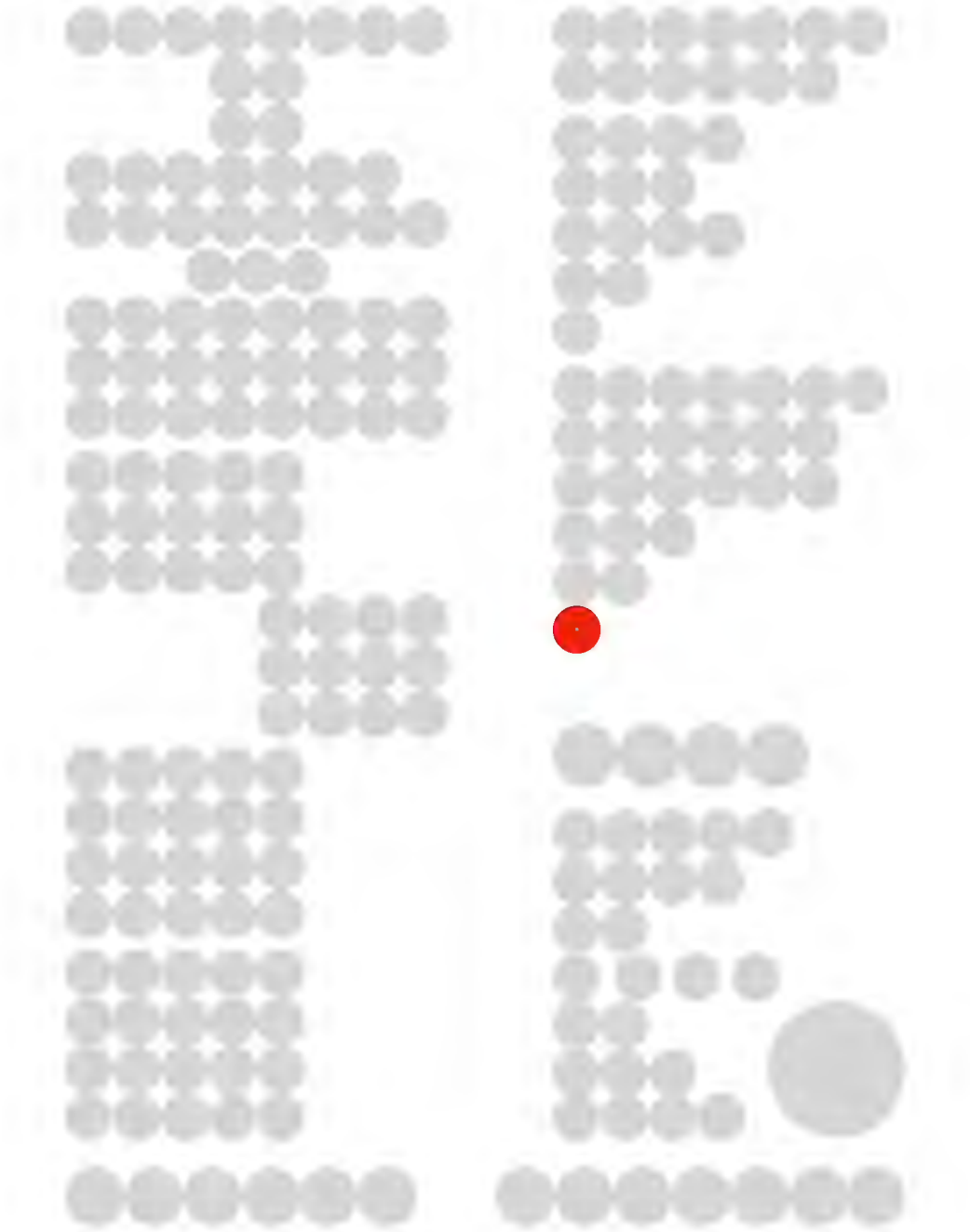

CHƯƠNG XXV
(BÀI 37)

TỨ THỰC

I. Định nghĩa:

Thực là thức ăn vật chất và thức ăn tinh thần. Tứ thực là: đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Đoàn thực:** là thức ăn như cơm, bánh, chuối, sữa, đường… giúp cho thân thể được lớn mạnh thêm. Chi pháp của đoàn thực là sắc vật thực.

2. **Xúc thực:** là sự gặp gỡ giữa các căn, cảnh và thức là nguyên nhân sanh ra thọ. Chi pháp của xúc thực là sở hữu xúc.

3. **Tư niệm thực:** là sự cố ý làm việc thiện hoặc việc ác là nhân sanh ra tâm quả tục sinh. Chi pháp của tư niệm thực là sở hữu tư.

4. **Thức thực:** là các loại tâm vì tâm có khả năng hưởng cảnh biết cảnh là nhân trợ

sanh danh sắc. Chi pháp của thức thực là tất cả tâm.

III.Kết luận:

Bài học cho chúng ta hiểu rằng ngoài thức ăn bình thường còn có thức ăn về tinh thần đó là xúc thực, tư niệm thực và thức thực. Nếu như chúng ta để cho các loại thức ăn tinh thần này liên hệ đến bất thiện thì đó là một điều tai họa. Nếu như những thức ăn tinh thần này liên hệ đến thiện pháp thì đó là điều may mắn vì sẽ mang lại an lạc và hạnh phúc cho người có những thức ăn tốt đẹp như vậy./.

==***==

Hết bài số 37
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 03/04/2020 (11/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXVI

SƠ ĐỒ TỨ THỰC

Phân tích chi pháp

1. **Đoàn thực:** là thức ăn như cơm, bánh, chuối, sữa, đường… giúp cho thân thể được lớn mạnh thêm. Chi pháp của đoàn thực là sắc vật thực.

ĐOÀN THỰC

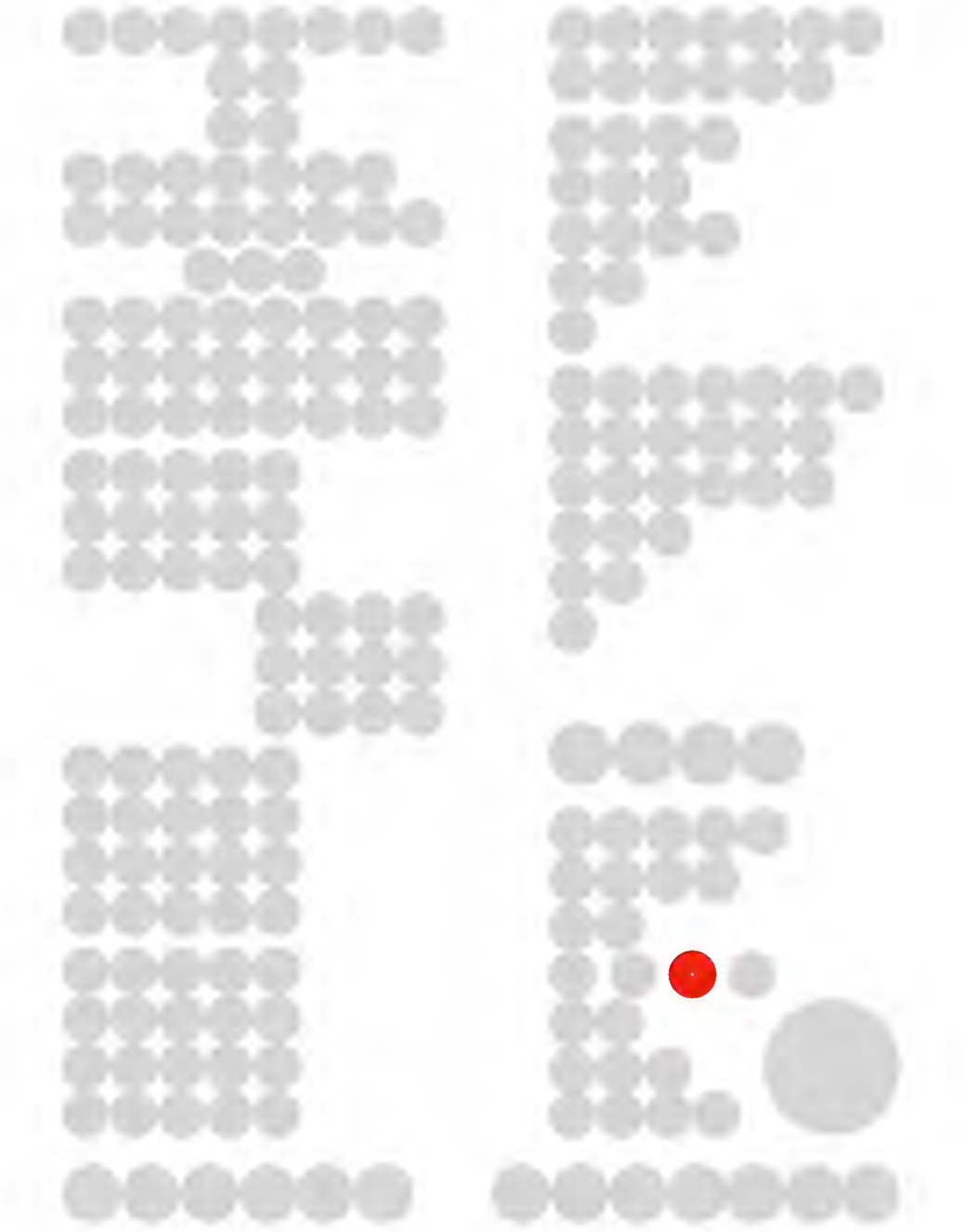

2. **Xúc thực:** là sự gặp gỡ giữa các căn, cảnh và thức là nguyên nhân sanh ra thọ. Chi pháp của xúc thực là sở hữu xúc.

XÚC THỰC

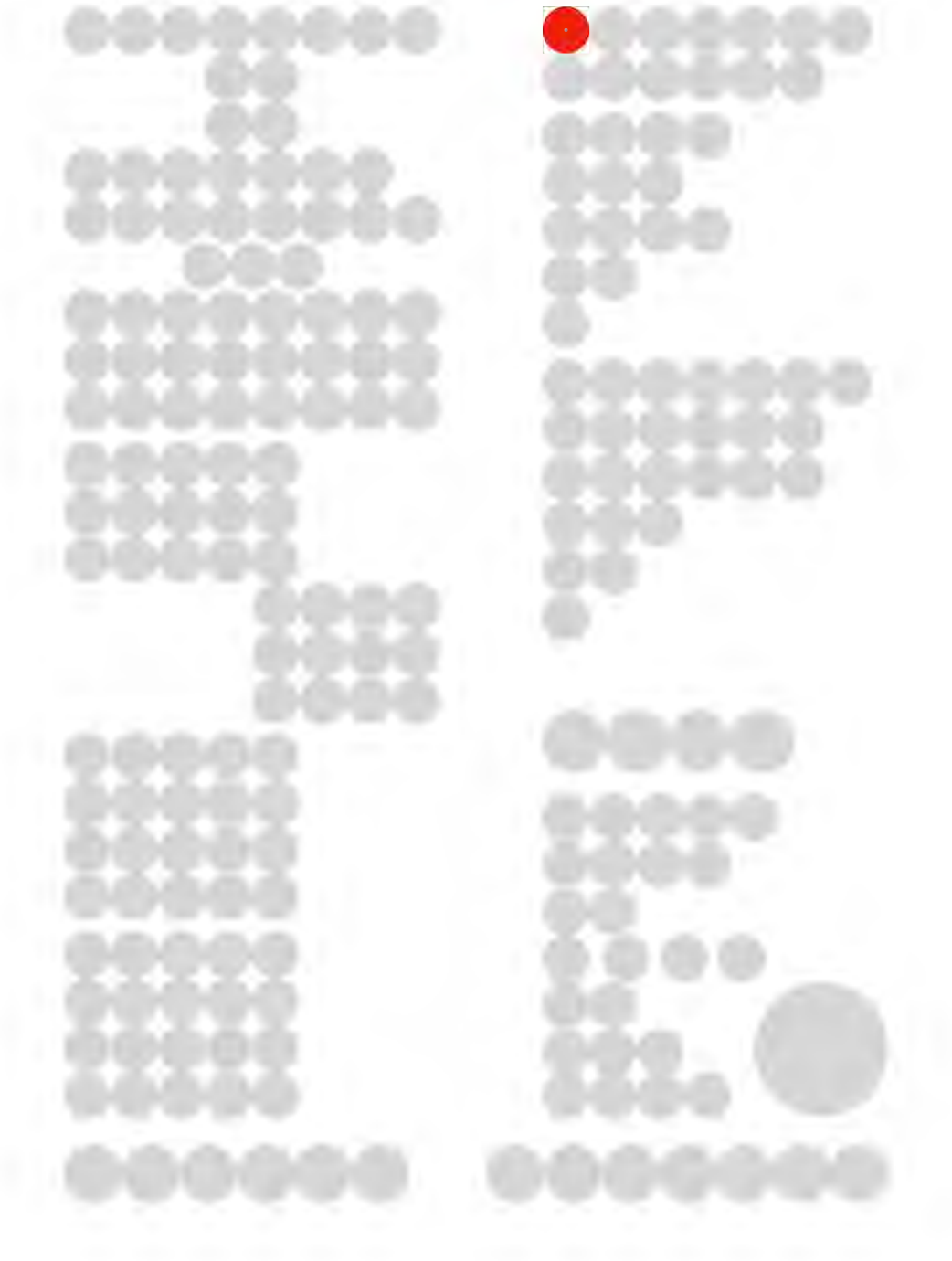

3. **Tư niệm thực:** là sự cố ý làm việc thiện hoặc việc ác là nhân sanh ra tâm quả tục sinh.Chi pháp của tư niệm thực là sở hữu tư.

TƯ NIỆM THỰC

4. **Thức thực:** là các loại tâm vì tâm có khả năng hưởng cảnh biết cảnh là nhân trợ sanh danh sắc. Chi pháp của thức thực là tất cả tâm.

THỨC THỰC

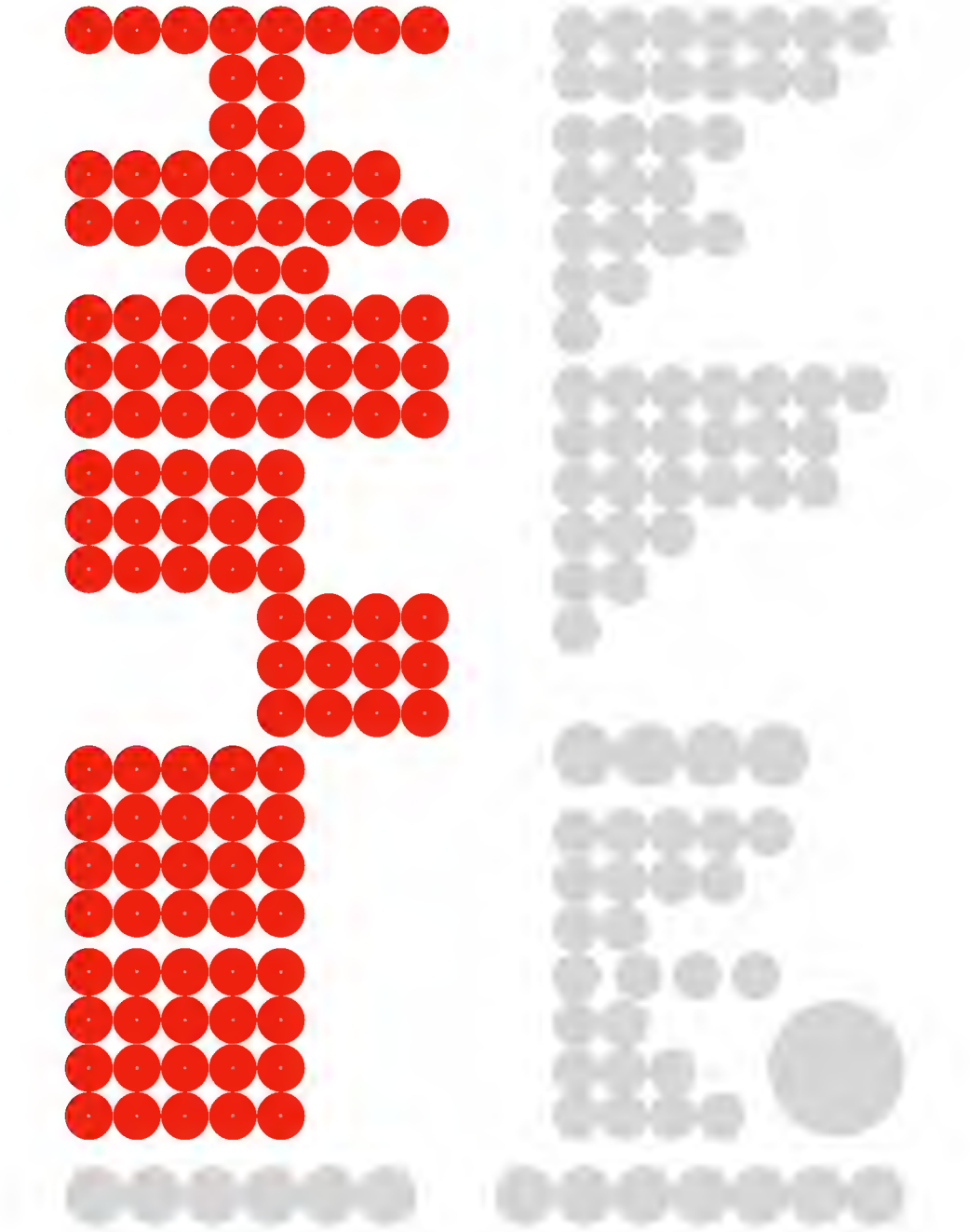

CHƯƠNG XXVII
(BÀI 38)

22 QUYỂN

I. Định nghĩa:

Quyền là pháp có đặc tính tự trị riêng biệt, có quyền lực riêng biệt.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Nhãn quyền:** là con mắt có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc. Chi pháp là sắc thần kinh nhãn.

2. **Nhĩ quyền:** là lỗ tai, có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sanh làm việc nghe. Chi pháp là sắc thần kinh nhĩ.

3. **Tỷ quyền:** là mũi… làm việc ngửi. Chi pháp là sắc thân kinh tỷ.

4. **Thiệt quyền:** là lưỡi… làm việc nếm. Chi pháp là sắc thần kinh thiệt.

5. **Thân quyền:** Chi pháp là sắc thần kinh thân, có đặt tánh hướng dẫn các pháp

đồng sanh cùng làm chung một việc cảm xúc.

6. **Nữ quyền:** là giới tính nữ, có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc hiện bày tư cách phần nữ. Chi pháp là sắc nữ tính.

7. **Nam quyền:** là giới tính nam, có đặc tính hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc hiện bày tư cách nam. Chi pháp là sắc nam tính.

8. **Mạng quyền:** Chi pháp là sắc mạng quyền và sở hữu mạng quyền có đặc tính làm cho các pháp đồng sanh được sống còn.

9. **Ý quyền:** là tâm có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp cùng làm chung một việc biết cảnh. Chi pháp là tất cả tâm.

10. **Lạc quyền:** là thọ lạc có đặc tánh hướng dẫn các danh pháp cùng làm

chung một việc hưởng thọ sự khoái lạc của xác thân. Chi pháp là tâm sở thọ lạc.

11. **Khổ quyền:** là thọ khổ… cảm thọ sự đau đớn của xác thân. Chi pháp là tâm sở thọ khổ.

12. **Hỷ quyền:** là thọ hỷ… làm việc thích thú hoan hỷ đối tượng. Chi pháp là tâm sở thọ hỷ.

13. **Ưu quyền:** là thọ ưu… làm việc buồn chán đối tượng. Chi pháp là tâm sở thọ ưu.

14. **Xả quyền:** là thọ xả… làm việc thản nhiên với đối tượng. Chi pháp là tâm sở thọ.

15. **Tín quyền:** là sở hữu tín. Có đặc tánh hướng dẫn các danh pháp cùng làm chung một việc tín ngưỡng Tam Bảo.

16. **Tấn quyền:** là sở hữu cần… làm chung một việc cố gắng ngăn ngừa và diệt trừ ác pháp cũng như làm phát triển và duy trì thiện pháp.

17. **Niệm quyền:** là sở hữu niệm… làm việc chăm chú theo các hành động của thân tâm.

18. **Định quyền:** là sở hữu nhất hành… làm chung một việc gom tâm vào đề mục.

19. **Tuệ quyền:** là sở hữu trí tuệ… làm chung một việc hiểu biết sự vật đúng với sự thật.

20. **Vị tri quyền:** là sở hữu trí tuệ của bậc tu-đà-hườn đạo, có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc biết rõ Niết bàn lần thứ nhất.

21. **Dĩ tri quyền:** là trí tuệ của các vị Tu-đà-hườn quả, Tư-đà-hàm đạo, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm đạo, A-na-hàm quả và A-la-hán đạo, có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc biết cái đã từng biết tức là thấy rõ niết bàn những lần sau.

22. **Cụ tri quyền:** là trí tuệ của bậc A-la-hán quả, có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc giác ngộ hoàn toàn, thấy rõ niết bàn lần cuối cùng.

III. Kết luận:

==***==

Hết bài số 38
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 04/04/2020 (12/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXVIII

SƠ ĐỒ 22 QUYỂN

Phân tích chi pháp

1. **Nhãn quyền:** là con mắt có đặt tính hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc. Chi pháp là sắc thần kinh nhãn.

NHÃN QUYỀN

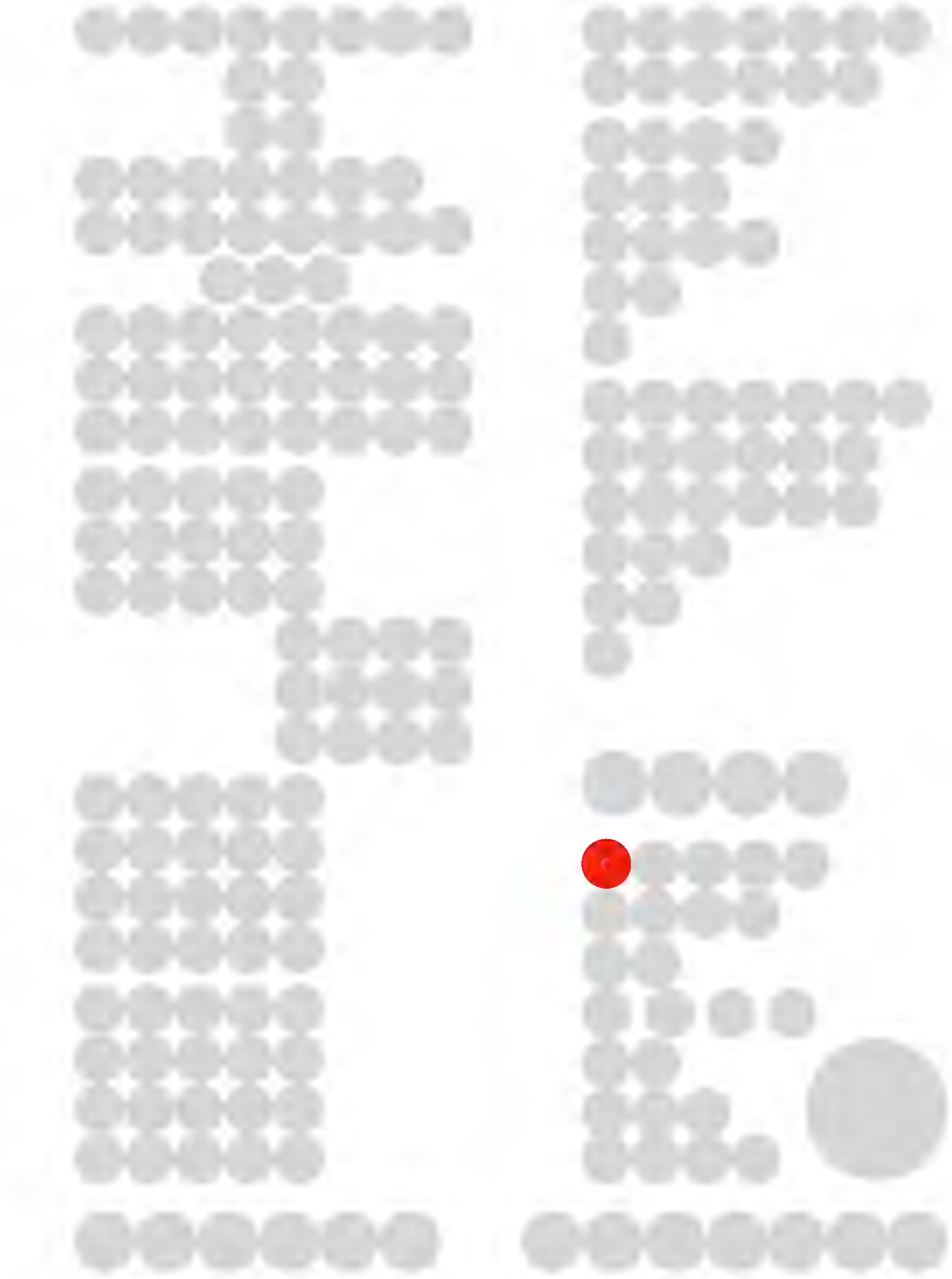

2. **Nhĩ quyền:** là lỗ tai, có đặt tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh làm việc nghe. Chi pháp là sắc thần kinh nhĩ.

NHĨ QUYỀN

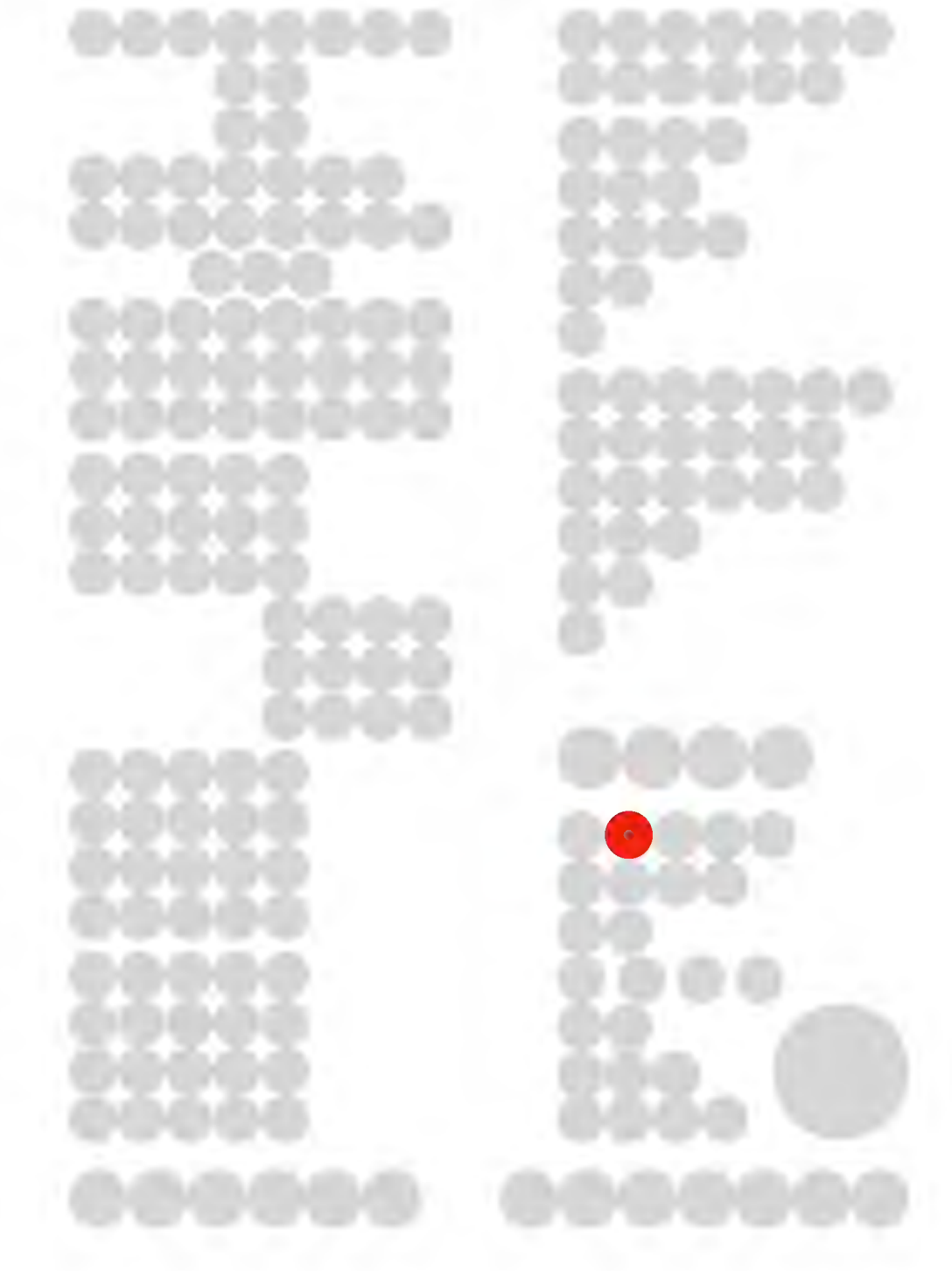

3. **Tỷ quyền:** là mũi… làm việc ngửi. Chi pháp là sắc thần kinh tỷ.

TỶ QUYỀN

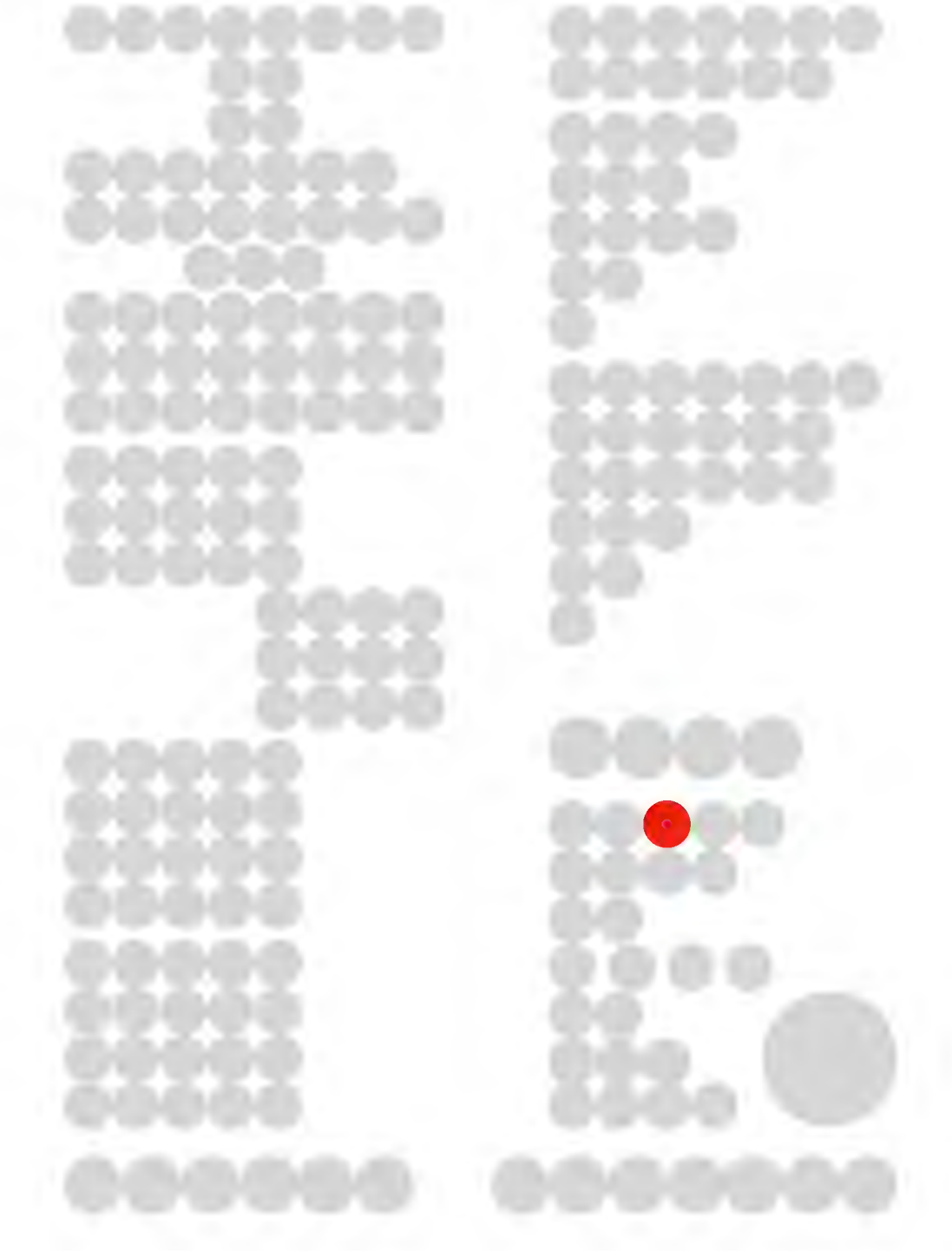

4. **Thiệt quyền:** là lưỡi… làm việc nếm. Chi pháp là sắc thần kinh thiệt.

THIỆT QUYỀN

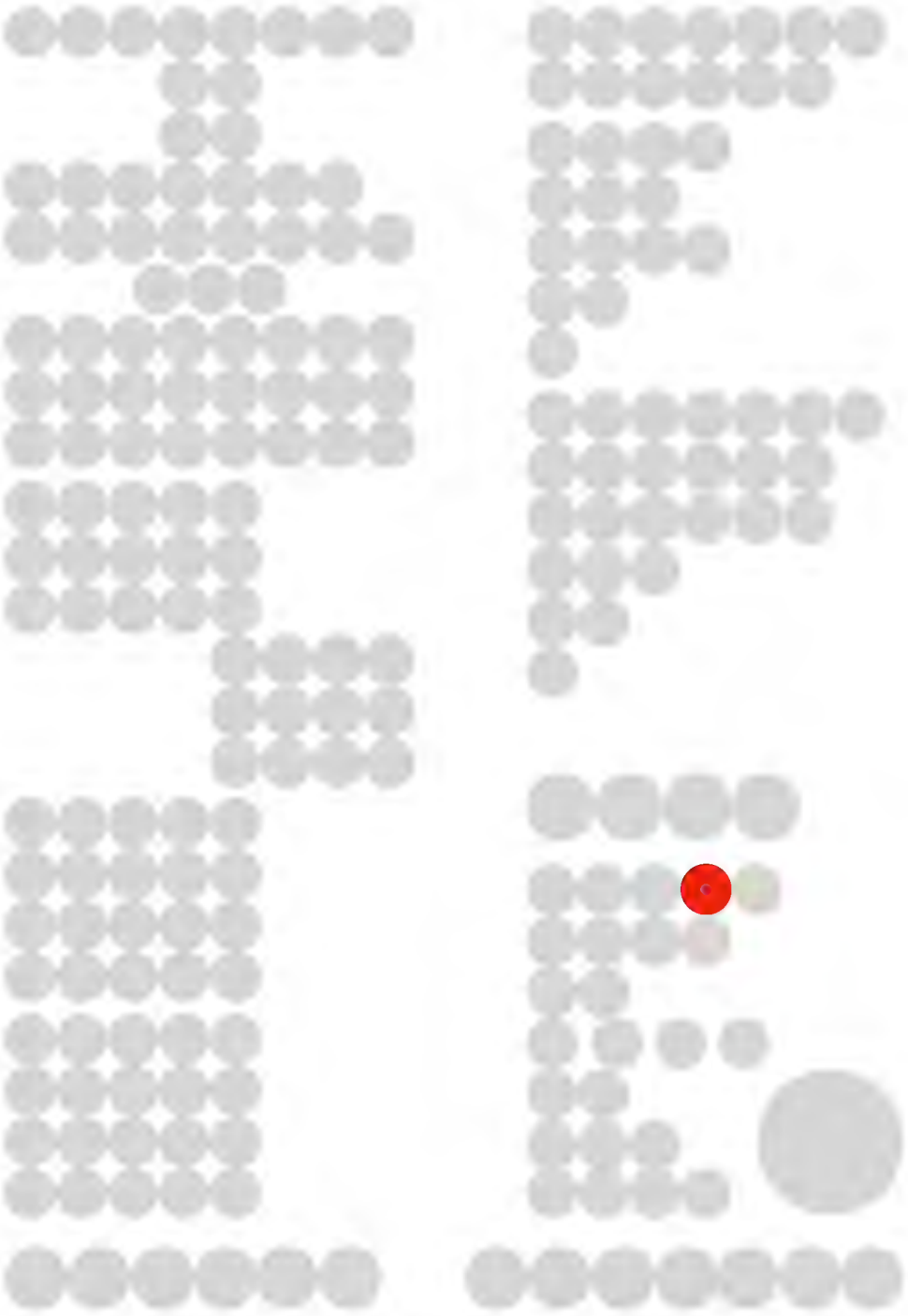

5. **Thân quyền:** Chi pháp là sắc thần kinh thân, có đặt tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc cảm xúc.

THÂN QUYỀN

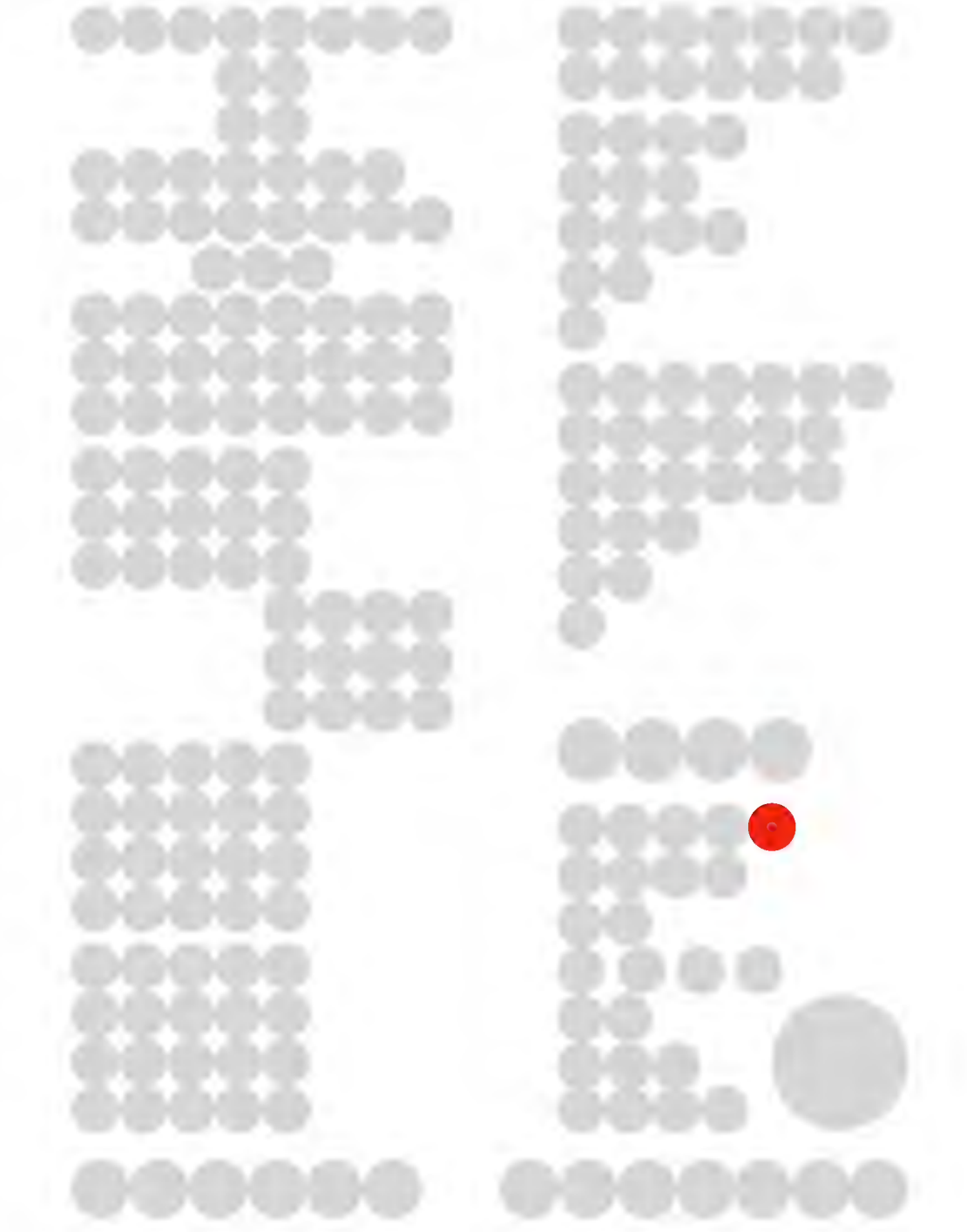

6. **Nữ quyền:** là giới tính nữ, có đặt tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc hiện bày tư cách phần nữ. Chi pháp là sắc nữ tính.

NỮ QUYỀN

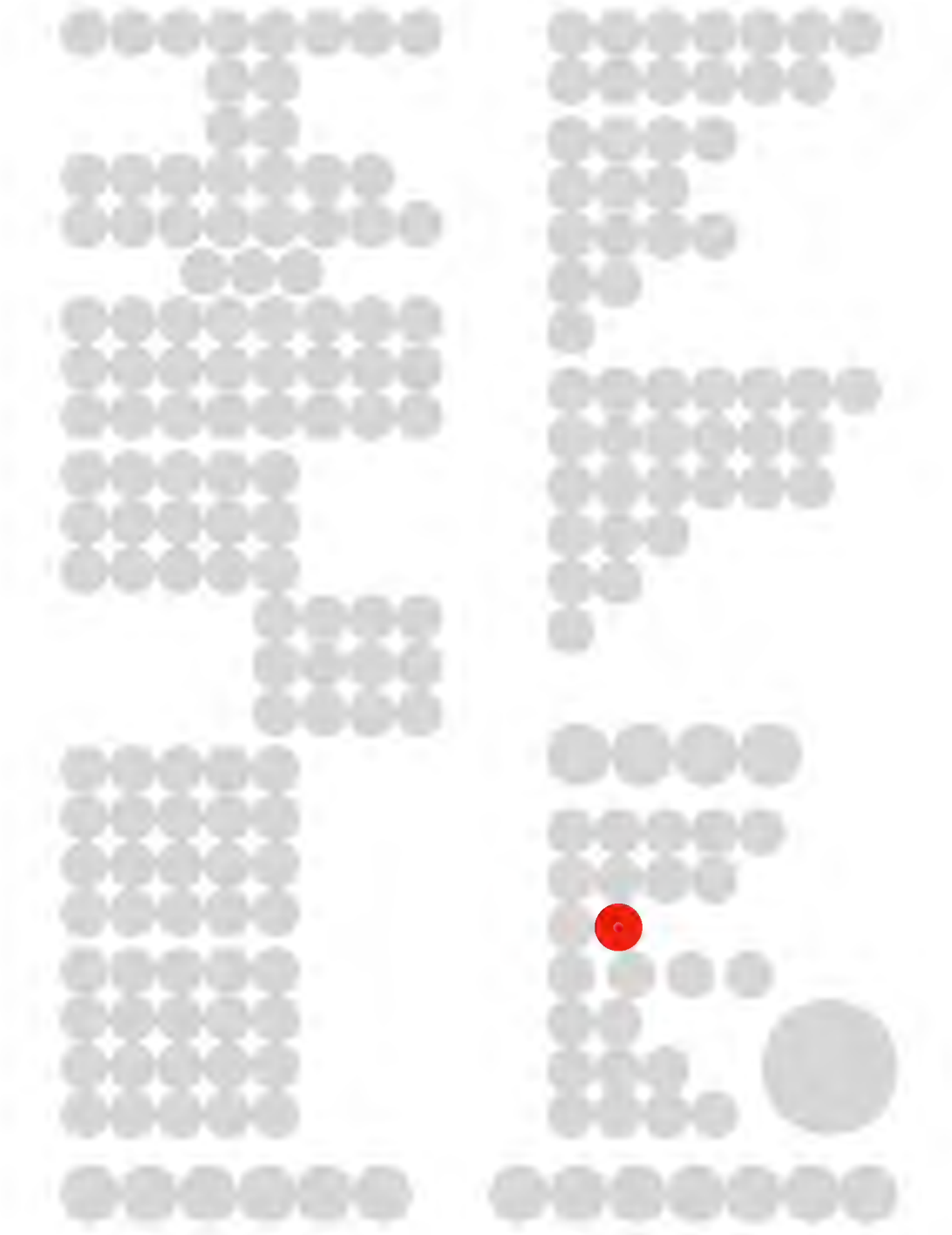

7. **Nam quyền:** là giới tính nam, có đặt tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc hiện bày tư cách nam. Chi pháp là sắc nam tính.

NAM QUYỀN

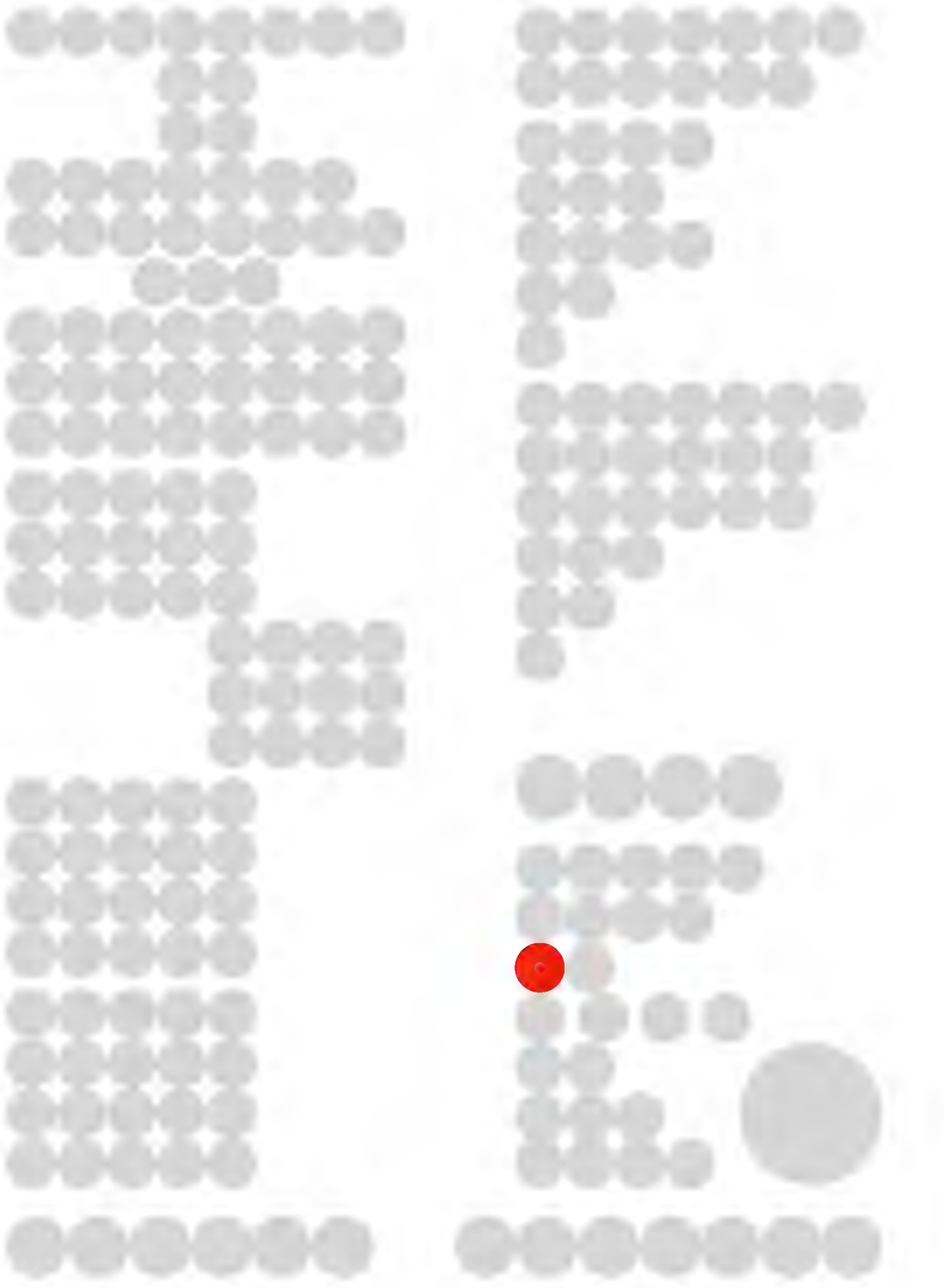

8. **Mạng quyền:** Chi pháp là sắc mạng quyền và sở hữu mạng quyền có đặt tính làm cho các pháp đồng sanh được sống còn.

MẠNG QUYỀN

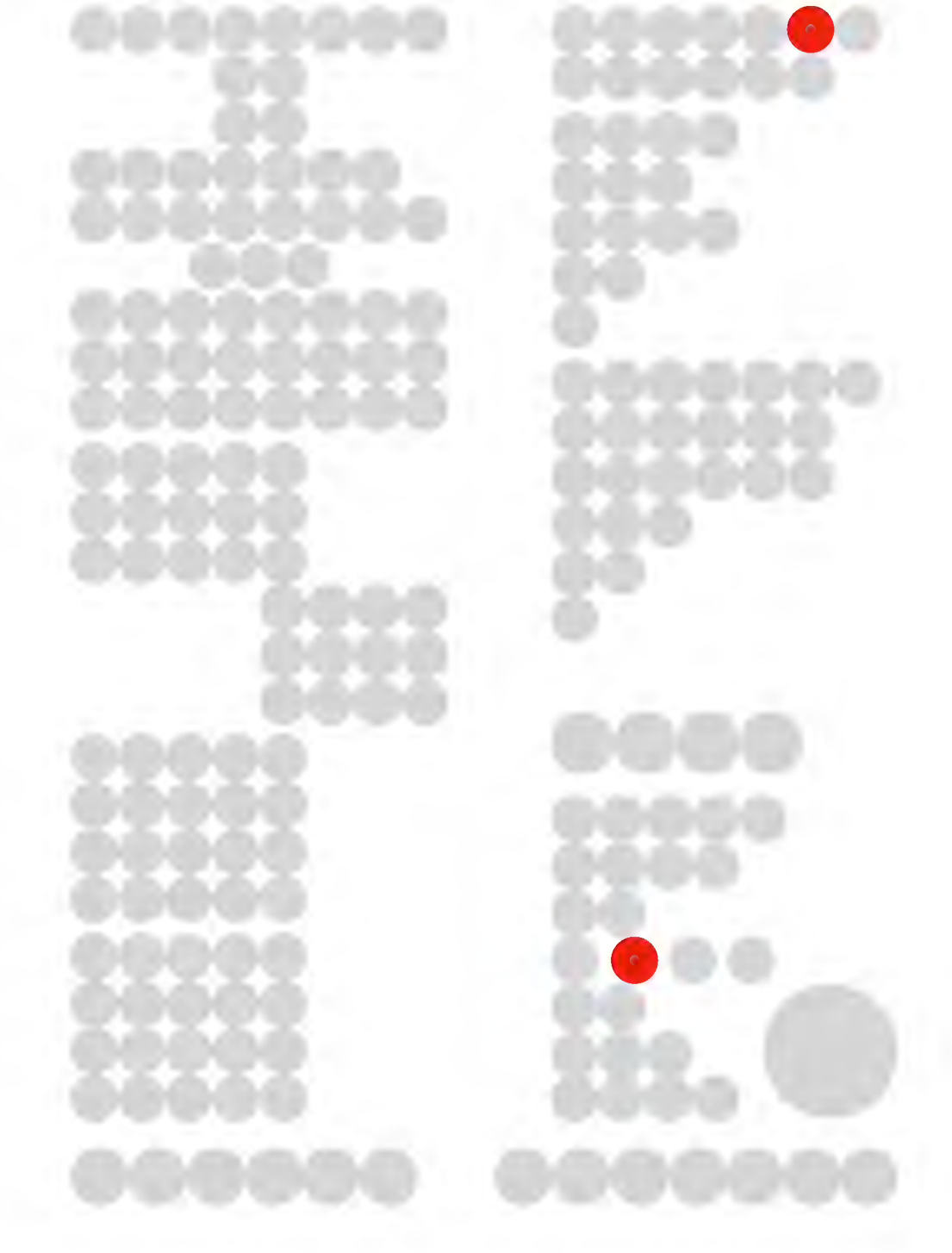

9. **Ý quyền:** là tâm có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp cùng làm chung một việc biết cảnh. Chi pháp là tất cả tâm.

Ý QUYỀN

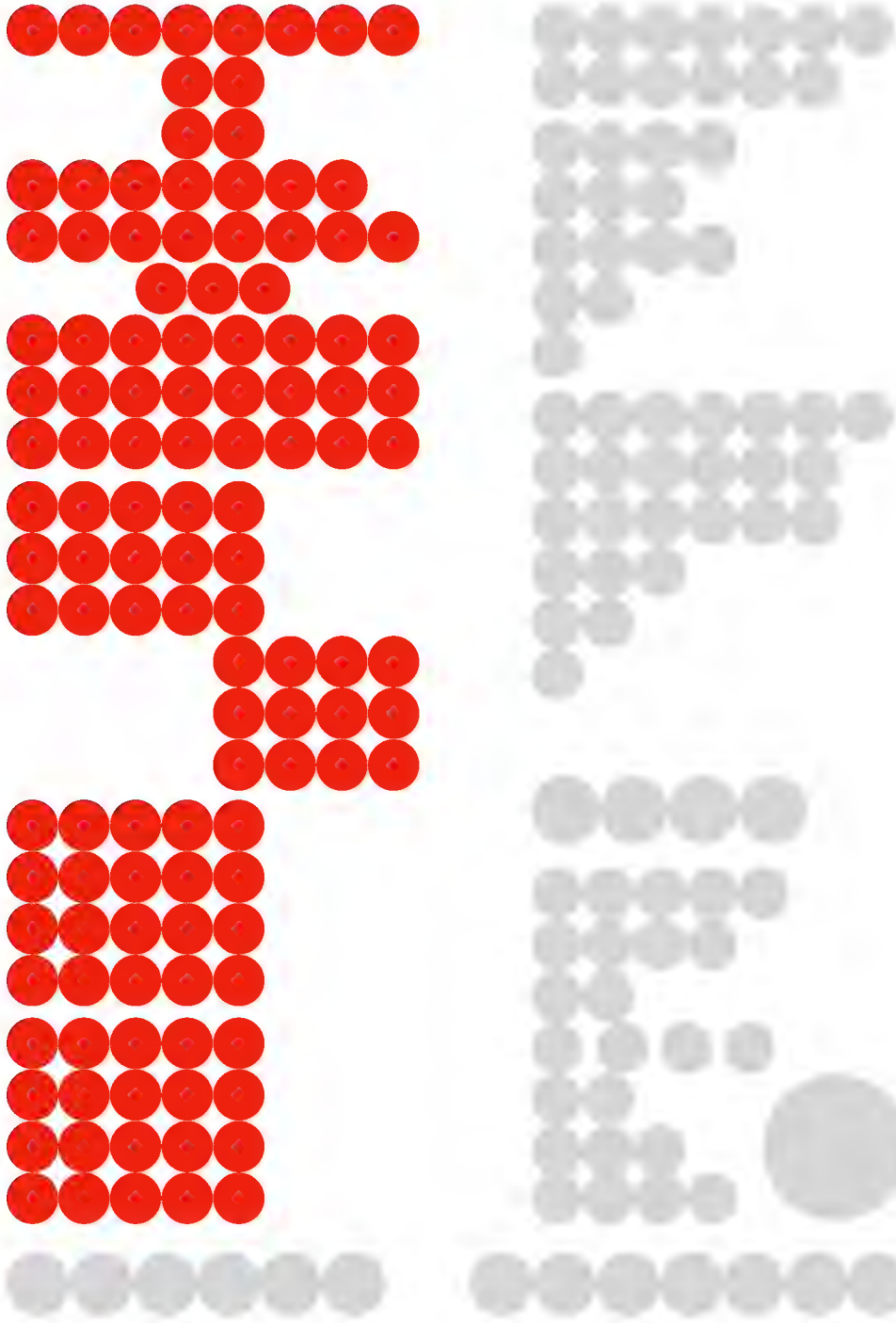

10. **Lạc quyền:** là thọ lạc có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp cùng làm chung một việc hưởng thọ sự khoái lạc của xác thân. Chi pháp là tâm sở thọ.

LẠC QUYỀN - THỌ LẠC TÂM SỞ

11. **Khổ quyền:** là thọ khổ… cảm họ sự đau đớn của xác thân. Chi pháp là thọ khổ tâm sở.

KHỔ QUYỀN - THỌ KHỔ TÂM SỞ

12. **Hỷ quyền:** là thọ hỷ… làm việc thích thú hoan hỷ đối tượng. Chi pháp là thọ hỷ tâm sở.

HỶ QUYỀN - THỌ HỶ TÂM SỞ

13. **Ưu quyền:** là thọ ưu… làm việc buồn chán đối tượng. Chi pháp tâm sở thọ ưu.

ƯU QUYỀN - THỌ ƯU TÂM SỞ

14. **Xả quyền:** là thọ xả… làm việc thản nhiên với đối tượng. Chi pháp là thọ xả.

XẢ QUYỀN - THỌ XẢ TÂM SỞ

15. **Tín quyền:** là sở hữu tín. Có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp cùng làm chung một việc tín ngưỡng Tam Bảo.

TÍN QUYỀN

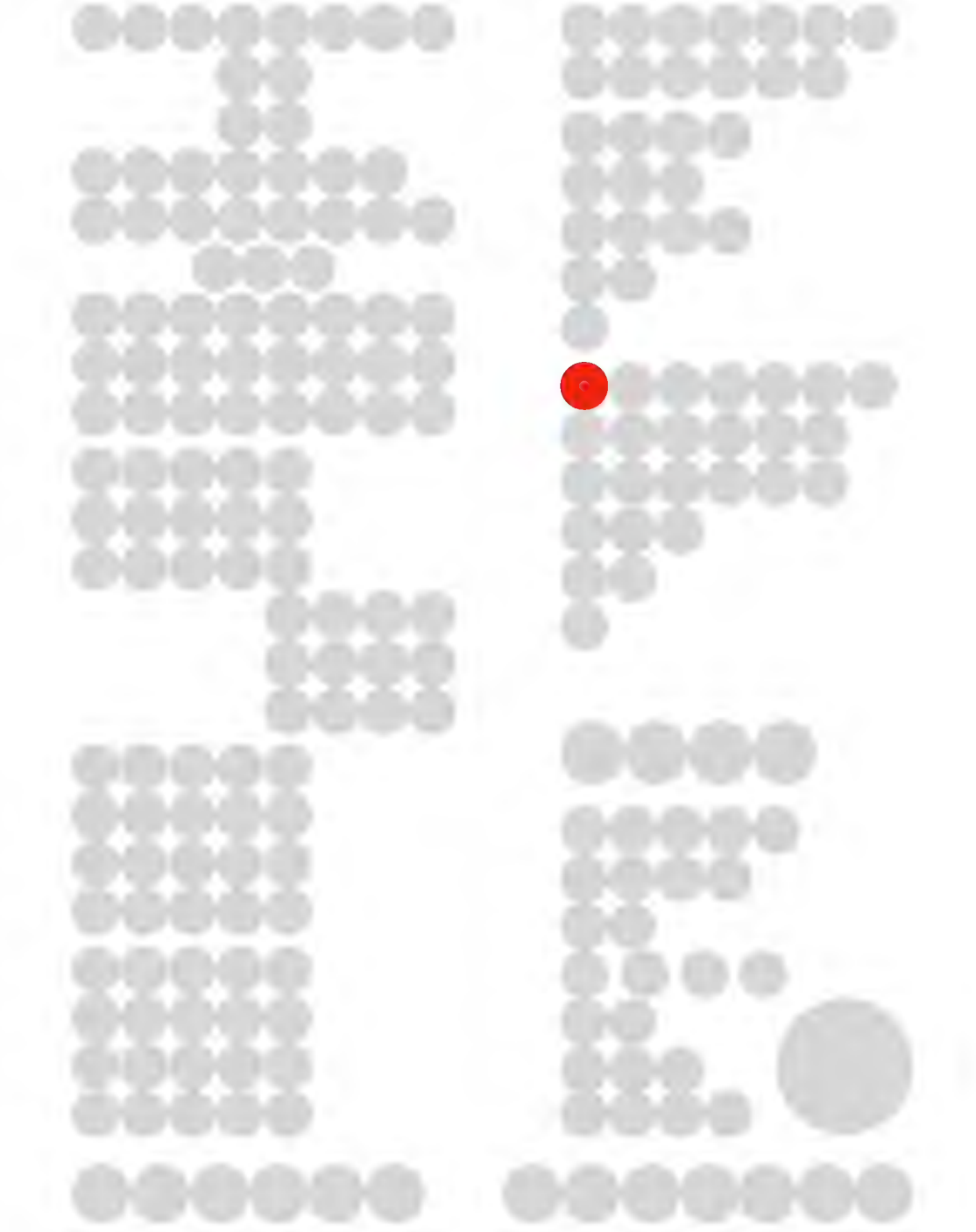

16. **Tấn quyền:** là sở hữu cần… làm chung một việc cố gắng ngăn ngừa và diệt trừ ác pháp cũng như làm phát triển và duy trì thiện pháp.

TẤN QUYỀN

17. **Niệm quyền:** là sở hữu niệm… làm việc chăm chú theo các hành động của thân tâm.

NIỆM QUYỀN

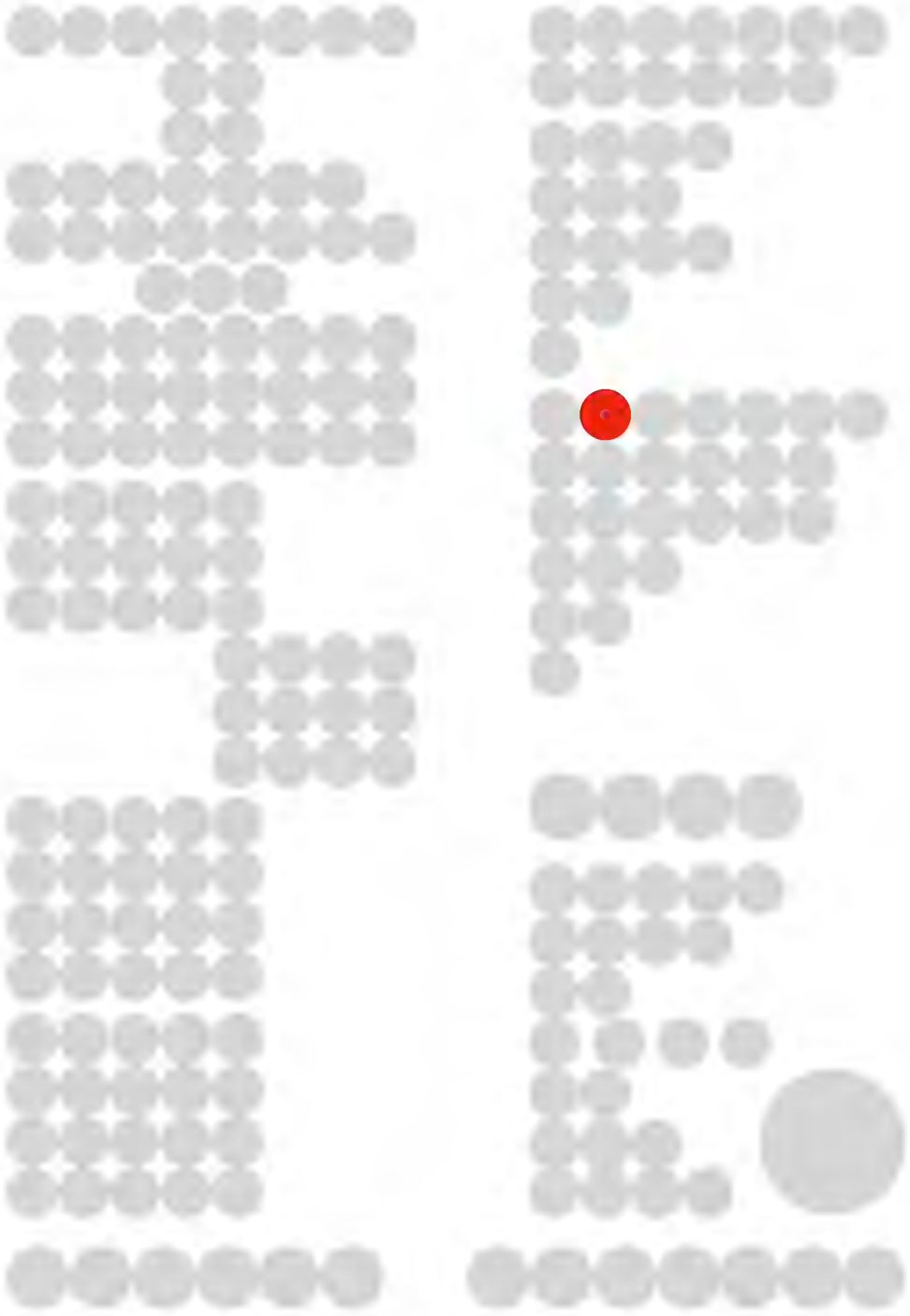

18. **Định quyền:** là sở hữu nhất hành… làm chung một việc gom tâm vào đề mục.

ĐỊNH QUYỀN

19. **Tuệ quyền:** là sở hữu trí tuệ… làm chung một việc hiểu biết sự vật đúng với sự thật.

TUỆ QUYỀN

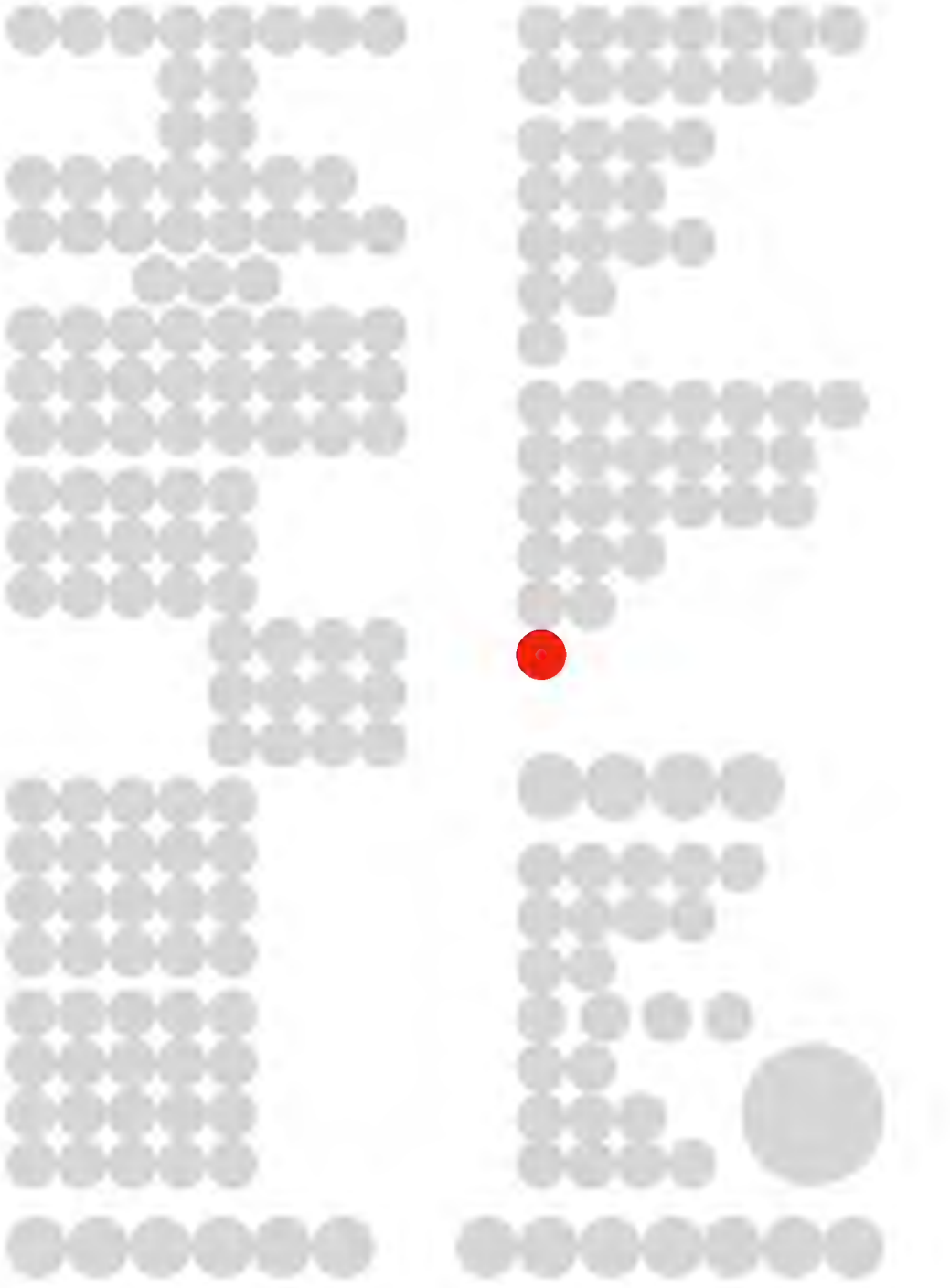

20. **Vị tri quyền:** là sở hữu trí tuệ của bậc tu-đà-hườn đạo, có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc biết rõ Niết bàn lần thứ nhất.

VỊ TRI QUYỀN

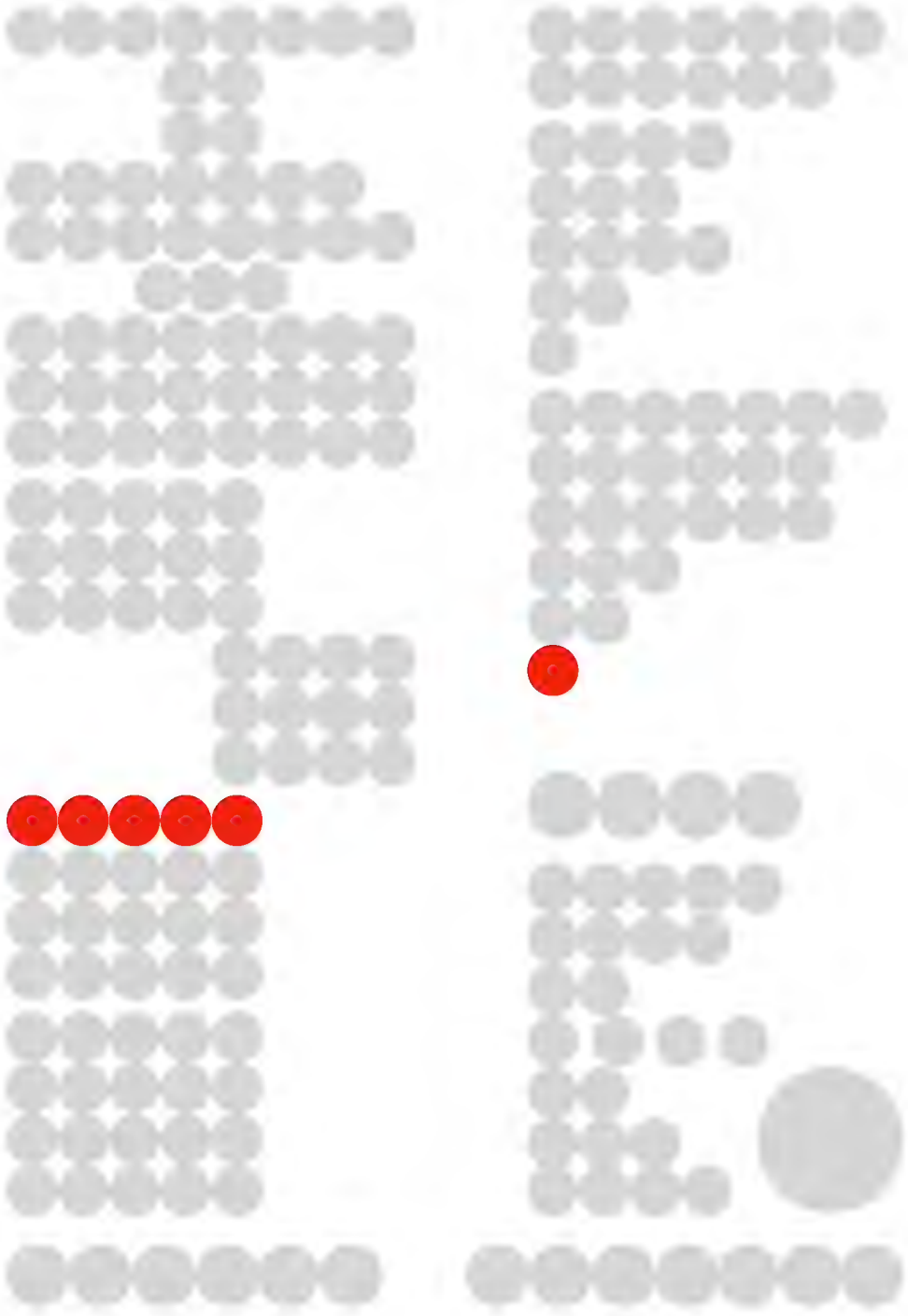

21. **Dĩ tri quyền:** là trí tuệ của các vị Tu-đà-hườn quả, Tư-đà-hàm đạo, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm đạo, A-na-hàm quả và A-la-hán đạo, có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc biết cái đã từng biết tức là thấy rõ niết bàn những lần sau.

DĨ TRI QUYỀN

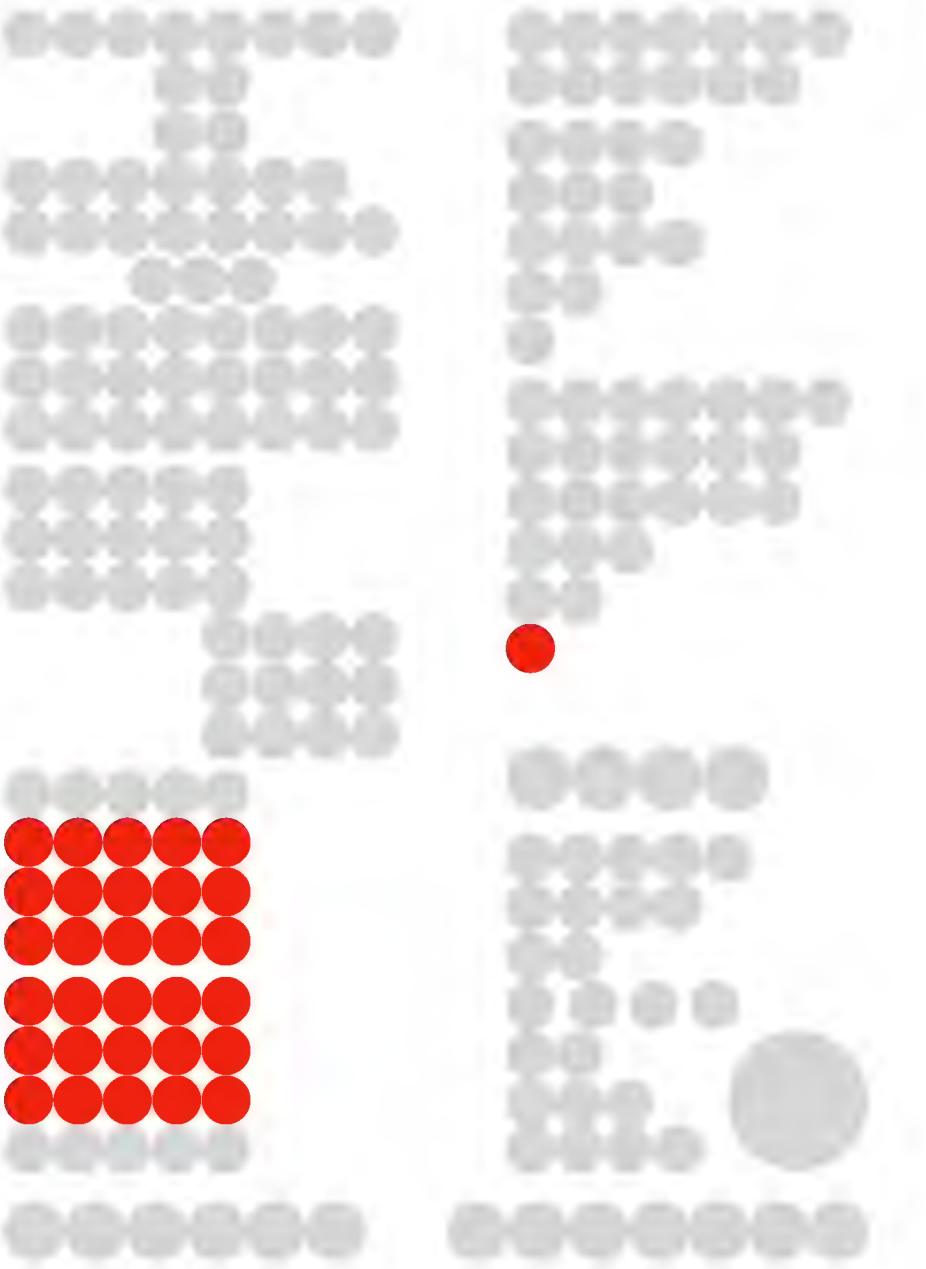

22. **Cụ tri quyền:** là trí tuệ của bậc A-la-hán quả, có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc giác ngộ hoàn toàn, thấy rõ niết bàn lần cuối cùng.

CỤ TRI QUYỀN

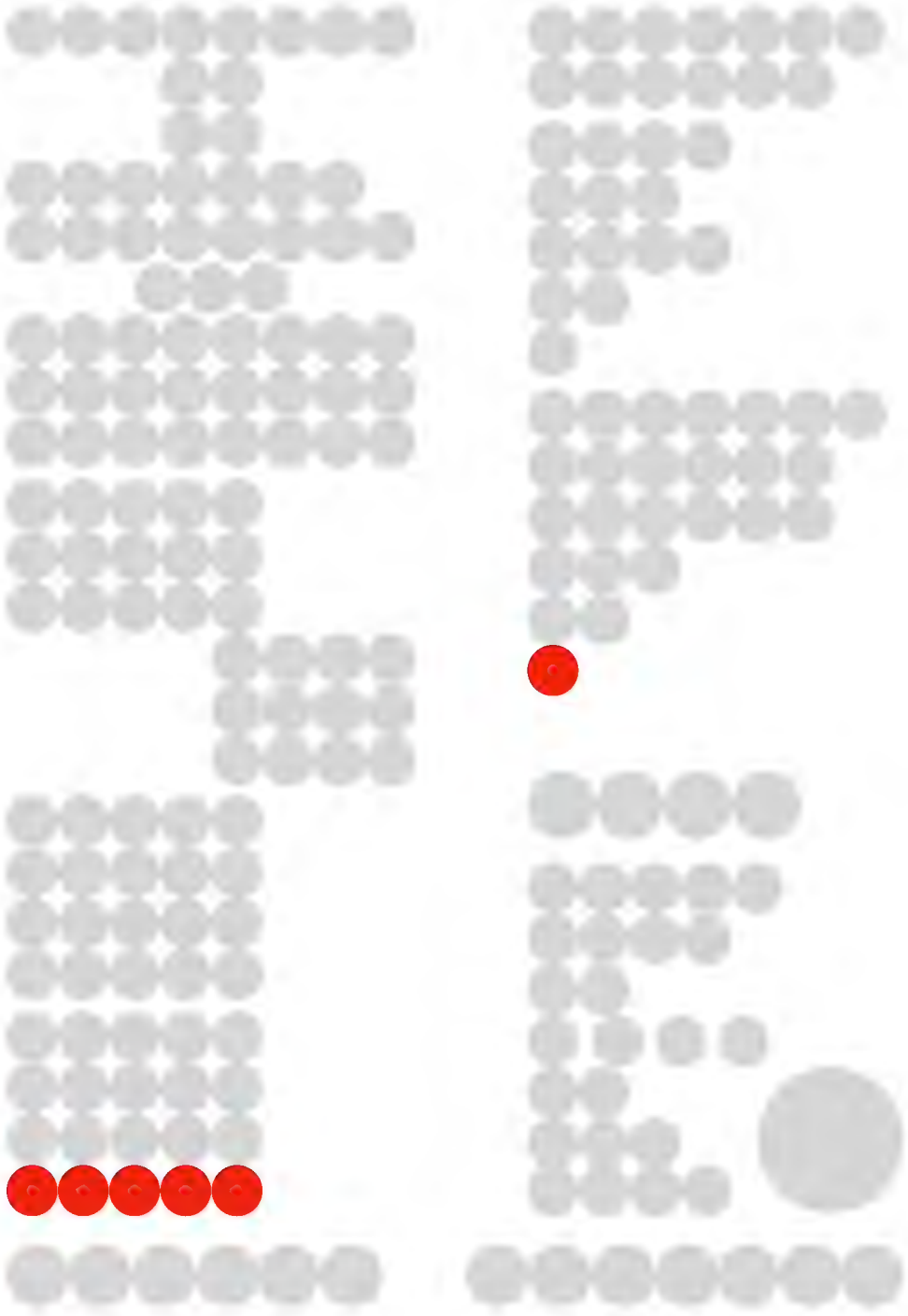

CHƯƠNG XXIX
(BÀI 39)

TỨ NIỆM XỨ

I. Định nghĩa:

Tứ là bốn.

Niệm theo chữ hán niệm có bộ kim và chữ tâm (kim là nay, cổ là xưa, tâm là biết). Niệm là biết ngay trong hiện tại.

Xứ là chỗ nơi, địa điểm, đề mục.

Tứ niệm xứ là bốn đề mục tu tập của hành giả thực hành thiền Vipassana (thiền quán, thiền minh sát).

Tứ niệm xứ có bốn đề mục:

- Niệm thân,
- Niệm thọ,
- Niệm tâm,
- Niệm pháp.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Niệm thân:** là chú tâm quan sát biết rõ sự chuyển động của thân để thấy rõ sắc uẩn và bản chất của sắc uẩn là vô thường, khổ, vô ngã.

   Niệm thân ở đây là quan sát biết rõ ngay trong hiện tại về hơi thở, bốn đại oai nghi, các tiểu oai nghi, tứ đại, tử thi, hài cốt, 32 thể trược.

   Chi pháp của niệm thân là sở hữu niệm.

2. **Niệm thọ:** là chú tâm ghi nhận quan sát theo dõi ngay trong hiện tại các cảm thọ: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Niệm thọ để thấy rõ thọ uẩn và bản chất của nó là vô thường khổ vô ngã.

   Niệm thọ chi pháp là sở hữu niệm.

3. **Niệm tâm:** là thấy rõ ngay trong hiện tại những loại tâm sanh lên và diệt đi. Niệm tâm để thấy rõ thức uẩn và bản chất của tâm là vô thường khổ vô ngã.
   Chi pháp là sở hữu niệm.

4. **Niệm pháp:** là quan sát theo dõi các pháp liên quan đến hành uẩn và tưởng uẩn nhằm thấy rõ bản chất vô thường khổ vô ngã của chúng. Niệm pháp là niệm về 5 triền cái ngũ thủ uẩn, 12 xứ, 7 giác chi và tứ diệu đế.

   Chi pháp là sở hữu niệm.

III.Kết luận:

==***==

Hết bài số 39
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 05/04/2020 (13/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXX

SƠ ĐỒ TỨ NIỆM XỨ

Phân tích chi pháp

1. **Niệm thân:** là chú tâm quan sát biết rõ sự chuyển động của thân để thấy rõ sắc uẩn và bản chất của sắc uẩn là vô thường khổ vô ngã.

   Niệm thân ở đây là quan sát biết rõ ngay trong hiện tại về hơi thở, bốn đại oai nghi, các tiểu oai nghi, tứ đại, tử thi, hài cốt, 32 thể trược.

   Chi pháp của niệm thân là sở hữu niệm. Niệm thân lấy sắc uẩn làm đề tài.

NIỆM THÂN

CHI PHÁP: SỞ HỮU NIỆM

ĐỀ MỤC: SẮC UẨN

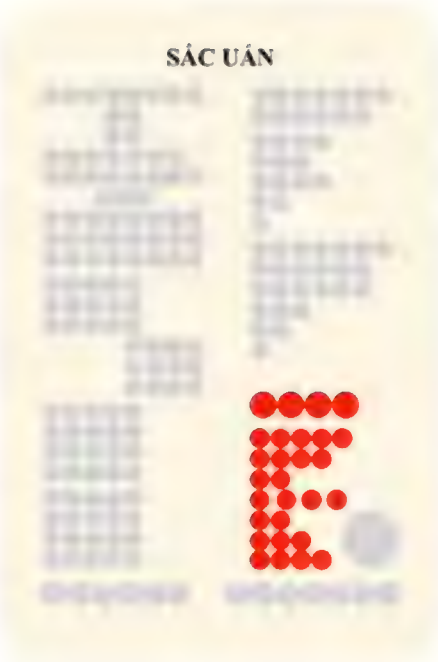

2. **Niệm thọ:** là chú tâm ghi nhận quan sát theo dõi ngay trong hiện tại các cảm thọ: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả.

   Niệm thọ để thấy rõ thọ uẩn và bản chất của nó là vô thường khổ vô ngã.

   Niệm thọ chi pháp là sở hữu niệm.
   Niệm thọ lấy thọ uẩn làm đề tài.

NIỆM THỌ

CHI PHÁP: SỞ HỮU NIỆM

ĐỀ MỤC: THỌ UẨN

3. **Niệm tâm:** là thấy rõ ngay trong hiện tại những loại tâm sanh lên và diệt đi.

   Niệm tâm để thấy rõ thức uẩn và bản chất của tâm là vô thường khổ vô ngã.

   Chi pháp là sở hữu niệm.
   Niệm tâm lấy thức uẩn làm đề tài.

NIỆM TÂM

CHI PHÁP: SỞ HỮU NIỆM

ĐỀ MỤC: THỨC UẨN

4. **Niệm pháp:** là quan sát theo dõi các pháp liên quan đến tưởng uẩn và hành uẩn nhằm thấy rõ bản chất vô thường khổ vô ngã của chúng.

   Niệm pháp là niệm về 5 triền cái ngũ thủ uẩn, 12 xứ, 7 giác chi và tứ diệu đế.

   Chi pháp là sở hữu niệm.
   Niệm pháp lấy tưởng uẩn và hành uẩn làm đề tài

NIỆM PHÁP

CHI PHÁP: SỞ HỮU NIỆM

ĐỀ MỤC: TƯỞNG UẨN VÀ HÀNH UẨN

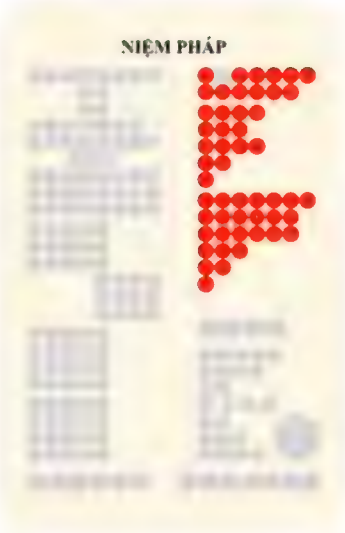

CHI PHÁP LÀ SỞ HỮU NIỆM

TỨ NIỆM XỨ

NIỆM THÂN: CHI PHÁP LÀ SẮC UẨN

NIỆM THỌ: CHI PHÁP LÀ THỌ UẨN

NIỆM TÂM: CHI PHÁP LÀ THỨC UẨN

NIỆM PHÁP: CHI PHÁP LÀ HÀNH UẨN VÀ TƯỞNG UẨN

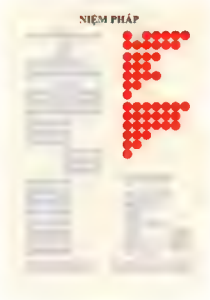

CHƯƠNG XXXI
(BÀI 40)

TỨ CHÁNH CẦN

I. Định nghĩa:

Tứ là bốn, chánh là chơn chánh, cần là cần mẫn siêng năng.

Tứ chánh cần là bốn pháp siêng năng chơn chánh, cố gắng ngăn ngừa và diệt trừ các bất thiện pháp chũng như cố gắng trao dồi gìn giữ và pháp triển các thiện pháp.

II. Phân tích chi pháp:

Chi pháp của tứ chánh cần là sở hữu cần trong các tâm thiện.

1. **Thận cần:** là cẩn thận, cần mẫn cố gắng siêng năng làm cho các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi.

2. **Trừ cần:** là cố gắng siêng năng, cần mẫn trừ diệt các ác pháp đã sanh không cho tái phạm.

3. **Tu cần:** là siêng năng, cần mẫn cố gắng trao dồi những thiện pháp chưa sanh được sanh khởi.

4. **Bảo cần:** là tinh tấn, siêng năng, cần mẫn, bảo vệ, bảo trì những thiện pháp đã sanh càng tăng trưởng hơn lên.

III.Kết luận:

Cố gắng tin tấn siêng năng, cần mẫn làm các thiện pháp để đè nén các ác pháp. Tin tần thực hành 10 việc lành mỗi ngày như bố thí, trì giới, tham thiền, cung kính, phục vụ, hồi hướng phước, tùy hỷ phước, nghe pháp, thuyết pháp, điều chỉnh tâm cho chơn chánh. Minh sanh vô minh diệt, ánh sáng sanh bóng tối diệt.

==***==

Hết bài số 40
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 06/04/2020 (14/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXXII

SƠ ĐỒ TỨ CHÁNH CẦN

Phân tích chi pháp

1. **Thận cần:** là cẩn thận, cần mẫn cố gắng siêng năng làm cho các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi. Chi pháp của thận cần là sở hữu cần hợp trong 37 tâm thiện.

THẬN CẦN

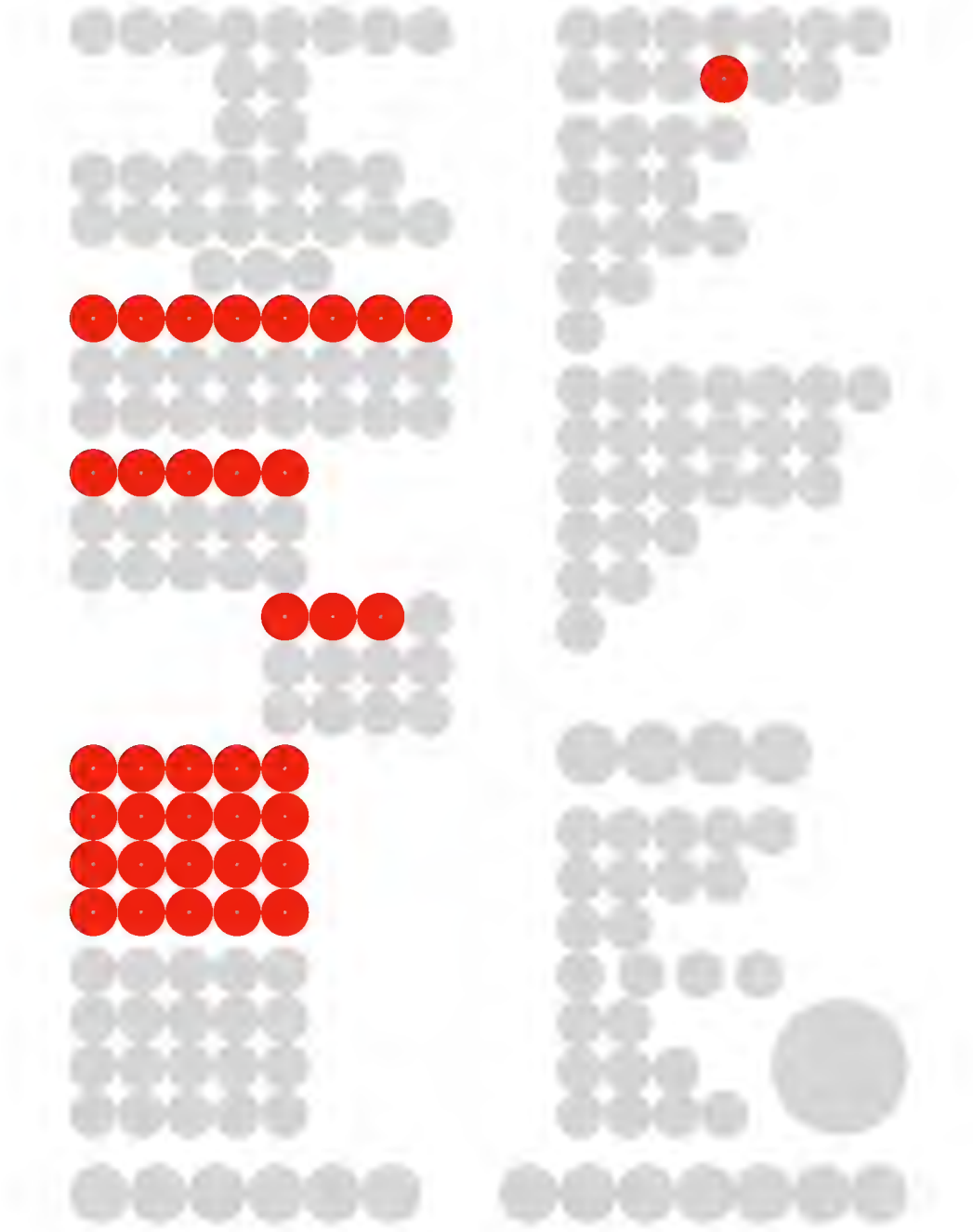

2. **Trừ cần:** là cố gắng siêng năng, cần mẫn trừ diệt các ác pháp đã sanh không cho tái phạm. Chi pháp của trừ cần là sở hữu cần hợp trong 37 tâm thiện.

TRỪ CẦN

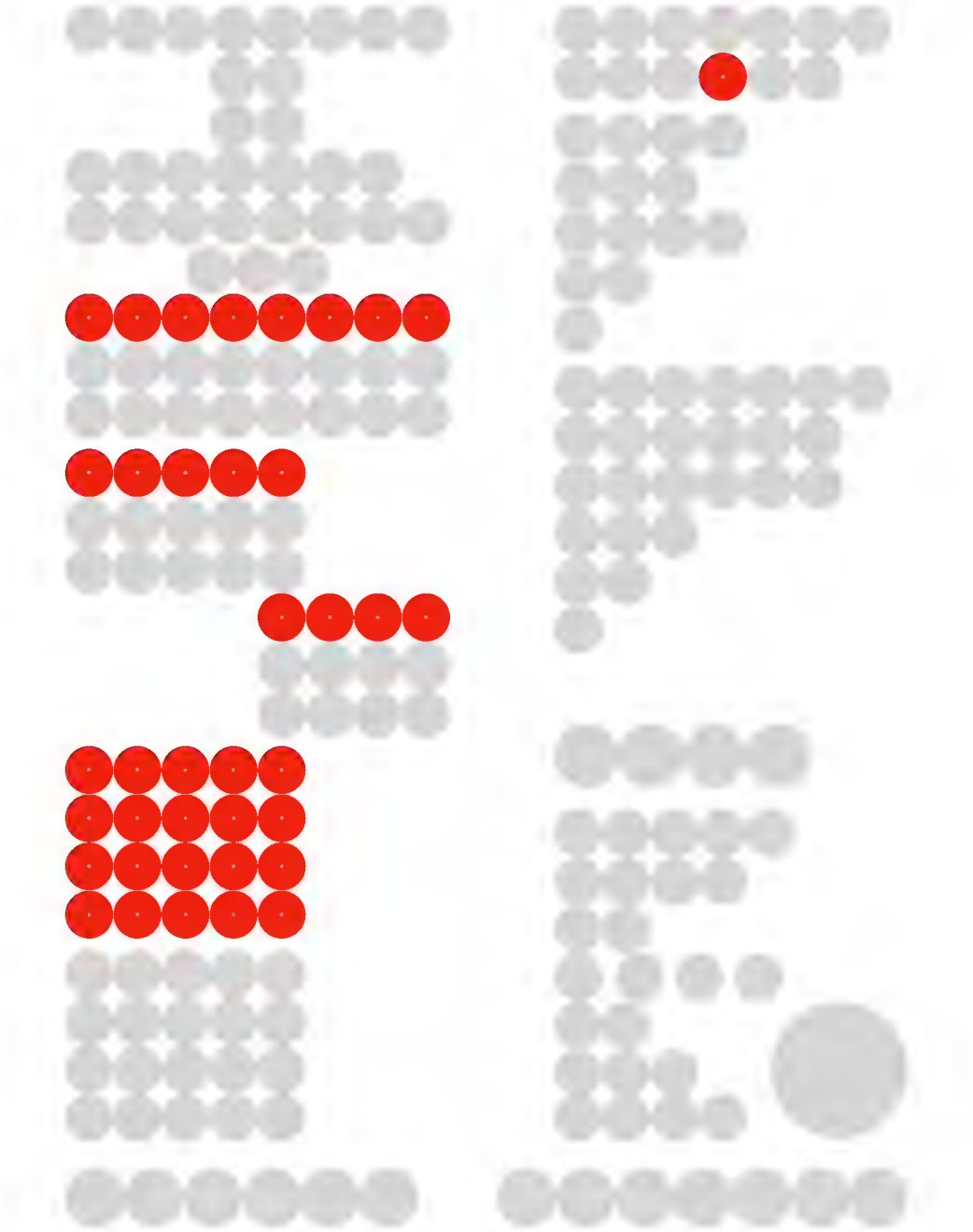

3. **Tu cần:** là siêng năng, cần mẫn cố gắng trao dồi những thiện pháp chưa sanh được sanh khởi. Chi pháp của tu cần là sở hữu cần hợp trong 37 tâm thiện.

TU CẦN

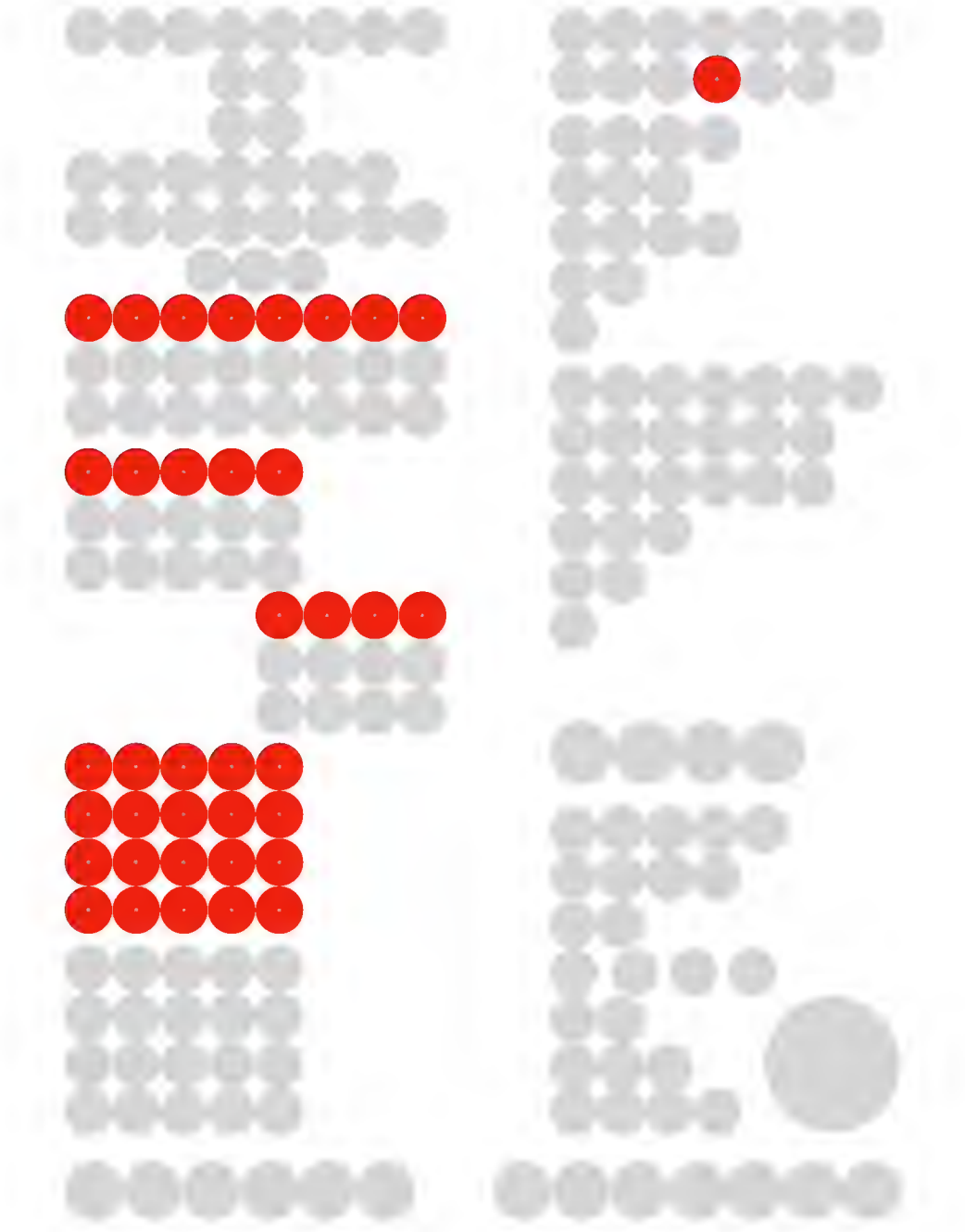

4. **Bảo cần:** là tinh tấn, siêng năng, cần mẫn, bảo vệ, bảo trì những thiện pháp đã sanh càng tăng trưởng hơn lên. Chi pháp của bảo cần là sở hữu cần hợp trong 37 tâm thiện.

BẢO CẦN

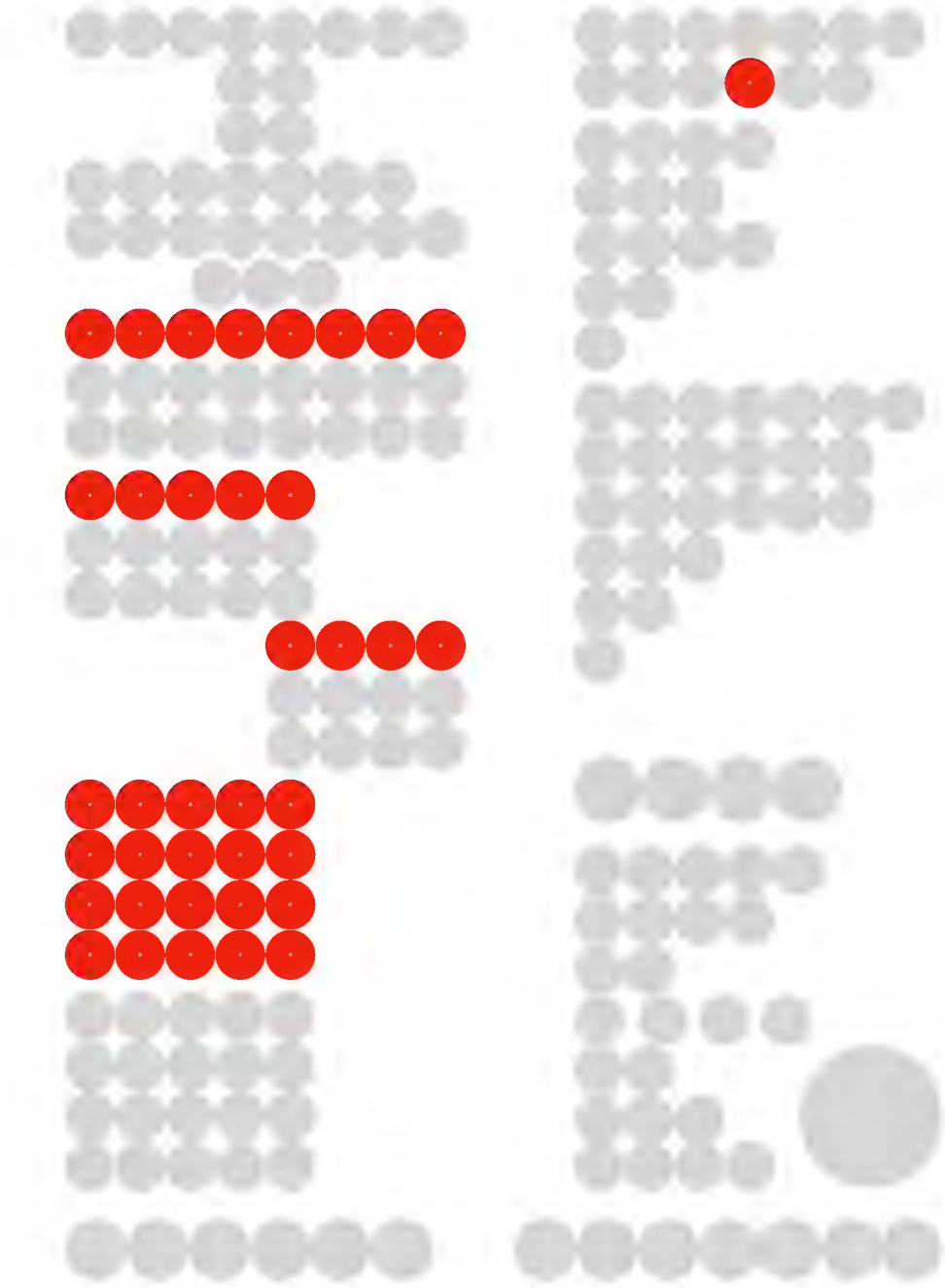

CHƯƠNG XXXIII
(BÀI 41)

TỨ NHƯ Ý TÚC

I. Định nghĩa:

Tứ là bốn, như ý là sự thành tựu bằng cách đầy đủ, tức là nhờ cậy, nương tựa.

Pháp nào mà nhờ pháp ấy làm nhân đưa đến giải thoát thì pháp đấy được gọi là túc.

Tứ như ý túc là bốn pháp nền tảng giúp cho thành tựu các loại đạo quả, thiền và thần thông.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Dục như ý túc:** là sự mong muốn (sở hữu dục) là nguyên nhân đưa đến chứng đắc các loại đạo, quả, thiền, thông. Dục như ý túc là sở hữu dục.

2. **Cần như ý túc:** là sự tinh tấn siêng năng là nguyên nhân đưa đến chứng đắc đạo, quả, thiền, thông. Cần như ý túc là sở hữu cần.

3. **Tâm như ý túc:** là tâm làm nhân đưa đến chứng đắc các loại đạo, quả, thiền, thần thông. Tâm như ý túc là 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo hợp trí, 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo hợp trí.

4. **Thẩm như ý túc:** là trí tuệ làm nhân đưa đến chúng đắc các loại đạo, quả, thiền, thần thông. Thẩm như ý túc là sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận:

==***==

Hết bài số 41
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 07/04/2020 (15/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXXIV

SƠ ĐỒ TỨ NHƯ Ý TÚC

Phân tích chi pháp

1. **Dục như ý túc:** là sự mong muốn (sở hữu dục) là nguyên nhân đưa đến chứng đắc các loại đạo, quả, thiền, thông. Dục như ý túc là sở hữu dục.

DỤC NHƯ Ý TÚC

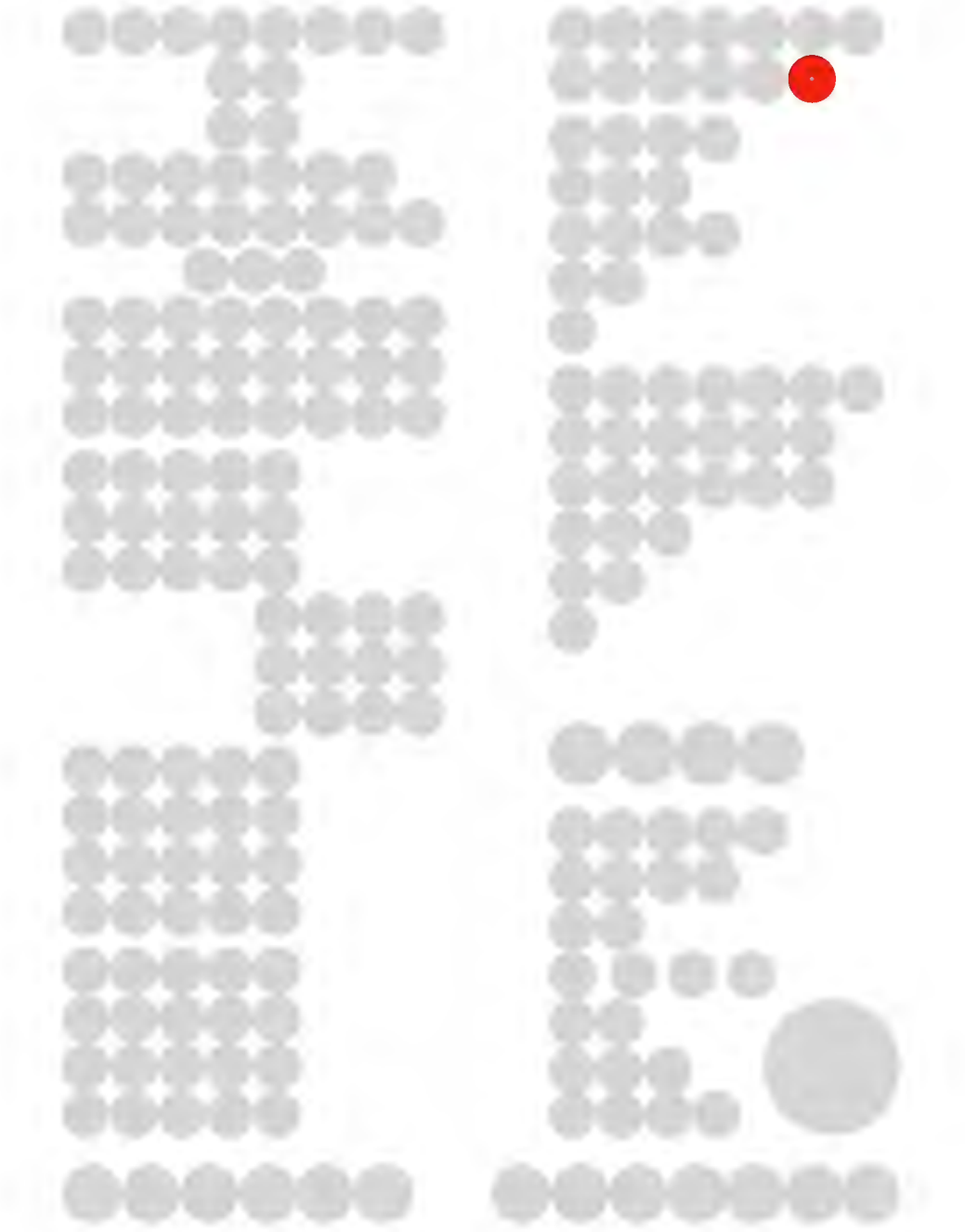

2. **Cần như ý túc:** là sự tinh tấn siêng năng là nguyên nhân đưa đến chứng đắc đạo, quả, thiền, thông. Cần như ý túc là sở hữu cần.

CẦN NHƯ Ý TÚC

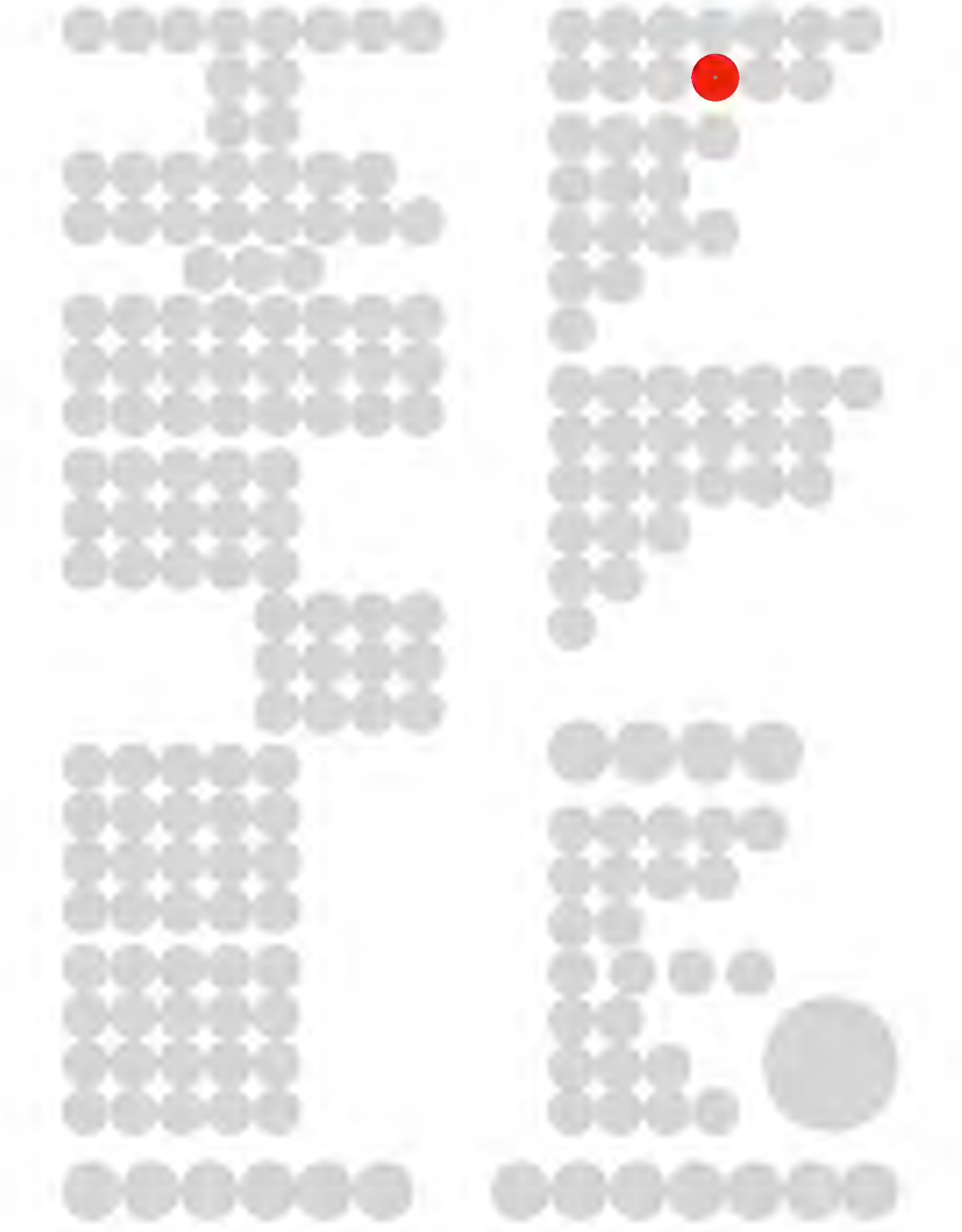

3. **Tâm như ý túc:** là tâm làm nhân đưa đến chứng đắc các loại đạo, quả, thiền, thần thông. Tâm như ý túc là 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo hợp trí, 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo hợp trí.

TÂM NHƯ Ý TÚC

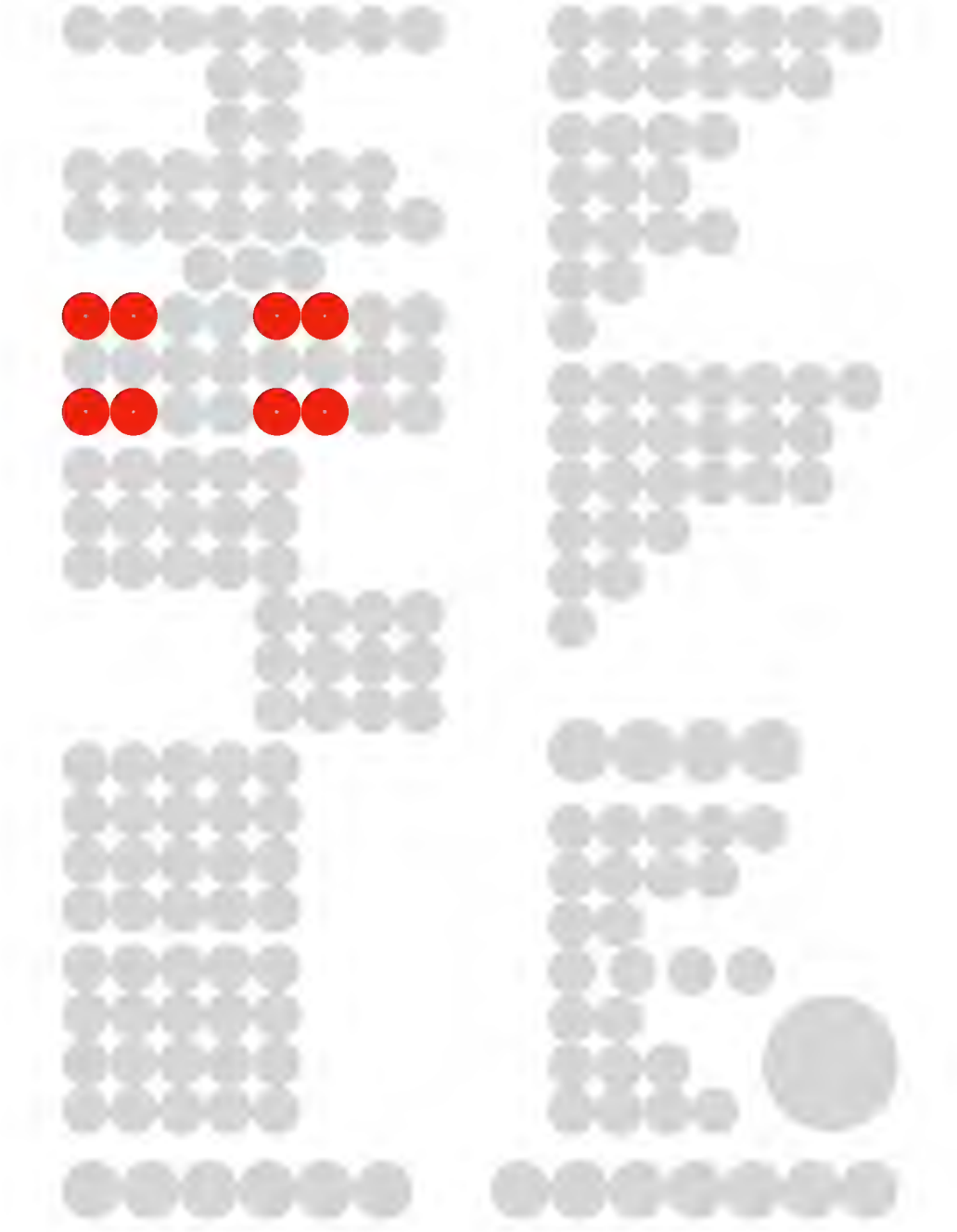

4. **Thẩm như ý túc:** là trí tuệ làm nhân đưa đến chúng đắc các loại đạo, quả, thiền, thần thông. Thẩm như ý túc là sở hữu trí tuệ.

THẨM NHƯ Ý TÚC

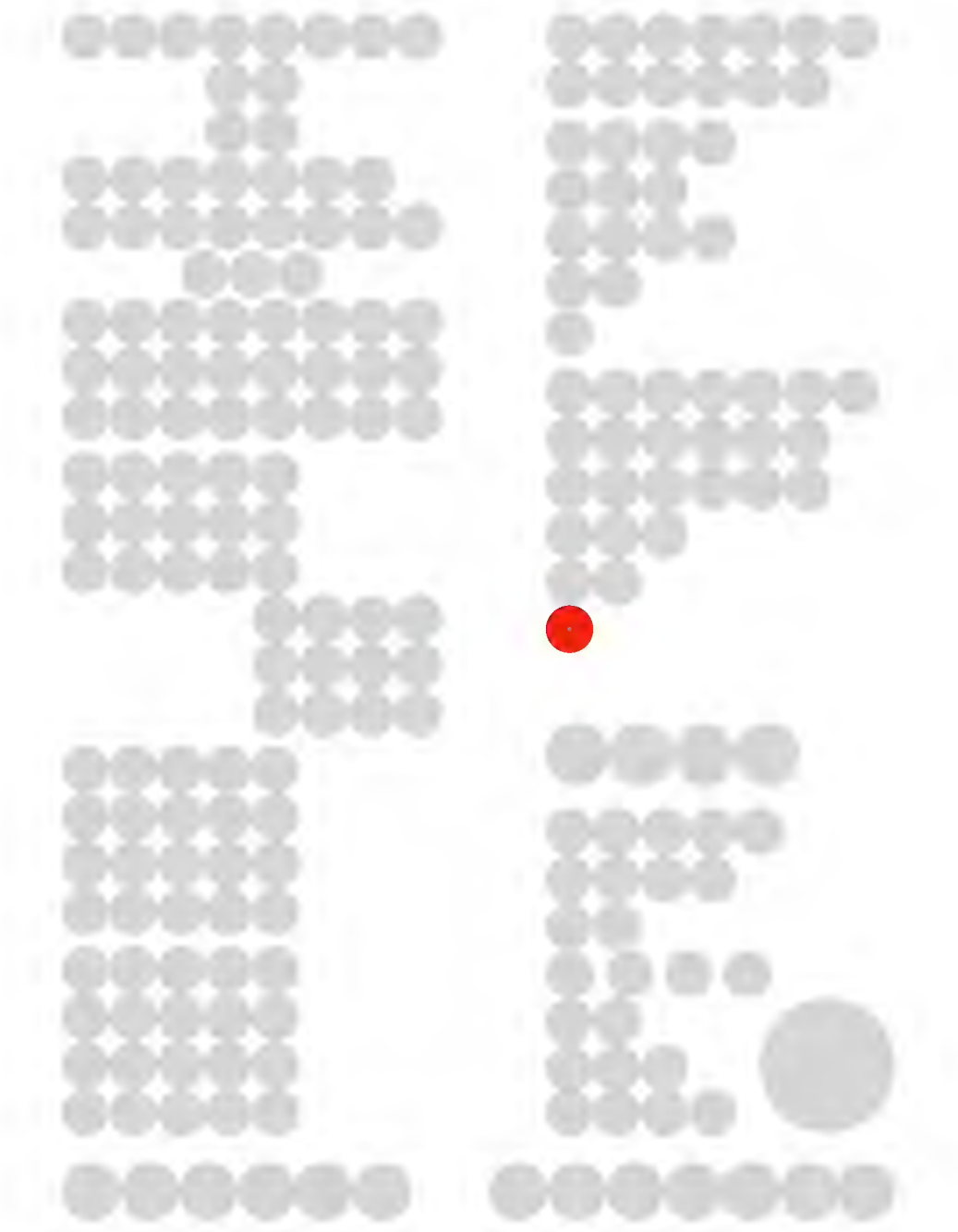

CHƯƠNG XXXV
(BÀI 42)

NGŨ CĂN
(NGŨ QUYỀN)

I. Định nghĩa:

Ngũ quyền (ngũ căn) là 5 pháp có tư cách tự trị vững mạnh, có khả năng chịu đựng nỗi sự lấn áp của các pháp nghịch. Ngũ quyền (ngũ căn) là: tín quyền (tín căn), tấn quyền (tấn căn), niệm quyền (niệm căn) định quyền (định căn), tuệ quyền (tuệ căn).

II. Phân tích chi pháp:

1. **Tín quyền (tín căn):** tín quyền là sở hữu tín, có đặc tánh và thẩm quyền hướng dẫn cho các danh pháp đồng sanh cùng làm một việc có niềm tin với Tam Bảo, có niềm tin nhân quả nghiệp báo, luân hồi tái sinh…

2. **Tấn quyền (tấn căn):** tấn quyền là sở hữu cần có đặc tính hướng dẫn các danh pháp làm chung một việc đó là tứ chánh cần.

3. **Niệm quyền (niệm căn):** là sở hữu niệm có đặc tánh hướng dẫn các danh pháp

đồng sanh cùng làm chung một việc là chăm chú theo dõi các hành động của thân tâm nhất là tứ niệm xứ.

4. **Định quyền (định căn):** là sở hữu định (nhất hành) có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc gom tâm vào đề mục.

5. **Tuệ quyền (tuệ căn):** là sở hữu trí tuệ có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc là hiểu biết sự vật đúng với bản chất của nó.

III. Kết luận:

Ngũ quyền (ngũ căn) là 5 pháp trợ duyên cho sự giác ngộ giải thoát. Những chi pháp trong ngũ quyền (ngũ căn) cũng được trùng lặp lại trong các chi pháp của 37 pháp trợ bồ đề nhưng được nhìn với nhiều góc độ khác nhau.

==***==

Hết bài số 42
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 09/04/2020 (17/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXXVI

SƠ ĐỒ NGŨ CĂN (NGŨ QUYỀN)

Phân tích chi pháp

1. **Tín quyền (tín căn):** tín quyền là sở hữu tín, có đặt tánh và thẩm quyền hướng dẫn cho các danh pháp đồng sanh cùng làm một việc có niềm tin với Tam Bảo, có niềm tin nhân quả nghiệp báo, luân hồi tái sinh…

TÍN QUYỀN

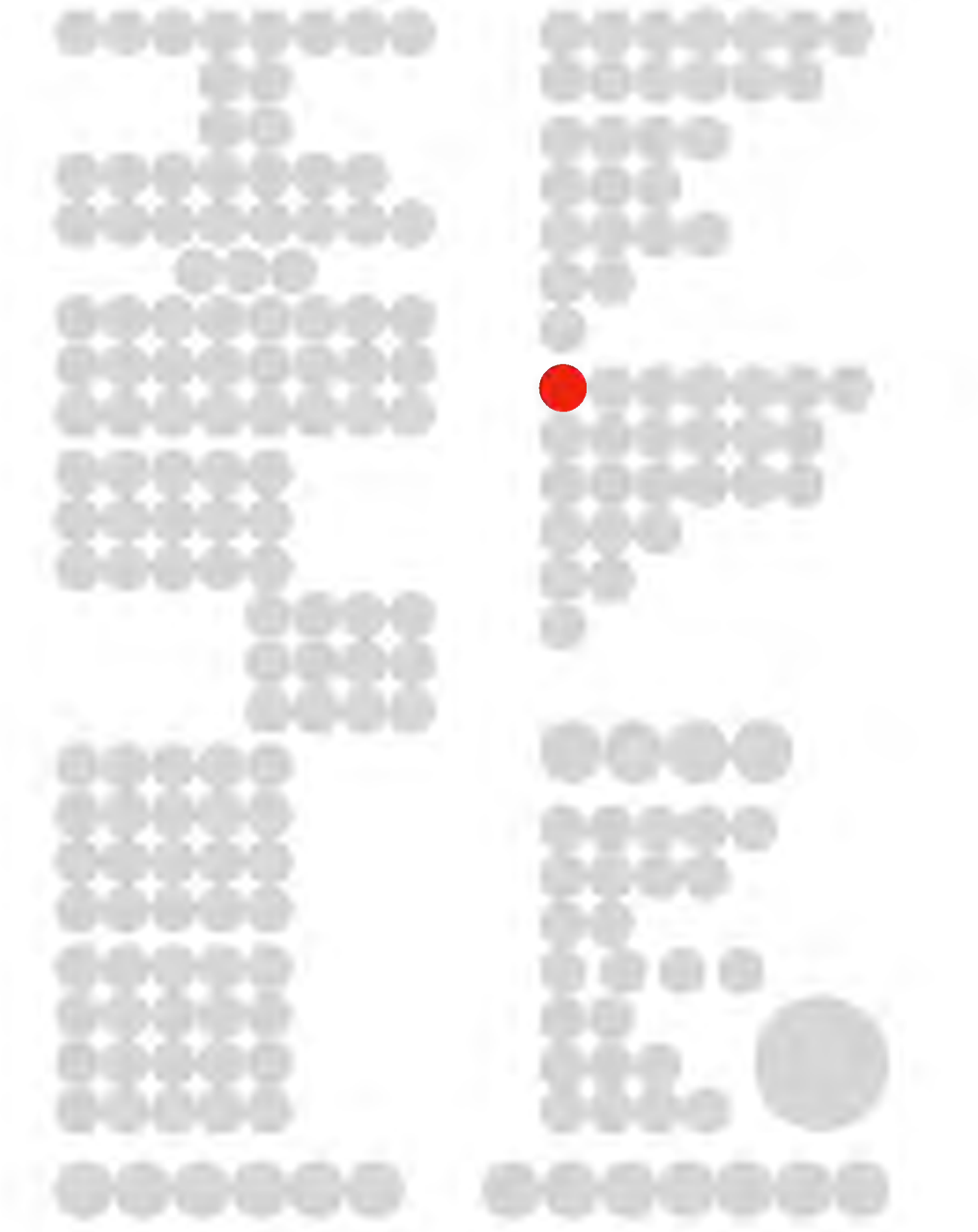

2. **Tấn quyền (tấn căn):** tấn quyền là sở hữu cần có đặt tính hướng dẫn các danh pháp làm chung một việc đó là tứ chánh cần.

TẤN QUYỀN

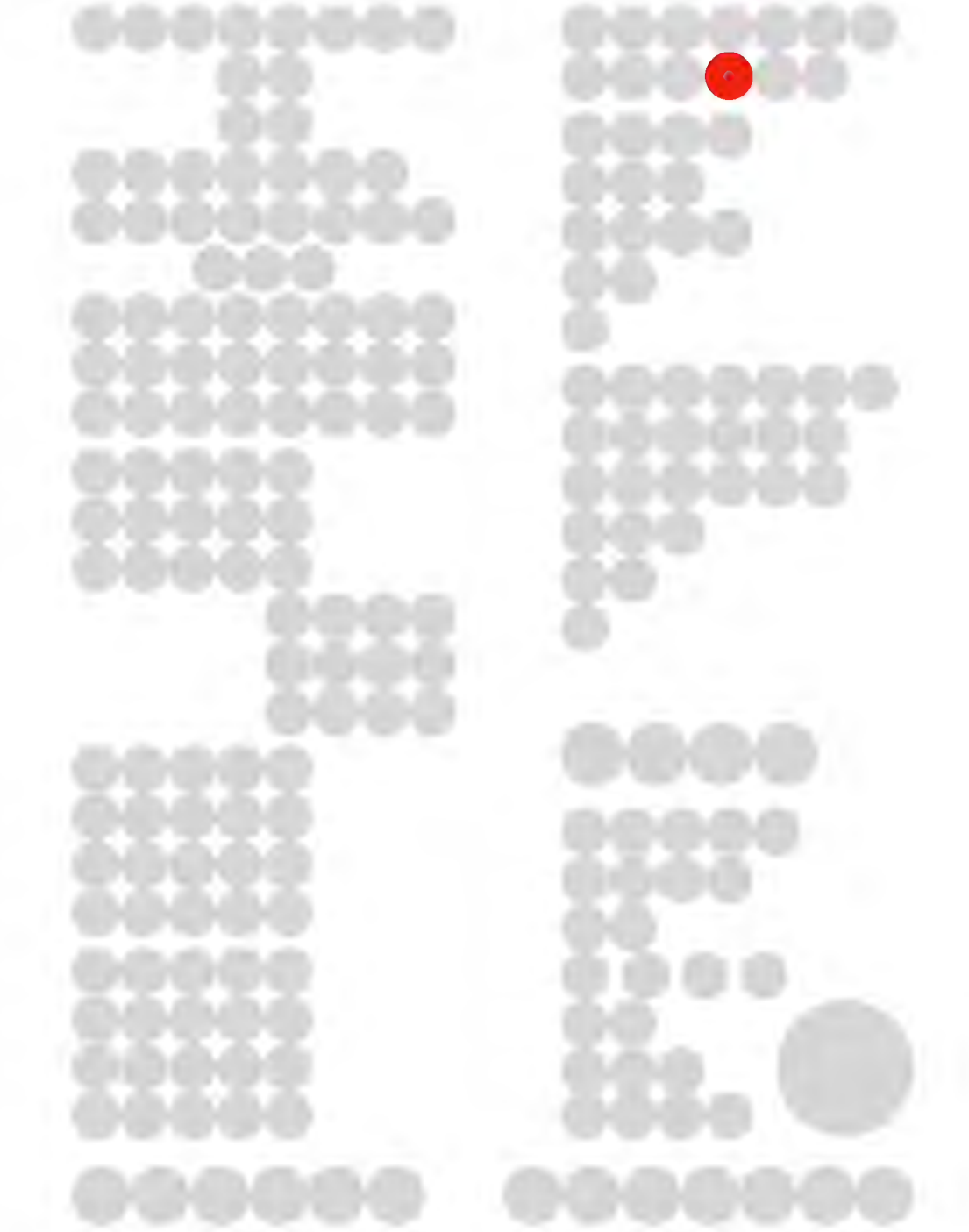

3. **Niệm quyền (niệm căn):** là sở hữu niệm có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc là chăm chú theo dõi các hành động của thân tâm nhất là tứ niệm xứ.

NIỆM QUYỀN

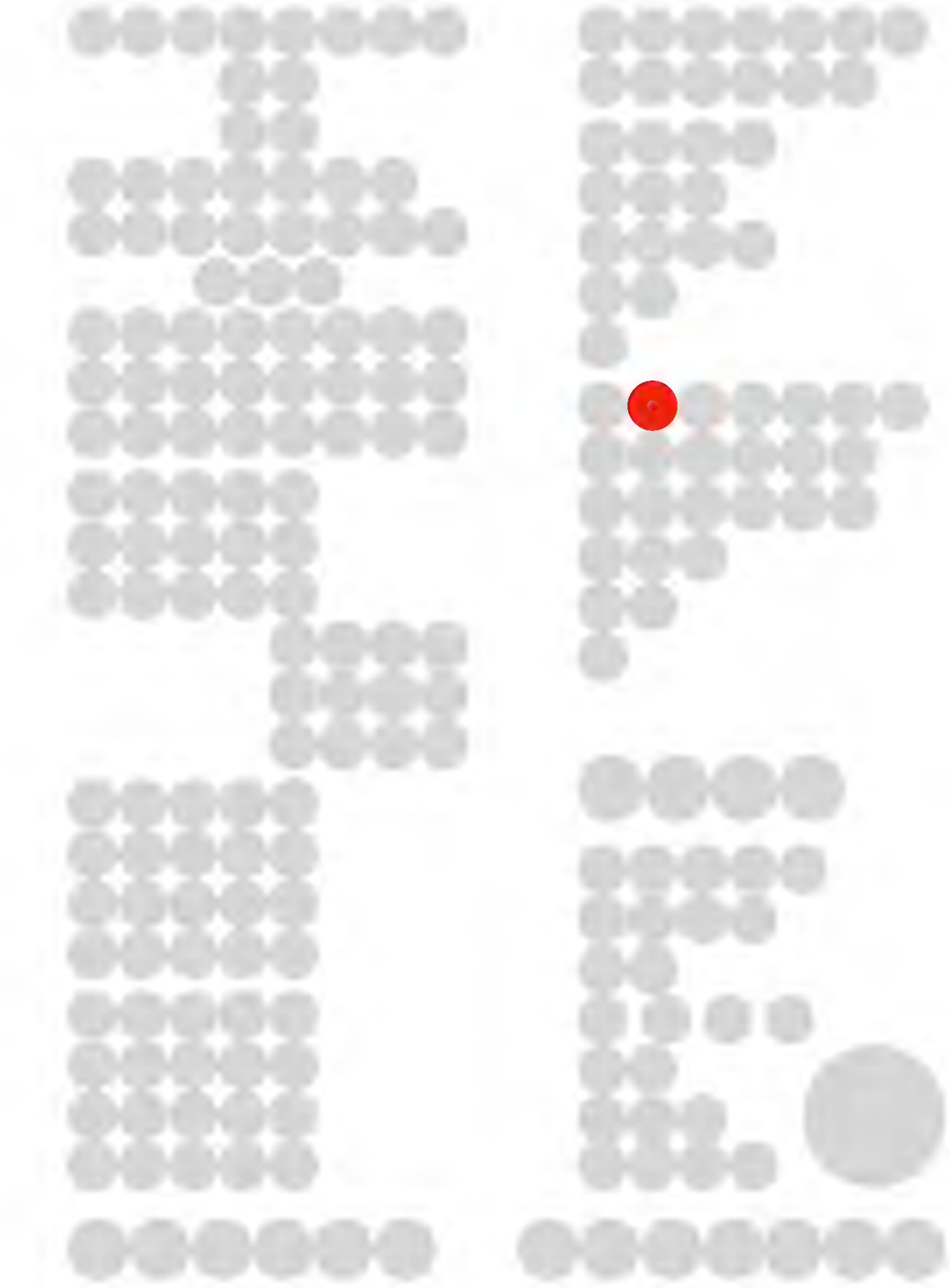

4. **Định quyền (định căn):** là sở hữu định (nhất hành) có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc gom tâm vào đề mục.

ĐỊNH QUYỀN

5. **Tuệ quyền (tuệ căn):** là sở hữu trí tuệ có đặt tánh hướng dẫn các danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc là hiểu biết sự vật đúng với bản chất của nó.

TỤÊ QUYỀN

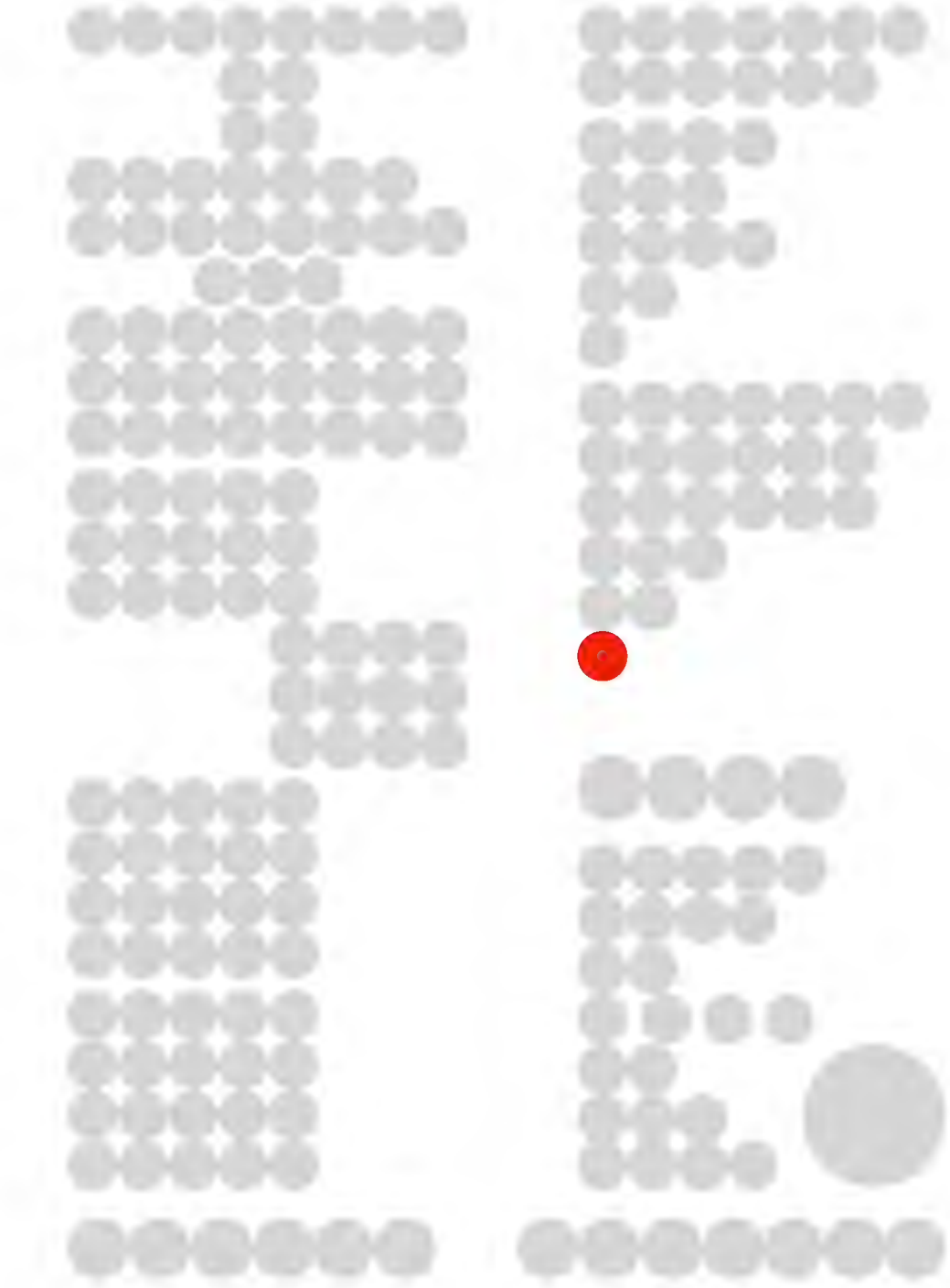

CHƯƠNG XXXVII
(BÀI 43)

NGŨ LỰC

I. Định nghĩa:

Ngũ lực là 5 sức mạnh vững chắc không bị lây động đối với nghịch pháp.

Ngũ lực là: tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

II. Phân tích chi pháp:

1. Tín lực: là sức mạnh của niềm tin. Tín lực là sở hữu tín.

2. Tấn lực: là sức mạnh của sự tin tấn. Tấn lực là sở hữu cần.

3. Niệm lực: là sức mạnh của chánh niệm. Niệm lực là sở hữu niệm.

4. Định lực: là sức mạnh của định. Định lực là sở hữu nhất hành.

5. Tuệ lực: là sức mạnh của trí tuệ. Tuệ lực là sở hữu trí tuệ.

III.Kết luận:

==***==

Hết bài số 43
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 10/04/2020 (18/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XXXVIII

SƠ ĐỒ NGŨ LỰC

Phân tích chi pháp

1. **Tín lực:** là sức mạnh của niềm tin. Tín lực là sở hữu tín.

TÍN LỰC

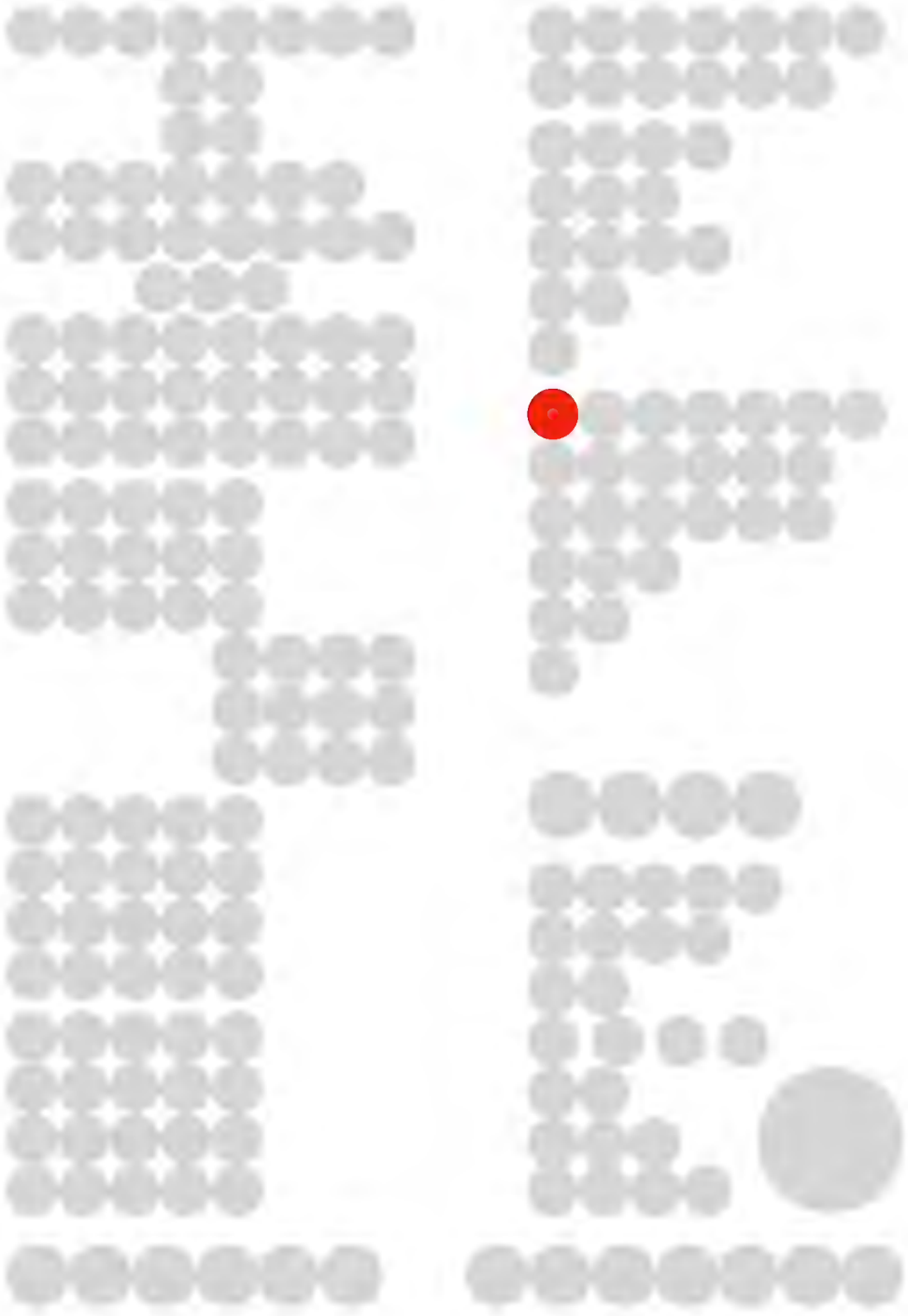

2. **Tấn lực:** là sức mạnh của sự tin tấn. Tấn lực là sở hữu cần.

TẤN LỰC

3. **Niệm lực:** là sức mạnh của chánh niệm. Niệm lực là sở hữu niệm.

NIỆM LỰC

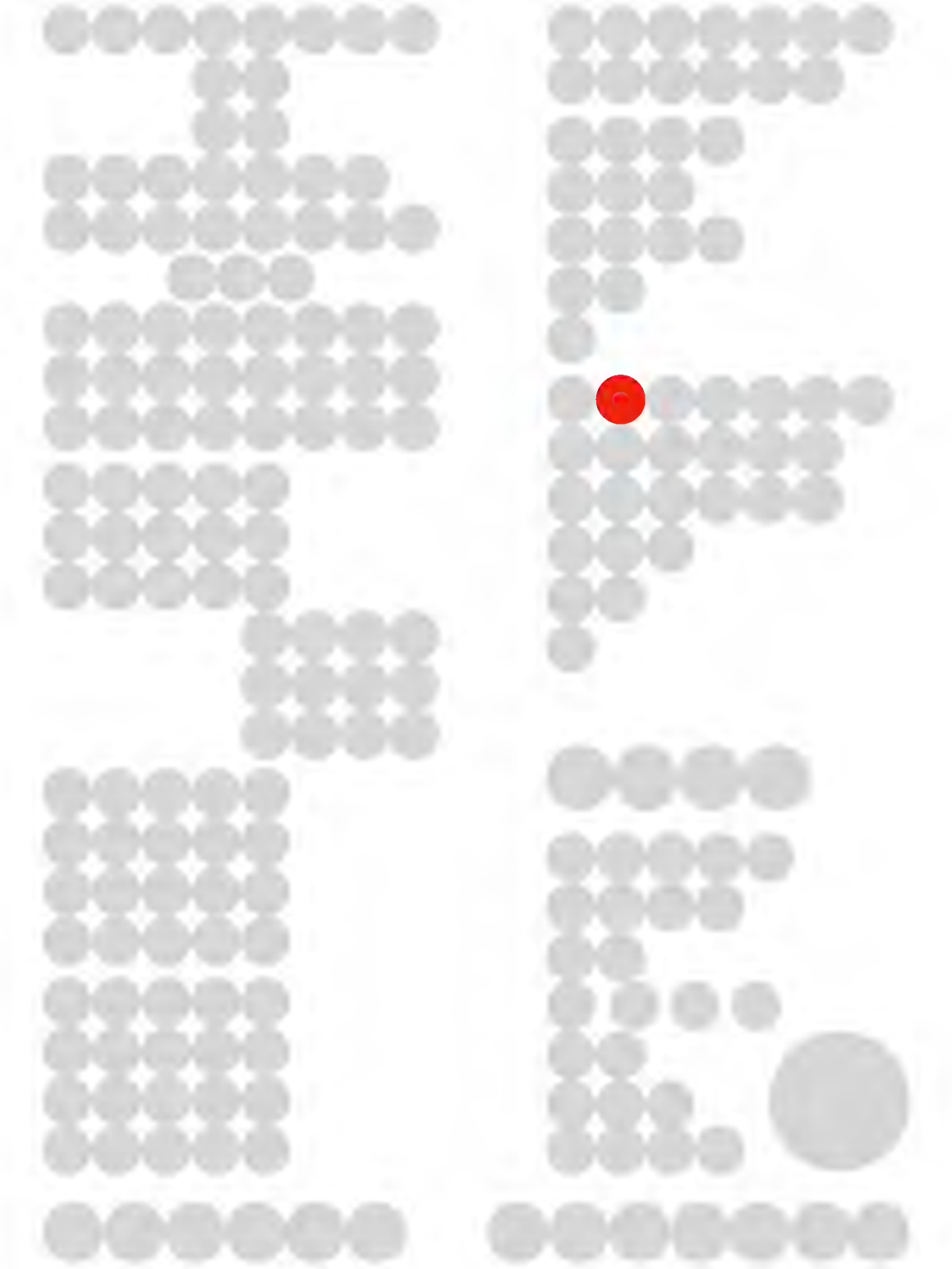

4. **Định lực:** là sức mạnh của định. Định lực là sở hữu nhất hành.

ĐỊNH LỰC

5. **Tuệ lực:** là sức mạnh của trí tuệ. Tuệ lực là sở hữu trí tuệ.

TUỆ LỰC

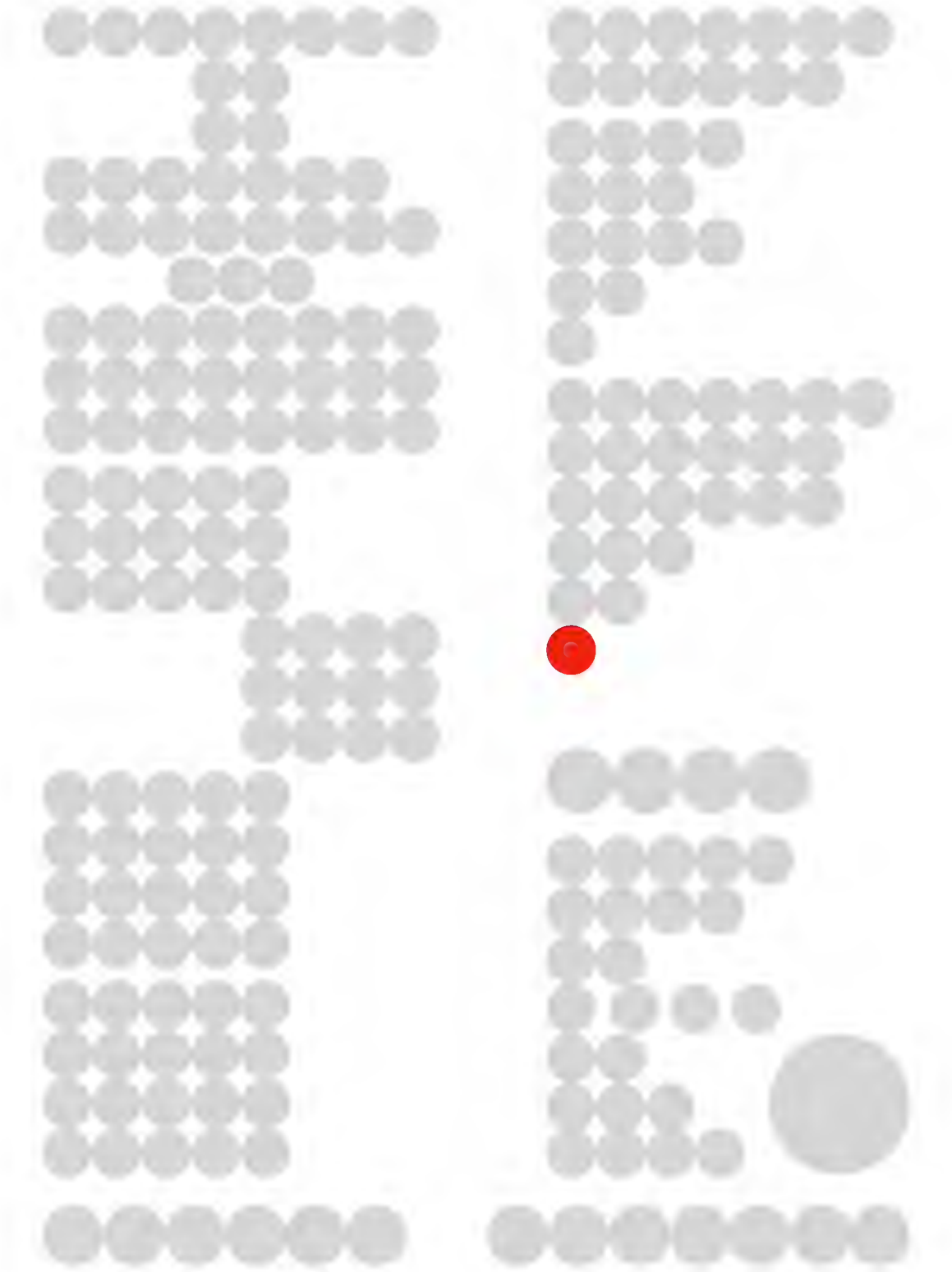

CHƯƠNG XXXIX
(BÀI 44)

THẤT GIÁC CHI

I. Định nghĩa:

Thất giác chi là 7 pháp trợ giúp cho sự giác ngộ Tứ diệu đế, chứng ngộ Niết Bàn.

Thất giác chi là:

- Niệm giác chi,
- Trạch pháp giác chi,
- Cần giác chi,
- Hỷ giác chi,
- Tịnh giác chi,
- Định giác chi,
- Xả giác chi.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Niệm giác chi:** là nhân trợ giúp cho sự giác ngộ đạo quả Niết Bàn, giác ngộ giải thoát. Niệm giác chi là sở hữu niệm.

   Những nguyên nhân sanh niệm giác chi có 4 là:

a. Chánh niệm tỉnh giác luôn luôn.
b. Thường niệm cảnh hiện tại.
c. Tránh người hay quên (thất niệm), người không tu tập chánh niệm.
d. Nương tựa vào người có chánh niệm vững vàng, chuyên tu Tứ Niệm Xứ.

2. **Trạch pháp giác chi:** là trí tuệ quan sát phân biệt rõ pháp thiện, pháp bất thiện. Trí tuệ là nhân trợ giúp cho sự giải thoát (Niết Bàn). Trạch pháp giác chi là sở hữu trí tuệ. Những nguyên nhân sanh trạch pháp giác chi có 7 là:

a. Thường hỏi những sự nghi ngờ phật pháp.
b. Thân thể, vật dụng, chỗ ở phải sạch sẽ.
c. Pháp ngũ quyền đều nhau (tín, tấn, niệm, định, tuệ quyền)
d. Tránh người thiếu trí tuệ.
e. Thân cận người trí tuệ.
f. Ưa suy xét cảnh tuệ cao, tế nhị, sâu xa.
g. Chuyên niệm tứ oai nghi và các cảnh danh sắc sanh diệt.

3. **Cần giác chi:** sự tinh tấn là chi pháp trợ giúp cho sự chứng ngộ Đạo Quả Niết Bàn. Cần giác chi là sở hữu cần. Những nhân sanh cần giác chi có 11 là:

   a. Suy xét về các cảnh khổ (ngạ quỷ, súc sanh, atula, địa ngục)
   b. Suy xét sự siêng năng.
   c. Suy xét đường đến Niết Bàn của chư thánh nhân.
   d. Quý trọng sự đi khất thực.
   e. Suy xét thấy tài sản Pháp Bảo của Đức Phật Toàn Giác rất quan trọng.
   f. Suy xét thấy bậc đạo sư (Phật) rất cao siêu.
   g. Suy xét sanh làm người rất quan trọng vì rất khó được làm người.
   h. Xét thấy phạm thiên địa vị rất cao.
   i. Tránh kẻ lười biếng.
   j. Gần người siêng năng.
   k. Siêng niệm rõ sự sanh diệt của danh sắc.

4. **Hỷ giác chi:** là pháp hỷ giúp cho chứng ngộ đạo quả niết bàn. Hỷ giác chi là sở hữu hỷ. Những nhân sanh hỷ giác chi có 11:

   a. Niệm phật.
   b. Niệm pháp
   c. Niệm tăng
   d. Niệm giới
   e. Niệm thí
   f. Niệm thiên
   g. Niệm niết bàn
   h. Tránh xa người không tin tam bảo.
   i. Gần người tin tam bảo.
   j. Suy xét theo kinh làm nhân sanh tín ngưỡng tam bảo.
   k. Chăm chú thấy danh sắc sanh diệt do hành động và cảnh.

5. **Tịnh giác chi:** là trạng thái vắng lặng của tâm pháp giúp chứng ngộ đạo quả niết bàn. Tịnh giác chi là sở hữu tịnh thân, tịnh tâm. Nhân sanh tịnh giác chi có 7 là:

   a. Dùng vật thực tế nhị dễ tiêu.

b. Khí hậu thích hợp.
c. Oai nghi thích hợp.
d. Để tâm trung bình.
e. Tránh kẻ tiểu nhân hãm hại chúng sanh.
f. Hội ngộ các bậc thân tâm an tịnh.
g. Chánh niệm nhận thấy danh sắc sanh diệt do hành động và cảnh.

6. **Định giác chi:** là trạng thái tâm an trụ, là chi pháp trợ giúp cho sự chứng ngộ đạo quả niết bàn. Định giác chi là sở hữu nhất hành (sở hữu định). Nhân sanh định giác chi có 10 là:

a. Thân thể, vật dụng, chỗ ở sạnh sẽ.
b. Pháp ngũ quyền đều đồng nhau.
c. Khéo sửa ấn chứng tu chỉ.
d. Nâng tâm hợp thời.
e. Hớn hở hợp thời.
f. Để tâm trung bình hợp thời.
g. Tránh người tâm không vững.
h. Thân cận người có tâm an trụ.
i. Suy xét thiền và giải thoát.

j. Chánh niệm theo tứ oai nghi và các cảnh khác.

7. **Xả giác chi:** là trạng thái tâm đưa đến sự quân bình không thiên lệch giúp cho giác ngộ đạo quả niết bàn. Xả giác chi là sở hữu hành xả. Nhân sanh xả giác chi có 5 là:
   a. Để tâm trung bình đối với chúng sanh, chỉ cho danh sắc chứ không phải người, thú.
   b. Để tâm trung bình đối với pháp hữu vi. Thấy vô thường, khổ, vô ngã (tam tướng) thì mới có tâm hành xả.
   c. Tránh người chấp cứng theo chúng sanh và pháp hữu vi.
   d. Thân cận với người có tâm trung bình đối với chúng sanh và pháp hữu vi.
   e. Chánh niệm nhận thấy danh sắc sanh diệt.

III.**Kết luận:**

==***==

Hết bài số 44
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.

Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 11/04/2020 (19/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XL (40)

SƠ ĐỒ THẤT GIÁC CHI

Phân tích chi pháp

1. **Niệm giác chi:** là nhân trợ giúp cho sự giác ngộ đạo quả Niết Bàn, giác ngộ giải thoát. Niệm giác chi là sở hữu niệm.

NIỆM GIÁC CHI

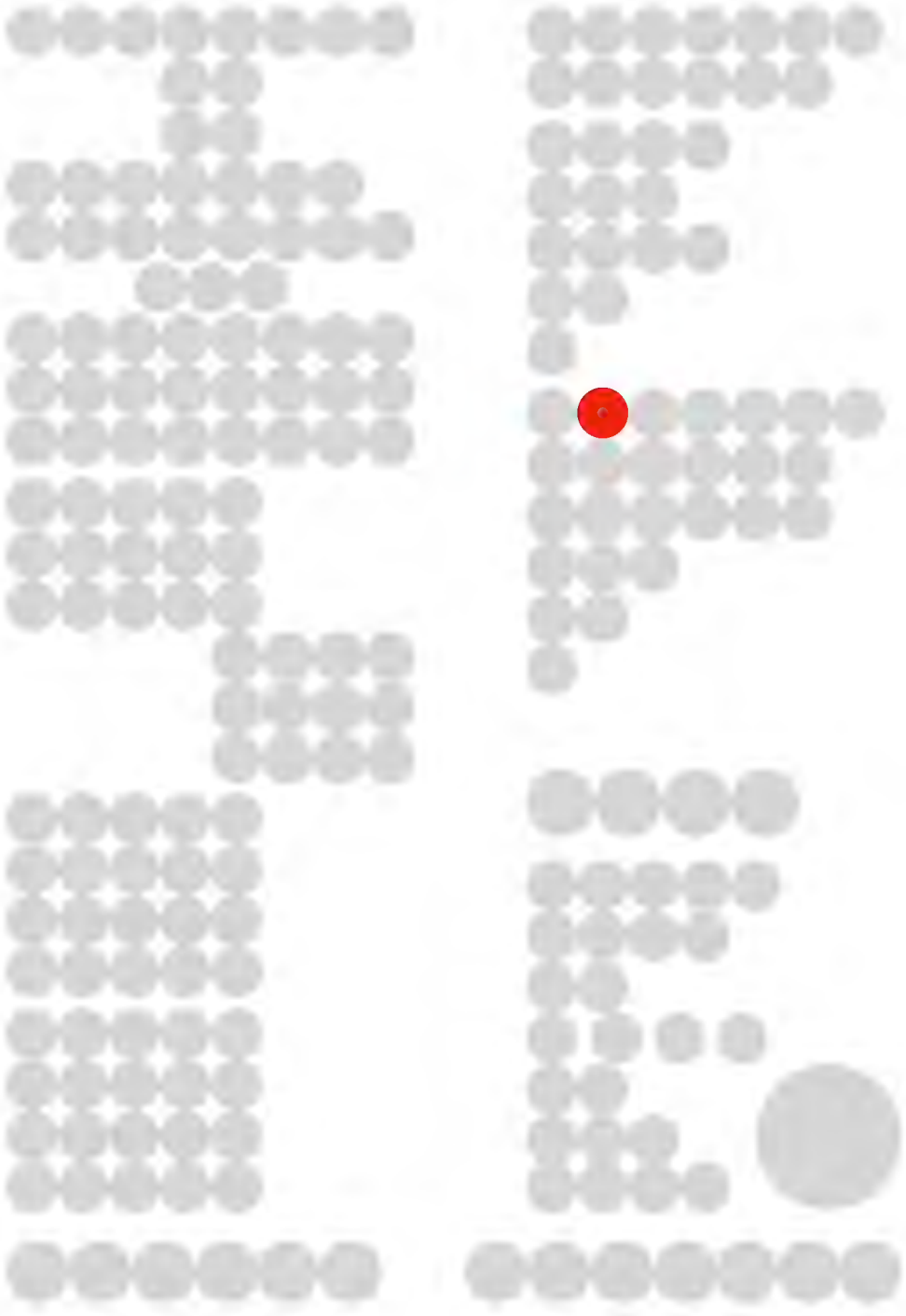

2. **Trạch pháp giác chi:** là trí tuệ quan sát phân biệt rõ pháp thiện, pháp bất thiện. Trí tuệ là nhân trợ giúp cho sự giải thoát (Niết Bàn). Trạch pháp giác chi là sở hữu trí tuệ.

TRẠCH PHÁP GIÁC

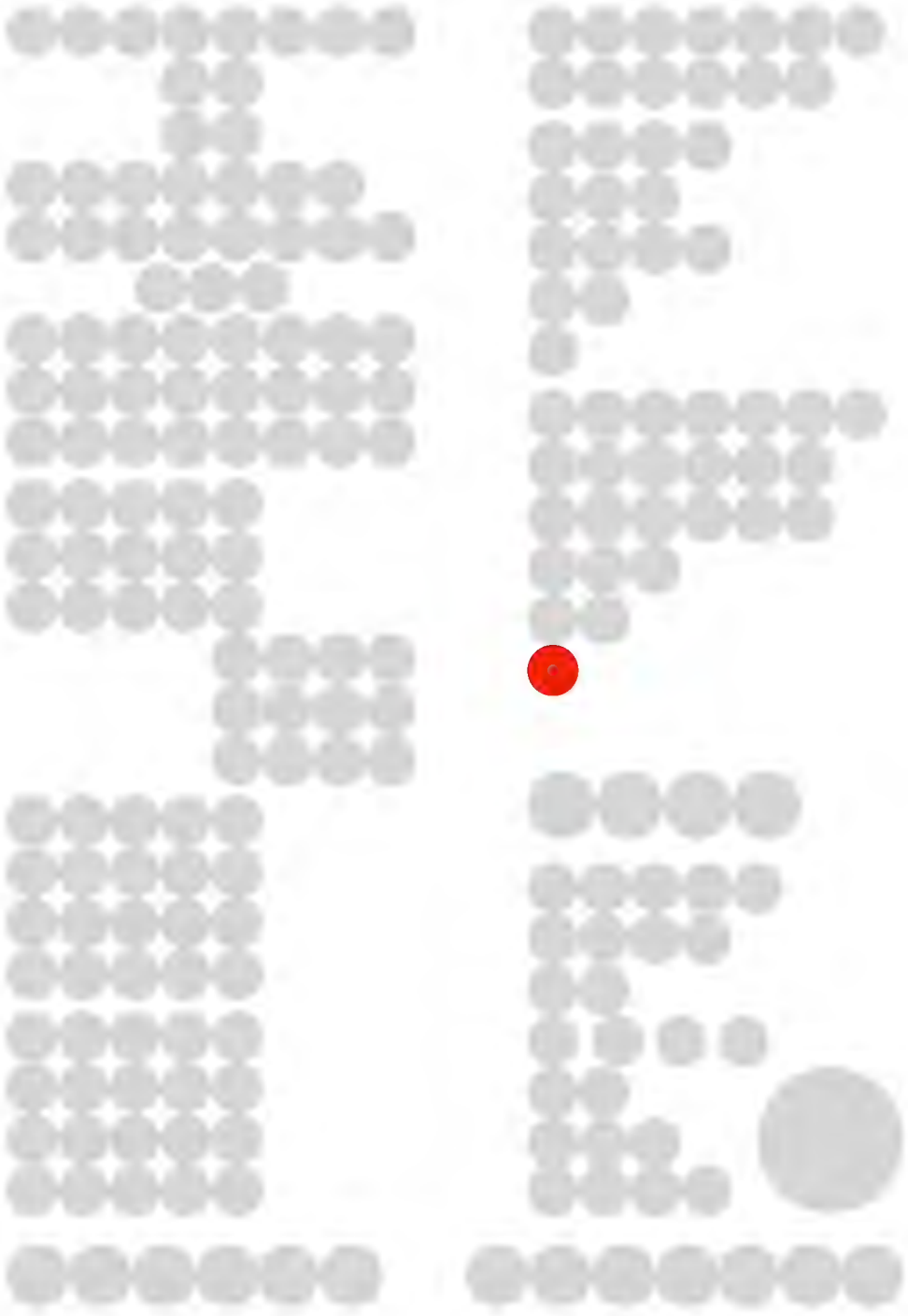

3. **Cần giác chi:** sự tin tất là chi pháp trợ giúp cho sự chứng ngộ Đạo Quả Niết Bàn.
Cần giác chi là sở hữu cần.

CẦN GIÁC CHI

4. **Hỷ giác chi:** là pháp hỷ giúp cho chứng ngộ đạo quả niết bàn. Hỷ giác chi là sở hữu hỷ.

HỶ GIÁC CHI

5. **Tịnh giác chi:** là trạng thái vắng lặng của tâm pháp giúp chứng ngộ đạo quả niết bàn.
Tịnh giác chi là sở hữu tịnh thân, tịnh tâm.

TỊNH GIÁC CHI

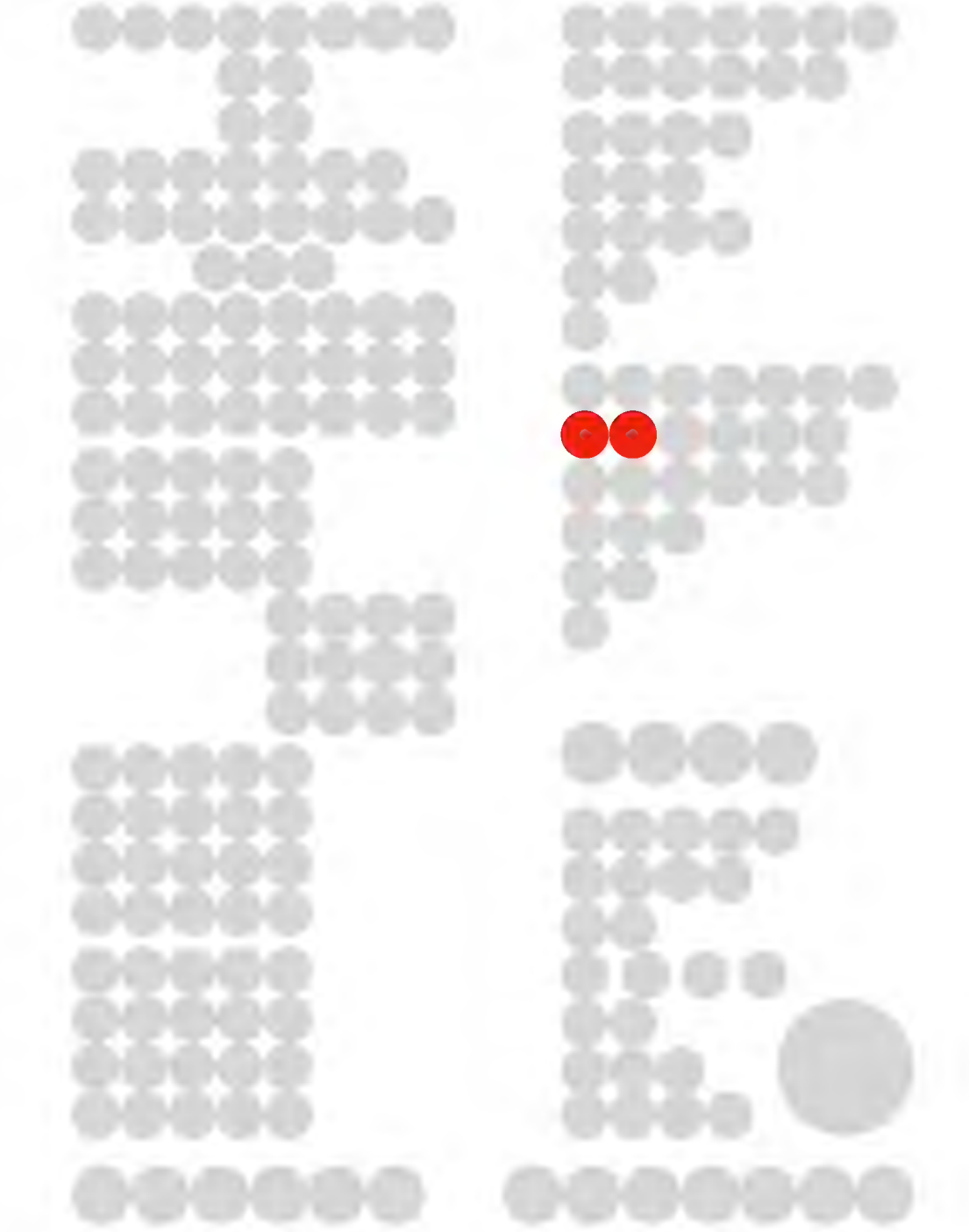

6. **Định giác chi:** là trạng thái tâm an trụ, là chi pháp trợ giúp cho sự chứng ngộ đạo quả niết bàn. Định giác chi là sở hữu nhất hành (sở hữu định).

ĐỊNH GIÁC CHI

7. **Xả giác chi:** là trạng thái tâm đưa đến sự quân bình không thiên lệch giúp cho giác ngộ đạo quả niết bàn. Xả giác chi là sở hữu hành xả.

XẢ GIÁC CHI

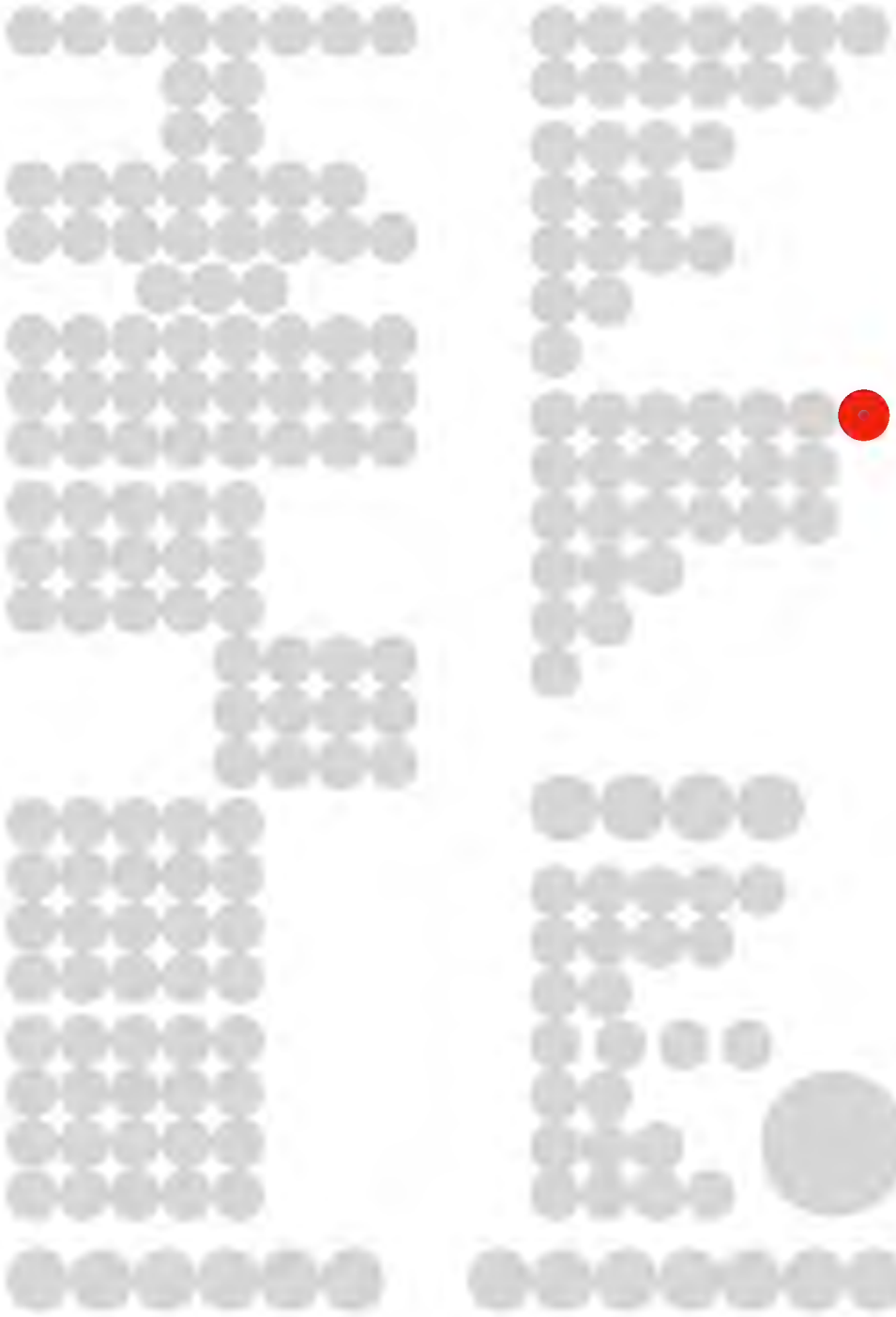

CHƯƠNG XLI
(BÀI 45)

BÁT CHÁNH ĐẠO

I. Định nghĩa:

Bát chánh đạo là con đường chơn chánh có tám nẻo song song (8 làn song song) giúp cho chúng sanh chứng ngộ đạo quả sát trừ phiền não giải thoát (niết bàn).

Bát chánh đạo là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Bát chánh đạo có 8 chi được chia thành 3 phần:

Phần 1: Giới phần là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.
Phần 2: Định phần là chánh tin tấn, chánh niệm, chánh định.
Phần 3: Tuệ phần là chánh kiến, chánh tư duy.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Chánh kiến:** thấy biết chơn chánh. Đó là thấy rõ tứ diệu đế, nhân quả nghiệp báo, luân hồi, tái sanh, thấy vô thường, khổ, vô ngã. Chánh kiến là sở hữu trí tuệ.

2. **Chánh tư duy:** suy nghĩ chơn chánh (suy nghĩ xa lìa tham dục, xa lìa sân hận, xa lìa sự hãm hại). Chánh tư duy là sở hữu tầm.

3. **Chánh ngữ:** lời nói chơn chánh (không nói dối, không nói lời đâm thọc, không nói lời hung dữ, không nói lời nhảm nhí vô ích). Chánh ngữ là sở hữu chánh ngữ.

4. **Chánh nghiệp:** nghề nghiệp chơn chánh (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm). Chánh nghiệp là sở hữu chánh nghiệp.

5. **Chánh mạng:** là là nuôi mạng chơn chánh (không buôn bán vũ khí, không buôn bán người, thú vật, không buôn bán thuốc độc, ma túy, không buôn bán chất say v.v.. Chánh mạng là sở hữu chánh mạng.

6. **Chánh tinh tấn:** sự siêng năng chơn chánh. Đó là tứ chánh cần (thận cần, trừ cần, tu cần, bảo cần). Chánh tin tấn là sở hữu cần.

7. **Chánh niệm:** là niệm chơn chánh, tức là niệm theo tứ niệm xứ (niệm thân, thọ, tâm, pháp). Chánh niệm là sở hữu niệm.

8. **Chánh định:** là định tâm chơn chánh. Chánh định là sở hữu nhất hành.

III.Kết luận:

Bát chánh đạo vô cùng quan trọng trong sự nghiệp tu hành giải thoát. Bát chánh đạo cũng gọi là đạo đế khi có mặt trong 4 tâm đạo (sơ đạo, nhị đạo, tam đạo).

==***==

Hết bài số 45
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19

Ngày 12/04/2020 (20/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XLII

SƠ ĐỒ BÁT CHÁNH ĐẠO

Phân tích chi pháp

1. **Chánh kiến:** là thấy biết chơn chánh. Đó là thấy rõ tứ diệu đế, nhân quả nghiệp báo, luân hồi, tái sanh, thấy vô thường, khổ, vô ngã.
Chánh kiến là sở hữu trí tuệ.

CHÁNH KIẾN

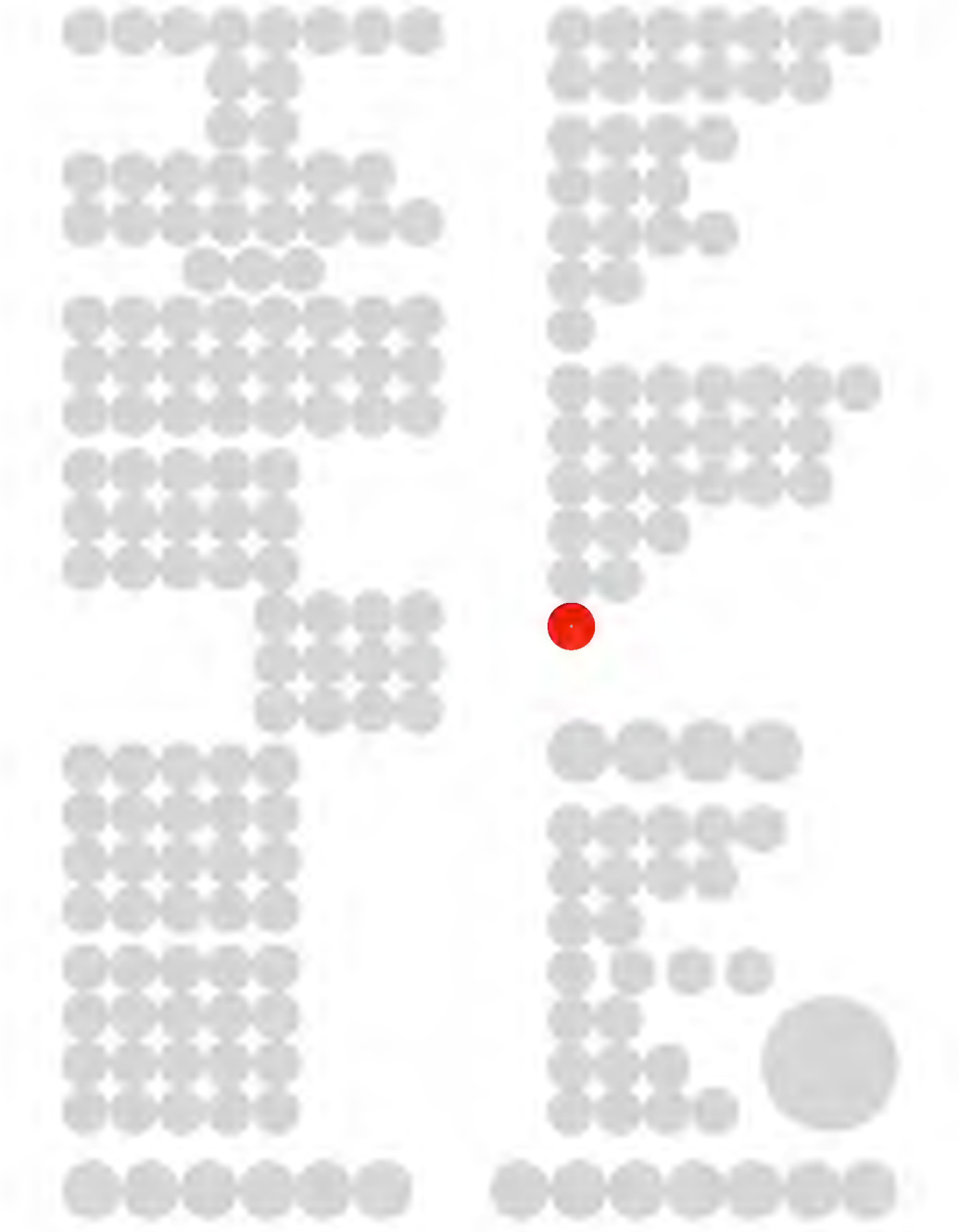

2. **Chánh tư duy:** là suy nghĩ chơn chánh (suy nghĩ xa lìa tham dục, xa lìa sân hận, xa lìa sự hãm hại). Chánh tư duy là sở hữu tầm.

CHÁNH TƯ DUY

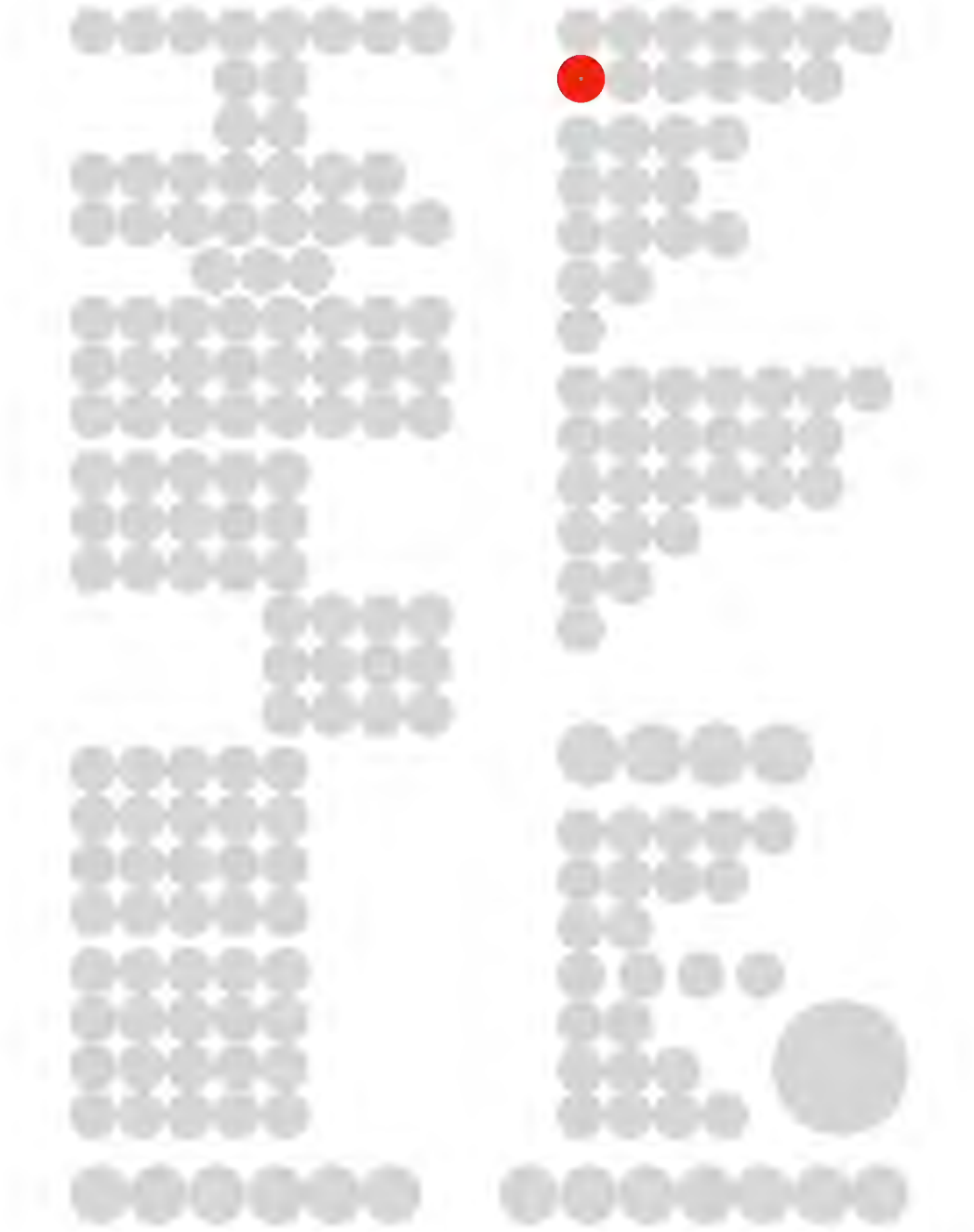

3. **Chánh ngữ:** là lời nói chơn chánh (không nói dối, không nói lời đâm thọc, không nói lời hung dữ, không nói lời nhảm nhí vô ích).
Chánh ngữ là sở hữu chánh ngữ.

CHÁNH NGỮ

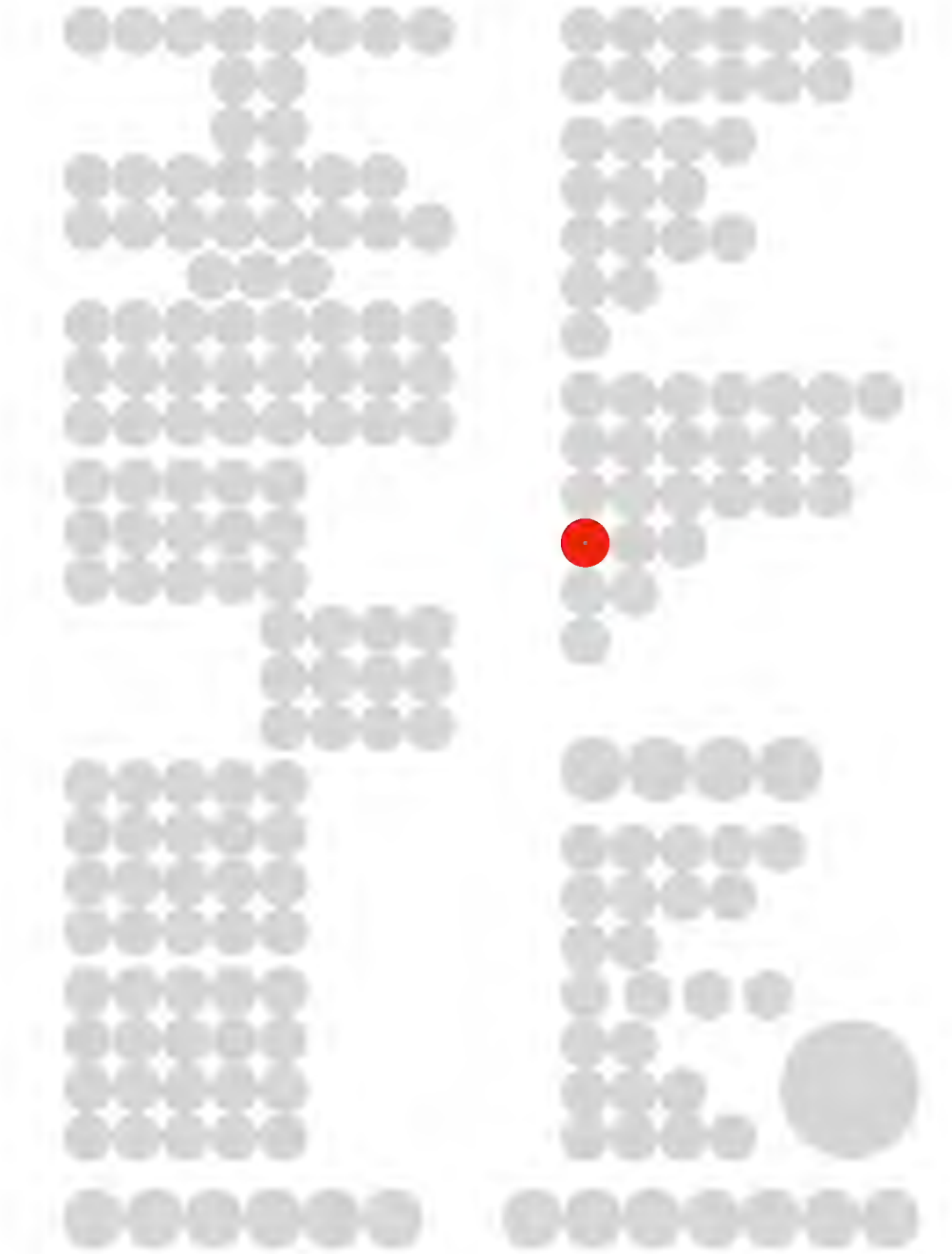

4. **Chánh nghiệp:** là nghề nghiệp chơn chánh (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm). Chánh nghiệp là sở hữu chánh nghiệp.

CHÁNH NGHIỆP

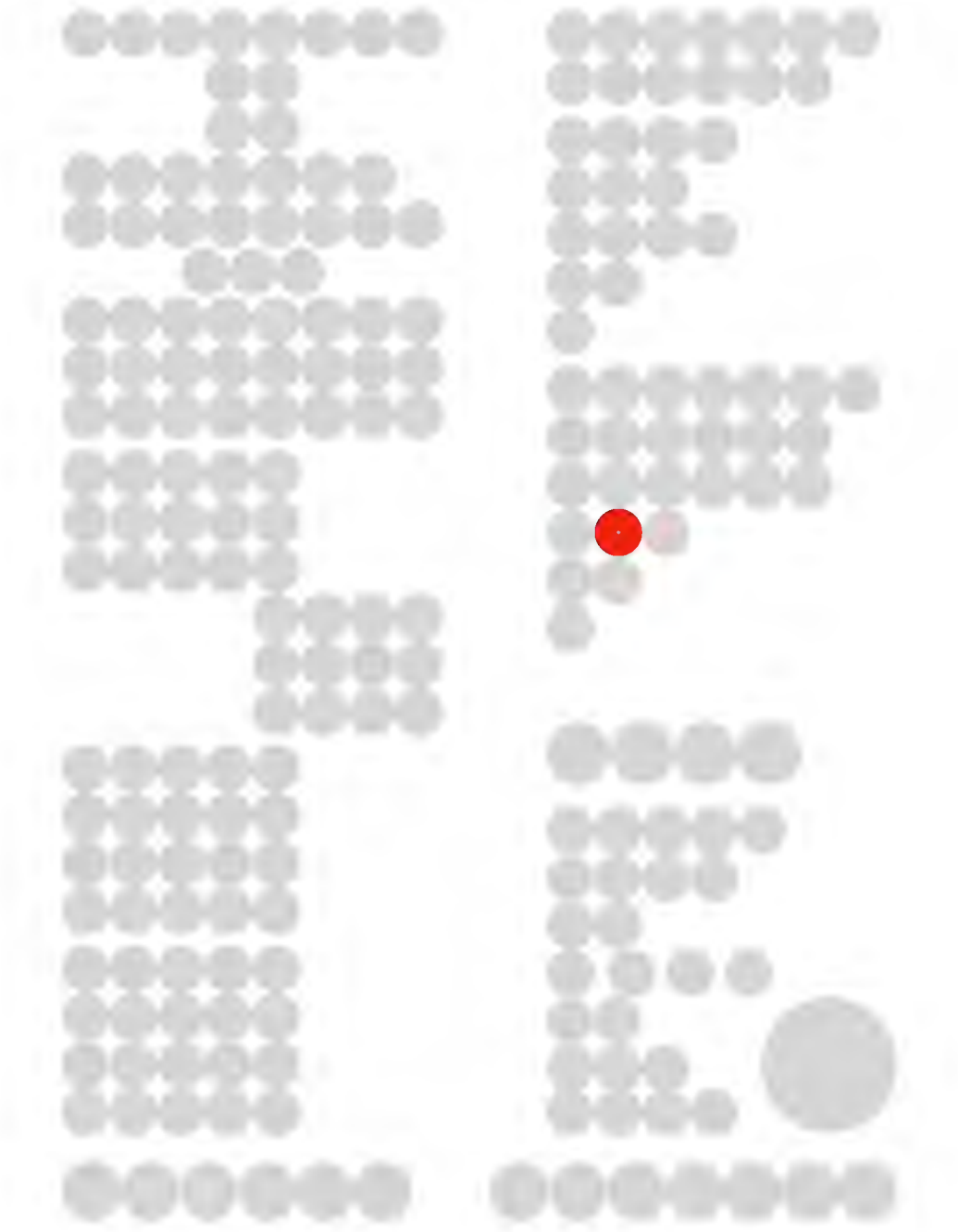

5. **Chánh mạng:** là là nuôi mạng chơn chánh (không buôn bán vũ khí, không buôn bán người, thú vật, không buôn bán thuốc độc, ma túy, không buôn bán chất say v.v.. Chánh mạng là sở hữu chánh mạng.

CHÁNH MẠNG

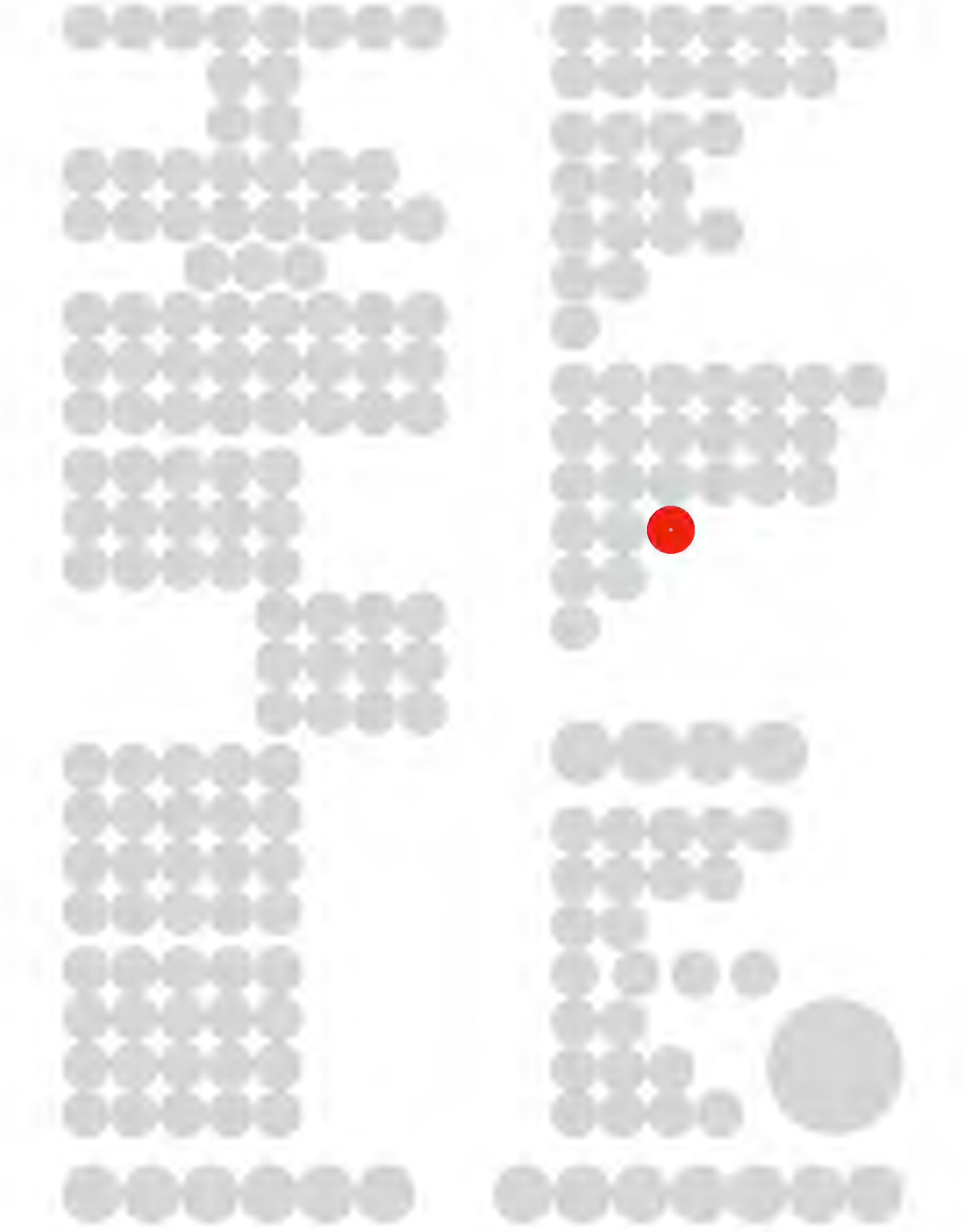

6. **Chánh tinh tấn:** là sự siêng năng chơn chánh. Đó là tứ chánh cần (thận cần, trừ cần, tu cần, bảo cần). Chánh tin tấn là sở hữu cần.

CHÁNH TINH TẤN

7. **Chánh niệm:** là niệm chơn chánh, tức là niệm theo tứ niệm xứ (niệm thân, thọ, tâm, pháp). Chánh niệm là sở hữu niệm.

CHÁNH NIỆM

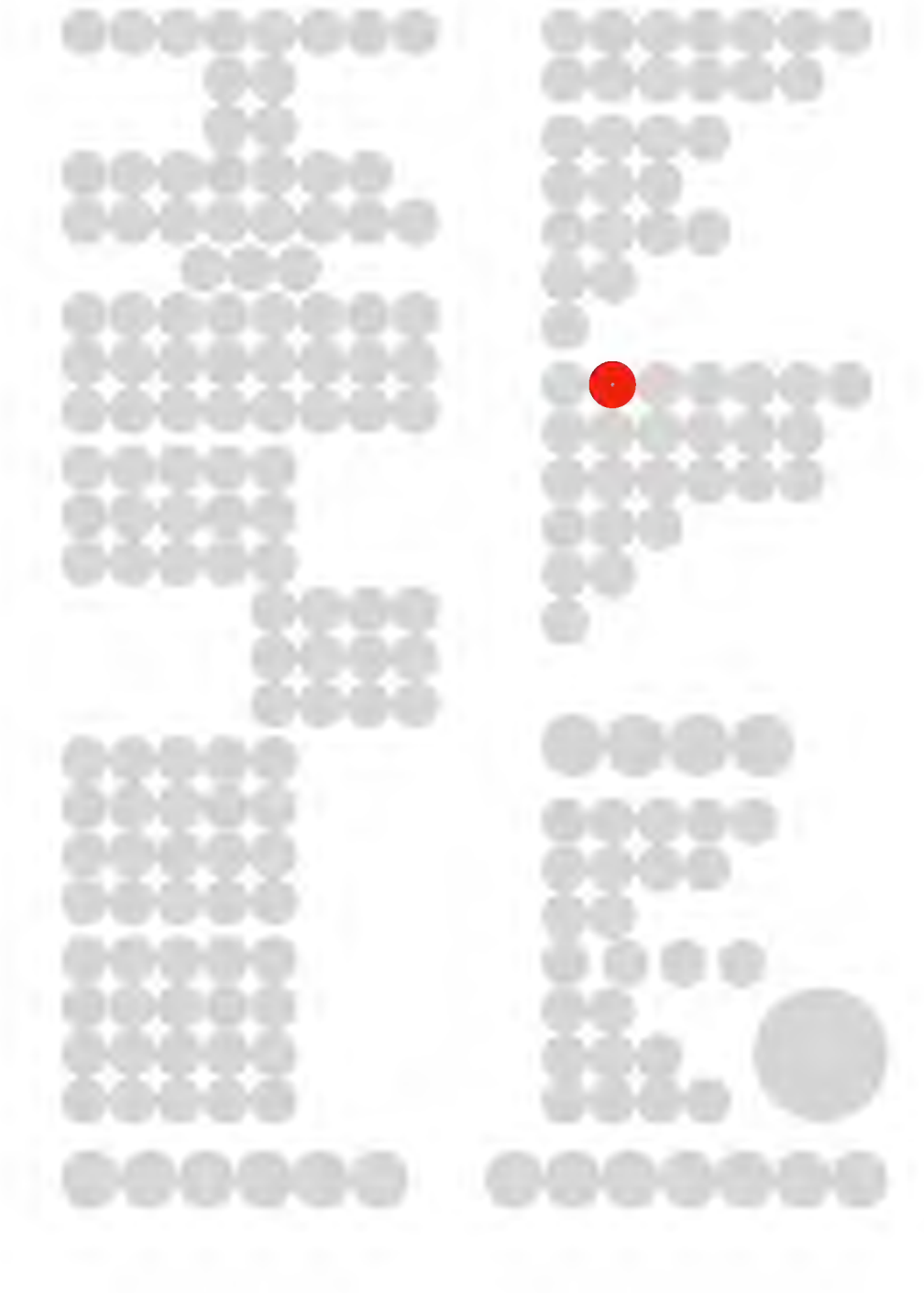

8 **Chánh định:** là định tâm chơn chánh. Chánh định là sở hữu nhất hành.

CHÁNH ĐỊNH

CHƯƠNG XLIII
(BÀI 46)

NIẾT BÀN

I. Định nghĩa:

Niết bàn là trạng thái an vui tuyệt đối, chấp dứt sanh tử luân hồi, đoạn diệt tham ái.

Niết bàn là từ phiên âm của tiếng Pāli: Nibbāna.

Ni: không

Bāna hay Vana: là rừng tham, là sự thiêu dệt ái dục.

Niết bàn là không còn tham, không còn thiêu dệt ái dục. Niết bàn là không còn sanh diệt, không phải là pháp hữu vi mà là pháp vô vi.

II. Phân tích chi pháp:

- Niết bàn có 2 loại:

  - Hữu dư niết bàn tức là vi Alahan đã sát trừ phiền não nhưng ngũ uẩn còn dư sót (vi Alahan còn sống).

- Vô dư niết bàn tức là trạng thái sau khi viên tịch của vị Alahan, nghĩa là phiền não và ngũ uẩn điều diệt tận.

- Niết bàn còn chia làm 3 thứ nữa:

  - Phiền não niết bàn (diệt tận phiền não)
  - Ngũ uẩn niết bàn (diệt tận 5 uẩn)
  - Xá lợi niết bàn (xá lợi không còn nữa)

III.Kết luận:

==***==

Hết bài số 46
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 12/04/2020 (20/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XLIV

SƠ ĐỒ NIẾT BÀN

NIẾT BÀN

MỤC LỤC

CHƯƠNG I **11**
(BÀI 25) **11**
TỨ LẬU
(TỨ TRẦM)
CHƯƠNG II **15**
SƠ ĐỒ TỨ LẬU
(TỨ TRẦM)
CHƯƠNG III **20**
(BÀI 26) **20**
TỨ BỘC
CHƯƠNG IV **23**
SƠ ĐỒ TỨ BỘC
CHƯƠNG V **28**
(BÀI 27) **28**
TỨ KẾT
(TỨ PHỐI)
CHƯƠNG VI **31**
SƠ ĐỒ TỨ KẾT
(TỨ PHỐI)
CHƯƠNG VII **36**
(BÀI 28) **36**
TỨ PHƯỢC
CHƯƠNG VIII **40**
SƠ ĐỒ TỨ PHƯỢC
CHƯƠNG IX **45**
(BÀI 29) **45**
TỨ THỦ

CHƯƠNG X **53**
SƠ ĐỒ TỨ THỦ
CHƯƠNG XI **58**
(BÀI 30) **58**
LỤC CÁI
CHƯƠNG XII **62**
SƠ ĐỒ LỤC CÁI
CHƯƠNG XIII **69**
(BÀI 31) **69**
THẤT TIỀM MIÊN
CHƯƠNG XIV **73**
SƠ ĐỒ THẤT TIỀM MIÊN
CHƯƠNG XV **81**
(BÀI 32) **81**
THẬP TRIỀN
CHƯƠNG XVI **85**
SƠ ĐỒ THẬP TRIỀN
CHƯƠNG XVII **96**
(BÀI 33) **96**
THẬP PHIỀN NÃO
CHƯƠNG XVIII **100**
SƠ ĐỒ THẬP PHIỀN NÃO
CHƯƠNG XIX **111**
(BÀI 34) **111**
16 CHI ĐẠO
CHƯƠNG XX **117**
SƠ ĐỒ 16 CHI ĐẠO
CHƯƠNG XXI **132**
(BÀI 35) **132**
9 LỰC
CHƯƠNG XXII **136**

SƠ ĐỒ 9 LỰC
CHƯƠNG XXIII **146**
(BÀI 36) **146**
TỨ TRƯỞNG
CHƯƠNG XXIV **149**
SƠ ĐỒ TỨ TRƯỞNG
CHƯƠNG XXV **155**
(BÀI 37) **155**
TỨ THỰC
CHƯƠNG XXVI **158**
SƠ ĐỒ TỨ THỰC
CHƯƠNG XXVII **163**
(BÀI 38) **163**
22 QUYỀN
CHƯƠNG XXVIII **169**
SƠ ĐỒ 22 QUYỀN
CHƯƠNG XXIX **192**
(BÀI 39) **192**
TỨ NIỆM XỨ
CHƯƠNG XXX **196**
SƠ ĐỒ TỨ NIỆM XỨ
CHƯƠNG XXXI **206**
(BÀI 40) **206**
TỨ CHÁNH CẦN
CHƯƠNG XXXII **209**
SƠ ĐỒ TỨ CHÁNH CẦN
CHƯƠNG XXXIII **214**
(BÀI 41) **214**
TỨ NHƯ Ý TÚC
CHƯƠNG XXXIV **217**
SƠ ĐỒ TỨ NHƯ Ý TÚC

CHƯƠNG XXXV **222**
(BÀI 42) **222**
NGŨ CĂN
(NGŨ QUYỀN)
CHƯƠNG XXXVI **226**
SƠ ĐỒ NGŨ CĂN
(NGŨ QUYỀN)
CHƯƠNG XXXVII **232**
(BÀI 43) **232**
NGŨ LỰC
CHƯƠNG XXXVIII **235**
SƠ ĐỒ NGŨ LỰC
CHƯƠNG XXXIX **241**
(BÀI 44) **241**
THẤT GIÁC CHI
CHƯƠNG XL (40) **249**
SƠ ĐỒ THẤT GIÁC CHI
CHƯƠNG XLI **257**
(BÀI 45) **257**
BÁT CHÁNH ĐẠO
CHƯƠNG XLII **262**
SƠ ĐỒ BÁT CHÁNH ĐẠO
CHƯƠNG XLIII **271**
(BÀI 46) **271**
NIẾT BÀN
CHƯƠNG XLIV **274**
SƠ ĐỒ NIẾT BÀN
MỤC LỤC **276**

HẾT TẬP IV